

TÔ HOÀI

(Tái bản lần 2)

NHỮNG NGÕ PHỐ



NXB HỘI NHÀ VĂN

NHỮNG NGŨ PHÔ

Tác Giả: Tô Hoài

Ebook: Cuibap

Text: Waka.vn



hững chiếc xe ba gác nối nhau chở lợn ở lò mổ Phà Đen đến các chợ. Người chạy rầm rập, vác cả từng con lợn trắng nhể nhại vào lẩn xuống quầy giữa chợ đương còn ồn ào.

Chỉ một lúc những tiếng động hối hả cuối cùng trong năm đã nhạt dần, rồi im. Các chợ Khâm Thiên, chợ Đuối, chợ Hôm, chợ Cửa Nam, cảnh chen lấn quanh quầy thịt lợn lúc này đã tan hết.

Năm mới từ từ đến trên những bước tiếng giày, tiếng guốc đi thong thả khác lúc này, người ta bắt đầu chơi đón giao thừa.

Đêm ba mươi năm ấy, vừa sôi nổi, vừa dùng dằng. Đôi khi chân chừ. Tùy ở mỗi người vội vã hay ung dung, ở người thành phố hay người đợi tàu dòng dài ngoài ga Hàng Cỏ về Tết xa.

Từ năm về Hà Nội, Tết nào Trữ cũng ở lại ăn Tết không về nhà. Trữ cũng không nghĩ mình chưa có vợ. Trữ chỉ nhớ, mình còn có một người chị ruột. Không biết lưu lạc đâu, còn sống không. Khi nhỏ, ở bộ đội, rồi ở cơ quan trên Việt Bắc về.

Trữ đã có một chương trình chơi giao thừa. Trữ nghĩ thế. Phong phú và linh hoạt đấy. Người ta ăn mặc tinh tế. Đóng cái áo đại cán cài khuy cổ, hay “bị” để ý. Chợ Giời ở bờ hồ Thiên Công, ra đây sắm Tết. Có hai vạn, vừa tậu được cái áo vét tím nhả nhận. Thêm ba nghìn tiền chữa, đã biến được cái áo vừa phom. Tiện quá.

Càng khuya, người các phố càng đổ ra, chen chân trong làn sương và khói hương chảy lùa dưới những hàng cây hai bên hè nhộn nhịp đêm tất niên.

Người đông nghịt đi vòng hồ. Năm gần đây, cả đêm bị thiết quân luật. Tối đến, vùng hồ Hoàn Kiếm chỉ trắng nhợt bóng điện bóng nước. Không có người.

Hà Nội giải phóng, đền Ngọc Sơn trở lại nền nếp người đi giao thừa lễ đền và quanh hồ, nô nức người đi chơi suốt đêm.

Chân cầu Thê Húc, đồng đá Tháp Bút, sang đền Bà Kiệu, lồi lõm những cây gạo, cây si, cây đa, dây đèn le lói như đom đóm bám bờ ao đêm hè. Những ông thầy xem thẻ, đoán số, xem bói, không biết từ xó nào mò ra, xúm xít, nhấp nhem trong hốc tối. Tiếng xuyết xoa khăn khứa, tiếng đồng tiền gieo quẻ rè rè... Bao nhiêu ông thầy còn tiếc rẻ cổ ăn may lộc thánh được lúc nào hay lúc ấy dường như trôi cả về chỗ này. Người ta có cảm tưởng đâu đâu ở chợ Sắt dưới Hải Phòng, ở cây đa Cửa Quyền, ở đền Hàng Trống, ở đền Quan Thánh, các góc đa, góc đề, góc si, góc đại um tùm không còn ai ngồi đến cửa thầy, các thầy lần mò đến đây.

Người xúm quanh một ông thầy số ngồi trên thềm trước mặt. Thầy khoác tấm áo bông dài kín đến chân. Lù lù như cóc ngồi.

– Cụ cho quẻ tất niên nào.

Tiếng đàn bà, giọng đùa, như cắt nghĩa thêm câu vừa nói:

– Xóc thẻ giao thừa mãi cũng chán, năm nay bói tất niên một cái lấy may.

Ông thầy đáp lại một câu chào hàng giới ới, như với mọi người:

– Đầu năm hay cuối năm cũng thế thôi, chứ vị ạ.

Rồi hỏi, rồi nói dồn dập:

– Cô bao nhiêu tuổi? Quê ở đâu ta? Năm sinh tháng đẻ thế nào? Kể kỹ thánh mới

ứng... Cái việc đường âm cũng không lơ mờ được đâu... Uế tạp này, tâm không thành này, quẻ bất linh.

Tiếng cười lại rinh rích:

- Cháu mà khai hết ra thế thì cụ còn phải bói gì nữa!
- Chẳng chẳng cái con khỉ!
- Ấy năm mới sắp đến mà cụ lại văng ra thế.

Ông thầy bói chữa ngược:

- Tôi không dám nhận tiền đặt quẻ của cô. Lạy thánh, phải có tên tuổi cẩn thận...
- Cháu hai mươi ạ.
- Giáp tỉnh, Ất phủ, Bính huyện, Đinh xã, Thìn thôn thế nào?
- Ai nhớ hết được!
- Tín chủ tên gì?
- My Lan.

- Thị kẻo, thị cột nói cho rõ, chứ tên tân thời thì không được.
- Tên cháu thế mà.

Ông thầy vừa sợ gặp phải khách quấy, lại vừa muốn câu vào:

- Cầu tài, cầu lộc, hay cầu duyên?
- Cháu cầu tất cả.
- Cô đặt quẻ.
- Ba trăm này, cụ!

- Cầu cả ba thì phải năm trăm. Nhưng thôi, xem cho cô cũng là quẻ lấy may. Sắp giao thừa rồi, mà từ chập tối tới giờ...

Ông thầy nhét mấy tờ bạc vào trong ngực áo. Rồi một tay vuốt cái đĩa đồng tiền, một tay moi điều thuốc cháy dở lúc nãy, sờ đóm, châm, rít một hơi.

Đóm thuốc bùng đỏ trên mặt ông thầy.

Mấy chú bé từ đám đông phía ngoài loạng quạng đến.

- Cháu châm nhờ điều thuốc...

Vừa hỏi, thằng bé vừa châm quả pháo vào đóm lửa điều thuốc ở miệng ông thầy. Mấy người đứng đấy, thấy ngòi pháo cháy xòe xòe, bối rối, lùi giạt ra, chưa kịp kêu.

Nhưng ông thầy đã tóm được quả pháo trên mặt, quăng ra, quát: “Tiên sư cha...” Bọn trẻ con kêu ầm trong tiếng pháo nổ.

- Thầy bói giả mù, anh em ơi!

Trong khói khét lẹt thuốc pháo, những tiếng cười ré lên. Lũ lau nhau ở đâu bầu đến thêm, sấn vào.

Trở xô ra, dang tay:

- Thôi thôi, không nghịch thế.

Đám trẻ lùi lại.

Cái cô xem bói tên là My Lan quát to:

- Thằng Lâm đấy à!

Bọn trẻ lẫn vào đám người ồn ào qua.

Ông thầy vẫn sờ quanh, một tay giữ lên ngực áo bông, trong có túi tiền. Ông chửi toáng, quên cả đoán số. Cô My Lan kia cũng chẳng thiết bói toán gì nữa. My Lan bước ra đường.

Những chiếc xích lô tắt tưởi tải đến vỉa hè hàng ôm cành cúc tần, cành nhãn, cành

đuổi, đủ thứ cành lá bờ rào mà anh xe đã bẻ vội ở các bụi ven sông Tô Lịch phía cổng Đố. Để bán cho khách hái lộc.

Trử hỏi tự nhiên như đã quen biết:

– Cô không vào đền à?

Người con gái cũng nhận ra anh chàng ấy vừa căn lữ trẻ con nghịch phá. Cô buột lại nút khăn, theo thói quen, rồi mỉm cười, đáp:

– Thưa, không ạ.

Rồi, cũng tự nhiên, cô nhìn lại Trử và hỏi:

– Ông không xuống Hải Phòng à?

Trử cảm thấy cái áo mua ở chợ giời của mình đã hiệu nghiệm. Cô này tưởng mình là người dùng dảng di cư rồi sót lại. Trử toan nói: “Ở đâu chẳng thế”, nhưng Trử ngượng lười.

Trử chỉ hỏi lại:

– Sao cô không đi?

– Chúng nó bảo trong ấy lạ nước lạ cái, khôn khó đấy.

Người con gái đi vào bóng tối thấp thoáng.

Thật thì My Lan đã xuống Phòng rồi.

My Lan là một cô gái nháy. Người như cô mà trở lại Hà Nội cũng lạ. Nhưng việc đời thật lắm nỗi. Thời buổi làm ăn càng đen đủi, giao kèo với các chủ khó được đăng lại. Mấy năm không thể chen chân ở thành phố chỉ toàn đi “biên thù”, khi lên Thất Khê, khi ra Tiên Yên.

Con người càng trải những cảnh ngộ éo le nhiều khi ý nghĩ mỗi lúc một khác nhau. Năm trước đi “biên thù”, thấy những trại quân, những đồn ải ở Thất Khê, Đông Khê, ở Tiên Yên, Hà Cối, tưởng Việt Minh ẩn nấp trong rừng không thể làm gì nổi. Thế mà, dùng một cái, Tây chạy như vịt. Từ đấy, My Lan nghĩ khác, My Lan thấy dù cho thằng Tây và cái súng ghê gớm mấy, nhưng nó đi đồng đất nước người, ru rú trên mỏm núi hay trong đồng gạch, còn bên Việt Minh thì người ta ở đâu cũng được. Thằng Tây như cơn mưa, không bao giờ mưa mãi.

My Lan đã xuống Hải Phòng nghe ngóng. Khối đưa rủ My Lan. Thế nào đây? “Kháng chiến” không có “đăng xinh”! Nhưng nay Lan không đi. My Lan không trở lại những ngày ê chề nữa.

Bãi rác ngập ngựa lầy lội. Những người khôn khổ ở đấy. My Lan ở đấy. Thế là My Lan cứ ở đấy.

Một hồi còi dài nổi trên nóc Nhà hát thành phố, báo giao thừa đến. Những tràng pháo đón xuân rào rào khắp các nhà. Chuông chùa, chuông nhà thờ chen nhau dóng như từ thình không dồn dập.

Tiếng Bác Hồ trầm ấm lạ lùng.

My Lan ngược mặt, lẩm bẩm:

– Lạ cụ, giao thừa rồi.

Bỗng nhiên, nhãng hẳn những băng khuâng ngổn ngang lúc này.

Rồi lại chen đi trong đám đông đang tràn ra đường. Có lúc My Lan nhìn lại. Nhưng anh chàng khi này đã lạc đi lối nào mất. My Lan để mắt tìm lần nữa. Không thấy.



My Lan về đến ngõ - đường đã lác đác vắng trong ánh sáng ướt sương. Còn quay lại nhìn, nhìn vu vơ, rồi mới bước vào cái hẻm không có đèn đường, tối mờ. Tiếng gió vù vù trượt qua những cành vông trơ trụi.

Cái gì băng khuâng, hồi hộp, lo lo. Năm mới, số phận con người rồi sao đây. Xem bói, chứ mình bói lấy cũng biết được đời mình chỉ có buồn. Từ khi còn thơ dại, đã chồng chất biết bao nhiêu khổ ải.

Ô lạ, trong ngõ, ánh điện kẻ sáng dọc những khe cửa, khe giấy dầu che mái. Mới nhớ, cuối năm, nhà đèn về mắc điện vào từng lều. Sáng trưng tắt! Cái ngõ này chưa bao giờ biết có điện. Mắt chịu quen tối đến nỗi, My Lan tưởng đi lạc vào chỗ lạ.

Mùi hương vòng nhà ai thơm thoảng ra trên rãnh nước có con chuột cống lép nhép đi qua, lẫn mùi hôi nước cống bốc lên từ lòng rãnh và ở những gò rác quanh đấy. Có hôm cả gió, đến các nhà cuối hồ Ba Mẫu ở Đồng Lâm bên kia cũng phải cấm nén hương lên cho át mùi hôi, đến bữa mới nuốt trôi được miếng cơm.

My Lan bước tới. Trong nhà, Thư vẫn còn thức. Có lẽ đã gà gáy. Trước cái chõng nan, trên mặt chiếc va li gỗ vàng rộm, đôi bánh chưng, đĩa hoa cúng, cốc nước, cuốn khói một nén hương gài khe cặp bánh.

Thư quay ra, hỏi:

- Cô có gặp cháu Lâm không, cô?

My Lan không muốn kể lúc nãy gặp nó ném pháo. My Lan chỉ nói:

- Thấy nó đi chơi trên Bờ Hồ.

Tròng nước mắt ánh dưới bóng mắt Thư. My Lan nghĩ hối hận vừa rồi đã không tìm rủ Lâm về.

My Lan cười cười, ngồi xổm xuống trước chõng:

- Tết nhất phải vui lên, chị ạ.

Thư cười gượng:

- Tôi lo cho cháu.

My Lan ngồi ngả đầu vào Thu, như con mèo dũi người. My Lan đương muốn vui. Rồi My Lan đến giường, cầm ra chỗ Thư hộp lược, trong có lọ kem. Lại đưa đến chiếc khăn nhung và cái áo dài nhiều màu gụ.

- Đánh phấn đi... Mặc đẹp chứ...

Thư cúi mặt. My Lan hỏi trêu:

- Chị sẽ chúc em năm mới được những gì nào?

Thư bật cười:

- Chúc cô năm mới vạn sự như ý.

My Lan lặng im, lơ đãng nhìn ra ngoài bóng tối.

Chợt nhớ lại cái người lúc nãy ở cửa đền Ngọc Sơn, nói mấy câu chững chảng. Tuy nhiên, rồi My Lan kể lại cho Thư nghe cuộc gặp gỡ như một câu chuyện đậm đà khác hẳn. Câu chuyện tưởng tượng đã làm vui năm mới, trước nhất cho người kể.

My Lan nói, như vợ lấy phần mình:

- Thế là đi xuất hành em gặp may.

Ngoài rãnh nước, để kêu râm ran. Nhà ai cúng sớm, có tiếng chặt thịt gà côm cốp.

Đằng xa, tiếng mõ tụng kinh phảng phất lại. Trên phố trên vẫn giội xuống tiếng pháo, có lúc sầm sập như mưa rào ở xa.

Có lẽ câu chuyện gặp gỡ vợ vắn của My Lan cũng làm Thư lây vui.

Thư nói:

– Xem ra thì cô mê người ta rồi.

My Lan nũng nịu:

– Chim trời cá nước thôi.

Thư nói:

– Cái giống đã phải hơi nhau thì đi đến đâu rồi cũng lại quàng vào nhau. Cô cứ nghiệm mà xem.

Nói thế xong Thư lại im, mặt buồn hẫ. Lát sau, Thư nói khẽ:

– Có điều tôi bảo cô.

My Lan ngồi xuống bên Thư, nghiêng mặt lên, vẻ tinh nghịch:

– Bảo gì nào?

Thư nghiêm nghị:

– Cô còn muốn cho mẹ con tôi ở thì đừng đưa ai về đây nhé. Tôi sợ lắm.

My Lan trề môi:

– Tưởng gì, hóa ra cấm cửa!

Thư thở dài:

– Cô biết đấy. Mẹ con tôi có sống được không, hay là...

– Rõ lo con bò trắng răng.

Thư thiết tha:

– Là tôi dặn cô. Cô muốn đuổi mẹ con tôi thì cô cứ...

My Lan cười:

– Làm như nhà này là cái chuồng gà không bằng. Có mua gà thì mới đem về dễ thế được. Vâng, vâng, em nghe lời chị.

Rồi My Lan cười rúc rích vào bóng đêm, đầm ấm gian nhà nhỏ, kéo dài qua câu chuyện chẳng đáng cười.

Tiếng loa văng vẳng:

– A lo... A lo... mời bà con ra trụ sở vui xuân mừng năm mới... A lo... A lo...

Đã tang tảng sáng, mỗi lúc một nhìn rõ những chiếc cờ bé xinh cắm trên nóc các mái nhà thấp nghiêng, lất phất bay. Rồi tiếng guốc mới khua lóc cóc - guốc trẻ con đi qua ngõ. Mừng một Tết, trẻ con hay dậy sớm xem năm mới có gì lạ không.

*

* *

Vào đầu thế kỷ này, từ phía nam thành phố đi lên, mới thấy ở dốc cây Thị, chỗ ngã năm đường Bà Triệu bây giờ lèo tèo vài mái cỏ quán nước của người nhờ độ đường. Phải qua đường thập đạo, đi hết con đường đất từ dốc Hàng Gà, ra hồ Thiền Công, về đến các làng Thế Giao, làng Vân Hồ, mới lại gặp xóm lờ thơ nhà.

Ít năm sau, tòa đốc lý có lệnh bắt lấp hồ ao. Ngày ngày, những cái xe bò người kéo chở rác lữ lượt đến chống đuôi lên, trút các thứ rác rưởi thành phố xuống hồ. Dần dần, rác ngấu thành đất, cây cỏ mọc trước rồi người đến phát quang, làm lều làm nhà. Ở đất phường phố, bất cứ chỗ nào moi ra được miếng ăn chỗ ấy có người đến - trên mặt nước hay ở bãi rác, bãi tha ma cũng thế.

Không ai nhớ từ năm nào, phố xá đã mở ra tận ngã tư Vọng, thế mà lại bỏ sót ở đằng sau một khoanh bãi rác này.

Cho đến năm một nghìn chín trăm năm mươi năm, ai đi phía những dãy nhà “viện trợ Mỹ” ở Vân Hồ ra, hay từ đằng Kim Liên lên, bên hồ Thiền Công sang, lối nào qua đây cũng chỉ được vài bước chân đã đâm vào ngổn ngang những gò rác. Nhưng nhìn kỹ, thấy trong những đồng rác nhô ra những mái nhà ở trên một lối đi quanh co. Cái ngõ thật quái lạ.

Hà Nội trong thời kỳ vừa rồi, đâu đâu cũng bày ra quan cảnh trái ngược như thế, nhưng không chỗ nào nhiều bề bộn thương tâm như ở cái ngõ bãi rác khốn cùng này.

Từ bao giờ, thành phố thời trước hầu như đã có sự sắp xếp quen thuộc. Cái gì tình tươm thì ở ngoài phố chính. Các thứ nhà cửa rách rưới, lúc nhúc thì chui vào trong ngõ hẻm ngõ cụt. Nhưng, người ở Hà Nội lâu nói: chưa bao giờ có cái đồng người ở ngựa trong rác đến như thế, chỉ từ những năm Tây trở lại, cả đến Tây cũng không chắc đã ăn đời ở kiếp trên đất này, mọi việc lúc nào cũng quáng quàng, thấp thỏm, mới sinh ra những nơi những cách sống tạm bợ như thế.

Ở Hà Nội có thể trông kiểu nhà, đoán được tuổi nhà. Nhưng những hang ổ các ngõ bãi rác này không ai rõ đã mọc từ bao giờ. Chỉ biết rác đổ đến đâu, có chân người đi gì phẳng xuống, thì mái nhà nhô lên. Còn người đến ở, mỗi năm mỗi mùa mỗi lúc mỗi tình thế, con người như rác cũng trôi dạt theo.

Thôi thì đủ thứ người. Có lúc từng bọn vợ con lính trú tạm đợi đổi đi đồn lẻ. Những cô nhân tình nhân bánh người ta đem giấm giúi đến. Những tay tề ngục ở khu trắng, sợ Tây càn, sợ cả du kích, chẳng ai mách ai mà khéo nghĩ ra, chạy chụm lên nương nấu trong bãi rác. Lâu lâu, tòa thị chính lại đến đếm người, lập sổ căn cước. Lần nào cũng không làm xong. Người ở đâu cứ đùn đến lại bỏ dỡ. Những tay đập xích lô, ba gác, gái giang hồ, người nghiện, du côn, thất nghiệp... Có khi mật thám vào trói giật cánh khuỷu, đẩy hàng xóc đi một lúc. Chẳng biết bị bắt về tội gì. Lại càng bối rối. Cái ngõ cứ bộn rộn, mỗi hôm, nước rác thành phố lại tuôn đến, chất núi, cao hơn, tưởng như sắp ập xuống, vui cả người cả nhà vào trong. Thế nhưng, chỉ ít ngày, rác lại xẹp dần, đến lúc phẳng thì người ở lẩn lên trên và thành lối đi qua.

Cái ngõ rác nhấp nhô dài thêm, ngang dọc rỗng rần. Không biển phố, không số nhà. Chưa khi nào thành một vệt kẻ trên bản đồ thành phố.

Trong ngõ ấy cũng đã có thời kỳ cơ sở cách mạng đặt được mỗi đường dây bí mật của quận nội. Tuy không chắc chắn, nhưng ở đây tấp, mật thám khó lần được đích xác. Bây giờ người ta vẫn kể lại chuyện đã có cán bộ đến trú trong bãi rác, đợi liên lạc ra vùng tự do. Có lần bà con đã quyên thuốc Tây ra “hậu phương”. Nhưng bây giờ không biết đích ai, nhà nào. Người ở đây mỗi lúc mỗi khác, nhà ở hay nhà đi cũng chỉ phải nhỏ, phải đóng vài cái cọc rồi mở ra, cuốn vào mảnh ni lông, giấy dầu, mảnh bạt, đã xong.

Cũng như, có những đám trẻ con ở đây, không biết con cái nhà ai. Đứa bán ngô rang, bánh khúc. Đứa đi kéo tôm. Đứa cắt cỏ. Như những con chim sẻ ngủ trong ống kèo, ngày ngày bay ra. Những bụi đời, bay đi đâu thì bay.

Từ mấy lâu nay, các ngõ ở bãi rác đổi một vẻ khác - và lại thay nhiều người mới.

Những người trong làng năm trước tránh ra ở tạm, bây giờ về quê hẳn. Vợ lính, gái giang hồ, du côn, cò mồi gá bạc, tan tác đi nơi nào không biết. Chánh lý, tề ngục vùng đai chạy vào, cũng lủi đầu hết.

Và thêm những nghề mới. Có người cứ đi đâu lại thu thu về từng cuộn dây thép cũ xám xịt. Người ta đi mua lại hay ra đầu ô chui vào cỏ mọc lút mắt gỡ dây thép các lô cốt, các boong ke. Chỗ thì chặt ra, tán đầu, làm các thứ đinh. Cuộn thì kéo dài nữa, làm dây thép nhỏ hơn. Đinh dây thép gai, chỉ một nhát búa đã oặt.

Đêm đến, tiếng gió rào rào quanh mái lều. Những tiếng rao hàng quen thuộc vọng vào. Khắc khoải từ chập tối đến khuya, chốc lại nghe, chốc lại nghe: khúc nóng đây... khúc nóng... Làm gì ra lá khúc quanh năm. Bánh khúc làm rặt rau muống, rau diếp trộn gạo rón. Người từ ô Cầu Rền vào, người ngụ quanh hồ và trong bãi rác, cứ đội thúng bánh khúc đi như đội cái đội đèn. Có tiếng rè rè: Chế mà phù... cái xe vuông vuông trong có nồi chè vừng đen. Chẳng biết vừng hay bột pha gì đen nhánh như bánh gai vừa. Cái xe đẩy lọc cọc chẳng ma nào gọi, vào đến chỗ khắp khểnh quá, lại quay ra. Rồi tiếng rao: tấm quất tấm quất... cùng với tiếng cái đầu gậy rơi xuống mặt đường, con đường hun hút trong ánh điện nhấp nhোáng. Lão tấm quất ấy sờ soạn đi mãi đâu, ai tấm quất?

Con người cứ như con chim ăn đêm ăn ngày, đậu cây này đậu cây khác, thoát đây lại đi, không ai biết, cũng không ai hơi sức đâu mà để ý được. Những người vì tình thế mà đến đây, chẳng ai đứng lâu. Chỉ những người tay trắng khó bay nhảy đành chịu đọng lại. Chuyện xuống Phòng, vào Nam sông các phố ngoài, đến đây lạnh ngắt.

Tổ trưởng dân phố là Bốn xé lô. Anh được cái trường giọng gọi loa. A lo... A lo... bên kia hồ còn nghe. Những tối tổ trưởng đọc báo hay bản tin mà chỗ loa ghéch lên, đến các nhà tận bên xe Kim Liên cũng rõ mồn một.

Ông Ba Gác - có cái xe ba gác chở thuê, làm tổ phó.

Nhà bác cả Chù đến đây mới được ít lâu. Bác ở Phát Diệm lên, định đi Nam. Nhưng bố con dắt díu nhau xuống đến Hải Phòng, thấy cảnh xô đẩy vào tàu há mồm, ông cố cầm ba toong vụt vào đầu những người chen nhau, bác chán ngán quay về.

Nhưng không dám về Phát Diệm. Thế nào mà lẩn lóc đến ngõ bãi rác. Bố con nặn các con giống đem bán lấy cái độ nhật, sống bằng hòn đất vậy. Ngày ở dưới quê, những lúc rỗi việc đồng, vẫn đắp tượng thánh đem bán buôn cho các hàng xén ở phố Trì Chính. Bây giờ cả Chù nặn mâm ngũ quả. Hai cô con gái chưa khéo tay thì làm con tu huyết còi, con lợn bỏ ống, con rùa.

Mới ở đâu dồn về bao nhiêu người, khó mà thuộc mặt. Bởi ai cũng biến biệt suốt ngày, tối mới tha thui về. Người ta đi vợ vào làm ăn kiếm miếng. Bới rác. Bẫy chim sẻ. Những hôm động trời, đi kéo tôm hồ Ba Mẫu, hồ Bảy Mẫu quanh đây. Đầm hồ từ phía nam lên, kể từ Đuôi Cá xuống Sét, xuống Linh Đường, bao nhiêu năm nay đã nuôi được người kẻ chợ bằng của trời nước. Đánh dấm, mò ốc nhồi, ốc bươu, ốc mút, câu ếch, đặt hom lươn. Quanh năm thế. Lại có ông áo dài trắng, đeo kính đen, chống gậy đi xem bói. Có bác quẩy hòn đá mài dao, đeo thêm cái thuôn sắt móc cống.

Cái bà bán thuốc - bà lang thuốc ê, trẻ con đặt tên thế. Bà lang đội một thúng các thứ lá khô và rễ cây. Tay còn xách chai mật ong vàng nhợt. Miếng cao hổ, cao gấu, cao khỉ đen nhánh bọc giấy bản, ai hỏi mới lấy ra. Cái bầu bao to, chẳng biết bùi tiền hay bùi thuốc quí, lúc nào cũng kè kè. Bà lang ngồi ở cửa chợ Đức Viên.

Kể đến những người ở đây phải nói đến anh làm nghề đóng đinh tranh quảng cáo cửa rạp chiếu bóng. Anh này gói cái búa cái kìm cầm tay, đi về lúc nào, tận khuya.

*

* *

A lo... A lo... Mời bà con...

Từ phía cổng Vọng, đoàn tàu hỏa rít từng hồi còi lạnh lạnh giữa tiếng chuyển bánh rầm rập như báo tin một ngày năm mới.

Anh Bốn xế lô dĩnh đạc trong bộ “com lê” tím thùng thình rộng, vai cúp tròn xuống, đứng chấp tay, như chủ nhà đón khách. Răng anh khểnh. Lúc nào nhớ thể anh lại mím môi lại, miệng mím mím gồ ghề, lúng túng.

Thư vẫn nhăn nhó, hỏi My Lan:

– Thật cô thấy cháu Lâm ở Bờ Hồ à? Sao bây giờ cháu chưa về?

My Lan sần sổ nói:

– Làm gì mà cứ cuồng cuồng lên! Chúi xó nhà thì đâm ra lẩn thẩn đấy. Phải đi đây đó xem ra sao mà còn liệu chứ.

Thư mếu máo:

– Biết liệu sao được nữa!

My Lan vùng vằng bước ra, đến trụ sở.

Nghĩ thế nào, Thư cũng đứng dậy, chải lại đầu, chít cái khăn nhung, mặc áo đi theo. Thư rón rén, người gầy mỏng mảnh xo ro, mặt cúi gằm.

Đường cái đã hăng hắt. Trên những cành vông lẳng khảnh màu trời đục đục. Trụ sở phố là mấy miếng mái “phi brô” xi măng, áp vào vách nhà anh Bốn xế lô. Người ta ra bờ hồ chặt lau rồi đến đằng sau dãy nhà “viện trợ Mỹ” khiêng về mấy mảnh “phi brô”, dựng lên.

Ông Ba Gác chòm cái “ba đờ suy” lờ xờ lên đầu. Ông mua chợ Giời được cái áo còn mới nguyên. Bà con né hai bên, đẩy ông ra ghé đầu. Ông Ba Gác cao tuổi nhất xóm. Nhưng ông chùn lại, ngồi thụp xuống phía trong. Bởi vì mắt ông bị lông quặm. Ngồi vào một xó ấy, nhưng đã lại nghe ông đương cất cái giọng đường trong quen thuộc... Ở ở ai xui mà con sáo cái nó qua sông, cái nó qua sông, ơ cho nên cái mà con sáo ơ ơ sổ lồng cái kia bay xa cái kia bay xa... Ông nghe ngao, cả những khi hát câu hát buồn, cũng là lúc ông đương vui.

Ngày Tết, ai có bộ nào lịch sự nhất diện vào. Nhưng không mấy cái hợp với vẻ mặt, dáng dấp người. Vừa nhác trông cũng đã biết mới tậu ở chợ Giời của những người bán tháo đi.

Bà lang ê xúng xính tấm áo đoạn cẩm châu hoa đại đóa chìm màu cánh chử. Cái áo sặc sỡ, điểm huyền chỉ thấy trên sân khấu rạp Chuông Vàng. Bà lại quần khăn tua kín xuống quanh cổ. Khăn vuông tua đen nền với những người ở tuổi bà. Tấm khăn bà vẫn mơ ước, giờ mới mua được.

Bốn xế lô vui nhất, quen tay, cứ kéo cái cà vạt trễ xuống.

Anh nói:

– Bây giờ ta đình huỳnh có tổ dân phố. Thằng Tây ở đây cộc trán cũng không lập nổi thằng trưởng phố đến coi dân bãi này được. Tôi xin báo cáo lại chiều mồng bốn hóa vàng tiền các cụ, cả xóm ăn cơm đoàn kết. Đồng ý chứ ạ?

Tiếng vỗ tay độp độp.

Bỗng trong góc nhà có tiếng hét vẳng lên. Bà lang ê nhảy vọt ra. Cái khăn tua của bà tung lên như tấm vải làm cánh xe quan thái sư ra trò ở rạp tuồng.

Bà lang run rẩy, hổn hển:

– Tôi giẫm phải...

– Cái gì? Cái gì?

Anh Bốn xế lô bước vào nhìn xuống gầm ghế trong. Một cái bóng lẻo khoẻo ngồi dậy. Mọi người cười ầm.

– Thằng Lâm!

– Thằng Lâm nhà cái chị Thư!

Lâm ngủ thiếp ở gầm ghế từ bao giờ. Bà lang ê giẫm phải nó. Chị Thư ngồi chúi một góc, không ai thấy. Đến khi mọi người réo lên, chị mới ngật người tắt tả vào xốc Lâm dậy. Rồi Thư cứ nguyên cả áo dài, công nó chạy, không ngoái cổ lại.

Anh Bốn xế lô nhòm các gầm ghế khác.

– Xem còn nhãi nào nằm đây nữa không. Ôn con mà cấm như Tây say, chết thật.

Một người nói:

– Cái nhà chị Thư, người đầu mà nuông con đến thế!

– Cho nó một trận “xăng tan”.

– Chị ta cũng dữ đòn lắm đấy.

– Phải yêu cho vọt.

Được Bốn xế lô nói như khơi ra, người ta tranh nhau kể tội thằng Lâm. Nứt mắt đã thành “cô bồi”. Bây giờ, những việc hư hỏng như thế cứ trơ ra như cái lưng ghế, không ai chịu được.

Ông Ba Gác cười:

– Trước đèn xem truyện Tây Minh.

Gầm cười hai chữ nhân tình éo le.

Cho treo niêu là nhẵn răng hết.

Đang kia, ông Ba Tê lại đương chuyện. Ông Ba Tê lúc nào cũng có một kho chuyện. Ông thì thảo hôm nao nghe nói công an bắt cả trẻ con bỏ vào nhà Hỏa Lò. Ông Ba Gác trực tính, hay chặn cái lão có tật rì rầm đưa chuyện. Ông quát: toàn bắc chõ nghe hơi. Làm nghề tôi ấy, chân đạo khắp phố phường, mắt mới thật thấy, tai mới thật nghe, chứ ngồi một chỗ góc đường cả ngày, thế mà bảo cái gì cũng biết. Xì! Bắc chõ nghe hơi thì là thằng gây hoang mang.

Ông Ba Tê im.

Nhiều người như không để ý, cứ chuyện rôm rả. Có người cười hê hê. Cái trụ sở nhao nhao. Mãi anh Bốn xế lô mới nói thêm được:

– Thôi thế, nhân ngày xuân vui giải phóng, có cái sáng điện, tôi báo tin để bà con biết trên khu Hàng Cỏ đã cho xóm ta mở lớp học bình dân. Sang giêng khai giảng, ai chưa biết chữ nhớ đi học lấy cái chữ năm mới.

Nghe đến việc học, ông Ba Tê lủi về trước.

Ở ngoài, đã sáng hẳn. Con vạc đi ăn về muợn cất mình lên từ đầm nước sau ga bay qua. Từng tiếng vạc rơi vào làn sương mỏng đương chột tan.

Bốn xế lô vốn cả lo, và cái lo cứ đến nhộn nhịp. Từ khi Chính phủ về, anh như người sắp chết ngạt dưới đồng rác được lôi lên.

Người như Bốn xế lô ra ở thành phố bấy giờ nhiều. Không là tề ngục sợ Việt Minh bắt cũng là du kích vành đai bỏ nhiệm vụ chạy dài. Nhưng không ai muốn hỏi. Còn vợ Bốn thì úp mở: “Nhà tôi ấy à, nhà tôi...”.

Người ta đoán Bốn không phải dân hội tề. Tính Bốn vui và xởi lởi. Bốn hiểu biết thời sự, hay kể chuyện ngày ở hậu phương... Khi giải phóng, cán bộ đến tổ chức sinh hoạt cho ngô bãi rác, ai cũng nói chỉ có anh Bốn biết việc kháng chiến.

Thật là Bốn biết việc. Bốn hô hào làm trụ sở, lập văn công “nhảy sạp” - hai cô con gái bác cả Chù cũng nhảy sạp. Có mít tinh toàn thành, bao giờ cũng đi “triệt để” cả xóm. Với mọi người, những công việc mới đã nhanh chóng quen.

Ở cửa hàng sách báo, các hiệu bách hóa, các hàng ăn thấy đặt trên mặt kính tủ hàng một quyển sổ buộc sẵn mẫu bút chì, trên bìa ghi dòng chữ nắn nót như kẻ:

Tích cực xóa nạn mù chữ. Nếu bạn biết ai chưa biết chữ, xin bạn vui lòng ghi tên, tuổi và địa chỉ người ấy vào quyển sổ này.

Bốn xế lô đã đi báo tối nay có họp xóm. Nhưng chưa yên tâm. Từ tờ mờ sáng, ai ra qua ngõ, Bốn cũng dặn với:

– Tối nay mở lớp học đấy.

Trong ngõ ra, đi hàng sớm nhất bà bán bún bánh đúc riêu. Còn tối đất, đã nghe tiếng chân rậm rịch, tất tả. Không ai cha truyền con nối nghề riêu cua riêu thịt mà sao bà bán bánh đúc riêu này cứ nền nếp như đã hàng đời gồng gánh. Một bên bún bánh, một bên bếp nồi riêu. Đôi quang mây tám giẻ đen bóng. Chiếc đòn cong. Cái thúng đại có cửa đặt hỏa lò lửa đỏ ngọn. Trong sương mờ, như bó đuốc chạy.

Vừa rảo chân, bà bán riêu vừa quay lại trả lời tổ trưởng: “Chốc nữa về thôi mà”.

Lát sau, lão Ba Tê “ô lê bánh tây” đứng đỉnh ra. Lão quảy đôi hòm gỗ vuông cao ngang ngực. Lão thường khoe kín đáo rằng trước lão là tề “hai mang”, bị Tây dọa giết, phải chạy lên đây. Nhưng, chẳng biết kiếm tin ở đâu, bà con biết lão là tề chính cống. Ta diệt tề ác, lão trốn. Trông cái mặt lão lăm lè như hòn cuội, cũng đoán được tung tích.

Lão Ba Tê quay lại. Lão không hỏi anh Bốn xế lô, nhưng lão trừng mắt rồi gật gật, tỏ vẻ biết rồi. Lão còn có tên là ông “cái gì cũng biết”. Chuyện hóc hách, chuyện dăm dớ nhặt được ở hàng nước, ở người ăn đêm hàng lão.

Lão nhếch mép, cười nhạt: “Được rồi”. Chẳng biết được cái gì.

Hai cô con gái bác cả Chù quang gánh lên hồ Tây lấy đất thó mỡ gà. Áp Tết, chỉ nặn toàn lợn bỏ ống mà mỗi hôm hết một gánh đất. Quanh nhà, phơi la liệt tượng mộc, tượng quét màu sắc sỡ, như hoa mào gà nở đỏ trên đồng rác xám. Nghe anh Bốn bảo tối họp, hai cô “vâng ạ” rồi có lẽ nghĩ đến tối nay phải đi học mà bối rối, chị em đẩy lưng nhau, ngưỡng nghệu giơ đòn gánh chạy.

Léch thếch ra chậm, thường chỉ còn có bác bán thớt. Cứ cuối năm lại thấy bác ta ở đâu mò đến. Nhưng hôm nay, lại đi sớm. Bác đi chợ Bưởi, chợ xa. Bác này đủ ngón xoay. Chẳng biết học đâu được cách làm giả thớt gỗ nghiến. Đây là khúc gỗ nhội khuôn về, đem cửa ra, rồi giã nâu nhuộm, rồi ngâm bùn, rồi vớt lên mài nền bóng lộn cả hai mặt.

Trong Tết, quẩy thớt đi chợ Hôm, chợ Đuối. Chẳng biết bán được mấy cái. Ngoài giêng vẫn còn lông thông sáng sáng quẩy đi.

My Lan đi qua.

Bốn xế lô hỏi:

– Đã nhả hộ trong ấy cả chưa?

My Lan vùng vằng:

– Cứ dạn như trẻ con không bằng! Anh đi mà bảo. Tôi còn đương vội đây.

Bốn cười:

– Cái cô này mới đồng bóng!

Anh xích lô với cô gái làng chơi xưa nay thường cứ vừa nhúng nhằng, vừa xót nhau người cùng cảnh ngộ.

Đã muộn, Bốn phải đi làm cho được buổi. Bốn lấy tấm ván bắc qua rãnh, đẩy cái xích lô ra ngoài.

Nhưng vẫn chưa hẵn yên tâm. Bốn để xe đấy, lại đi nhanh vào ngõ trong.

Những cánh cửa, cánh liếp - cũng có nhà đi vắng cứ để trống hốc, chỉ chặn hòn gạch làm phép. Nghe tiếng đùa rúc rích, những đứa trẻ, không biết bị nhốt hay chúi nấp nghịch ngợm ở xó nào.

Bốn xế lô vào tận trong cùng ngõ. Có nhà còn người. Hai vợ chồng anh này trước kia chỉ đi bán máu cho nhà thương lính Võ Tánh để sống. Họ đương ngồi nhổ tóc sâu ngoài sân. Cái mặt nhọt to bằng cái lênh, như muốn chảy nước ra.

Bốn xế lô nói với qua bờ rào:

– Tôi đi họp nhé.

– Cô My Lan bảo lúc này rồi.

Bác cả Chù hí hoáy xếp lên tường dây rùa mọc để phơi nắng trên bờ đất. Con nào khô rồi thì tay nặn lại đổi sang tay vẽ, quệt vôi xanh vôi đỏ lên. Mỗi con rùa được làm đốm, cho ngậm chiếc lông gà nhuộm phẩm, giả cành hoa hồng.

– Tôi nay ra trụ sở, bác ạ.

Bác cả ngược mắt kính:

– Cô My Lan bảo tôi hôm qua rồi.

Bốn làu bàu:

– Khỉ cái nhà cô này, tưởng chưa bảo ai!

Bốn châm điều thuốc lá cuộn rồi ra phóc lên xe. Chỉ một bàn chân đạp, cái xe đi kênh hẫ lên. Đã qua mấy gốc cây vòng ra tận đường cái lớn, còn vương lại mùi thuốc lá sợi Cẩm Thủy - tưởng như một sợi thơm giữa làn nắng ủ hơi rác ẩm nặng nề.

*

* *

Mấy năm ấy, Hà Nội như cái nhọt bọc vừa vỡ mủ, mới lên da. Bao nhiêu công việc phải làm để rửa ráy cho sạch sẽ cái nhà, mặt đường, con người. Trường Chu Văn An, nhà máy gạch, nhà máy diêm, nhà Tiên, nhà thờ Liễu Giai, những nơi Tây lấy làm chuồng ngựa, trại lính, nhà chứa xe, giam người và tra tấn người.

Những lối đi quanh Bờ Hồ lại được đánh luống trồng hoa.

My Lan đi tìm việc. Việc thành nghề chưa có, nhưng những việc cho sống được hàng ngày. Trên khu đương tuyển hàng mấy trăm người xuống ganh cát dưới bờ sông.

My Lan đi quẩy cát. Có lúc chếp miệng, ngần ngại. Nhưng rồi lại quả quyết. Đã ghê

rợn quá cái đời dựa dẫm, ngửa tay. Dù ngày mai ra sao, cũng không sống thế được nữa.

Chiếc đòn gánh thít xuống vai, đau mấy hôm. Nhưng rồi quen. Đầu tiên, My Lan sợ vất vả, sĩ diện, lo nhà thầu hiếp đáp. Nhưng đây là lo sẵn thế thôi. Khi ra đến bãi, chỉ thấy nghìn nghịt người làm, tấp nập người làm. Thế là, tự nhiên, My Lan trở lại chịu khó làm làm như thuở bé còn chăn trâu cắt cỏ trong làng.

Nhưng bộ mỗi của My Lan còn lạ lờ với thùng gánh. Áo ni lông xanh cánh chả trong áo sợi Hồng Kông giả len. Cái đầu chon chỏn kiểu Ep-phi-en, đã chít quặt chiếc khăn vuông tím thê mà sóng tóc vẫn lồi tròn từng “búc” ra như mèo quào. Đám trai trẻ gánh đuối theo, réo: “Chủ tịch nông trường! Chủ tịch nông trường ơi! Khoan khoan cho tôi theo với!”

Đôi dép lốp My Lan mới mua. My Lan biết chọn đôi dép lốp bánh máy bay, vừa phải, quai nhỏ mặt ngoài, vừa bóng mà đi không bị thôi ra chân. My Lan có một đôi dép lốp, như mọi người, như bộ đội. Mấy đôi giày dép gót đinh, gót bè, góc cục kiểu cách đã quẳng lổm ngổm trong gậm chõng - như những con cóc ngồi. Dép lốp đi quảy cát, thành mảnh cái chân, ăn với công việc, rảo bước như chạy được.

Trên sông Hồng, những ngày hanh hao, gió cuốn đỏ ngầu lên tận hai bên đê, không trông rõ đâu những khoanh tre xanh Bãi Giữa, đâu bãi cát, dòng nước và cầu Long Biên chỉ còn mờ mờ những chòm nhíp nhấp nhô trên gió cát.

Chiều tầm đã keng từ này. Người lên linh công dần dần về hết, bỏ lại đằng sau cái lạnh xám ngắt trong hơi cát đỏ đục lẫn bóng tối từ lòng nước dâng lên, tràn vào các phố trên bờ sông.

My Lan trở về, vào ngồi ghé đầu ghé án bát cơm úp ngoài hàng trông ra hồ Thiên Cung, rồi đi lúi lúi vào bóng tối những rãnh rác.

Ở bãi rác, trên cao, một giàn sao đuối nhau xuống tận chân trời phía ngã tư Vọng. Những cảnh vòng phờ phạc nghe vương đầu khăn. My Lan thoáng thấy trong xa có tiếng nói cười, tiếng gọi nhau lao xao.

Một vầng trăng non vẽnh cái tai trâu vàng chóa ngay trên đầu.

My Lan nghĩ bụng: “Có lẽ người ta học thật”. Từ này, có lúc ước đừng học vội. Lúc hăng hái, lúc ngại.

Ở trụ sở, người đông ra tận lối đi, ngồi kín đến bên kia gốc vông. Tin mở lớp học, cả người ngoài phố cũng mò vào xem sao.

Các cán bộ đến, ăn mặc từa tựa nhau. Áo quần ka ki đại cán. Có anh áo bông khâu múi trám, kiểu áo bông Liên Xô. Có chị mặc áo vét nữ cứu thương màu xám cổ chun - áo chiến lợi phẩm nhặt ở mặt trận. Dường như không ai để ý ai quần áo thế nào.

My Lan thoáng thấy cái anh gặp đêm giao thừa ở cửa đền Ngọc Sơn. Ờ hay, đúng người ấy. Thế mà hôm ấy cứ tưởng anh ta là “người trong này”. Cứ kể, hơi ngờ ngợ, một chút. Thế mà thật. Anh ấy cũng nghiêm nghị như các cán bộ khác. Áo đại cán ka ki xám, khuy đóng kín cổ. Không khác được, đúng anh ả. My Lan chột ngượng. Chị Thư nói thiêng nhỉ? Nhưng My Lan lại cười mình khéo vắn vơ.

Rồi My Lan lại muốn về. Chẳng học thì dừng. Cả ngày gồng gánh mỗi nhừ, bây giờ chỉ muốn ngủ. Nhưng, ngồi lẫn với đám đông ở phía ngoài, nán lại xem sao. My Lan ngồi, buộc lại cái khăn vuông.

Người im phắc, chăm chú. Lúc ấy đã xong những mục gì, không rõ. Đến lượt một chị, tóc tết hai bím thông xuống, bước ra. My Lan nghĩ: “Giá mình được học riêng chị

này. Đàn bà bảo nhau thì đỡ ngược”. Nghĩ thế, ý muốn đi học trở lại trong My Lan.

Một anh bênh chiếc đàn ghi ta lên, đoãng bàn tay vuốt dây, vỗ vào tang đàn. Thế là tất cả cùng cất tiếng hát theo hiệu tay chị cán bộ. Lúc ấy, trông ai cũng nét mặt vui, khác vẻ nghiêm nghị vừa nãy. Qua miền Tây Bắc, rồi Chiến thắng Điện Biên, rồi Vì nhân dân quên mình, rồi Nhị Lang Sơn...

Tiếng đàn, tiếng hát cao thấp. Bài Nhị Lang Sơn kể chuyện Hồng quân Trung Hoa vào Tây Tạng, bài hát Qua miền Tây Bắc các chiến sĩ bộ đội đi giải phóng miền Tây. Chập chùng đỉnh núi Tây Bắc, Việt Bắc... Qua miền Tây Bắc, Núi cách ngàn trùng xa... Suối sâu, đèo cao... Những bài hát trầm hùng, tưởng mình đương với đoàn người vừa đi vừa hát từ những rừng núi, ở nơi cát bụi xa xôi đến.

Mọi người vỗ tay.

Một người nói:

– Giới thiệu đồng chí Trử có ý kiến về lớp học.

Anh ấy đứng ra trước mọi người.

– Theo kinh nghiệm các phổ khác, phổ ta sẽ chia làm nhiều lớp. Một lớp chưa biết chữ. Một lớp đã đọc viết được. Có phải thế không ạ?

– Phải đấy.

Một người kẻ quyển sổ ra dưới ánh đèn.

– Bây giờ đến mục ghi tên, chia lớp. Lớp chưa biết chữ ghi trước. Ai chưa biết chữ thì lên đây nào.

Ông Ba Gác lên. Rồi đến Gái. Rồi nhà bác cả Chù. Bác cả Chù và hai cô con gái. Cứ thấy nhà ấy rì rầm kinh kệ ngày đêm như có bồ sách trong bụng mà hóa cũng không biết được một chữ cần đôi. Rồi bà lang, ông cụ móc cống. Hơn hai mươi đứa trẻ con nữa. Cả chú bé da đen mà bà lang vẫn chỉ nhận là con nuôi.

Đến lượt những người đã đọc viết được một tý, giờ đi học thêm. Anh Bốn xế lô đứng đầu sổ. Anh đọc báo đọc thư được mà chưa qua lớp học nào. Chỉ học mót mà ăn mày được chữ.

Lão Ba Tê ngồi như bụt mọc, rồi nhả nhó, phân trần:

– Tôi sắp đi Văn Điển rồi, học hành làm gì.

Ông Ba Gác trở vào ông Ba Tê, nói thẳng:

– Lừng khừng thế kia, mang tiếng cả xóm.

Ông Ba Tê lu loa lên:

– Tôi có đi ăn cắp đâu mà đứa nào mang tiếng. Ai đội mũ lệch người ấy xấu, cứ vỗ ngực, ông cho cứ vỗ ngực đi...

– Liệu hồn, đừng có to mồm. Rồi người ta bới cái đồng cứt...

– Bới thế nào nào...

– Cầm cái họng. Chưa ai sờ đến miếng ba tê nhà ông xem nó có phải thịt chuột không đấy. Bây giờ không xằng bậy được như thời trước đâu nhé.

Lão Ba Tê sấn lên, người ngồi quanh, xúm lại, kéo cả hai người xuống.

Cuộc ghi tên lại tiếp tục. Rồi, lão Ba Tê ra ngồi tít ngoài gốc vông. Không về, cũng không vào ghi tên.

Một anh, hỏi nhỏ My Lan:

– Tôi ghi tên có được không?

My Lan đáp thông thạo:

- Được.
- Nhưng nhà tôi ở ngoài phố.
- Được mà.

Người ấy lại hỏi lại, cho cẩn thận: “Cứ vào ghi sẵn, được chứ nhỉ”. Không biết chính My Lan cũng đương băn khoăn chưa dám vào.

Đã gần mười giờ. Bên kia hồ, chuyến tàu Nam lên, kéo hồi còi sầm sập. Bóng tối, phút chốc rộn ràng rồi lại lắng đi.

Cuộc họp ghi tên học vừa xong. Khuya thế mà một đám còn lại vỗ tay nháy sập. Rồi có người kêu rét quá. Thế là cả bọn vội ghéch những đôi sào nửa sơn vắn xanh lên xà trụ sở, cung cúc chạy về.

Ánh đèn măng sông lúc này bị hấp hơi đông người, bây giờ sáng trắng ra. Anh Bốn, ông Ba Gác và mấy cán bộ đương châu đầu lại, bàn việc ngày đầu tiên mở lớp.

Một người bước vào.

- Cô My Lan bây giờ mới về à?

Trở quay ra, ngạc nhiên nhận ra.

- Ô, cô... My Lan!

My Lan đến trước bàn:

- Cho em học với.

Trở mừng rỡ:

- Cô học lớp nào?

My Lan ấp úng:

- Em học...

My Lan không nói được hết câu, My Lan không biết nói thế nào cho hết câu. My Lan khóc nức lên.

Bốn xế lô ngơ ngác, buột miệng:

- Cảnh sát nó tòm cô à?

Biết lỡ lời, vội chữa:

- À... gì... gì... không khóc thế, cô My Lan!

Chị cán bộ bắt nhịp hát lúc này cầm tay My Lan:

- Chị ơi, chị học lớp nào?

- Em... em... chưa biết chữ...

Mọi người ngỡ ngàng. Thì ra cô khóc vì tủi chưa biết chữ. Biết thế, nhưng ai cũng làm vẻ bình thản. Có người quay mặt đi. Cô gái bóng bẩy thế mà mù chữ.

Trở khe khẽ:

- Cô yên tâm.

IV

Thư muốn quên tất cả, nhưng ngày đêm cứ nung nấu, day dứt. Đến giờ thì trở thành hốt hoảng. Có lúc khóc, có lúc bồn chồn, ngồi đâu ngồi một xó. Không muốn bước chân ra thấy ban ngày nữa. Năm ấy, người các mạn ngoại ô tản cư cả vào vùng trong. Chị em Thư mỗi người mỗi nơi. Thư chạy với những người ở trong ngõ chợ. Trữ thì theo bộ đội. Trữ vừa mười lăm tuổi, đương háo hức đi.

Chị em Thư cũng không phải gốc người thành phố, dẫu cho thành phố nào cũng người tứ xứ đến làm ăn sinh sống. Hàng Bạc, Hàng Đào, Hàng Bài, Hàng Bông Lờ, Hàng Thiếc - những phố có đình thờ tổ từng làng, từng chi họ các nơi đã đem nghề về Kẻ Chợ, những thợ khảm, thợ thêu, thợ nhuộm, thợ ngōa và cả những nghề mới, thợ giày da, thợ mũ, thợ ảnh. Từ Hà Đông, Thanh Hóa ra, Sơn Tây xuống, Hà Nam lên.

Bố mẹ chị em Thư chết sớm. Cũng không rõ, chỉ mang máng trước kia nhà ở đồng chiêm Chợ Cháy ra, ở vợ vất đầu ô ngoài trại hàng Hoa. Bố thì đi kéo xe, mẹ quẩy nước thuê. Còn bé, Trữ đã biết mò ốc các ao đầm quanh đây đem bán ở chợ Ngọc Hà. Lắm láp quá, vẫn nhớ những buổi trưa nắng hoa cả mắt, giữa chiếc lá trang lá súng tròn xanh, có những con ốc nhồi lên ăn nổi.

Lúc ấy, đương nạn đói. Bố mẹ ốm chết đói cả. Rồi Hà Nội khởi nghĩa. Một đơn vị Vệ quốc đoàn ở đầu ô đem Trữ về nuôi. Trữ được cứu sống.

Rồi kháng chiến.

Cuộc kháng chiến mới bắt đầu, người tản cư làm ăn bám vào mấy cái chợ loanh quanh. Các chuyến dò dọc chẳng chịt đồng chiêm xuôi ngược những chợ hôm, chợ mai, chợ mới bẽ bộn ngổn ngang, nơi nào cũng thế.

Thư cũng gồng gánh theo chân người ta. Thúng gạo, thùng mật, bó mía, gánh rau. Nay chợ gần, mai chợ xa.

Hôm Tây nhảy dù Vân Đình, giữa buổi phiên chợ Bồ Nâu. Tây tỏa ra càn lùa người về Quán Quạ, về Cự Đà, Khúc Thủy. Thư trong đám người hỗn loạn, bị dồn về.

Tây mới chiếm lại được Hà Nội, mới ở vòng quanh mấy phố chính. Một cái chợ lom đom ở bên góc Bồ Hồ, giữa đường Hàng Bài. Người hồi cư về trước đi hôi của các nhà vắng chủ.

Ít lâu sau, người về đã đông hơn. Thư đi buôn chè tươi. Chè tươi phải ra các vùng ngoại ô mới mua được, đường sá có phần nguy hiểm. Nhưng ít người đi buôn thứ ấy, nên được giá. Có khi Thư vào Hà Đông, mua đổi vai ở chỗ hẹn, có khi đi mua nhật, vào tận chợ Trúc. Chè mang về, không đủ mà bán chợ. Chỉ việc đi đưa thàng cho những nhà uống quen, trả tiền trước. Còn thừa mới đến chợ Đức Viên.

Một hôm, Thư ra chợ Trúc. Lính lê dương ở chốt Đại O'n đương đi càn. Du kích đánh chặn, bắn chết thằng quan ba. Tây cuồng lên, trông ai cũng ngỡ du kích, nó xông ra cướp tan chợ Trúc.

Bọn lính đương dồn đám các chị ra giữa đồng. Thư lúng túng trong đám.

Một người lính khác đột nhiên giằng Thư lại.

Những mũi súng chĩa vào người ấy.

- Vợ tôi, đây là vợ tôi. Vợ tôi đi chợ.

Người lính nọ dắt Thư về làng.

Từ đây, tháng ngày lại đổi khác.

Tới hôm nay.

*

* *

Và tới hôm ngộ phố ghi tên học, Thư đã có ra đứng trong đám đông. Đến khi Thư nhìn vào, trông thấy có người hao hao giống Trử, em mình. Thế là Thư hốt hoảng về ngay. Hôm sau, Thư lên phố cả ngày.

Mấy hôm sau, đến khuya, Thư mới về. Thư đứng lại phía ngoài. Trên khe cửa lều My Lan còn ánh đèn. Thư bàng hoàng. Thư cứ lúc phân vân, lúc ngỡ ngàng, tự mình cũng không biết rồi nên thế nào. Sau cùng, Thư vào.

Đi qua bờ rào ngoài, Thư hỏi bà lang thuốc ê một câu không có chủ định:

– Cô My Lan có nhà không, bà lang ơi!

Rồi Thư len lén vào. Cô ả thức, đương nằm khoèo trong góc nhà. Và đương mở xem một quyển sách.

– A chị Thư đi đâu hôm nay mới về? Không ở nhà mà ghi tên đi học. Em ghi tên rồi.

My Lan chồm dậy, kéo Thư ngồi xuống.

– Em bảo chị chuyện này nhé.

– Chuyện gì?

My Lan thì thào:

– Bói quẻ năm mới.

Thư thở nhẹ, trong lòng nguôi một nỗi bồn chồn.

Thư gượng nói pha:

– Chả thiết nữa!

Tuy vậy, Thư cũng cầm quyển sách lên. Thư không biết chữ, mà cũng chẳng lạ quyển sách ấy. Đó là quyển sách có mấy tờ, tên là “Đời người một năm một tháng một tuần một giờ”.

Vợ lính, me Tây, gái giang hồ đều có quyển sách bói Tây này gói đầu, cả những người không biết chữ cũng thuộc. Cuộc sống nhốn nháo, thay đổi từng lúc, đẩy mọi người đi tìm số mệnh. Các cửa đền, cửa miếu, các nhà thầy bói, thầy tướng tay tướng mặt, đoán tử vi, đông người ra vào.

Nhưng bây giờ thì sao. Thư ngồi thờ người. My Lan cũng dăm dăm, nghĩ ngợi. Quyển sách chẳng qua cũng chỉ để làm trò, như đầu năm đi bói cải lương. Vui thì cười, buồn thì vợ vẫn nghĩ một chút, đời vẫn là đời. Chứng mình đã trải lắm nỗi, cũng chỉ phân vân thoáng qua. Rồi My Lan cũng không đưa quyển sách cho Thư mở bói như lúc này định thế.

My Lan mỉm cười, chăm chú nhìn Thư.

Thư đập vào vai My Lan, hơi bực:

– Tao làm sao mà mày nhìn lơ đão mắt ra thế?

Nói vậy, nhưng Thư cũng lo lo khi thấy My Lan vẫn chưa trả lời. Lúc nào Thư cũng sắp giật mình.

My Lan hỏi Thư:

– Thằng Lâm đâu?

– Ở đằng kia.

– Đẳng nào?

– Chị lại xích nó ở đâu rồi. Đừng nhé.
– Không. Nó ở chơi đằng Chùa Vua ấy mà.
– Này em bảo thật, đừng có xích trẻ con nữa. Nó hư thì bảo nó thôi. Bây giờ không cho làm thế đâu.

Thư cứ ơ mặt nghe My Lan giảng giải, không cãi, cũng không trả lời. Rồi My Lan lại chăm chú nhìn Thư. Thư có vẻ thảng thốt, áy náy.

Nhưng My Lan đã hấp tấp, như chợt nhớ điều gì.

– Chị Thư à, anh Trử, anh cán bộ ấy mà, anh vào ngõ, đi thăm từng nhà...

Thư nghẹn ngào nhìn My Lan.

– Anh ấy trông thấy cái ảnh của chị.

Thư kêu lên:

– Sao cô lại đưa ảnh tôi ra?

My Lan cười:

– Chị vẫn để kia thôi.

Thư buông tay, hoảng hốt đến độ hai con mắt chớp chớp và hai bàn tay mở to, vuốt lên vuốt xuống mặt chiếu mà không biết.

My Lan nói tiếp:

– Sao giống chị anh ấy thế. Anh ấy bảo thế.

Thư nói trong tiếng thở dài:

– Đời thiếu gì người giống nhau.

– Nhưng anh ấy lại bảo chị anh ấy chết rồi, chết đã bảy tám năm nay.

Thư băng khuâng, oái đi, như người ốm, lơ đãng nghe. My Lan vẫn thản nhiên nói:

– Anh ấy buồn mãi. Bảo nhà có hai chị em, bây giờ chỉ còn một mình.

My Lan nói anh Trử kể rằng năm ấy anh Trử được tin Pháp nhảy dù Vân Đình. Từ đấy, không được tin tức nữa. Có người lên nói lần nhảy dù ấy Tây giết nhiều người lắm. Chắc chị chết ở đấy rồi.

My Lan lại mỉm cười nói:

– Đời cũng lắm cái oái ăm, chị ạ. Không ngờ mà cái anh gặp ở cửa đền Ngọc Sơn đêm ba mươi em về đã kể chuyện với chị lại là cái anh Trử này. Buồn cười nhỉ?

Thư không buồn cười được, Thư cố bình tĩnh, như nói tiếp câu lúc nãy đương nghĩ:

– My Lan ạ, tôi vẫn định nói với cô, bấy lâu cô cho mẹ con tôi ở nhờ.

– Chị dọn đi à?

– Ừ, chị đi.

– Chị đi đâu?

– Chẳng nói My Lan cũng biết cảnh tôi chỉ sống được quanh cái chợ Giời. Tôi lên đằng ấy để tiện chạy chợ. Tôi đã định nói với cô từ trong năm.

– Nhưng mà vội đâu thế. Năm sớm mà.

– Ừ, là nói để cô biết, hôm nào tôi không về thì cô yên tâm.

Lát sau, Thư lại đi. Thư nói ra tìm thằng Lâm. Sợ nó lại theo bọn du côn đi chơi. Thư đi khỏi, My Lan còn bó gối ngồi một lúc, nghĩ về Thư và mình.

Năm ấy, chỉ độ mười ba mười bốn tuổi, cô bé đi ở cho nhà người ta. Đêm Hà Nội nổ súng, lạc giữa đám người bị vướng lại. Rồi lại đi ở, rồi mấy năm sau, thành gái nhảy. Điều ấy hầu như số phận của những người bơ vơ giữa cái thành phố loạn những cạm bẫy ăn chơi, những lính tráng vừa thoát chết về. Ai đặt cho cô cái tên Lan mỹ miều. Một

người nào khác thêm lên đầu một chữ ngộ nghĩnh và hợp mốt, Mít (miss) Lan. Dần dần, chữ Mít Lan, thành My Lan, cô My Lan dịu dàng.

Rồi thế nào nữa đây.

Nhưng, thoáng nghĩ lại, My Lan không thấy chua xót, chán chường như mọi khi.

My Lan cúi xuống. Thấy cái quyển “sổ mạng...” còn trên gối. My Lan ném toạch quyển sách xuống đất, mỉm cười một mình.

*

* *

Tứ đến chơi.

Người bạn chải chuốt ấy của My Lan, cả cái ngộ không lạ. Chỉ lạ sao người như ông ấy mà còn ở đây.

Thỉnh thoảng, Tứ vẫn đến. Thời ấy, ăn mặc sang hết cỡ vào cái bãi rác này, tuy trái ngược màu sắc, nhưng cũng không có gì là mới. Bởi vì, nhiều người các loại ra đường cũng chải chuốt chẳng kém Tứ. Quần áo thì mua ở chợ Giời, hay đi trộm cướp được, không biết thế nào. Có người chui ở cái lều che ni lông ra, đứng lên, đã ra công tử đầu bóng, sơ mi kẻ, giày Hồng Kông bít tất đỏ. Ở đất màu mỡ riêu cua, rách rưới nhả nhỏ chỉ chuốc được đồng nước bọt vào mặt. Phải quần lạnh áo tốt mới đi vay, đi lừa được. Người diện công phu như Tứ, không biết người có của hay người đi vay.

My Lan còn co ro trên cái giường lộn xộn những bít tất, khăn quàng màu. Mái tóc mới uốn lại ở hiệu Mỹ Lệ hôm cuối năm, cong sóng gọn trong cái khăn vuông mấp mé thò ra từ một đồng đụp hai ba cái chần lính màu cứt ngựa đã rách lướp tướp.

Tứ không để ý những vật vãnh đó, bệu dạch lung tung của người ta bỏ lại, nơi nào chả có. Mùi nước hoa đắt tiền lẫn với mùi thum thum nước cống, hai lỗ mũi ngửi thấy mùi khác nhau ở chỗ này cũng là sự thường. Mọi khi, đến thấy trẻ con, Tứ hay cho tiền.

Tuy vậy, hôm nay khác mọi khi: không đứa nào chạy xúm quanh Tứ.

Tứ bật ngón tay, gọi:

– Ê, ê, mở hàng, mở hàng này...

Những đứa đứng đằng xa, cười ầm:

– Chúng mày ơi! Ra xem Tây tung tiền.

Bọn trẻ xúm lại. Cũng chỉ đứng yên xem, không chìa tay. Tứ chưng hửng.

Rồi Tứ dừng dừng vào nhà My Lan.

Tứ hỏi:

– Ngủ hay ốm đấy?

My Lan mở mắt, uể oải:

– Không.

– Năm mới xuất hành chưa?

– Chưa.

– Đi Hồ Tây nhé?

My Lan lắc đầu.

Năm tháng qua đi, ngày ngày gặp những cảnh quanh mình, toàn những người ác mà nói ngọt, người rủ rê, người bỏ rơi, người bị rơi, rồi lại người tán tỉnh, đời cứ rỗng rảnh đầu bắt đuôi như thế. Đến lợm giọng rồi. Đêm qua, ném quyển “sổ mạng...” xuống đất, rồi lại nhặt lên và My Lan đã khóc - nước mắt với nụ cười lẫn lộn.

Tứ đến, My Lan trông ra thấy cái mặt bóng nhờn, My Lan rợn người, My Lan rùng

mình, nghĩ gọi lại màu xám nhợt như mặt Tứ trông ban ngày.

Hồi ấy, My Lan gặp Tứ ngoài Tiên Yên. Tiên Yên - nơi đồn trú quan trọng đây các thứ lính, từ lê dương đến “ta-bo”, ở Phòng ra, dưới bể lên, đợi đi trận vùng Đông Bắc. Những người gái nhảy “biên thù” được xếp lên xe tải, theo lính và súng đạn, đồ hộp, rượu, chăn áo nhà binh cuốn ra đây. Hợp đồng đi “biên thù” các cô đã ký với nhà thầu từ Hà Nội.

My Lan gặp Tứ một tối nhảy ở “xéc” trên đồi trại chính. Vừa gặp, cũng là mang ơn nữa. Chị em được chủ “ba” thầu đi “biên thù”, ra đây, bọn nhà binh lại định đưa các cô vào lẫn với B.M.C.[1], có cả điểm da đen. Chúng nó lại sắp đem một số chị em về Kiến An rồi lên tàu bay đi vùng núi ở Sìn Hồ trên Lai Châu. Các cô khiếp quá.

Nhưng Tứ can thiệp, chủ “ba” không dám ăn tiền thêm để gạ, để dọa các cô - mà bọn Pháp cũng thôi. Chị em thì thầm: “nó” là Phòng Nhì mặc “xi vin” ra Tiên Yên mới có thể lực vậy.

Cho đến năm trước, Tây đã rút xuống Phòng còn ở một trăm ngày, My Lan chạy khắp Hà Nội rồi rít trong đám người định đi hay ở lại. Giữa đường, gặp Tứ.

My Lan hỏi Tứ:

- Anh chưa đi à?

Tứ chép miệng:

- Mình trốn ra vùng tự do mới về. Tây không biết đâu mà bắt đi Nam được. Bây giờ mình cảm như KC[2] rồi. KC thì ở đây chứ đi đâu!

Tứ làm gì, My Lan không rõ. Cũng không muốn hỏi. Anh ta vẫn ăn mặc ra trò. Giày đen, mũ phớt không thắt cà vạt nhưng sơ mi cổ cứng, quần đứng nếp thẳng.

My Lan biết bọn Phòng Nhì nói dối như cuội, nhưng cũng cứ hỏi:

- Đi hay ở? Xuống Hải Phòng còn được đây.

- Đã bảo anh ở lại với My Lan mà.

- Đừng có màu!

Từ hôm ấy, thỉnh thoảng lại gặp. Trong đời giang hồ, khi vui nhất cũng đượm buồn. Mà đã ngán thì ngán đến kinh, vứt hết, chẳng thiết.

Tứ đến. My Lan có cảm tưởng ghê ghê, như khi nhớ lại cái vòi nước nhà tắm, đứa nào rửa ráy xong chẳng buồn khóa, nghe qua tường rõ tiếng nước rỏ tanh tách, khó chịu đến buồn nôn.

Tứ lại nói:

- Đi Hồ Tây mà.

My Lan nguỷu mặt, giọng tắt thở:

- Không!

Vẻ không bằng lòng, Tứ hỏi:

- Ốm à?

My Lan không đáp. My Lan đã ngồi dậy, bó gối ngồi lơ đãng nhìn ra. Chưa bao giờ Tứ tưởng có lúc My Lan không làm theo ý mình. Nhưng My Lan cũng như đám trẻ không chìa tay xin tiền lúc này, mà Tứ không để ý. My Lan nghĩ: “Tưởng có tiền thì gọi êu êu người ta cũng phải đến à? Không đâu, tôi đã bảo cho anh biết thế từ cái phong bao tôi ném lại đêm giao thừa ở nhà con Kim Kim mà. Không, không không...”.

Quả là Tứ chỉ quan tâm việc mình định làm. Không được thì phát bực. Toan bước ra, nhưng lại ngồi xuống, nhoén miệng cười:

– Để hôm khác vậy nhé!

Rồi Tứ sang chuyện khác.

– Đây cái thằng mà My Lan kể gặp phát phơ tối hôm giao thừa ấy. Mê nó rồi à?

My Lan nhanh nhẩu vui vẻ nói:

– Hóa ra “cái thằng ấy” là cán bộ.

– Gặp lại à?

My Lan lúng túng:

– Về dạy học tận ngõ này.

Tứ im lặng, nhìn My Lan, nửa nghiêm:

– Được đấy, quen nhau đi.

Rồi Tứ rút trong ví ra một đệp giấy bạc, đưa cho My Lan:

– Cầm lấy mà tiêu. Cứ làm quen tự nhiên. Không ghen đâu. Còn khi phải dùng đến.

My Lan cười gượng, khó chịu. Tứ chợt nhận ra cái cười hơi lạ. Có thể không phải vì mình. Cũng không vì những tờ giấy bạc. Nụ cười của My Lan cho Tứ cắt nghĩa được những băn khoăn của Tứ từ hôm nọ. My Lan bây giờ có vẻ khác.

Tứ là người xưa nay chấp tay vái một câu của Béc-na Phôn[3], chỉ phục một câu thôi: “Dù cho một trăm năm nay, những người thực dân Pháp có làm gì cho Đông Dương hay không thì người lính Pháp cũng chẳng cần biết, họ chỉ biết họ đến đây vì đồng tiền”. Tứ ngạc nhiên đấy, nhưng cũng vẫn ngờ ngợ. Bởi vì đồng tiền, sức mạnh đồng tiền kia mà. Được, hãy để đấy.

Tứ đứng dậy:

– Về nhé.

Tứ bước ra. Còn nghiêng mắt nhìn lại đệp bạc trên đầu chông, cạnh cái chần rách. Ý nghĩ cho là My Lan có gì khác lại át đi trong tiếng cười thầm: “Đói rồi, con ạ. Nhưng cá còn lượn, cá làm bộ nhìn mồi”.

– Anh Tứ!

– Thế nào?

– Anh cầm lấy.

– Sao thế?

– Không sao cả.

Tứ bình thần quay lại, cầm nắm giấy bạc, bỏ vào túi quần, rồi cười: “Mê KC rồi a?”, rồi lẳng lặng đi ra.

Trong ngõ, chốc lại có người đi qua. Ở bãi rác, người ta đi làm ngay từ hôm Tết. Bà bún riêu nói Tết ra ai cũng háo, thích ăn bún, bán được hàng.

Tiếng ông Ba Gác ê a.

Trèo lên cây trắc, ngắt ngọn đình lăng

Anh thương em thương trắc không phải thương lường

Chẳng tin em hỏi lại phố phường mà coi

My Lan chợt mỉm cười một mình.

Giờ này, mọi khi, ông Ba Gác có nhà đâu. Hôm nay còn hơi hưởng Tết, ông Ba Gác đi làm muộn. My Lan tưởng như lão ấy ở tít đằng kia, nhưng trông thấy Tứ đi vào rồi đi ra. Lão ấy hay tò mò lắm. Chẳng thể lại làm ban trật tự ngoài phố. Có lẽ lão ấy muốn hát xỏ, mỉa mai mình.

* *

Trở vào ngõ ấy.

Phía sau mảng tường loang lổ, từng mảnh trời vuông. Vào bãi rác, thấy chỗ nào che miếng ni-lông, cái khố tải hay giấy dầu, biết đây nhà người ở. Những gò rác bao quanh, cao hơn nóc lều. Chỗ này là mụn nhọt để lại.

Gió ào qua những cành vông, những mái lều lật bật, lổm nhổm, xồn lên. Một vùng xám ngắt, như đuối bạt buổi chiều ở đâu đến sớm hơn mọi khi.

Đến chỗ vách tối trống huếch, nhấp nháp, Trở phải bật một que diêm nước ngoài dài và sáng vừa một que đóm hút đủ mỗi thuốc lào.

Rồi hỏi to:

– Cô My Lan có nhà không?

– Ai đây?

– Tôi.

– Mời anh vào chơi.

Trở ngồi xuống. Bóng Trở im lặng. Ở Tiên Yên, ở Thất Khê, ở Lạng Sơn, My Lan đã thấy chúng nó khiêng về nhà thương những lính chết. Có thằng, hôm trước còn ngoe nguẩy, hò hét, uống rượu như tắm, hôm sau đã ra tha ma. Hỏi bảo nó đi “ba tui” bị Việt Minh giết. My Lan không trông thấy Việt Minh bao giờ. Nhưng nghe hai tiếng Việt Minh đã sợ.

Không ngờ Việt Minh lại là những người hiền lành. Bây giờ, Việt Minh là người thanh niên chân chỉ, đúng mực. My Lan chưa bao giờ quen một người chừng chạc như thế. Ý nghĩ ấy làm cho My Lan mỗi lần gặp Trở, tự nhiên được yên lòng.

Trở nhìn quanh, hỏi:

– Cái ảnh hôm nọ đâu, hả cô?

– Chị ấy lấy đi rồi.

– Tôi định đến xem lại. Sao ảnh giống chị tôi thế.

– Chị anh chết rồi cơ mà.

Trở ngồi im.

Lát sau, Trở nói:

– Anh Bốn có cho tôi biết qua về My Lan. Không sợ, xã hội bây giờ khác. My Lan cố học, có văn hóa rồi đi công tác, dễ thôi.

[1] B.M.C (Bordel mobile de campagne): Gái điểm lưu động ở mặt trận.

[2] KC (kháng chiến) tiếng lóng, một số người thành phố hay dùng gọi cán bộ, lúc Hà Nội mới giải phóng.

[3] Bernard Fall, tác giả phóng sự "Đông Dương 1946 - 1962".



hủ nhật, trong bãi rác cũng như thường ngày. Từ tờ mờ đất, Bốn xế lô đã khuôn miếng ván gỗ ra bắc cầu rồi đẩy cái xe qua rãnh nước trước cửa. Cả ngõ nghe tiếng bánh xe nhảy qua chiếc ván khắp khểnh kêu lục lục. Bốn xế lô đi làm sớm.

Nhưng ở ngõ này, một việc mới, tuy mới với đây nhưng các nơi đã thành nếp. Ấy là khoảng tám giờ sáng, ông Ba Góc vác cái loa đi dong ra dong vào. Bây giờ các phố lên Hàng Thiếc sắm cái loa dài thuôn, có quai, như chiếc phễu to. Ông vệ sinh viên bước thong thả, chốc lại đứng, đóng loa lên: A lo... A lo... Mời bà con ra tổng vệ sinh... A lo... Mời bà con ra tổng vệ sinh cho mỹ quan thành phố... A lo...

Năm trước, rau sam, dền dại, cây ké mọc xô lên ngang vách. Có người đi đêm đã bị rấn mai gằm ở ven hồ bò vào cắn chết. Tệ nhất đường cái, cứ tối đến, hầu như biến thành chuồng xí. Sáng ra, la liệt những gói giẻ, những túm giấy báo. Tiếng chửi rửa om lên. Sáng mùa hè, hàng đàn nhặng bay đứng cánh tròn như cái mâm tụ lại trên đầu mọi người, tiếng vù vù như tiếng cối xay. Nhà đã ẩm, thế mà đành phải đến tối mới dám mò mẫm ăn cơm để tránh ruồi nhặng, - nếu không thì phải buông màn kín mít.

Vệ sinh đường xóm xong, Trử ra hồ cọ rửa tay chân. Rồi Trử vào nhà anh Bốn xế lô. Trử đã hẹn Mỹ Lan lên khu Hàng Cỏ hỏi công việc.

Sau cái màn cửa, Gái - vợ Bốn xế lô, ngồi thủ mặt, chống xuống đất cả con dao cùn vừa nhặt cỏ. Trử toan hỏi: “Chị Gái chưa đi làm à?”, nhưng rồi thôi. Câu xã giao có thể vào lúc không hợp. Nét mặt Gái đang dăm dăm. Trử đến nhà Bốn xế lô nhiều lần, đã biết vợ chồng nhà này hay giận nhau vặt. Vợ chồng nhà ấy chưa có con, nên vẫn nhăm nhẩn lối trẻ con. Có hôm Bốn cẩu sưỡn, ngủ ngồi luôn trong cái xe bít kín cánh gà để ngoài bụi lau.

Vợ chồng Bốn xế lô có một nỗi buồn âm thầm, thành những dần vật không đâu. Vợ chồng lấy nhau có đến mười năm rồi, vẫn hai người hai bóng. Mới đến lần đầu, Trử để ý cái nhà tuy tiêu tụy, nhưng có bàn tay người trật tự, khéo, gọn, đâu ra đấy. Cái phản, chén nước sạch bóng. Nhưng khi biết vợ chồng nhà ấy hiếm muộn thì dần dần lại thấy cái gọn sạch kia lạnh lẽo, cô đơn quá, lại muốn giá nhà này được có tay chân trẻ con nghịch ngợm, xô lệch một chút thì vui hơn.

Thế rồi, bực bội, khó chịu, vợ chán ở phố phường, muốn về quê. Lần nào chị ở quê ra cũng kể bao nhiêu chuyện mới lạ trong làng. Ai bây giờ cũng có ruộng. Ở quê bây giờ chắc chắn nhất. Mình không vương phú nông địa chủ, sao không về quê. Nhưng Bốn cứ lừng khừng, ậm ừ.

– Khốn khổ, kiếm cơm trên bãi bùn này thì chỉ có bùn chứ đâu ra cơm.

Những người ngày ngày cầm cái xiên cái móc ra kiếm ăn bãi rác, đã bỏ đi đâu cả. Người khác lại từ những góc ngách nào các nơi lần ra đây, không ai biết. Có người bới ở đầu hồ, chỗ rác mới vừa đổ. Có người chỉ moi lại những chỗ rác đã lì để lấy mảnh chai. Cái mảnh chai, cái giẻ rách, chiếc giày vải tã, một mẩu gỗ con con, tất cả những thứ vứt đi, mà những xe rác đã chọn lấy một lần rồi bỏ vào cái giỏ treo lưng lẳng đầu còng xe, những người này lại bới, tìm lại cái gì còn lấy được. Cứ cách ấy mà sinh sống qua ngày, bao năm nay. Những bàn tay xám như đồng rác. Cả ngày mày mò bới mót trong cái bãi bốc hơi nóng hâm hấp, nặng nề. Đứng yên, khó lòng nhận ra trong bãi chỗ ấy có người.

Gái vẫn ngồi đấy. Gái kể chuyện ở trong làng đương gặt thê nào cho Trử nghe. Gái kể thích thú, cứ nói liên liên, không biết người nghe có nghe hay không. Trử ngồi phản trong, chịu chuyện. Thỉnh thoảng, điểm một tiếng “thê à”. Gái lại nói. Vui, khác hẳn cái mặt ỉu xiu lúc nãy.

Ngày mùa đông nắng to. Gió hây hây, trở nồm, vừa ẩm vừa nhẹ, bớt cóng giá. Đã nghe tiếng đàn chim vành khuyên ríu rít bay qua trên bãi xám xịt ngổn ngang.

Trử nghe tiếng My Lan hỏi phía ngoài:

– Có anh Trử trong nhà không, hả chị?

Gái đáp ra, trống không:

– Không biết.

Trử lạ. Mình ngồi đây mà chị ta lại bảo không biết. Có thể Gái ghét cán bộ, mà mấy lâu nay Trử không để ý. Nhưng My Lan đã bước vào. Vì My Lan đã trông thấy Trử.

Vừa lúc ấy, Trử nhìn Gái, gặp một phía lòng trắng con mắt đảo theo My Lan và khi thấy Trử để ý thì quay đi.

Trử đứng dậy, hỏi My Lan:

– Ta đi chứ?

– Vâng ạ.

Gái vào góc nhà lấy cán chổi ra quét lia lịa. Trử hiểu cái lối tai ác của những người hàng rong, đã không ứa mà thấy mặt, thì quét nhà, chửi cạnh, đốt vía, ném muối. Hình như My Lan không để ý thế. Cũng may.

Hai người đã đi được một quãng, qua hồ, ra tới phố. Những việc vừa rồi khiến Trử không vui. Trử cứ đi, im lặng.

My Lan nói:

– Nó lấy chổi quét em đấy, anh ạ.

Ra My Lan cũng biết. Trử càng thấy thương My Lan.

Hai người vừa đi khỏi, Gái quăng cái chổi, lại ngồi thừ mặt. Cũng chẳng thù hằn gì cái con giang há ấy. Đương chuyện với anh ấy cho khuây khỏa cái bực mình, nó dẫn xác đến. Chỉ làm tấy thêm cái bực sẵn. Gái đương bực bội tất cả. Cả bãi rác rưởi kia đã nuôi chị, đã cho vợ chồng chị nương thân, bây giờ đâm ra ghét kinh! Không muốn ở một mảy nào nữa. Mỗi lần về quê ra, cứ như từ nơi thanh thoát về chỗ tù tội. Quang cảnh quê tạnh tiếng bom tiếng súng, bây giờ đâu đâu cũng làm ăn đông vui, nhà nào cũng con đàn con đống - những người bằng chà bằng lứa mình ít nhất cũng có tý nhau, đứa lững thững, đứa ẩm nách. Nghĩ mà tủi. Rồi lại cáu gắt, buồn thêm. Thế là đâm bản, to tiếng với chồng.

Có người dắt xe đạp vào ngõ. Tiếng xích xe đạp lách tách dừng ngoài bờ rào rồi có tiếng người hỏi vào:

– Tôi hỏi thăm...

Gái nhìn ra, thấy một người đã đứng tuổi, mũ và quần áo ka ki mới vàng tươi. Bác ấy dắt chiếc xe đạp đen nhoáng, cao gồ. Người to lớn, khuôn mặt bè bè, đỏ gắt như người đi nắng nhiều. Cái khung xe lênh khênh thế mà tựa vào người, cũng chỉ thấy vừa phải.

Thấy người vẽ cán bộ. Gái nhanh nhẩu hỏi:

– Bác hỏi gì ạ?

– Tôi hỏi thăm nhà anh Bốn...

– Bốn nào kia, đây thì nhiều Bốn.

– Nhà anh Bốn làm xích lô.

Gái cười:

– Thế thì Bốn nhà cháu rồi.

Bác ấy đứng sững, nhìn quanh rồi nói to:

– Ô, thế này mà tôi không nhận ra. Đúng, ở chỗ mấy cây vông vào. Trí nhớ mình bây giờ kém quá.

Gái hơi ngạc nhiên vì câu nói có vẻ như người quen biết cũ. Nhưng Gái không đoán ra ai. Cả ở nhà quê, Gái nhớ, không có ai người đi cán bộ như thế này.

Gái hỏi:

– Bác hỏi đồng chí Trử ạ?

– Không, tôi hỏi anh Bốn. Anh ấy không có nhà à?

– Vâng, nhà em đi làm.

– Độ bao giờ về, hả chị?

– Hôm nay chủ nhật thì tối mới về.

– Thế tối tôi đến. Nhân thế, tôi về Hà Nội họp. Còn thì giờ. Tối tôi đến, tối tôi đến.

– Thế... thế bác ở đâu?

Bác ấy đã quay xe ra và nói với lại:

– Tối thế nào tôi cũng đến chơi mà...

Những nghĩ ngợi và đoán phỏng về người cán bộ vừa hỏi thăm đã khiến Gái nhăng nhữnng bức mình không đâu.

Gái vào xó nhà, lôi lên ba bốn cái xiên sắt. Rồi lấy đầu xiên móc ở gầm giường ra đôi giày vải. Cái giày người ta vứt đi, đã nằm chết ở bãi rác, được đem về, lại vá, lại cạp, lại đi được, nhưng cũng chỉ để đi một rác, bởi mỗi khi lồng giày vào chân, thì cả mép, cả đế lại phải quần tròn thu lu thêm những mẩu giẻ rách, thừng chèo, bù xù lên như giày tương tuồng chèo rạp Lạc Việt.

Gái đục thêm cái áo bông, không biết cốt khổ tải hay cốt bông, cốt dạ. Nhưng vỏ ngoài thì lợp cả sa loang lổ những miếng vải, miếng ni lông, cái xanh, cái bóng trắng, cái đỏ. Những miếng nhật từng chỗ ở bãi rác rồi phơi lên, - Như ai đi qua bãi thường thấy phơi từng đám giẻ và ni lông rách như thế. Mỗi mụn của mỗi người bỏ đi, thế mà lại dùng được. Như cái áo bông trăm miếng của Gái.

Ra bãi móc rác, mặc thế, đứng lẫn với rác. Nếu không nhúc nhích, đàn chim sẽ không biết, có thể sắp đậu xuống cả lưng, cả đầu.

Lúc này chỉ còn chăm chăm ra bãi. Gái thế, vui buồn như mưa nắng, như đồng bóng. Người ta bảo người muện con hay có tính chập chờn ấy.

Lại có một người vào ngõ. Cái ngõ vắng, ai thoáng vào cũng biết. Gái nhận ra: “A con mẹ Thư. Sao nó gầy xẹp đi thế. Chắc hồi này hết dõm”. Rồi Gái lại cúi xuống, quần giẻ thêm vào giày cho ấm và không chú ý.

Thư lừ rừ đi vào. Cái ngõ đã tổng vệ sinh, quang quẻ hẳn. Nhưng sự lạ ấy cũng chỉ thoáng qua, Thư đi rón rén, hai vai cụp lại, nem nép. Thư không muốn trở lại đây, mà phải trở lại. Thư sợ gặp ai. Thư sợ tất cả. Trời ơi, Thư sợ gặp cả em. Nhưng mà lúc nào Thư cũng nghĩ đến em. Trên đời bây giờ chỉ còn có hai chị em.

Thư đến trước nhà Bốn xé lô. Thư rụt rè nhìn vào.

Thư hỏi:

– À... chị... tôi hỏi...

Gái bực: “Hỏi... hỏi cái con khỉ... sắp đi, lại gặp gái”.

Tuy vậy, Gái chỉ bốp chớp hỏi lại:

– Gì thế?

– Chị Gái ạ, cái nhà anh cán bộ...

– Đồng chí Trử à?

– Vâng... vâng...

Gái nghech mặt, nói một cách chán chường:

– Ấy cái nhà cô giang há, con My Lan ấy mà, nó vừa quắp đồng chí ấy đi rồi.

Thư đứng lặng.

Gái điềm nhiên, đi ra bãi.

Ngoài bãi rác nắng to. Từng đàn chim sẻ, bay lượn nhắp nhô quanh những mỏm rác cao, những thùng xe ô tô đứng chống vộc lên đổ rác xuống, đương gầm gừ lùi ra. Cái xe vừa ra khỏi đám bụi mù mịt, người đã rùng rùng chạy tới chui vào, hoa xiên lên bới.

Gái không chạy lại, vẫn cằm cúi làm ở đằng xa. Gái hì hụi móc nốt cái hố hôm qua. Những chỗ rác đã mịn, bết, sắp thành đất không còn cái ăn nổi trên mặt như rác mới đổ, người ta đào kiếm mảnh sắt, mảnh chai.

Miếng sắt gỉ, miếng thủy tinh nào cũng bán được. Mảnh chai, miếng giẻ, miếng đồng, miếng sắt tây đem về chất đống trong gầm giường. Gái không ngại một cực nhọc nào. Có lẽ, cũng như số kiếp phải cúi đầu của những người ở ngõ này, cả đến bà lang thuốc ê hay vợ chồng nhà anh bán máu lấy miếng ăn cũng không ai nghĩ khác cái việc tận tụy tới ngày thế. Nhưng cứ sống vạ vật trên đống rác thế này à? Không biết thế nào, nhưng không thể thế này được. Về làng thấy công việc đồng áng, làm tới tấp như điều, càng đâm nghĩ. Minh vốn người đồng áng. Ngày trước, một tác đất chẳng có, bây giờ về lúc nào, được ruộng lúc ấy. Sao không về? Ở rúc ráy đây đến chết già? Nghĩ đến thế, lại giận chồng, giận chồng ương bướng...

Nhưng nghĩ thế thôi, việc làm cứ phải làm. Gái ngồi thụp vào hố, gõ kịch kịch, kéo một cái chai ra. Rồi, quăng lên đống vỏ chai lờm chờm phía trong. Cái chai ném mạnh, như cái tức mình, vỡ choác một tiếng.

Một đàn chim sẻ sà xuống, hót hoảng bay hất lên.

Có tiếng thét:

– Đứa giời đánh nào ném thế!

Gái trông ra, chẳng thấy ai.

Giữa bãi, nắng quáng mắt, người lẫn rác không trông rõ. Đến lúc nghe một câu quát nữa: “À con mẹ chết mất giống!”, bị câu quát đích danh ấy Gái mới nhận ra lão bầy chim sẻ - không biết từ lúc nào, đã đến ngồi thu lu ở chân đống rác. Tay lão nhắm nhắm cằm dãi lưới. Nếu không phải cái chai ném lên, chắc đàn chim sẻ ấy đã sà vào, được giựt rồi. Nhưng cái này mới diên tiết! Gái đã chôn chân cúi cổ ở đây từ lúc nào lúc nào, Gái đến trước. Nó đến sau thì mặc xác nó, ai biết đâu!

Bây giờ mới trông rõ, đây là lão Ba Tê.

Hồi này, gánh “Ba tê ô lê bánh tây” của lão điểm thêm đĩa chim sẻ rán. Người đi quăng lưới bầy chim sẻ khắp nơi. Ở chợ, có bán từng xâu chim đã vặt lông sẵn. Hàng quán có chim sẻ rán - món ăn mới quen. Chim trời cá nước mà thành tiền. Thỉnh thoảng, lão Ba Tê lại đi bầy lưới chim sẻ.

Lão Ba Tê cũng biết vậy, nhưng ức quá, lão phải chửi. Mấy hôm mất nắng, chim gi

chim sẻ không đi ăn. Bây giờ mới được một ngày hăng. Vừa thả lưới, mãi mới có một đàn sẻ mon men. Được thì lấy may, hụt thì đến xúi quẩy cả ngày. Thế có ức người ta không.

Lão Ba Tê lại nghiêng rằng:

– Con mẹ chết mắt giống nhé!

Lão Ba Tê vừa lau bầu rửa vừa cuộn cái lưới lại, nhét vào chiếc cặp da, định đi chỗ khác. (Nếu chỉ thấy lão cặp cặp, có thể tưởng là ông công chức mất việc đã luống tuổi). Nhưng lão chưa đi vội. Lão còn đứng lại, vênh bộ rìa trề... Con mắt giống... con mắt giống... lão như nghe câu rửa thắm thỉm của mình bằng mũi. Rồi lão cười khẩy.

Gái điên tiết, té tát chửi réo lên cái thằng “râu lông chó”.

Lão đứng đĩnh nói:

– Ai chả biết bà là vợ ông trưởng phố, bà bây giờ chửi ai chả được.

Lão Ba Tê trả lời mát mẻ và Gái đối đáp thế cũng là có tích cả. Râu tóc để bù xù vì trước kia lão trốn đi lính “động viên”. Đã già rồi cũng phải làm thế, Tây bắt đi lính tuốt. Người ta gọi đùa đấy là bộ râu “chống càn”. Nhưng thực cái lão phải gió ấy, nếu cắt tóc cắt râu đi, hai con mắt thao láo đảo điên như mắt trộm ngày.

Gái sấn sổ:

– Ừ, trưởng phố đây. Trưởng phố sắp vào khám ba tê thịt chuột nhà mày, sắp cho mày tù một gông, biết chưa.

Chích đúng nọc, lão Ba Tê im bặt.

Trong những năm đen tối, ba tê của lão pha thịt chuột, chẳng ai lạ. Thành phố, chuột hung nhúc đông như người, phải bắt nó nuôi sống người. Ba tê chuột, nhân bánh cuốn chuột, bánh giò chuột, mẩn thẩn chuột, thịt chuột luộc bán ở các chợ đầu ô...

Bây giờ, lão Ba Tê sợ. Có người bảo rồi người ta truy đến những đứa bán thịt chuột hồi ấy. Lão bị chạm nọc, im thít, cung cúc đi ngay.

Mấy hôm sau, lão Ba Tê dọn nhà. Vợ lão đi trước. Bỏ con còn lại, quảy vác có một gánh. Khoảng đất ẩm hơi người, chỉ trông vào ngày đã tuềnh toàng không ai biết đấy vừa có người ở. Lão bảo ở đây cái gì cũng bực. “Cứ trói buộc người ta, ai mà sống được”.

Gái cũng bỏ cái hồ đào thủy tinh. Ngẩng lên, thấy đằng phía Kim Liên chạy vào mấy cái xe rác mới, lù lù như cây rơm. Người đương bối quanh đấy chạy à đến những cái xe đương gầm gừ chậm lại - người bối rối loanh quanh như những đám rác rơi xuống trước.

Gái nhồm lên, bước sang. Tay xách thuôn sắt, Gái men những đồng rác cũ, nhìn đón. Đám người tỏa theo từng xe.

– Ối!

Gái thụt xuống một cái hố. Vừa sái chân, vừa bị mảnh chai đâm chảy máu. Gái tập tễnh ngồi ôm chân.

Chiều hôm ấy, Bốn xế lô đi làm về, nghe tiếng rên rỉ từ ngoài bờ rào. Vẫn để chiếc giày đen kịt máu như thế, Gái kể lể: “Ồi giời cao đất dày, tôi què gãy ở đất này thế này cho có người mát ruột...”.

Bốn xế lô tức, nhưng không biết làm thế nào. Anh bê cái hỏa lò trong gầm giường ra, nhấc bó củi sậy treo dưới mái tranh, lúi húi thổi cơm. Làn khói mỏng mảnh bò ngang lên mái giấy dầu như mọi buổi chiều. Gái vẫn khóc ti tỉ.

Người đi làm hay đi đâu về, mãi miết qua. Chẳng ai để ý tại sao Gái khóc. Người ta biết Gái hay đập mình đập mẩy và ai cũng đã biết nỗi buồn của chị ấy.

Bà lang thuốc ê ngất ngưỡng đội thúng đựng những lọ, những vò... Tay còn cầm

cành gai xam xọng. Chắc đem về gác bếp, lại sắp để làm thuốc. Người ta bảo trong thúng còn có nhiều thứ. Có cả guốc, quần áo, bát đĩa, nồi, khăn nhung, giẻ lau, củi... Mọi đồ đạc trong nhà, bà đều đội cả lên đầu. Đi đâu bà cũng đội đi thế. Ai cũng bảo bà là người Nam Định nên mới có được cái cổ đội cứng đến vậy.

Ông mài dao, bà bún riêu về trong ngõ, đi tha thui, lặng lẽ như con chim chích bé bỏng buổi chiều tìm tổ, cánh bay không động tới lá.

Chỉ ông Ba Gác ồn nhất. Ông ghếch xe chống bò lên tận ngoài hè phố, rồi từ từ về. Ông vừa uống một chén ở ngoài hàng. Trời lạnh, vẫn cởi áo ngoài, vắt vai. “Ở Sài Gòn, cứ nóng một tý thì không ai chịu mặc áo đâu.” - ông bảo thế. Không ai biết ông Ba Gác ngày trước ở miền Nam thế nào, lưu lạc ra đây từ bao giờ. Nhưng trong câu chuyện, ông muốn hàng phố biết xưa kia ông đã ở miền Nam nhiều nhiều. Mỗi câu, thường chêm vài tiếng lơ lơ. Khi thì kể Lục Vân Tiên... Khoang khoang ngồi đó chờ ra... khi thì cất giọng ru... ầu ơ, dí dẫu...

Thật ra ông Ba Gác là người ngoài này đã đi phu cao su hai “công ta” rồi về làm xe kéo ở Sài Gòn. Sài Gòn ngày ấy, người đi kéo xe toàn người các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú vào - cũng như người Thái Bình, Nam Định đi phu cao su nhiều nhất. Ông ở cái xóm lầy bùn bên Thị Nghè, đi vào phải bắc ván, bây giờ ông ở Hà Nội vẫn nơi lầy lội. Ông chẹp miệng, cả đời ông ở thế, không biết làm thế nào.

Ông vừa đi vừa ngêu ngao. Về đến nhà thì im. Như thế, biết là Lợi chưa về. Lợi đương học khâu giày trên phố. Nếu Lợi đã về, thế nào ông Ba Gác cũng bảo Lợi kể xem hôm nay Lợi làm những gì. Từ khi đăng ta về, ông thích nghe biết chuyện, mọi nơi. Lợi kể xong, ông mới ngủ.

Buổi chiều xam xám. Sương nhòa với khói cơm chiều bò dài từng làn trên mặt nước. Ngoài kia, bốn phía trời sạm đỏ sáng điện.

Lúc ấy, người khách hỏi anh Bốn xế lô ban trưa lại dắt cái xe đạp cao cao vào ngõ. Chiếc xe dựa vào bờ rào rồi người ấy bước vào trong nhà vẫn tối om chưa lên đèn.

- Tôi như hũ nút thế này!

Một que diêm kêu xoạt vừa lóe. Bốn xế lô lùi khỏi cái hỏa lò khói mù mịt, chớp chớp mắt, nhăn nhó nhìn ra.

Người khách nọ kêu to:

- Ô kìa anh Bốn, tôi đây mà...

Bốn xế lô cũng kêu lên, đứng sững, rồi nói: “Đồng chí cứ đứng đấy. Đồng chí cứ đứng đấy.” Rồi bỏ khách với bóng tối, Bốn xế lô chạy thoát sang trụ sở, bấm cái công tắc.

Cả xóm lóng lánh như hoa điện trên vách, trên cây.

Bốn xế lô về nhà, sáng điện và nét mặt từng bừng. Bốn xế lô sướng quá, tay cứ vuốt lên vuốt xuống tay áo ka ki của người cán bộ. Nổi sung sướng tràn ngập hơn cả niềm vui khách tới. Cái đương tắm tối, chột từng bừng, như chiếc công tắc mở điện cho cả xóm sáng chan hòa vừa rồi.

Hai người đã ngồi xuống phản.

- Tôi mong anh quá, mãi không thấy anh, tôi cứ nghĩ đại, không khéo anh hy sinh rồi.

- Tôi có liên lạc với anh hai lần, lúc còn Tây ấy mà.

- Có. Anh em về kể lại, tôi lo anh làm sao.

- Cũng là thường thôi. Lúc ấy cái sống cái chết biết thế nào. Như hôm tôi chạy vào

đây, nếu không gặp anh, tôi còn đâu đến bây giờ. Tôi vẫn định về chơi mà chưa có dịp. Có lúc nghĩ lại chưa chắc anh đã còn đây. Ở chui rúc thế này, giải phóng thì về quê chứ. Anh quê ở đâu?

Bốn xế lô lúng túng vì cảm động.

– Ấy tôi cứ nghĩ rồi thế nào cũng gặp lại anh, tôi ở đây đợi anh thôi.

Người khách cười xòa:

– Về quê đi, còn đợi gì nữa.

Bốn xế lô cười:

– Anh đã dạy, em vâng. Hôm nào em đưa anh về quê em chơi.

Rồi như nhớ ra, Bốn xế lô luống cuống nói:

– Anh ngồi chơi... Minh ạ, anh ấy xơi cơm... tôi đi đặng này...

Người khách chỉ kịp: “Ấy... ấy...”, Bốn xế lô đã vọt chạy ra, phóc lên cái xe không người, nhô lên đập nhoay nhoáy.

Người khách nghe đằng sau có tiếng nói khẽ: “Chào bác”.

Gái bước ra. Gái đặt ấm đun nước lên hỏa lò rục than. Rồi, vào chỗ tủ gỗ một ngăn, lấy ra cái khay, bốn chén hạt mít, chiếc ấm chuyên da lươn.

– Thế mà bác kín tiếng quá, chẳng bảo em từ ban sáng.

– Dở thế, tôi vẫn quen cái bí mật ở nội thành.

– Thế bây giờ bác công tác ở đâu?

– Bây giờ ai cũng về xuôi thì tôi lại lên rừng. Tôi làm lâm thổ sản, chuyên tải gỗ các ngọn nguồn đưa về xuôi, thành lái bè rồi.

– Thế bác gái nhà ta...

– Nhà tôi và các cháu ở Hà Đông, nông dân là quân chủ lực mà. Kia, chân chị sao thế?

– Em giẫm phải cái gai. Nhưng đỡ nhiều rồi.

Thật thì từ lúc khách bảo “thôi thôi, nên về quê đi”. Gái mới ngồi dậy. Chân đau như đỡ hẳn.

Vừa pha chè, Gái vừa nói:

– Nhà cháu cứ nán ná chưa chịu về. Nhờ bác nói cho một câu.

Một lát, cái xích lô đập không đã lộc xộc vào. Gói thịt vịt, cả kiệu và tương tàu. Bốn mua tận trên Hàng Buồm. Vừa về, thấy khách chuyện rôm rả, mà Gái thì đương chuyên nước, cười khanh khách. Chà chà, hết giận rồi.

Từ phía cuối ngõ, vẳng lại một câu hát. Câu hát cứ từ từ lại gần:

Đèo nào cao bằng đèo Châu Đốc

Đất nào dốc bằng đất Nam Vang.

Câu hát đã đi tới. Ông Ba Gác đến chơi.

Chẳng mấy lúc, mấy nhà trong cũng kéo ra.

Cả ngõ xúm đến nhà tổ trưởng có khách. Còn Bốn xế lô thì khoái quá. Ông khách mong đợi. Ông khách là cái bằng sống chứng thực cho anh Bốn có công hoạt động từ bóng tối, mà công to.

Bốn xế lô kể lại câu chuyện bí mật.

Hôm ấy, Gái đã ra bãi rác từ tỉnh mơ. Bốn đương sửa soạn xích lô, sắp lên phố. Bây giờ còn sớm. Sương đêm đọng mờ mờ, người đi giáp nhau mới thấy - giữa thành phố mà chỗ bờ nước như cánh đồng sương.

Một người chạy xốc vào nhà.

Người ấy, một bên áo rách sã, máu bết hai tay, cả vai, cả tóc. Người ấy là đồng chí này đây.

Người ấy nói:

– Tôi là Việt Minh. Tôi vừa thủ tiêu một thằng Tây mật thám ngay đầu đường kia.

Anh giúp tôi.

Ở làng quê hoạt động du kích, Bốn cũng từng khi trải khó khăn tương tự. Nhưng biết thế nào mà tin. Định nó bẫy thì sao. Bốn lắc đầu.

– Tôi không biết đâu. Ra đi.

– Anh không tin tôi ư?

Người ấy mắt môi, lật đật lùi nhanh ra. Phía đầu đường Kim Liên, đã nghe tiếng còi cảnh sát thổi réo, truyền tiếp, lan sang bên này. Chúng nó đã vây đường.

Bốn gọi giật người ấy lại.

– Cái... cái...

– Cho tôi mượn bộ quần áo

Trong nháy mắt, người lạ đã tươm tất trong cái áo dạ màu cứt ngựa của Bốn. Rồi đảng hoàng lên xe, ngồi ngật ngưỡng như người chơi đêm về còn mới ngủ. Bốn đạp xe ra đường.

Cả phía đường Vọng, cảnh sát đã vây kín. Bốn mãi miết đạp qua rồi ngược lên bờ sông.

Từ ngày ấy.

Câu chuyện xảy ra chớp nhoáng. Bốn xế lô cũng không biết tên người. Cũng không nghĩ có ngày gặp, nhưng Bốn vẫn mang máng giá có khi được gặp lại người ấy thì sung sướng biết bao. Tuy vậy, Bốn giữ kín không nói với ai. Đến Gái cũng chỉ mang máng mà thôi.

Mọi người hôm nay được thấy thật sự anh Bốn xế lô đã theo cách mạng từ bóng tối. Bà con đến chơi mỗi lúc một đông.

VI



My Lan ở lớp học ngoài phố về.

My Lan ngạc nhiên, trông chỗ khe cửa nhà lơ mờ ánh đèn. My Lan giật mình. Hay là Tứ? Không còn nhà nào trong lối đi còn đèn. Ở cái nơi quen đi ngủ từ tối đất, vào giờ này đèn điện chung một dây cả ngõ không còn. Ai biết chỗ thấp đèn dầu lên trong nhà mình?

My Lan nhìn ghé lên trên phen vách. Thoạt bóng người, biết đây là Thư.

My Lan đỡ lo. Khi biết là Thư, My Lan lại vui.

My Lan mở cửa, kêu:

– Chị Thư! Mới về đây à? Cháu Lâm đâu?

– Cháu ở đằng kia.

– Sao không cho nó về? Dạo này, chị có hay đánh nó không?

Câu hỏi vô tình khiến Thư đâm bực. Nó làm như mình lúc nào cũng đánh con. Nhưng lúc phải cầm đến cái roi, chị đau từng khúc ruột. Chị thương con. Chị chỉ có một mình nó. Nhưng mà nó hư, không biết làm thế nào, mẹ cứ vừa đánh con vừa khóc.

Trong ánh đèn tù mù, mặt Thư cau lại, ngẩng lên. Cặp môi rữ nét, nước mắt ứa ra. Gì thế? Chợ Giời hồi này hết thời, không còn ăn thua nữa. Cái chợ Giời, chỉ kiếm được khi nhón nháo. Bây giờ, chợ Giời dọn về Chùa Vua, như cái chợ bình thường, từng gian, từng khu, có mậu dịch, có trật tự đeo băng đỏ huyết còi, có giờ có buổi. Chạy hàng xách, buôn nước bọt, hàng lậu, kẻ cắp hết đất. Thư vốn hiền, chẳng qua phải lặn lội, để giựt lấy cái sống, thật cũng không biết làm gì khác.

My Lan hằng hái nói:

– Thư ơi! Vui lên, chị ạ. Cũng khó thật, nhưng lúc này chỉ khó với cái đứa không đặt nổi chiếc đòn gánh lên vai thôi.

Thư thoáng nghĩ: “Nó nói như cán bộ”. Nghĩ thế, tự dừng Thư hỏi, lo lắng, giật giọng:

– Đi đâu về khuya thế?

My Lan không chú ý tiếng Thư gay gắt. My Lan lại hớn hở và không trả lời thẳng câu hỏi của Thư, My Lan nói:

– Anh Trử hẹn sẽ đưa em đến khu đoàn thanh niên. Anh Trử dạy bình dân ở ngõ này đây.

Thư sửng sốt hỏi:

– Đi công tác à?

My Lan buộc lại nút khăn vuông, mỉm cười, không trả lời.

Câu Thư hỏi lại đẩy Thư đến một thế khó. Muốn nói thật một câu mà không biết nói thế nào. Và vẻ hớn hở của My Lan khác nổi bồn chồn, khi Thư nghe My Lan cứ riu rít chuyện về khu thanh niên, về công tác, về việc làm... về cán bộ... Những cái mới lạ chưa nghe My Lan nói bao giờ.

Thư ngắt lời, đột ngột:

– Này này... Trử là em tôi...

My Lan, bỗng tròn ơ miệng. Cái điều phảng phất đã thấy, mà lại, dường như chưa hề nghĩ ra. Thảo nào. Anh Trử cứ thắc mắc về cái ảnh. Trời ơi, chị Thư là chị anh Trử... My

Lan nghĩ đến Trử, thiết tha. My Lan bước lại trước mặt Thư, giơ hai tay, sắp ôm chầm cả hai vai Thư.

– Chị ơi!

Nhưng, một thoáng lạnh ngắt, toát từ đôi mắt Thư, làm châng hẫng hai bàn tay My Lan. Con mắt quắc lên hẳn học, tức tối.

My Lan chợt hiểu. My Lan nhớ lại từ lúc này. Trong đời con người thường gặp những hắt hủi, My Lan thính với kẻ khinh mình. Con mắt thờ ơ đương nhìn My Lan, My Lan là hạng người không ra gì. Con mắt kia đang nghĩ: “Trử là cán bộ kháng chiến, Trử là em tao. Mà không thể chó liếm mặt người. Tao đến để báo cho mày biết thế đấy”.

Sự ganh ghét lại hay xảy ra ở chính người cùng cảnh ngộ. Nhưng mà nào đã nên thế nào đâu! Làm gì mà ả này phải điên lên, thật dơ. Chị Thư mà thế ư? Chị Thư với My Lan mà... Chị Thư cũng độc ác thế ư? Chị Thư cũng như bà lang thuốc ê, như nhà anh Bốn, như bà bún riêu, như mọi người ở đây. À thì ra... cái nhà chị Thư kia vẫn giữ con người nanh ác. Nó là vợ thằng lính ngục, sống lẫn như trạch mà vẫn thế...

My Lan muốn văng một câu. Nhưng không nói được. Hai vế lạnh lùng sâu thẳm của hai người bỗng đối mặt nhau.

Cái lặng im không phải chỉ đau My Lan, mà đương cũng bàng hoàng cả trong Thư. Sự tức bực và lo nghĩ đến độ nói bật được ra, nhưng Thư lại nhớ lại, lại hồi hận, lại ngậm ngùi. Thư càng bồn chồn.

Thư vụt bước ra, chạy lao đi.

My Lan gieo mình xuống giường. Bỗng nhiên, mờ mịt chẳng hiểu từ này đầu đuôi ra thế nào cả. My Lan gục vào mấy cái áo rách xếp làm gối, My Lan khóc.

*

* *

Hôm ấy, Trử và cả chi đoàn thanh niên cơ quan xuống khu phố đi với những tổ tìm hài cốt chiến sĩ. Mỗi công tác lớn thành phố đều được tổ chức thành chiến dịch, các cơ quan tham gia.

Mười năm trước, khi cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu, những trận đánh của Trung đoàn Thủ Đô, của những đội tự vệ thành ác liệt ròn rã khắp trung tâm thành phố, chợ Đồng Xuân; phố Hàng Bạc, Hàng Bò, ra các cửa ô, Khâm Thiên, hồ Tây, Đông Dương Học xá, ô Cầu Rền...

Bây giờ vẫn còn nhiều dấu tích, mà người đi đường chăm chú nhận xét có thể thấy. Khoảng tường chi chít lỗ chỗ đen hỏ gạch. Một đầu móng đắp miếng vôi vá tròn tròn. Đây là những vết đạn. Đây là những lỗ tường được đục làm chiến lũy đường thông luôn các nhà.

Cả trong lòng đất cũng có những kỷ vật thiêng liêng. Ấy là nắm mồ vô danh, có đến hàng nghìn người bị giặc Pháp giết rồi đem chôn một hố. Chỗ sau Tòa án bây giờ, một dải đất và một áng cỏ. Và ở nhiều nơi, có khi không ai biết, có khi đồng đội đã chôn vùi xác xuống đây.

Thành phố tổ chức tìm hài cốt chiến sĩ.

Người đi đường thấy cạnh gốc cây nhội bên vỉa hè trước cửa một tổ cắt tóc, một hiệu phở, một cửa hàng bách hóa, gần cửa chợ Hôm, tấp nập, có người đến cắm lên một lá cờ đỏ sao vàng. Các chị mặc áo dài trang trọng, đem hương hoa đến. Khói hương tỏa ngát. Một chiếc mũ sắt và một cái tiểu sành để bên. Mấy người đương nạy gạch vỉa hè rồi bắt

đầu đào. Ở chỗ đông vui bây giờ, mười năm trước, có chiến sĩ đã nằm xuống.

Thanh niên cơ quan Trử tham gia các đội tìm hài cốt ở khu Hàng Cỏ.

Ông Ba Gác cũng vừa đi về. Cái xe ba gác được việc lắm. Trên lòng xe còn giắt những vỏ bao hương đỏ và những chân hương cầm đầy hai bên thành.

Ông Ba Gác buông càng xe, nói to với Trử, như kể với cả xóm:

– Chỉ dọc nửa đường Bà Triệu đã đào được mười sáu bộ xương còn tốt nguyên. Xe tôi cứ đưa tiễn ra cả bờ hồ Hoàn Kiếm, tập trung rồi có ô tô đem về nghĩa trang Mai Dịch.

Trử tạt vào nhà Bốn xế lô, đợi giờ đi dạy, học xong rồi mới về cơ quan nhân thể. Mấy hôm không đến đây, Trử không biết Gái bị sa hố mảnh chai ngoài bãi. Trử cũng không biết Gái đã rên rầm cả chiều hôm ấy. Nhưng Trử cũng không biết niềm vui đã khiến hôm sau Gái đi khám cẩn thận. Vết đau đã thôi tấy, đương khỏi. Niềm vui, niềm tin ảnh hưởng tới bệnh tật lắm. Gái đương như thế.

Vừa thấy Trử, Gái đã cười nói:

– Anh Trử cho nhà tôi nghỉ học hôm nay nhé.

Vẻ tươi cười của Gái làm Trử quên đi cái khó chịu hôm trước Gái nguyệt và quét nhà đuổi My Lan.

Trử hỏi:

– Đi họp à?

Gái, vẻ bí mật:

– Không.

– Thế đi đâu?

Gái cười:

– Nhà tôi bằng lòng về quê rồi.

Trử tròn mắt:

– Về quê à?

Bấy lâu, Trử đã hiểu nỗi riêng nhà Bốn xế lô.

Gái kể:

– Có đồng chí cán bộ rất thân với nhà tôi, mới về chơi. Đồng chí còn giữ cái áo bành tô nhà tôi mặc cho lúc trá hình trốn đi, đây này. Bác ấy đưa lại cái áo. Nhà tôi như trẻ con, nước mắt cứ rùng rùng. Bác ấy bảo nhà tôi nên về quê. Anh chị là nông dân mà lại không về làng? Chỉ hỏi có một câu mà chuyển đầy. Tài thật.

Gái còn nói dài dài, nói nhiều tiếng mới, Trử chưa nghe Gái nói thế bao giờ. Những danh từ mà anh cán bộ nói, Gái đã nhớ và nói như thế. Năm trước, người đàn bà khốn khổ này chỉ biết có cái bãi rác và nỗi buồn muộn màng. Bây giờ chị nói: nông thôn ta đổi mới... Chúng ta thi đua sản xuất... hạt thóc củ khoai là mặt trận.

Trử hỏi:

– Thế anh cán bộ ấy bây giờ ở đâu, hả chị?

– Bác ấy công tác trên rừng, về tre gỗ nửa lá. Vợ con vẫn ở nhà quê. Hy sinh thế đấy. Không màng đến công tác thành phố. Này buồn cười, tre gỗ nửa lá cũng là công tác à?

Trử nói:

– Tre gỗ nửa lá để xây dựng mà.

Gái luôn miệng: “Tài nhỉ. Ồ, tài”. Gái đương vui. Trử cũng muốn nhân đương chuyện, nói mấy câu về thái độ Gái đối với My Lan.

Trử lựa nói. Trử hỏi:

– Thế là anh Bốn về quê.

– Bảo về xem tình hình đã. Cần gì phải xem tình hình. Chủ tịch xã là ông chú họ, thế chứ còn thế nào. Về làng bằng về nhà rồi. Ngày trước bỏ ra đây cũng vì cái lúc trong bóng tối phải đi mà cầu cái sống. Nói thật thì cũng là lúc ấy sợ, có tham sống sợ chết. Nhà em tự ái cứ bảo: cái lúc cải cách ruộng đất có đưa tổ mình sợ chết bỏ làng. Đã thế không thêm về nữa. Ương mãi, bây giờ được đồng chí ấy nói cho một câu, mới thủng tai ra. Ấy nhà em vẫn thế, không thích thì vứt, đã thích thì làm chết thôi. Thế là dùng dùng về luôn.

Rồi Gái nói thêm, hả hê:

– Ấy rồi vài hôm nữa, ra rồi lại bắt về ngay cho mà xem. Hấp tấp chẳng kịp cho thu xếp gì đâu. Cứ như ma đuổi. Người đâu mà như lửa.

Đã xẩm tới. Ánh điện ngoài phố hắt lên những đầu nhà, những mô rác, những lùm cây. Đồi chỗ, trong bóng đen bật lên một khe sáng như những con mắt mở thao láo trong đêm. Người đi phía đường xuống ngã tư Vọng trông sang thấy bóng bãi rác in xuống mặt hồ tối đen lốm đốm, lấp lánh như ma trời ngoài tha ma.

Trở trông ra sau bụi lau, thấy có bóng người đi qua. Cái keng vành bánh ô tô lắc lư tung lên tiếng rè rè tới tấp, giục giã. Keng gọi học. Trở ngờ ngợ đoán My Lan. Lát sau, lại cái bóng ấy quay lại, Trở đã trông rõ My Lan. My Lan ngại vào. Muốn gặp Trở, My Lan đi loanh quanh ở ngoài.

Nghĩ vậy, Trở nói:

– Thế là vợ chồng chị sắp không ở đây nữa rồi.

Gái thở dài thượt một cái:

– Ngấy đến tận cổ đất này. Toàn quân chốn chúa lộn chồng, cờ gian bạc lận cả thôi.

Được dịp, Trở nói:

– Bây giờ khác rồi.

Gái cãi:

– Thế những như cái con My Lan thì thế nào?

Trở luống cuống vì câu nói phũ của Gái.

– Cô My Lan... My Lan...

Gái tiếp luôn:

– Con ấy chỉ đáng tổng đi Ba Sao[1].

Trở lặng người, không nói được. Trở ngồi im.

Lát sau, Trở mới nói:

– Không đến nỗi thế đâu. Cô ấy tiến bộ rồi.

Lại thấy có bóng người qua ngoài rào, Trở đoán vẫn là My Lan.

Cũng đã tới giờ học. Trở đứng dậy.

Gái ngó ra, trông thấy My Lan. Gái lẩm bẩm: “Có lẽ mắc nhau rồi”. Gái bĩu môi, quay vào.

Dưới gốc cây vông, những cành xương xẩu giơ lên nền trời nhờ nhờ.

My Lan hỏi:

– Anh Trở có nhớ cái ảnh hôm nọ ở nhà em không?

– Nhớ.

– Chị anh đây, anh Trở ạ.

– Chị Thư à?

– Vâng.

Rồi My Lan sụt sịt khóc. Nỗi đau đớn hơn tất cả những cơn đau từ ruột gan thấm thía ra. Trử không hiểu ra sao.

*

* *

Trử tìm đến nơi chị Thư ở.

My Lan đã nói cho Trử nghe biết nông nỗi đời chị Thư.

Nhưng My Lan không kể lại việc tối hôm trước Thư giận dữ đến bảo “Trử là em tôi”. Trử hỏi sao My Lan biết. My Lan chỉ nói My Lan biết, thế thôi.

Chồng Thư, không hiểu phải Tây bắt theo đi Nam hay bỏ vợ con đi, hay chết rồi, không ai rõ. My Lan cũng không biết mặt. Khi Thư giạt đến cái ngõ này, chỉ thấy có hai mẹ con chơ vơ. Nhưng rồi ai cũng biết đây là vợ một lính ngục. Nỗi lo ấy ám ảnh nặng nề. Lo quần, rồi sợ quá, không dám gặp ai. Không đi đâu. Cả đến người ngờ ngợ là em mình mà cũng không dám hỏi cho ra, không dám gặp.

Trử đến tìm chị Thư, vừa mong, vừa thương - trong kỷ niệm tuổi thơ vẫn nguyên hình ảnh chuyển đồ đêm ra Đồng Quan, hai chị em cùng đi hôm gặp chị lần sau cùng. Trử vào đến một ngõ hẻm phía Chùa Vua.

Phố vắng. Buổi chiều lạnh. Một người đàn bà đứng trong cửa hắt chậu nước ra cống rồi quay vào. Người đi làm về, dắt xe đạp, bước vội vội. Phía ngoài, có tiếng ồn ào. Trử quay lại. Một đám trẻ lằng xằng chạy, reo a a, như xem cái gì chưa tới, mà vương hai đầu đường, Trử chưa trông thấy.

Những ngõ phố, nhà ở chen chúc, lèn nhau, ngoắt ngoéo. Ngoài phố lớn, lúc nào người xe cũng cuộn cuộn. Nhưng tất cả đọng lại ngoài bờ tường. Trong này, lững lờ như không. Cái ngõ chơ vơ trên bãi rác hay cái ngõ hẻm ở kẹt vào giữa phố đông cũng thế. Lên ba bậc gác, trông quanh chỉ thấy những sân sau, những nhà vệ sinh đen mốc chon chón một mái chèo nổi đuôi, tưởng không bao giờ hết.

Ông hàng có chiếc xe bán cà phê, bánh mì ba tề, thuốc lá. Tảng sáng, xế chiều, chập tối, mãi miết, lộc cộc, lạch cạch, hấp tấp.

Có người hỏi ác:

– Phải ba tề chuột không đấy?

Ông cười hề hề:

– Muốn làm cũng không làm nổi. Ở cái buồng hoئن này, trông vào tận gầm phản ấy mà. Không, nói thật, tôi chỉ cắt mỏng lấy đồng lãi thôi. Giỏi cắt mỏng không phải mang tội.

Rồi ông cười hề hề. Có khi hết ba tề, lại xoay ra bán “tào sa”. Nửa đêm, đẩy xe đến ngã năm, cạnh gánh lão cháo gà, xôi gà. Vừa bán buồng bát, lại vào ngồi thườn hai tay trên đầu gối, thở dài: “Xoay nắp năm lần mà vẫn chưa được mở bát”. Tay sành xóc đĩa nói ý ngồi mãi chưa được bán. Có lúc vặc nhau với người ăn “tào sa” đậu trắng hay đậu xanh. “Khốn khổ, tôi có dối cái gì to tát chứ nói dối một tờ giấy trăm bạc thì làm gì. Có cái đậu xanh đắt phải cho thêm bột, chứ đậu trắng thì nuốt làm sao”. Lúc người ăn vừa đi khỏi, ông tặc lưỡi: “Nói thế chứ, bạc triệu đâu mà chuốc đậu xanh cho các ngài”. Ông cháo gà chỉ chịu chuyện, chốc chốc thở dài, bảo thẳng con: “Rửa bát đi. Mai vào hợp tác rồi còn bát đâu mà rửa”.

Cạnh nhà cô nọ - nhìn bộ mặt bự phần cũng đoán được việc cô làm. Cô không cần ai

hết. “Tao buôn lậu đấy. Biết thì bắt. Chẳng biết thì làm gì tao”. Ai gọi đi họp, cô bĩu môi: “Họp không ra gạo, học cũng không ra gạo, thế thì thế nào...”.

Các ả mà nói chuyện với nhau thì không chê được. Không ai biết các cô nói thế nào. Những tiếng lóng từ đời tám hoánh truyền lại, các cô thạo vanh vách.

– Chớ kẻo[2]

– Không được, phải kẻo kẻo[3]

– Tháng trước chỉ trách[4], chỉ thâm[5]. Làm ăn buôn bán đi tong rồi.

Những nhà khách bày cái thúng bán lật vật, quả chanh, quả ổi ngày ngày bưng ra bưng vào. Ôi chao, người với người mà ăn ở hàng ngày mới lộn xộn làm sao. Miếng sân rộng một hai sải chân, chỗ rửa bát, hôi hám. Đây cũng là nơi để ra đứng cãi nhau, quát tháo vang khắp ngõ.

Ngày nào cũng có người ném chậu, ném bát loảng xoảng. Rồi hét: “Mày chết thì ông đi tù... Ông đánh mày chết ông đi ngồi tù...” Nhưng rồi lại im, đầu vào đấy. Có người cười: ném cái thau nhôm, ném cái bát vỡ sắn đấy. Như diễn viên cãi nhau trên sân khấu ấy mà. Mai lại thế, ngày kia lại thế.

Mỗi nhà có một cái hỏa lò. Thổi nấu như hun chuột. Nhà nào cũng che màn che bạt sùm sụp để ngăn khói. Những cái tủ gương gỗ lát, những tủ chè mặt kính khảm sà cừ, đồng hồ báo thức, đồng hồ quả lắc đồ chuông thánh thót từng mười lăm phút, dạo nọ rước được ở chợ giời về những cửa miếu ấy, bây giờ đã ám khói cả đến mặt kính mặt gương cũng vàng ợt.

Trữ đi suốt vào ngõ. Cái ngõ cụt, không mấy người lạ vào đến. Cho nên, ai đương có ở nhà cũng nhòm ngó ra. Giữa ngõ, một cây vông mọc như nứt từ trong kẽ tường. Những ngõ chen chúc người ở hay có cây vông. Không biết chim tha hạt đến, hay người ta trồng cấm cản. Những cây vông mùa đông xù xì, khẳng khiu như cây khô. Mai kia, chớm hè, hoa vông nở đỏ khé trên ngõ.

Trữ ghé nhòm vào một cửa. Một người nằm trên phản, quay mặt vào trong.

Trữ nói:

– Cho tôi hỏi thăm.

Người ấy vẫn ngoảnh mặt vào, chỉ nghe tiếng, như quát:

– Ai hỏi gì?

– Tôi hỏi ở ngõ ta có nhà chị Thư.

Một tiếng gắt cụt lủn:

– Không biết.

Người ấy cũng từ từ quay mặt, lé mắt nhìn ra. Trữ đương đứng ngơ ngẩn. Chưa biết nên vào trong hỏi nữa hay đi ra. Vừa hay, Trữ nhìn thấy, Trữ reo:

– Kia ông Ba Tê. Ông ở đây à?

Ông ấy giật mình. Ông Ba Tê thật. Ông Ba Tê dọn ở bãi rác lên ngõ này. Ông Ba Tê có vẻ sợ. Ông ngồi dậy, ấp úng, gãi đầu:

– À... anh... đồng chí...

– Ông ở đây à?

– Vâng, vâng. Mời anh...

– Ở đây cũng bề bộn lắm nhỉ?

– Cảnh nghèo thì đâu cũng thế. Cái khó chả bó cái khôn mà.

– Ông cho tôi hỏi thăm nhà chị Thư có ở đây không. Chị Thư dạo trước ở đằng bãi

rác Vân Hồ với ta...

– Nhà Thư à? Có đây, có. Cái gian ngoài ở nhà trong cùng.

Thấy anh nói năng dịu dàng và hỏi thăm người khác, không động đến mình, ông Ba Tê đỡ lo.

– Mời anh vào nhà xơi nước.

– Tôi vào xem chị Thư có nhà không đã.

– Việc gì đây, anh?

– Không ạ.

Ông hỏi nhỏ:

– Lên tận đây bắt đi học à?

Trử cười:

– Ông sợ học văn hóa lắm nhỉ. Ông Ba Tê...

– Không, không.

Ông Ba Tê ra cửa tần ngần nhìn theo Trử. Anh này tìm hỏi cái nhà Thư làm gì. Hay là đi điều tra tông tích vợ con lính ngục. Hay là cả cái ngõ này cũng sắp có trụ sở, có lớp học, có hát múa. Chẳng kéo, đã làm tổng vệ sinh, đã đi họp với tổ ngoài phố rồi. Ông Ba Tê ngơ ngác. Thế nào đây?

Trử đi vào trong ngõ, đến căn nhà áp tường trong cùng. Trử gõ cửa. Cạch cạch... Không ai thưa. Mà cánh cửa chỉ khép hờ. Trử khê đẩy tấm cửa gỗ đã một lớp tướp.

Đây là một gian kín, không có cửa sổ, chỉ một cửa ra. Trử đương đứng sấp bóng. Phải chớp mắt mấy cái mới dần dần nhận ra xung quanh. Nhưng rồi cũng chỉ thấy độc chiếc chõng hay chiếc giường một kê phía trong, vừa một sải chân bước đến.

Lúc đầu không thấy người. Trử tưởng đây là cái áo cái quần rơi hay con chó con nằm dưới đất, ngay chân giường. Nhưng rồi trông rõ ra người nằm - một thằng bé. Nó nằm nghiêng mặt ra, hai mắt thao láo, trông thấy người vào mà im lặng. Mặt thằng bé nom quen quen. Đã gặp ở đâu. À thằng Lâm... Khi còn ở bãi rác, đã thấy nó mấy lần. Lại nhớ hôm bọn nó châm pháo nghịch ông thầy bói ở cửa đền Ngọc Sơn.

Rõ ràng nó thức. Tay nó vừa đập muỗi dết một cái. Nhưng không thấy nó đứng dậy. Nó cứ phủ phục bên chân giường. Mặt nó ngẩng lên. Hai con mắt nhìn ra, trắng nhả trong bóng tối mờ mờ.

Trử bước đến tận nơi, cúi xuống.

Trử hỏi:

– Ngủ đây à?

Chú bé trả lời trống không:

– Thức.

– Sao nằm dưới đất thế?

– Xích rồi.

– Sao lại bị xích ở đây? Ai xích em?

Chú bé cau có, không bằng lòng câu hỏi ngơ ngẩn của Trử.

– Mẹ xích chứ còn ai! Đứa nào mà xích được ông! Ông đánh bỏ mẹ.

– Tại sao mẹ xích?

– Đi chơi nhiều.

Bấy giờ chú bé mới ngồi dậy. Một tay nhấc cái chân giường, rút vòng xích chẳng ra rồi ngồi xếp bằng thu lu hai đầu gối. Chú bé nhoẻn miệng cười, nói như khoe:

– Nằm đất cũng hay chứ. Chẳng sao đâu. Đẩy, đẩy rút chân một cái được ngay.

– Thế tại sao mẹ xích?

Chú bé nói gắt:

– Đã bảo tại đi chơi nhiều mà.

– Rút chân ra được, lại đi chơi được chứ gì!

Chú bé cúi hẳn lên:

– Cổ chân có cái xích thế này bằng con chó đi chơi à?

Trở im. Chú bé ngồi chồm chồm, mặt gầy hóp, đầu to, như một người già choắt lại.

Trở nghĩ buồn, đời chị chìm nổi ra sao mà bây giờ đến thế này.

– Mẹ đi đâu?

– Mẹ à? Chợ giời thôi.

– Mẹ xích cháu thế này đến bao giờ?

Không ngờ, nghe hỏi thế, chú bé bỗng khóc òa, nước nỡ:

– Ngày nào cháu cũng phải xích.

– Ra đây, ra đây.

– Không đi được. Đau chân lắm.

Trở vuốt ống chân chú bé. Cái ống chân gầy, nham nháp, không biết là vết lở hay là miếng bunn khô rơi xuống.

– Bao giờ mẹ cháu mới về?

– Đến khuya.

Trở bùi ngùi, mắt rưng rưng.

Trở nói:

– Đi với anh nhé, đi với anh...

Chú bé mở to mắt, nhìn Trở. Rồi lẳng lặng cúi đầu.

Trở xúc chú bé đứng dậy. Nó run rẩy đứng, Trở ghé lưng cho chú bé ôm tay lên vai.

Trở công chú bé đi ra ngõ.

Mấy cửa nhà gần đấy, trông thấy anh cán bộ công đưa bé. Có người thò đầu nhìn theo. Nhưng không ai nói gì cả. Cảnh lạ ấy cũng chưa gọi được sự chú ý của cái ngõ phố lấm chuyện này.

Một ông đi vào, áo đại cán, mũ bọc vải xám, cặp cái cặp da căng phồng. Đây là ông phó cạo về nhà. Ông phó cạo đứng làm ở dưới gốc cây me bên kia dãy nhà 24 gian ngày trước, gần cầu Trung Đô. Mảnh vải viết chữ sơn đỏ “Bình Dân cắt tóc hai trăm”, mỗi buổi sáng đến, ông rút trong cặp, treo lên cành me. Cái phen che gió đã gài sẵn vào khe tường, vẫn để đấy. Ghế khách, cộc che dù thì gửi nhà bên cạnh. Bỏ cặp xuống, lôi miếng vải dù ra, treo cái gương lên chiếc đỉnh đóng vào thân cây, thế là xong phòng làm việc.

Dưới đất bừa bãi những tóc. Ông phó cạo đứng làm chỗ ấy từ năm nào, không ai nhớ. Chỉ thấy ông cắt toàn cho trẻ con và người quen. Bây giờ những người cắt tóc ít cầu kỳ, tỉa tốt. Có ông khách gia hạn: “Chỉ được năm phút, nhanh nữa càng hay”. Ông phó cạo cũng chưa bao giờ làm theo được ý ông khách nóng ruột. “Lên vành” rồi, ngẩng hai bên, rồi lia toanh toách, phải tà tà năm phút trở ra.

Ông phó cạo nói chuyện hợp tác thạo lắm. Ông thông tỏ những vốn chung, hao mòn tài sản, kế toán, quĩ phúc lợi, nghỉ được ăn lương, có lương hưu - sẽ tiến tới thế. Nhưng ông phó vẫn đứng một mình chưa vào. Còn dò la nghe ngóng, xem thế nào...

Lúc ấy, ông Ba Tê gọi theo:

– Anh! Anh cán bộ!

Trở quay đầu lại, rồi dặn với:

– Chị Thư về, ông nói hộ tôi đem cháu Lâm đi.

– Đem nó đi đâu?

Ông phớt cạo dừng lại, nhìn theo rồi nói chen:

– Cho nó đi ăn độn tù “săng tan” chứ còn đi đâu. Việc gì phải công. Cứ buộc cái dây lòi nó đi.

Trở tạt vào bãi rác hỏi xem anh Bốn xế lô ở quê ra chưa.

Đã xâm xâm tối.

Gái đương xách một con gà trống choai. Ở bãi rác, nhà nào cũng nuôi gà, mỗi nhà một kiểu. Có lẽ vì mọi người đều gốc quê, không nuôi con gà con lợn thì tiếc rẻ. Nhà Gái không nuôi gà nhốt ụ đất như nhà bác cả Chù. Buổi sớm, gà được thả ra cho đi kiếm ăn ngoài giậu. Con gà cũng biết thân, sợ lạc, không dám ăn xa. Chập tối, nó men từ ngoài rãnh vào, tìm ổ nằm ở gầm phản. Sáng rồi, Gái lại xách hai cánh, thả ra.

Bốn xế lô đơn đả:

– Có cái duyên tôi với anh thật. Đương mong thì đến. Đi đâu? Ở đây chén cái đã. Rồi tôi báo cáo với anh. Công đưa nào thế kia?

Trở đứng sững, hỏi lại:

– Thế nào? Thế nào?

Gái nói:

– Đun ấm nước uống đã chứ. Lấy cái nồi nhôm, được nước làm gà nhân thể, mình ạ.

Bốn xế lô bê hỏa lò ra giữa nhà.

– Công việc thế nào?

– Hỏi han kỹ lưỡng rồi. Về lúc nào nên lúc ấy.

Trở chăm chú vào cái hỏa lò đun nước giữa nhà và những công việc Bốn xế lô đương kể.

Bốn cười:

– Người ta ai chả muốn đẹp mặt. Bây giờ cách mạng đã đến rửa mặt, phấn sáp cho tôi, tôi mới đình huỳnh về chứ, anh! Thế nào cũng mời anh cán bộ biệt động tôi đã cứu năm ấy, thế nào cũng mời anh, các anh phải đưa tôi về tận làng chứ. Có oai không nào?

Lát sau, Trở bảo:

– Anh xem, có cách nào tháo hộ cái khóa ở chân cháu bé...

Bốn mới nhớ và để ý lại chú bé vẫn ngồi sau lưng Trở từ nãy, như cái túi ba lô trễ xuống.

Bốn điềm nhiêm nói:

– Thằng Lâm con nhà chị Thư đây mà. Anh vợ được nó ở đâu? Mặc thây nó. Chị ta vẫn xích nó thế thường.

Trở nói:

– Có gì thì bảo nó, giáo dục nó.

– Thằng này thì có giới bảo.

– Anh mở khóa nó hộ tôi. Tôi đem nó về, tôi bảo nó được.

Bốn nhắc cái khóa lên xem rồi chỉ khoảng một mẫu dây thép vào ổ, khóa đã nhả tách ra một cái.

Cả ông Ba Gác tối ấy cũng sang ăn cơm nhà Bốn xế lô. Lâm ngồi cạnh Trở. Hôm nay

Gái trông thẳng bé sao không thấy ghét như mọi khi chúng nó đi phá phách ngoài bãi. Chị thấy thương nó. Bởi chị đương nghĩ mai kia, về quê thanh thả, chị sinh nở, rồi chẳng bao lâu chị cũng có thằng con trai. Tự dưng anh Trử đem nó đến, nó ngồi ăn cơm vui vẻ thế này, là điềm tốt, điềm may. Biết đâu.

Ông Ba Gác, lúc đã ngà ngà, càng vui hơn.

Bây giờ anh kiếm em đặt rồi

Cũng giả tử như cây kim mà lòn sợi chỉ

Sao em không biết nghĩ biết suy

Em ham nơi quyền quới em không nghĩ gì tới anh.

[1] Ở gần Chi Nê, tỉnh Nam Hà lúc bấy giờ, nơi tập trung những gái hư hỏng của vùng bị tạm chiếm còn lại

[2] Chớ kẹo (Bốn đồng rưỡi).

[3] Kẹo kẹo (Năm đồng rưỡi)

[4] Trách (một đồng) - tiếng lóng của những người buôn bán sau 1954 ở Hà Nội.

[5] Thâm (Ba đồng) - tiếng lóng của những người buôn bán sau 1954 ở Hà Nội.

VII



ái ngô ở bãi rác lúc nào cũng nhộn nhịp. Tuy nhiên trông vào nhà bác cả Chù hình như vẫn chỉ êm đềm như thường ngày.

Nhưng không phải vậy.

Người ta tưởng nhà bác cả Chù êm ả thế chỉ vì nhà bác lúc nào cũng được sắp đặt gọn ghẽ đâu ra đấy. Bác cả Chù thường nói: con người có chân có tay, đi được làm được thì ở đâu phải ra ở, không thể luộm thuộm. Ở đây là cái lều tạm bợ, nhưng không thể xô bồ. Miếng vá dán cẩn thận của tờ giấy dầu trên mái phẳng phiu. Bốn phía mép, đã nẹp kỹ, còn chặn những hòn đá, cao như gờ tường, gió không thể lật được.

Cái hỏa lò có khói có lửa, đề phòng lúc bất cần, để tận góc xa. Cạnh đấy, một bao bì lá khô, mùa nào lá ấy. Hai cô con gái, khi đi chợ, khi đi lấy đất thó, lại khi đi quét lá. Lá xà cừ, lá sấu, lá nhội, lá bàng đổi nhau rụng cả năm, phố nào cũng có, chịu khó một chút, chẳng bao giờ thiếu cái đun.

Cạnh đấy, lù lù hai ụ đất, trong nhốt hai con gà. Gà đứng trong ụ, thò mỏ ra đớp cơm nguội. Bác cả Chù nuôi gà trong ụ đã quen. Bác kể ngày xưa các cụ còn nuôi gà trong ống, vỗ béo chóng lắm. Nửa đêm, gà trong ụ gáy tiếng ồ ồ lòng đất.

Chỗ bác cả Chù ngồi làm, một tấm phản ghép mấy miếng gỗ thùng đựng đồ, mua được ở đâu không biết. Những mảnh ván gỗ thông trắng đã ngả màu bò hóng, vẫn còn lại dòng chữ đen và vẽ cái ô dựng, biết đấy là thùng đựng hàng nước ngoài. Phản ấy, làm đấy, ăn cơm, khách khứa đấy, bác cả cũng ngủ luôn ở đấy.

Những con giống xếp hết trên gờ tường đất sau lưng phản. Ngày nắng, phơi quanh nhà. Mưa cát vào trong vách. Một góc bày những con tu huyết bôi phẩm đỏ, cạnh mấy chú lợn ống chưa tô vẽ, lù lù như hòn gạch mộc.

Bố con bác cả Chù đều chăm học. Đã bập bẹ biết mặt chữ, càng ham. Và bác cả Chù còn tính những chuyện làm ăn nền nếp hơn. Bác định mở lò gốm. Đã nặn được con giống, bác cũng biết nghề gốm.

Con giống chỉ bán được có mùa. Nhưng bác để ý không thấy chợ nào bán cái chậu, cái lon cho lợn. Lon cho lợn hay lon để làm cái rửa bát, thật tiện. Bác sẽ nặn lon đem bán các chợ ngoại ô, chợ Bưởi, chợ Mơ...

Mọi thứ đã sửa soạn đủ. Cũng chẳng có gì lôi thôi. Một bàn tay bác làm ra cả. Bác đóng lấy bàn xoay, làm khuôn. Sợi tơ tầm đem xe lại, bện thành dây bàn xoay, bền hết chỗ nói. Cái lò cũng đắp rồi. Lò nung chỉ vừa bằng chiếc hỏa lò, thật gọn. Lò đắp nhỏ, mỗi lần nung năm cái lon thì vừa.

Bác cả Chù đã làm thử một mẻ. Đóng giả đất như bột xám để vuốt khỏi dính khuôn đã vệt hết một góc. Vào lò chuyển thử ấy, chín già lắm. Bác đem cho nhà anh Bốn một cái, ông Ba Gác một cái. Ai cũng khen bác cả Chù thật có hoa tay.

Bác cả Chù nói:

– Tôi còn làm được cả liễn đựng canh men da lươn, men hạt lựu. Nhưng thôi, làm những của ấy lịch kích lắm. Bao giờ nhà nước cần, cho tôi vào mở lò sứ, tôi sẽ ra tay. Còn bây giờ chỉ tạm cái lon mộc thế này thôi.

Nhiều người đến xem bác cả Chù nặn, khéo quá. Bác ngồi nghiêm, chăm chú. Chỉ có hai bàn tay vừa vuốt vừa xoay với chiếc khuôn bằng con mắt nhìn mà đem cục đất thành

cái lon, cái chậu.

Ông Ba Gác chỉ khuyến khích bác cả Chù làm chậu. Ông nói: bây giờ ta là thành phố sản xuất, ai có nghề gì rồi sống. Cái bát cái chậu, nhà nào cũng cần.

Bác cả Chù ngừng tay xoay:

– Mời hai ông xơi nước. Cũng chưa biết thế nào đâu, ông ạ. Các đảng thì lạc loài, mà con chim thì có tổ. Tôi nghe bà con lên nói dưới quê tôi bây giờ làm ăn vui lắm. Mình là con người đồng đất, ngồi đây như ngồi cũi.

Ông Ba Gác nói:

– Hãy biết thế, ông ạ.

Bác cả Chù cười với Bốn xế lô:

– Ông Bốn cũng như tôi thôi.

Bốn nói:

– Tháng sau tôi về. Nhưng đảng nào cũng phải lo làm cái lễ bế mạc lớp bình dân này cho ra trò đã. Ngõ ta nhất nhà ông cả, ba bố con đi học được cấp bằng tốt nghiệp.

Ông Ba Gác cười, xuề xòa:

– Các người cứ đi cứ về hết đi. Đi cho biết đó biết đây. Còn lại một mình lão ở lại giữ Hà Nội cũng được.

Một buổi tối, lễ bế mạc phát bằng thanh toán nạn mù chữ. Như đám mít tinh ở ngay giữa bãi cỏ bên hồ.

Cả mấy phố quanh đây kéo đến, lại thêm người đi đường đứng lại vào xem, đông có đến hàng nghìn. Những tốp thiếu nhi đi đánh trống cà rình, cà rình rình... khua vào từng ngõ. Các tổ thông tin gióng giả. Ở ngã ba, ngã tư, ông thông tin chõng cái ghế lên mặt bàn ngồi vắt vẻo, ghé loa gọi bốn phía: a lo... a lo...

Các cán bộ dạy học thường ngày, hôm nay đến như những người giúp vui.

Các anh các chị ấy tham dự tiết mục hát. Một anh kéo đàn ắc-coóc, nghiêng ngả đầu nhịp cho tiếng đàn phập phồng. Vì nhân dân quên mình... Qua miền Tây Bắc... Nhị lang sơn... Đã bao lần nghe, đến độ trẻ em đương xúm quanh hội trường cũng biết dạt dào hát theo.

Người phát biểu là tổ phó ngõ phố - ai cũng biết, ông Ba Gác. Đời cũ nó ác như thế đấy, cái người vào Nam ra Bắc một đời như ông Ba Gác, thế mà bây giờ mới biết chữ. Ông Ba Gác vừa được xóa mù chữ trong lớp này.

Ông Ba Gác gấp gay mặt. Nhưng ông cầm tờ giấy lên, đọc rành rọt:

– Thưa bà con, tôi vừa biết chữ xong. Bây giờ thay mặt ban tổ chức, tôi cảm ơn các vị đại biểu và xin phát biểu. Có chỗ nào tôi đọc sai, các vị bỏ quá cho, đừng cười.

Bao nhiêu người đứng xung quanh vỗ tay hoan nghênh câu nói chân thật vang ra đến tận bờ hồ xa xa.

Có đến hơn một trăm người đã đọc thông viết thạo. Hầu khắp người trong ngõ phố. Cô Mỹ Lan, chị Gái, cả bà lang thuốc ê... Người vỗ tay rầm rầm, nhất lúc ba bố con bác cả Chù được gọi lên lĩnh giấy chứng nhận. Chủ tịch khu Hàng Cỏ ra bắt tay, đưa cho từng người. Phóng viên báo Thời Mới đề nghị ba bố con bác cả Chù đứng một chỗ, tay cầm bằng, cho phóng viên bấm điện chụp một bộ ảnh, mai đăng báo.

Một ông đứng xem, nói một câu lừng khừng. Mà ai cũng cười, không phản đối.

– Người Hà Nội mặt đẹp như vẽ thế mà hóa ra khối anh dốt đặc. Bây giờ mới chịu lòi cái đuôi dốt ra cho người ta cắt đi.

Lễ phát giấy chứng nhận xong. Bác cả Chù nói với anh Bốn xế lô:

– Mời ông về nhà tôi xơi nước. Tôi đã nói với ông Ba rồi.

Nhà bác cả Chù đèn sáng trưng ra cả bờ nước. Cạnh búi cỏ và bóng bãi rác xám, cũng xanh rờn, trắng menh mông.

Không phải xơi nước như bác cả Chù mời đâu.

Có một người cũng trạc đứng tuổi, đã ngồi trên phản. Bác ấy mặc áo đại cán ka ki xám. Trông cái quần nâu thì có thể đoán là người làm việc ở xã.

Giữa phản, đặt lù lù chiếc lồng bàn.

Bác cả Chù chấp tay, nói:

– Chú cháu ở quê lên chơi. Tài thế, tìm được đến đây. Thì ra hỏi trên khu thì nhà ai ở đâu cũng biết hết. Chú cháu làm thư ký ủy ban xã. Còn đây là ông Bốn, ông Ba công tác ở hàng phố, anh em cả, chú ạ.

Đồng chí cán bộ xã cười cười:

– Lúc này ra xem lễ phát bằng vui quá, em biết rồi.

Bác cả Chù nói to:

– Em bàn thế này thì không phải. Các ông mừng cho, cả ba bố con đều được bằng biết chữ. Vừa là để... Chuyện này, nhân có chú nó lên, em cho các cháu xuôi ạ.

Bốn hỏi:

– Dưới quê ta bây giờ thế nào?

Đồng chí cán bộ xã nói:

– Vui lắm ạ. Chúng tôi đương đi các nơi tìm bà con về. Mới biết hỏi theo người ta ra đến Hải Phòng mà còn nhiều người ở lại lắm. Về cả rồi. Phố Trì Chính bây giờ trên bến dưới thuyền, cũng như bờ hồ Hà Nội. Vui lắm ạ. Khi nào thông thả, mời các bác về chơi.

Bác cả Chù nói:

– Nào, xin các ông...

Cô gái mở lồng bàn. Một mâm thịnh soạn, nổi nhất hai đĩa thịt gà láng mỡ vàng hây.

Đồng chí cán bộ xã nói:

– Mời các đồng chí lên vui với chúng em.

Ông Ba Gác hỏi:

– Bác cả định về quê thật à?

Ông Ba Gác ngồi lên góc trong, gật gù so đũa:

– Phải truyền lại xong cho tôi cái nghề xoay xoay ra cái lon, cái chậu rồi mới về được.

Đùa thế thôi, chứ ông Ba Gác tối ấy thật phấn khởi. Ông Ba Gác cứ chuyện đi chuyện lại với đồng chí cán bộ xã.

– Tôi đã bảo mà, phải giải tán bớt người đi. Đất nước bây giờ đầy việc, ở đâu cũng có việc, ở làng đương cần người thì về làng, ngồi lê ở đây không được. Người như ông hộ pháp mà ngồi Bờ Hồ bán lơ hồng, thuốc sâu răng thì còn ra thể thống gì nữa!

Ông Ba Gác khoái đời đến lúc lên tiết mục nghêu ngao thì cả đến các nhà xung quanh cũng cười vọng sang, âm lên, nhộn ngổ.

Anh biểu em đừng có lấy chồng xa

Mai sau cha yếu mẹ già

Chén cơm đôi đũa kỷ trà ai dâng

Bỗng một lúc, ông Ba Gác lặng im rồi nói:

– Trần đời không ai sốt ruột thống nhất bằng tôi đâu. Câu chuyện dài lắm, nó vất lên

tận khúc, tôi đi phu cao su năm ấy...

Cứ kể, cả phố này, chỉ có tâm sự ông Ba Gác thật xót xa. Ông hay nói ba lơ, hay hát, nhưng đời ông buồn. Ông vào Nam làm ăn từ khi còn phải xuống Hải Phòng đi tàu thủy. Khi hết “công ta” thứ hai ở sở mủ cao su Quảng Lợi, ông ở lại, lấy vợ ra làm rừng làm ruộng quanh quanh. Người nghèo thì đâu kiếm được miếng, đây là quê.

Nhưng rồi đến ở nơi hẻo lánh cũng không kiếm ra cái sống. Vợ chồng đem nhau về Sài Gòn, đi kéo xe. Nhưng cái xe cũng chẳng nuôi nổi nhà bấy giờ bốn miệng ăn.

Một hôm, chồng bảo vợ:

– Cứ chúi đầu mãi ở cái chỗ chết giẫm này thì cất đầu lên sao được. Nghe đồn ngoài Bắc bây giờ không đến nỗi đói kém như trước. Hay là tôi thử về Bắc.

– Lại nghe đồn... chả nghe đồn mà về đây à...

Nhưng rồi người vợ ở lại với con nhỏ. Chồng và con lớn ra Bắc. Thời ấy, không phải mỗi lúc dễ chạy được suất tiền tàu hỏa mà đi ra đi vào đâu. Về đến đất Bắc, những lời nghe đồn vẫn là nghe đồn... nghe đồn... ở đâu, ở đâu... Thế là cái đau cắt đôi đời người từ đấy cho đến bây giờ.

Tiếng loa bên hồ vọng sang. Bản tin giờ chót trước nửa đêm của đài Tiếng nói Việt Nam. Loáng thoáng những tiếng... I Rắc... Li Băng... Rút ngay quân Mỹ... Sương đã xuống mù mịt ngoài trời thành phố. Ngọn đèn điện lấp lư như một cục bông trắng mỗi lúc một dày hơn.

VIII

Thư đứng lại trước một tòa nhà ba tầng ở cuối đường Lý Thường Kiệt. Đây là một trường học cũ có những vòm cửa cuốn đồ sộ. Bây giờ, một bộ phận của cơ quan giáo dục thành phố đóng. Tòa nhà uy nghiêm, lạnh lẽo. Đến lúc trông thấy đằng góc sân có những luống rau cải, những giàn dưa chuột, người ta mới nhớ ra đây là cơ quan của ta, chỗ nào thừa đất, mọi người cũng chịu khó tăng gia.

Thư đến chỗ Trử. Nhưng rụt rè không dám vào. Chị đi qua một lần nữa, vòng đằng kia. Bờ rào ô rô xanh kịt phía tay trái kéo dài trước mặt, tiếp theo cái tường gạch lờm chờm. Vào mùa này, trời mưa như rây bụi. Những đám mây tưởng như ở đầu mái nhà cao ùn lên, tan mờ bâng bạc trên những làn dây điện chằng ngang. Mưa bụi dai dẳng, không ra cơn, không ra lúc - ngày lại ngày.

Chợt nghe tiếng cười khanh khách trong bờ rào ô rô. Tiếng thằng Lâm. Chị Thư giật mình. Chị nhìn ghé qua bụi ô rô rậm rịt lờm nhờm gai, trông thấy Trử và Lâm. Hai cậu cháu loay hoay trên luống rau cải cuối vụ, mãi làm đến cởi cả áo, treo lên giàn dưa.

Lâm mặc may ô mới tinh - chắc cậu mới mua cho. Mắt nó cười ánh lên, thật vui. Chị Thư cảm thấy ấm áp hẳn trong lòng. Bấy lâu, mẹ con chỉ giầy vò nhau, lúc khóc lóc, lúc đánh đập, không khi nào yên. Làm sao thấy được lại cái vui như ngày Lâm còn bé. Nghĩ vậy, chị Thư muốn khóc.

Chị Thư nghe cả tiếng nhổ cây cải, bẻ những tàu lá to, ngồng cải gãy cục cục. Những tiếng ấy quen thuộc đối với bàn tay bép núc và người thạo vườn ruộng như chị Thư, nhưng chị Thư nghe lúc này sao nó lạ tai. Có lẽ bởi đây là con mình đương làm. Thằng bé, từ thuở lọt lòng, chỉ những quấy nũng, mẹ càng chiều càng hư, mẹ buồn quá rồi mẹ lại đánh nó, rồi mẹ khóc mà không biết làm thế nào.

Tiếng riu rít cười nói đã xa luống rau. Hai cậu cháu xách áo, ôm cải đương đi vào trong nhà. Chị Thư không còn thấy rụt rè như lúc nãy. Chị Thư theo bờ tường, đi thẳng vào cổng. Rồi nhìn xuống dãy nhà cuối sân, thấy cậu cháu Lâm đương hí húi rửa tay chân chỗ vòi nước.

Trử ngẩng đầu, thấy chị Thư. Trử nhận ngay ra. Chị vẫn như xưa. Chỉ có vóc người gầy nhỏ hẳn đi.

Trử cười, nói to, tự nhiên như đã gặp chị - vẫn gặp chị thường ngày.

– Em biết chị thế nào cũng đến được đây mà.

Trong khi, Lâm đứng trân trân nhìn mẹ. Ở cậu bé, điều gì vừa lạ, vừa hý hửng, vừa lo. Những mới lạ, những niềm vui tỉnh táo đầu óc mấy hôm nay khiến Lâm như cái cây được tưới nước. Bỗng mẹ Lâm hiện ra. Lâm thương mẹ. Nhưng nghĩ đến cái khóa, cái roi, Lâm lại rờn rợn, thấy tủi nhục. Lâm cúi đầu, không muốn nhìn.

Trử giục:

– Lâm kia, chào mẹ nào.

Lâm ấp úng, lí nhí trong miệng. Chị Thư cười như mếu, mắt rơm rớm.

Chị Thư hỏi:

– Cậu ở đây à?

– Vâng. Mời chị vào.

Thư theo Trử vào gian phòng nhỏ, cuối dãy. Mọi người xúm lại, nhặt rau, làm cơm

trưa. Bữa cơm canh cải nấu gừng, thêm bát muối vừng. Chỉ thế thôi, nhưng Thư cũng không để ý. Thư chỉ cảm thấy lâu lắm mới lại được ấm áp gia đình như thế.

Thư ở đến tận tối. Một ngày chủ nhật đầy đủ, quỹ quần của chị em Thư. Còn cả cơ quan thì vắng tanh. Ngày chủ nhật các cơ quan xuống đường phố tham gia công tác.

Hai chị em ngồi trông ra khoảng sân rộng trước mặt. Đã dứt mưa từ lâu. Bấy giờ chiều, nắng nhạt lốm đốm đuổi bóng lá xà cừ trên khoảng đất mịn. Người đi ngoài đường phố kéo xuống Bồ Hồ, càng chiều càng đông.

Bồ hồ Hoàn Kiếm, nơi hò hẹn và gặp gỡ của một thành phố còn ngổn ngang bề bộn. Người các cơ quan từ chiến khu về, chủ nhật mới có thì giờ để đi xem ngắm đường phố. Những cán bộ miền Nam tập kết, chưa đến Hà Nội bao giờ, thích hẹn gặp nhau ở Bồ Hồ. Cứ đi quanh vài vòng hồ, thế nào cũng gặp người quen. Quảng Nam, Bình Định, Sài Gòn, Bến Tre... Ngày chủ nhật, bồ hồ đông ghê người từ sớm tới khuya.

Trử ý tứ, không hỏi hoàn cảnh chị. Trử cũng không kể lại chuyện cái khóa xích mà hôm công Lâm về nhà anh Bốn. Chắc lão Ba Tê đã nói tắt rồi. Có thể, chị đã hỏi thăm cả My Lan. Có thể mới tìm được tới đây.

Trử nói:

– Cháu Lâm nó biết nghe lắm. Phải giảng giải cho cháu nghe ra... Làm cho cháu hiểu, chị ạ.

Trử tránh không nói đến đánh mắng, roi vọt, nhưng Thư tránh nghĩ, mũi lòng.

– Cậu ơi!

– Em biết chị thương cháu...

Trử nhìn chị, rồi thông thả nói:

– Chị Thư ạ, bây giờ em sắp đặt thế này. Em đã xin học cho cháu. Cháu Lâm sẽ đi học. Đừng để cháu lêu lổng nữa.

Chị Thư thần thờ:

– Nó cũng được đi học a?

Trử hiểu câu chị hỏi, càng thương.

Trử nói:

– Trẻ con đến tuổi đi học thì được đi học, em nào cũng thế.

Chị Thư vẫn ngạc nhiên, nhưng bây giờ thật thà hỏi:

– Người ta bảo nó là...

Trử cười:

– Ồi chà, vợ vẫn. Trẻ con đương tuổi ăn học, phải được ăn học. Còn chị nữa.

Chị Thư cúi mặt, rồi ngẩng lên, nhìn em:

– Tôi, tôi sao?

– Chị cũng phải thu xếp đi làm.

– Cậu bảo tôi làm gì bây giờ?

– Chạy hàng chợ giới là tạm bộ thôi. Bây giờ thành phố đương xây dựng, khối việc làm, việc này việc khác, chẳng thiếu. Em cũng đã có đơn xin công tác cho cô My Lan.

– My Lan?

– Còn đương xin, chị ạ.

– Cái cô My Lan ấy...

– Vâng, My Lan.

– Không phải người đứng đắn đâu.

– Hoàn cảnh cũ của con người đầy thôi.

– Cậu đã có thể nào với nhà cô ta?

– Chị đừng hỏi em thế.

Trử nghiêm mặt. Trử biết Trử không bằng lòng. Trử nói lại việc lúc này:

– Ừ cậu cứ tìm cho chị việc làm. Chị không muốn chạy vạy thế này đâu. Nhưng tôi sợ chẳng ai nhìn nhận mẹ con tôi. Người ta bỏ tù mẹ con nhà mày. Có người bảo thế. Chị sợ, chị tủi, không dám dằn mặt cả với cậu. Cái thân chị bây giờ...

Trử an ủi:

– Em hứa với chị rồi.

Thành phố đã lên đèn. Những tiếng ồn ào ngoài đường vọng lại đàng cuối sân. Trử hồi tưởng lại như ngày còn tám bé, còn ở vùng hồ ao trên Ngọc Hà. Mẹ chết ở cái lều tranh đầu đầm nước. Còn lại hai chị em. Những năm tháng cay đắng ấy để lại trong chị em biết bao thương cảm - đột nhiên, giữa buổi chiều êm đềm này, lại trở lại, lặng lẽ tưởng như vẫn ngày nào, càng thân thiết hơn. Trử nghĩ đến rồi thằng Lâm được đi học, mình được đi làm việc, rồi một ngày kia...

Trử hỏi Trử:

– Còn cậu, cậu định thu xếp cho cậu thế nào?

Trử cười to:

– Em à? Em thu xếp rồi. Em phải lo cho em trước tiên chứ.

Trử cười mỉm.

– Mới ngày nào mà chóng thật...

– Mấy năm sau em đi làm liên lạc cho bộ đội. Rồi em được đi học văn hóa.

– Công tác của cậu thì chị biết là thế này rồi. Chị hỏi cậu thu xếp việc nhà kia.

Trử cười to hơn.

– Em cũng thu xếp rồi.

– Cậu có mợ ấy ở ngoài hậu phương rồi à?

– Chưa, chị ạ.

– Thế là thế nào?

– Thế là thế này. Em chưa nghĩ đến việc lập gia đình.

Rồi Trử cười to.

Tiếng còi tàu rộn rã xa xa. Chuyến tàu Nam lên, xuyên ngang bóng đêm thành phố rung rinh ánh điện. Loa phóng thanh mắc trên lưng cây nhội ngoài đầu đường, đương phát tin tình hình vùng bắc Quảng Nam.

Trử đứng dậy, chăm chú nghe.

IX



rủ và My Lan vừa đi tới đầu phố Hàng Gai ra Bờ Hồ, gặp Tứ xích đến. Cái xe máy “ếch bà” xanh nhợt, tay khuỳnh khuỳnh quen thuộc.

Tứ mừng rỡ như Tứ đương đi tìm họ, mà gặp:

Tứ reo lên:

– A My Lan!

Rồi Tứ thân mật bắt tay Trử.

– Anh Trử, tôi biết anh rồi. Rất tốt, rất tốt được quen anh.

Cũng không rõ tốt cái gì. Có lẽ thói quen của anh ta nói thế - Trử nghĩ.

– Vào đây uống cái gì nhỉ?

Tứ mời khéo.

Rồi cả ba người tạt sang phố Cầu Gỗ.

Phố Tạ Hiền, một vùng quanh các ngõ, các phố hẻm từ sau lưng Hàng Buồm đến Hàng Bạc, lan một chút sang Gia Ngư, - khu ăn chơi lâu đời của thành phố.

Bây giờ đã đổi khác, nhưng vẫn còn vẻ rộn rịch, đông đúc khác thường. Rạp Chuông Vàng Thủ Đô, rạp Kim Phụng, rạp Lạc Việt chen chúc người mua vé. Chập tối, người đã tuồn đến. Có khi chỉ đi chơi tạt qua. Phải vỮng tay lái mới lách nổi được cái xe đạp. Người đi nhớn, đi ăn hiệu, đi thênh thang cho thỏa cái khi xe nhà binh Pháp, cả trong những ngõ phố hẹp nhưng nhúc nhủ người, cũng lao phóng xít vĩa hè. Tiếng phanh rộn gáy xiết kin kít.

Ba người vào phòng trà Phúc Châu. Tứ chọn một góc xa phía trước mặt cho đỡ ồn ào, trông ngang sang chỗ có cô gái đứng trong quây tiền. Cô gái Tàu, không biết thật hay giả, váy đen xòe múi, thắt lưng da đen bóng chít eo lưng ong. Váy và thắt lưng kiểu Đài Loan còn thịnh hành.

Tứ hỏi My Lan:

– Ăn bánh gai nhé.

My Lan lắc đầu. My Lan đi mỗi chân, chỉ muốn ngồi nghỉ mà thôi. Và My Lan còn đương băng khuâng từ lúc ở trụ sở đoàn thanh niên khu ra đây.

Chưa bao giờ My Lan gặp những tiếp xúc nhiệt tình thế. Những bắt tay chặt chẽ. Những cái nhìn hứa hẹn.

Một đồng chí mời My Lan ngồi và nói:

– Chúng tôi đã nghe đồng chí Trử giới thiệu đồng chí. Chúng tôi rất hoan nghênh. Hiện nay các công trường đương mở khắp nơi, Đoàn đương kêu gọi thanh niên đến các công trường ở Hà Giang, Lào Cai, miền Tây Nghệ An, ở Mộc Châu, ở Ba Vì, ở Thanh Hóa... Đồng chí muốn đi đâu?

My Lan lặng lẽ, thành thật:

– Đi đâu cũng được ạ.

– Trên giao cho đợt này lấy năm trăm thanh niên khu ta. Khi được đủ bốn trăm tám mươi thì hai mươi cán bộ khung chúng tôi cũng lấp vào đấy và đi luôn. Mời đồng chí ký vào giấy tình nguyện, số ba trăm năm mươi lăm...

My Lan cầm, đọc qua. My Lan đã biết chữ, đọc được. Nhưng lúc ấy bàng hoàng, không hiểu ý nghĩa của mỗi câu.

Đến lúc Trử đưa bút cho My Lan, tay My Lan run lên. Lần đầu tiên trong đời, My Lan viết một chữ ký. Nét chữ My Lan nguệch ngoạc, chỗ đậm, chỗ nhạt. Cảm như chữ mình cũng đương suy nghĩ.

My Lan ngược lên, nhìn Trử. My Lan nhớ lại cái buổi tối mở lớp, mãi tới khuya mới dám bước vào. My Lan đã khóc. Bây giờ My Lan biết chữ rồi. Chữ viết đầu tiên trong đời mình là lời hứa.

Uống cạn một ấm chè, Tứ nói:

– Đi chơi một tý nhé.

My Lan hỏi:

– Đi đâu?

– Kim Kim.

Rồi nói với Trử:

– Kim Kim cũng là bạn chúng mình.

Trử thì tò mò. My Lan bắn khoả và ngại. My Lan không muốn gặp lại người nào như bọn này.

My Lan chưa trả lời, trong khi Tứ hỏi Trử:

– Vừa rồi các đảng ấy đi đâu?

Trử vui vẻ nói:

– Lên khu đoàn thanh niên.

Tứ cười, ngạc nhiên:

– Thế à?

Rồi hỏi tiếp:

– Cả hai người.

Trử đáp:

– My Lan có việc thôi.

Tứ cười:

– Công tác à? Xung phong đi phu nông trường à?

My Lan sầm mặt:

– Không được nói lạc hậu thế.

Tứ nhìn My Lan cau có, tắt tưởi, Tứ nói:

– Xin lỗi. Đùa thôi.

Trử ôn tồn, giảng giải, Tứ cười:

– Mình thắm rồi, ông ạ. Xin lỗi vì dùng nhầm chữ phu.

Nhưng Trử vẫn nói ý của mình:

– Tôi quan niệm chúng ta có thể đi bất cứ đâu vẫn là vì Hà Nội.

– Rất đồng ý.

Rồi Tứ nói một câu chịu chuyện, hiền lành:

– Tôi cũng đã hiểu.

Lại cười, thân mật:

– Nên đi chơi một tý. Trước khi xa Hà Nội.

My Lan ngần ngại, đưa mắt nhìn Trử. Nhưng Trử đã trả lời Tứ:

– Ừ, đi chứ!

Trử đương muốn cùng đi và thuyết phục Tứ.

Ba người đứng lên, đi xuôi về phố Hàng Dầu. My Lan bước uể oải. Trử đương mãi

chuyện với Tứ, chẳng để ý con mắt nhăm nháy ma mãnh nghịch ngợm của Tứ mà My Lan không tiện nói ngay với Trử là nó quỉ lắm, đùa đấy thôi, không có gì đáng dấn đầu. My Lan lững thững đi bên cái xe “ếch bà” Tứ dắt.

Trời tối từ lúc nào và trăng rằm đã lên tròn trên nóc nhà.

Dãy phố nhỏ, so le, lúp xúp. Những mái nhà nhấp nhô hai bên đầu hồi chuôi vồ. Ánh trăng rải vun vút theo một bức tường dài. Chỉ trong những phố cũ ấy mới còn lại những dãy nhà cổ. Cái mái hiên thò ra một cửa sổ còn vết mảnh mảnh xếp. Những bậc cửa, vừa bước qua, đã hụp xuống, rồi thăm thẳm vào cách mấy lần sân đằng sau.

Sáng trăng in từng vết vàng im lặng cạnh ánh điện nhấp nháy, lơ lửng. Ở vùng cửa tối sau cái giải mắt cáo đan thành ô vuông, những miếng sáng xuề xọc. Trong sáng trăng cũng có mùi ẩm ướt của làn rêu ngói mốc và hốc tường cũ.

Tứ đứng lại trước một ngôi nhà hai tầng, tường vàng nhợt, tầng trên hàng hiên lan can con triện đắp. Nhà dưới, cửa còn mở. Giữa nhà, gian thờ, ánh điện bóng mờ hắt qua bức màn điều, âm u. Bên cánh cửa có cái đỉnh, gói lá chuối bọc hoa cúng mua tháng của bà hàng hoa đưa lúc nãy còn mọc đầy. Ngay dưới bàn thờ, một dây chum, chum nước mắm hay chum tương, không biết.

Một bà đẩy người, áo dài the hoa, từ bàn thờ quay ra. Trử cẩn thận cúi chào. Tứ dắt cả cái xe “ếch bà” kênh càng vào để trong xó, rồi cứ thế lẳng lặng đi. Bà kia cũng đứng dừng như không biết có ai chào mình. Bà rửa mặt ở cái thau đồng con chỉ bằng nắm tay, rồi hắt chậu nước ra cửa, như đuổi bọn người vừa vào.

Trử cũng không ngạc nhiên. Những cảnh người ở sát vách mà không quen nhau như thế. Người ta vẫn còn sợ dớp như hồi trước, biết lắm chỉ tỏ lòi thôi. Nhỡ bị mặt thám bắt, nó khai vạy cả cho người chào hỏi hàng ngày thì sao. Chi bằng im miệng.

Lên cái thang ở góc nhà rồi đi suốt qua ngóc ngách, như vào hang.

Hết hàng hiên dài như tàu hỏa, đến một góc tối mù. Thoạt tiên, Trử tưởng bức tường trơn.

Tứ vịn quả đấm rồi đẩy tay, cánh cửa hé, Trử sửng sốt đứng lại. Một kẽ sáng, chấm lờ, như khe rạn vỏ quả lựu chín - ánh điện và cả tiếng nhạc cũng đỏ chói. Bên trong, người đông như chen lên xe điện, đến đổi, mỗi khi từng cặp ôm nhau lượn qua, cứ đập phầm phầm vào cánh cửa. Nhiều người đương nhảy.

Tiếng kèn bập bênh, phòm phốp. Người nhảy quanh cái tủ. Một đám ba anh chàng sơ mi đen, kính đen, ngồi vắt vẻo trên bục. Mỗi người quay mặt một phía. Đánh trống. Thổi kèn. Gãi ghi ta. Những cái chân thả xuống, bắt nhịp, mái nhà, cánh cửa, mặt tường cũng phập phình bật lên xẹp xuống. Mà tài tình thế, ngoài bờ tường tối mò lúc nãy, hình như không nghe tiếng gì hay là Trử mới đến, không biết để ý.

Tứ chen thẳng vào giữa đám, ba người đến bên một cửa sổ đóng. Từ nãy qua từng gian, mỗi nhà một góc, có nhà chỉ vển vển có cái giường, một đồng chăn và mảnh làm bàn thờ đóng trên đầu xích đông, đến đây, lại sang một khu đời lạ hẳn.

Tứ nói:

– Chúng ta lại bàn chuyện đi xa nhé. Bàn ở đây mới hay. Bảo đảm bí mật, không bép xép công tác ở hàng quán. Tôi xin tiếp lời. Tôi nghĩ có khi người như tôi ở lại Hà Nội bây giờ làm việc có ích nhiều hơn.

– Nghĩa là thế nào?

– Hồi còn Tây, tôi đã mở một lớp, gọi là lớp Hùng Biện, dạy cách diễn thuyết. Ăn

khách lắm... Bây giờ...

Trử cười to:

– Thôi, lạc hậu rồi. Vấn đề không phải là trợn mắt, giơ tay, nhăn mặt, nhún vai, nói thao thao. Mà vấn đề là nói cái gì.

Tứ lại im, nhìn Trử. Không biết đương nghĩ gì hay vẫn nghĩ cười anh cán bộ thật thà.

Tứ bỗng nói to:

– Không sao, không sao. Ngồi chơi đây, muốn nhảy, muốn về, muốn thế nào cũng được. Nhưng đừng chê. Thời buổi khó khăn này có được cuộc chơi còm không phải dễ.

Một cô xúng xính bước tới. Mặt tròn hệt bà chủ nước mắm dưới nhà. Tay xách chai rượu vuông. Tứ đỡ chai, nói với Trử:

– Giới thiệu anh: Kim Kim, vừa là chủ nhà, vừa là chủ cuộc chơi.

Rồi Tứ trở lại chuyện lúc nãy:

– Ừ, cứ kể cái lớp hùng biện thì lạc hậu rồi thật. Ta bàn việc khác. Anh xem chúng tôi có thể làm trường dạy khiêu vũ được không. Phong trào nhảy đầm ở Hà Nội dạo này khá lắm. Nhưng cũng còn lĩnh lĩnh, quê ơi là quê. Mở lớp dạy nhảy chắc phát tài.

Tứ đứng dậy, ra nhảy với Kim Kim.

Câu chuyện qua lại trên vai hai người.

– Chúng nó nhặt được nhau ở đâu?

– Biết được.

– À kia có vẻ muốn về quê.

– Tốt đấy.

– Làm sao xui nó bám được. Có lúc cần.

– Mình thử rồi.

My Lan ngồi im, chán đến lợm giọng. Thấy mình bây giờ lạ lờ với cảnh lia chân qua hàng đèn tím riềm sàn.

My Lan tưởng tượng tới một đoàn người hăm hở đương đi về phía chân trời xa xa...

Lát sau, My Lan và Trử đã đi dưới đường.

– Em không muốn vào những nơi nhố nhăng này nữa.

– Mà thôi, cũng là tôi tò mò.

– Em nhăn mặt bọn chúng nó. Cái con Kim Kim, bà béo dưới nhà là mẹ nó.

– Ồ...

– Như người dưng, có phải không anh?

– Lạ thật.

– Thế đấy.

Trử vẫn băn khoăn:

– Tại sao chúng nó cứ nhớn nhơ như thế mà chịu được?

Nét mặt My Lan xịu hẳn. Câu Trử hỏi đọng lại bao nhiêu điều chua chát đã chôn vùi.

Về tới cuối phố Huế, Trử nói:

– Thôi, đừng buồn. Ngày hôm nay chỉ nhớ một việc phấn khởi. My Lan đã tình nguyện xung phong đi, thanh niên đi bất cứ đâu.

Trăng giải ra nhạt nhạt trên ngõ phố vắng. Không có ánh nhấp nhô, nghiêng ngả như ở những mái nhà, những gác thượng trên phố. Rõ mồn một những cảnh vông khảnh khiu và những gò rác đen thẫm. Mùi hoa sữa từ những hàng cây ven hồ đưa vào

trong đêm.

Trở tưởng My Lan đương không vui. Nhưng không phải. Bọn Tứ và cái sà n nhảy làm My Lan khó chịu.

Nhưng những bức mình cũng không động lâu. My Lan phải ngủ sớm.

Hôm sau đi làm. My Lan vẫn đi gánh cát. Những buổi sáng công trường cát An Dương. Trên sông Hồng, gió còn se se lạnh, cát cuốn bụi đỏ rực. Mặt nước tận đàng cuối bãi dâu phía Yên Phụ, Nghi Tàm cũng như có khói lên. Những chiếc xe vận tải ba cầu lên xuống lấy cát. Những ngời vắn vợ không thể chen được vào công việc mê mải và nặng nhọc.

My Lan đương hy vọng, chờ đợi. Phấp phồng, nhún chân, như con chim sắp cất cánh.

Một sớm tinh mơ. Chuyển xe lửa rời ga Hàng Cỏ, tiếng còi và đoàn tàu chuyển động qua vòm sương trắng mờ. Thế mà đã nghe tiếng ông Ba Gác từ ngoài đường đi vào. Ông Ba Gác lên hộp trên khu từ lúc còn tối đất. Có công tác đột xuất. Bây giờ ông Ba Gác về. Tiếng choang choác như mọi khi gọi a lo... a lo...

– Đổi tiền! Đổi tiền!

Người xông xáo chạy ra.

– Cái gì thế?

– Đổi tiền.

Cả ngõ đã ra nghiêng ngó, thì thào.

Đến lúc tụ hội lại mới biết bây giờ cũng không còn mấy ai ở ngõ này. Vợ chồng anh Bốn xé lô về quê từ tháng trước. Bố con bác cả Chũ xuôi Phát Diệm rồi. Vợ chồng anh “bán máu” đi đâu - có người nói họ đã xin được làm ở xưởng dép lốp trên Bưởi và đã lên đây ở để gần chỗ đi làm.

Chẳng mấy chốc, trong ngõ còn người nào đều ra đường hết. Chưa ai biết đổi tiền đổi nong ra thế nào. Nhưng không mấy lo. Chẳng ai có tiền mà lo với lảng. Đây cũng như các vùng ngoại ô, đời sống kiếm ăn từng bữa phụ thuộc vào thành phố. Người quét đường, bới rác, cắt tóc ở Vĩnh Tuy. Người trước kia làm bồi bếp, giặt là, thợ may ở Thủ Lệ, ở Cổ Nhuế. Hàng quà vật, làm nhà da, sở xe điện, nhà máy bia ở Thụy... Người ta đến các bàn đổi tiền, tay cầm vài tờ giấy bạc, như đi chợ Đuối, chợ Mơ. Có người không có đồng nào chỉ đi xem thiên hạ đổi.

Người xúm xùm đọc các sắc lệnh. Những tờ giấy, mờ sáng hôm nay mới dán lên, mà đã nhanh chóng khắp các phố. Tối qua còn im như không, chẳng ai biết có việc gì sớm nay.

Hội đồng Chính Phủ... nhận định... xét thấy cần phải củng cố và nâng cao hơn nữa sức mua của đồng bạc để thuận tiện giao dịch... tỏ rõ tính ưu việt của chế độ ta, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà...

Hội Đồng Chính Phủ...: 1- Cho phép Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành các loại tiền Ngân hàng mới. 2- Thay đổi đơn vị tiền tệ là 1 đồng tiền mới ăn 1.000 đồng tiền cũ...

Hội Đồng Chính Phủ kêu gọi toàn dân tích cực tham gia...

Nhiều người trên phố bỗng ào đi chợ, tung đi mua bán nhiều quá. Cứ như có mây ngả cuốn người vào. Mua bán nhanh, như cướp giật. Từ chợ Bắc Qua xuống đầu ô Cầu

Rền, chợ giời mọc chớp nhoáng. Sợ “sắp hết các thức”. Rồi cả muối cũng lên giá theo tiền mới. Tiếng đồn nháo nhác, nháo nhác. Lại tiếng đồn: cái nhà phố trên có 6 triệu đi đổi, chỉ được lấy về 2 triệu, còn 4 triệu nhận một tờ giấy séc, tiền ấy Nhà nước mượn. Tiếng đồn... Tiếng đồn...

Giá chợ, cái gì cũng bỗng lên vọt. Bát, mâm nồi nhôm, vải... Xe đạp đương 50 vạn lên một triệu, triệu rưỡi. Cổ mua, mua nhanh trong sáng nay để khỏi phải bỏ tiền ra đổi. Lại đồn: có nhà đốt cả hòm giấy bạc. Có nhà ném giấy bạc từ gác xuống đường, như lá bàng rụng, có nhà... không muốn cho ai biết thật khả năng mình. Cả những người chỉ có vài đồng dính túi cũng không muốn người khác tỏ tường mình có tiền hay không.

My Lan ra đầu phố nghe ngóng một lát thấy cũng chẳng bận gì đến mình lại xuống An Dương gánh cát. Đi cho được buổi, như thường ngày.

Đến bờ hồ, gặp Tứ đồ cái xe “ếch bà” xích trước mặt.

– My Lan, My Lan về ngay.

– Làm gì?

– Có việc.

Mặt Tứ lặng ngắt. Không nhớn nhợ như mọi khi. Khác mọi khi, hôm nay Tứ mặc áo đại cán đóng khuy lên tận cổ, màu xám nhạt. Kiểu may và thứ ka ki mềm dặt tiền, cho thấy đây là áo may đẹp của những hiệu ở Hà Nội, không phải áo may ở Thái Nguyên, ở Sơn Tây trước khi cán bộ vào tiếp quản. Ra vẻ “anh cán bộ”, cũng đại cán, nhưng cán bộ ăn diện, trông bảnh bao hẳn.

Vào đến nhà, Tứ ngồi xuống, đặt một gói to vừa tháo ở lòng xe ra.

Tứ hỏi My Lan:

– My Lan biết trên phố đương đổi tiền chưa?

– Biết rồi.

– My Lan đi đổi chưa?

My Lan cười:

– Có tờ nào mà đổi đâu!

Tứ nhìn ra cửa rồi nói nhỏ:

– Bớ tiền này, đem đổi cho tôi. Rồi giữ lại bao nhiêu tiêu cũng được. Đổi ngay sớm nay.

My Lan nhìn Tứ cởi gói bạc. Những chồng giấy đỏ hây, mới cứng, bó từng xếp, cao đến mấy gang tay dựa vào nhau. “Làm gì mà lăm tiền thế kia? Tiền mới như tiền giả.” - My Lan bắn khoả. Nhưng My Lan cũng dừng dừng không để ý cả câu Tứ vừa nói. Từ mấy lâu nay My Lan đã có thái độ. Lần này nữa, My Lan không muốn rầy vào. Không khó, bởi My Lan đã có ý dứt khoát từ lâu. My Lan không muốn tò mò. Mặc chúng nó.

Tứ lại nói:

– Rồi My Lan đi hỏi cho tôi, hỏi khéo nhé. Nhưng chắc chắn hỏi người nào tin được. Ai muốn đổi tiền thuê. Gán hẳn một nửa. Bao nhiêu đổi cũng có. My Lan cầm lấy đi đổi chỗ này. Tôi còn đem đến nữa. Tôi đợi đây, My Lan đi hỏi xem.

My Lan ngồi im.

– My Lan đi hỏi đi.

My Lan thờ ơ nhìn ra ngoài rào. Sương đã tan, chưa nắng. Nhưng hôm nay chắc nắng to. Kìa nắng đến phía kia rồi. Bóng những gò rác che rợp cái ngõ, còn tưởng như tối đất. My Lan lưỡng lự. Không phải lưỡng lự có đi đổi cho Tứ hay không, nhất định không

rồi. Nhưng My Lan nghĩ: mặc xác mày. Mà My Lan chưa biết nói ra thế nào.

Tứ tình ý, đã đọc được những băn khoăn trong mắt, ở cái kiểu ngồi thờ ơ của My Lan.

Tứ nhẹ nhàng, vừa van vãn lại dọa khéo:

– Không bao giờ bọn KC nó coi mình ra gì đâu. Ấy là nó chưa biết chúng ta đã gặp nhau ở Tiên Yên. Chúng ta có thể bị ngồi tù.

Tiếng Tứ nhẹ nhàng, những dọa dẫm cứ như xỉa vào, buộc vào.

My Lan hốt hoảng.

– Anh làm cho Pháp, tôi làm gái nhảy. Không dọa nhau được đâu.

Đây là sự thật. Nhưng đây cũng là nói phòng xa thôi. Lúc nào chúng ta cũng phải giữ mình như thế, khi đối xử công việc hàng ngày. Bây giờ My Lan đi hỏi xem có ai đổi tiền, hỏi người cẩn thận, rồi...

My Lan xằng giọng:

– Không đi!

Tứ đứng lên, ngồi xuống. Tứ sục tay vào túi. Như nắm tay định đấm, định tìm cái gì. Rồi lại ngồi, trừng trừng nhìn My Lan. Quá mà không làm thế nào được.

Tứ nói như rít hàm răng:

– Thật chứ?

My Lan không trả lời. My Lan gườm mặt nhìn lại Tứ. Tứ biết ngay có nói nữa cũng không ăn thua. Vả, thì giờ đương gấp, không chờ được. Tứ xách gói, đứng dậy đi nhanh ra.

Ông Ba Gác ở đâu tới. Như biết có người vào đây, ông Ba Gác hỏi to:

– Anh đi sớm có việc gì thế?

Tứ cười cười:

– Đi chơi thôi ạ.

Ông Ba Gác nói:

– Anh phải biết hôm nay ngày đổi tiền. Cả ngày hôm nay, ai ở tỉnh nào ở yên tỉnh ấy, không được nhốn nháo đi lại, không được phao tin nhảm.

My Lan bảo Tứ:

– Ông tổ trưởng dân phố đấy.

Tứ cười, bắt tay ông Ba Gác:

– À tốt, tốt. Tôi cũng chưa đi đổi tiền. Thế thì phải về đổi mới được.

Tiếng cái “ếch bà” nổ máy rộ lên, vụt đi.

Ông Ba Gác hỏi My Lan:

– Cái cậu mọi khi hay lảng cháng phải không? Hôm nay ra về cán bộ nhỉ? Đến làm gì sớm thế?

– Gạ đổi tiền hộ!

– Úi giờ! Thế mà cô không bảo ngay tôi!

– Kệ nó!

– Ờ hay, để gô cổ nó lại chứ!

Ông Ba Gác cứ... à... à... khổ quá, rồi chạy ùng ùng ra. Nhưng cái “ếch bà” đã mất tăm rồi.

Tối hôm ấy, Trữ cảm giấy của khu đoàn thanh niên đến cho My Lan.

Ông Ba Gác lại đến.

– Anh Trử à, cái cô Mỹ Lan ngớ ngẩn quá.

Trử hỏi:

– Có giấy khu đoàn thanh niên gọi cô ấy đi công tác.

– À à... Mừng quá hóa ngớ ngẩn chắc!

Rồi ông Ba Gác cười to.

Gió đập qua những cánh cửa sổ nhà cao rồi ù ù xuống những cành vông khẳng khiu vừa nảy lộc. Nghe tiếng gió, ngẩng lên nhìn trên đầu, mây đen cuộn cuộn như bóng những gò rác ngả sập xuống. Rồi ập mưa. Trong thành phố vương nhà vương tường, cứ mưa đến nơi mới biết. Trận mưa rào đầu mùa hạ. Tiếng mưa lộp độp, gấp gấp, âm ầm trên mái, trên ống máng tôn...

Mưa như xối nước xuống. Nhưng dứt hạt nhanh. Mưa tạnh rồi mà lòng cống còn réo ồ ồ.

Mỹ Lan cẩn thận, gấp cái giấy mời của khu đoàn thanh niên vào trong gối.



ó đến mấy năm sau.

Đương cử cuối xuân chớm vào mùa hạ. Quanh hồ Thiền Công, những cây găng tây hoa như đào phai, những hoa lim vàng khè, những chùm phượng nở sớm và hoa vông đỏ tươi chen lẫn từng vòm lá xanh mượt. Chim chào mào đội mũ nhung đen lạch, đi ăn đôi, bay từ những chùm hoa ra, làm cho cánh hoa các màu rơi lả tả như rắc xuống mặt nước.

Buổi tối ấy, công viên Thống Nhất có liên hoan ca múa nhạc. Khu đoàn tiền đội công nhân đi Thanh niên xung phong.

(Vào quãng đầu những năm 1960, người tiền và người đi đều giữ bí mật, thanh niên trong thành phố đến lúc sắp hàng ở cửa Nhà hát Nhân dân, nhận đội ngũ và ba lô, mũ, áo cũng chỉ biết là sắp đi xa.

Ai cũng đoán các hướng: đi miền tây, phía Điện Biên Phủ hay xuống phía nam, vào giới tuyến. Mỗi đêm, trong vòng cung lòng đường trước Nhà hát đồng nghịt những đoàn thanh niên đợi đi).

Lâm đến công viên. Lâm đến sớm. Lâm ngồi ghé đá, trông ra hồ.

Gió mơn man mặt nước, như đưa những chiếc thuyền thể thao hai mái chèo, vút qua dưới lòng cầu.

Tất cả đã khác hết. Chỉ còn mặt nước đầm cỏ và bụi tre thì vẫn nguyên. Lâm nhận xét như thế, có lẽ bởi những cái gì ven hồ với Lâm, ngày ấy đã thân thiết như sự sinh sống.

Năm trước, cả vùng này cỏ hoang. Bên kia hồ nhấp nhô những gò rác và ở trong bãi rác quanh co những ngõ ngách, những túp lều, mẹ con Lâm đã ở chui rúc trong ấy.

Người ở bãi rác tha thẩn tỏa ra đi kiếm ăn ngày ngày. Bọn trẻ con thuộc thời tiết đã sang mùa thu hay còn oi bức, theo mọi thứ kiếm ăn được. Chúng vác móc sắt đi giựt củi cành khô. Khi mùa đông tới, gió thổi quả núc nác đập lách cách vào cành cây, cả vỏ cây cũng khô cong, kêu răng rắc. Cái móc giựt cho rơi xuống, đem về đun, bó lại đem ra phố ngoài bán.

Ít ai để ý Hà Nội cũng là một rừng cây, đủ thứ cây. Cây sấu, cây xà cừ rụng lá khác mùa nhau, nhưng vừa rụng lá già, vừa trở lá xanh đầu mùa hè, mùa thu. Lặng lẽ không đỏ hắt như lá bàng hay vàng hoe như lá sữa, cũng không giống cây vông sang xuân nhú xanh.

Vào mùa hạ, cây ven hồ đương xanh thì lá sấu lổ đổ vàng, rụng ào ào như mưa. Một lúc, đã vơ lèn chặt một tải đầy. Lúc ấy, cành sấu mơn mớn lá non và chỉ mấy hôm, hoa sữa đã rụng chấm li ti như gạo nếp rắc trên mặt đất. Mỗi thứ cây một khác. Cỏ thì mùa nhiều mùa ít, nhưng cỏ cắt được quanh năm.

Khi nào không mò ra cái ăn, đám trẻ ở bãi rác đi cắt cỏ. Trẻ con ở đâu đâu những phố nào cũng đổ đến cắt cỏ. Có đứa cắt cỏ bán tháng cho những nhà có xe bò kéo. Có những gánh cỏ quảy lên Cột Đồng Hồ.

Ở Cột Đồng Hồ gần bờ sông có cái chợ cỏ. Chợ cỏ chỉ có người đến từ trưa trở ra. Dễ hiểu, buổi sáng người bán còn phải đi cắt. Gánh cỏ mấy phía tới, ô Yên Phụ xuống, dưới bờ sông lên, đổ rải rác quanh gốc si trước cửa cái miếu con, lổ nhố cả trên đê.

Người trong phố mua cỏ, mua gánh mua mớ, đủ cả. Cỏ nuôi chuột bạch, nuôi thỏ. Cỏ cho bò kéo xe.

Nhớ lại, còn biết bao việc nghịch tình, việc kiếm ăn lạ lùng của những đứa trẻ khôn khó. Nhưng Lâm nhớ nhiều nhất những gánh cỏ. Những gánh cỏ bán được, đem về đưa cho mẹ tiền. Có hôm mẹ ứa nước mắt.

Và những khi đi quấy phá lêu lổng... Không bao giờ Lâm quên lần ấy, cậu Trử công Lâm về cơ quan.

Chiều hôm trước, có đứa rủ Lâm lên chơi vườn hoa Pát-tơ. Ở đấy, có ông lính Ấn Độ trong Ủy ban Quốc tế hay ra bán thuốc lá ngoại. Lâm theo đi xem. Có đứa ra rình, giựt thuốc lá. Chúng ném cát vào mặt người ta, rồi cướp, chạy. Vừa chạy vừa reo như chạy chơi, biến bong mắt hút xuống chân đê.

Còn ngơ ngác lại mấy đứa không biết đầu đuôi ra sao cả, công an đến hỏi từng đứa, rồi đem về tận nhà.

Mẹ sợ quá, xích Lâm mấy ngày. Cổ chân đã có chỗ xước loét ra. Cậu Trử công Lâm về cơ quan. Đêm nào Lâm cũng nhớ mẹ.

Những buổi tối, tiếng hát tràn qua cửa sổ mọi nhà, Lâm ở với cậu Trử, chỉ vài hôm, đã học lỏm được vô khối bài... Những lúc cậu đi làm, Lâm nằm ghéch chân lên cửa sổ... Qua miền Tây Bắc... Nhị Lang Sơn...

Trử bảo:

– Tối nay, Lâm đi tập hát nhé.

Không biết đi tập hát thế nào. Bao nhiêu người đến xem mặt đấy. Lâm nghĩ ngay, theo một phản ứng tự nhiên: Bắt hát a? Đừng hòng!

Rồi Lâm hăm hăm ngồi. Nhưng rồi nghĩ lại thấy cậu Trử cũng hay hay, cũng thích. Cậu Trử chẳng biết Lâm thế nào đâu. Chỉ biết cậu quý Lâm, cậu nói chuyện tử tế, không quát chửi. Cậu cứ dặn: đừng ra phố mà lạc. Cậu ngõ mình lên ba lên bốn cũng nên. Lâm lạ gì, chỗ này góc đường bờ sông. Một quãng, đã đến chợ cỏ Cột Đồng Hồ. Lâm quảy cỏ đi bán đã nhẵn chân. Quãng nữa đến chợ Bắc Qua, lên Cầu vòng xuống chợ Đồng Xuân. Xuống đấy, a lê hấp một cái, đã vắt vẻo bám dính tàu điện, keng keng ngang thành phố về chợ Giời thôi mà. Thế mà cậu ấy cứ sợ mình không biết đường.

Ngồi nghĩ vẩn vơ, đã nhạt đi cái khó chịu lúc cậu Trử bảo đi tập hát. Thật thì chỉ ngại ra chỗ đông người đấy thôi.

Một lúc, cậu Trử trở lại. Mấy nhóc nữa đến theo, nom lạ hoét. Nhưng, trẻ con mới gặp nhau, chỉ hay thấy ghét, không thấy sợ. Những đứa trẻ ấy dường không để ý mắt Lâm nhìn gườm gườm, cứ rồi rít: “Chào bạn! Chào bạn ạ!” Lâm lúng túng, ấp úng. Cậu Trử giơ tay giới thiệu: “Các bạn này đến rủ Lâm đi tập hát. Bây giờ hai cậu cháu mình và các bạn lên phòng họp cơ quan, ta cùng nhau tập hát”.

Những cái sân khấu nền đất, kê trên ghế ở đầu phố đã mấy năm nay không còn. Nhưng lứa tuổi đương lớn lên khi Hà Nội mới giải phóng cứ nhớ mãi những cái sân khấu đắp đất, bắc ván, người xúm quanh, có phong vải dù lốm đốm xanh đen mượn được của bộ đội và lúc nào biểu diễn xong, cả người diễn người xem lại cùng nhau khuôn gạch cỏi dây buộc cánh gà, xếp thành một đám cỏn thận rồi mới dờ đến cái bạt che trên đầu.

Lâm nhớ đêm vui những năm ấy. Những vui buồn cuộc sống in hằn kỷ niệm. Bây giờ Lâm đã thành nghề công nhân máy nổ, nhà máy cơ khí. Nhưng Lâm còn nhớ bãi rác ngày ấy. Những bãi rác, những bãi cỏ, những đứa trẻ nhấp nhô. Hồi ấy, Lâm chưa hiểu

tình hình thế nào, nhưng có một điều mà bây giờ nghĩ lại càng thấm thía hình ảnh ảm đạm của câu trả lời: nếu cứ còn lêu lổng lang thang, những đứa trẻ mà chính chúng nó cũng tự nhận tên là nặng, tên là giỏi, lúc nào cũng như đi trong mưa, đi trong đêm, rồi thì ra sao. Nghĩ thế, Lâm ngậm ngùi.

Các bạn đã đến đông. Lâm đứng dậy, bước ra khỏi ghế đá. Tất cả vào trong vườn. Trời đêm trong. Những ngôi sao lóng lánh như những bóng đèn điện nhỏ li ti mắc vào cành nhãn và những tàu lá dừa bờ hồ.

Buổi liên hoan đêm tiễn Thanh niên Xung phong ở vườn hoa Thống Nhất đông lắm.

Rạp dựng giữa vườn cây, rèm và phong xanh thắm.

Lâm hát giọng trung cao trong bè hát, suốt khi hát, Lâm cứ ngỡ mình đang trong tình cảm hát bài Qua miền Tây Bắc.

Tình cờ đêm biểu diễn khi sắp xa Hà Nội lại ở vườn hoa Thống Nhất. Không ai biết trong những người thanh niên đi xa có người trước kia đã ở đây.

Người ta kể lại thời kỳ lao động xây dựng công viên Thống Nhất, nói ngày trước đây là bãi lầy, lội bùn đến đầu gối. Những cái cầu trượt bắc ván suốt mặt bùn sang bên kia. Xe ba gác sa bánh xuống, phải đứng ròng thừng từ trên bờ mới kéo lên được. Xung quanh toàn bùn là bùn, quanh các bãi rác.

Những ai nhớ - cùng không mấy ai biết, trong đám bùn rác đã có những ngô phở nhiều người lặn lội trong ấy.

Nhưng những người đã chui rúc ở đấy thì không bao giờ quên.

*

* *

Người con gái ấy từ phía ga Hàng Cỏ đi tới.

Thoạt trông, ai cũng đoán là người về qua thành phố. Chị đội cái mũ cát bỏ quai xuống cầm. Áo sơ mi ka-ki xám nhạt, tay dài, khuy cẩn thận. Bây giờ thanh niên xung phong ăn mặc gọn gàng thế, về Hà Nội, qua Hà Nội, từ Hà Nội đi, ngày nào cũng đông nghịt bến tàu, bến ô tô. Người có tuổi bảo bây giờ sao người ta đi đâu mà đi nhiều thế.

Người con gái đeo chiếc ba lô cao lù trên lưng. Một con gà mào đỏ chót nằm kẹp trong cái rọ mới đan bằng mấy thanh trúc tươi buộc bên dưới một bên quai ba lô. Đôi dép lốp đế dày đến một đốt ngón tay. Trông nét mặt tươi tỉnh, rậm đỏ nắng - biết người ở xa, nhưng lại thấy đi tất tả, thành thạo, như đã thuộc phố xá.

Chị ấy đi chéo qua hồ Thiền Công ra chợ Hôm. Các hiệu quốc doanh cơm tám Tân Việt, hàng kem Hồng Điệp, đèn nê-ông mát mắt. Người ra vào đông ùn lên. Hai bên hàng phố, những cửa hàng treo biển hợp tác, tổ sản xuất giày da, cắt tóc, hiệu may...

Xuống đến gần Chùa Vua, chị tạt vào một ngõ hẻm.

Năm trước, đầu ngõ ấy, mặt tường loang lổ, trơ gạch. Một cây đề con con mọc bám trên khe, thông rễ dài xuống chằng vào những vết hõm ẩm ướt rêu xanh đen, có chỗ toang hoác ra. Nhưng rồi người ta cẩn thận gỡ cây đề trên tường xuống trồng ở khoảnh đất ngay trước mặt.

Cây đề hạ thổ đã phồng phao, lá xanh mỡ, gió thổi vào những chiếc lá tròn tròn cứ lắc lắc như đèn treo. Mặt tường quét vôi trắng, vôi đã ăn trơn tru cả rêu. Dòng chữ viết hắc ín bên nền vôi mới trắng xóa, như khẩu hiệu, như báo một niềm vui cho tất cả mọi người đi đường phải biết đến Ngõ tới tổ 98 đã xóa xong nạn mù chữ, thi đua 100/100 đi học bổ túc.

Cuối ngõ, nhô lên một ống khói con con. Khói bốc nghi ngút - như bể lò rèn.

Chị ấy dừng lại, lưỡng lự. Những khác lạ xung quanh, chị nghĩ: biết có còn ai quen ở đây. Chị nảy ý nghĩ ấy từ lúc đi qua hồ Thiền Công, nhìn về phía vườn Thống Nhất, thấy một cánh bãi những nhãn, bưởi và những hàng dừa đã trở đuôi lợn phát phơ lửa tủa. Mới năm nào, chỗ ấy, những bụi lau lan ra đến mặt bùn. Tới mùa hè, có con cuốc về kêu trong gốc lau. Bên kia, thành phố đổ rác ra đây, từng gò rác cao cao...

Một anh bộ đội, quần áo xanh mới, tay dắt xe đạp, từ trong ngõ ra.

Anh bộ đội nhìn chị rồi kêu lên:

– Ơ kìa cô My Lan.

My Lan chịu không nhớ ra ai. Nhìn kỹ, anh bộ đội trẻ măng. Thanh niên mười tám đôi mươi, lớn như thổi, năm trước năm sau nom đã khác. Nghe gác trong có tiếng hỏi xuống, giọng khàn khàn: “Ai thế, hả con?” My Lan nhận ngay ra tiếng ông Ba Tê.

My Lan mỉm cười, hỏi vọng lên:

– Phải ông Ba Tê đấy ạ?

– Ai mà réo tên húy tôi ra thế!

Ông Ba Tê chạy xuống.

– Gớm chưa này, tưởng cô quên hàng phố chúng tôi rồi.

My Lan nói:

– Hồi này ông béo khỏe quá, thanh niên không ăn đứt đâu.

– Mời cô hãy vào trong này.

Ông Ba Tê riu rít, coi bộ hể hả, chỉ lên chỗ bàn thờ có chiếc đèn năm oát đỏ lấp lánh trên miếng trang kim sao vàng. Ở mặt tường cạnh đây, cái khung lồng kính bằng “Gia đình vẻ vang” của những nhà có con em đi bộ đội.

Ông nói:

– Khác rồi, khác rồi cô ạ. Cô trông một chỗ ấy cũng thấy được chúng tôi khác xưa rồi.

– Bà nhà ta đi chơi đâu ạ?

Ông Ba Tê nói:

– Nhà tôi đi họp phụ nữ.

Rồi lại dòng dài kể:

– Cái thằng em lúc này cô gặp đây, hồi ấy cứ mất mặt suốt ngày với tụi du côn du kê, tôi lo tái người. Trên hồ hào buôn bán hợp tác. Tôi càng lo dần. Miệng thì nói hay hay, nhưng hãy hợm, hãy hợm, còn đi nghe ngóng để liệu bề đánh tháo khỏi phải vào. Học chính sách, thắc mắc tha hồ nói, bao giờ hết tiết thắc mắc hãy vào, không ai ần đầu vào đâu mà sợ. Thế rồi tôi vào. Tôi vào bán hợp tác cơm phở bánh cuốn. Nhà tôi đi guồng sợi. Em nó xin được việc làm phụ thợ lò nhà máy. Thì ra không phải thằng bé thích trèo me trèo sấu, không phải nó hư. Mà chỉ vì mình không biết đưa nó vào đường thẳng nên mới sinh đồn thế. Được đi nghĩa vụ. Cô trông em nó, thế nào, có chứng không? Mới được về phép đây. Cô mừng cho chúng tôi.

Ông vẫn kể:

– Hồi cô hay đến chơi đây với nhà chị Thư, tôi chẳng biết chữ nào. Còn kể gì nữa, cô biết đấy, cái khi ở bãi rác cũng vì sợ học, vì xấu hổ mà chuồn lên ngõ này. Sau vào hợp tác, cả hợp tác cùng đi học, cái đòn bẩy mình lên, không lên không được.

Một em bé gái đi qua, tay xách cái phích vỏ nan tre. Thấy khách lạ, em chào:

– Cháu chào cô ạ.

My Lan ngạc nhiên đến phải thốt lên:

– Ngoan quá.

Ông Ba Tê hể hả:

– Thiếu nhi quàng khăn đỏ mà. Ngõ này em nào cũng biết lễ phép, không chửi nhau, đánh nhau, biết làm vệ sinh, giúp người già, nhà neo... Còn nữa, nhiều lắm.

Thấy cô bé đi vào cuối ngõ, chỗ có cái ống khói, My Lan hỏi:

– Cái lò gì thế hả ông?

– Bếp đun nước tổ phục vụ.

Ông Ba Tê thở dài khurột một cái rồi tũm tĩm:

– Ồi giời ôi. Lúc nào cũng sẵn nước sôi. Mang phích ra mua, xu một lít - mùa rét mua nước nóng về tắm. Cơm nôi, nước sôi là thế. Thối cơm đủ cách, được cả.

Có tiếng người léo nhéo ngoài đường. Ông Ba Tê bảo có lẽ nhà tôi đi mít tinh hay đi họp phụ nữ về. My Lan ngồi yên, có ý thử xem bà Ba Tê có nhận ra mình không.

Bước chân vào, tay bà cởi tràng khuy áo dài, bà Ba Tê kêu lên: “Cô My Lan phải không? Ăn mặc bộ đội lạ quá thế kia, đi bộ đội bao giờ thế?” Ai mặc áo ka ki, bà đều bảo là bộ đội. My Lan cười cười chào bà.

Bà Ba Tê luống cuống, cứ cái áo cởi cúc dỏ, vạt tất tả, bước đến rót nước mời khách.

My Lan hỏi bà Ba Tê:

– Hỏi thăm bà, chị Thư có còn ở ngõ ta không?

Bà cười to:

– Cô Thư à, cô Thư bây giờ làm trên trạm y tế. Đáng lẽ tối nay xuống phổ biến kế hoạch tuần sau diệt chuột toàn thành. Nhưng vì trạm phải đi phục vụ ngày lễ nên hoãn lại. Cô ở chơi đây, mai thế nào cô Thư cũng xuống. Mà giá có lên trạm bây giờ cũng không gặp. Đàng nào cũng phải mai. Công việc y tá đường phố, ai cũng bảo là nhàn, tôi xem ra bận như con mọn đấy.

Cả ngõ phố đã kéo đến nhà ông Ba Tê, cười nói, chuyện um cả nhà. Hết như ở trong làng, nhà có người ở bộ đội về chơi. Ồ, cô ở tận Điện Biên Phủ? Có còn thấy xương Tây không? Từ Điện Biên lên chỗ cô công tác còn hai ngày đường nữa cơ à? Ồ, làm đường nói nước ta với nước Lào. Ghê nhỉ. Có nhớ Hà Nội không? My Lan cười. Ở đơn vị tôi cũng nhiều người Hà Nội. Ồ thế à...

My Lan ăn cơm nhà ông bà Ba Tê chiều hôm ấy.

Cô My Lan định đem thịt con gà trống mua ở Tuần Giáo trên đường về. Nhưng ông Ba Tê không nghe. Ông nói không phải tôi bảo chị đừng giết gà, tôi chỉ bảo hãy hượm, mai hãy cho nó vào nôi, mai cô Thư xuống, liên hoan thì vừa.

Bà Ba Tê chạy ù lên chợ Đức Viên. Một lát, xách về một xóc cua, mấy bánh đậu và mớ rau diếp, rau mùi - "Cái này ở tập thể ít được ăn..." My Lan kêu lên: “Ồi giời ôi, canh cua với rau diếp. Có đến mấy năm em mới lại thấy mặt con cua đồng”.

Bà Ba Tê cứ gắp đậu rán từng miếng vào bát My Lan. My Lan phải nói: để em tự nhiên mà.

Cơm xong, My Lan tranh lấy mâm bát, bưng ra sân rửa.

My Lan hỏi thăm ông Ba Tê những bà con ngày trước ở bãi rác. Mới biết mỗi người mỗi nơi. Vợ chồng Bốn xế lô về quê, cô đã biết. À để con gái đầu, thế mới trúng số độc đắc chứ. Bố con bác cả Chũ từ khi về Phát Diệm, không thấy tin. Bà lang thuốc ê cũng về

quê rồi. Ông Ba Gác thì lên phố bên kia. Vẫn cái xe ba gác vào tổ hợp tác ngành vận tải thô sơ, công tác phó ban bảo vệ, tổ trưởng dân phố. Đến đây chơi, có một chén vào, vẫn hát nghêu ngao.

Cứ nghĩ ngơi, My Lan không chợp mắt được. Đồi chốc, phía nhà ai trong ngõ, tiếng đồng hồ báo thức ré lên. Người đi làm ca, người ra ga, ra bến. Đồi chốc, ràn rạt tiếng ô tô về phía chợ Mơ, như cơn gió ập vào tận cuối ngõ. Phía ấy, xe đi đường số 1 vào Nam. Trong Nam, chưa yên, Hà Nội đêm thao thức, cũng không ngủ yên.

Ông Ba Tê dậy theo đồng hồ báo thức, trước cả đài phát nhạc tập thể dục. Ông đi làm ca sớm, chuẩn bị cửa hàng cho kịp khách ăn điểm tâm. Ông chuyên nấu nước dùng phở, chan phở. Mỗi sáng, chan hàng ngót nghìn bát phở - chan cho vừa, cho ngon, cho nhanh, không phải để đầu nhé.

Hơn bảy giờ, không thấy chị Thư đến, My Lan lên trạm y tế.

Qua hai dãy phố, trạm y tế đầu đường bên kia. Tòa nhà hai tầng, trước sân có cây bàng. Lá bàng xếp thành tán lợp kín cái sân có ghế đá cho người ngồi đợi. Ngày trước, nhà này là nhà hộ sinh tư hay nhà ở, My Lan không thể biết. My Lan không bận gì đến những thứ dinh cơ có tường hoa bao bọc và hai cánh cửa sắt. Ra vào, cởi xích chòng lọng hai cánh cửa, kêu loảng xoảng.

Người ngồi chờ khám bệnh, hỏi bệnh trên dãy ghế đá ghép mát trơn. Trẻ con đông hơn, ngồi hai dãy. Ông tay áo đã cởi sẵn, im lặng. Trong phòng có rèm xanh, các bác sĩ, y tá, hộ lý áo trắng toát. Nơi khám bệnh thoáng mát như vườn trẻ.

My Lan trông ngay thấy chị Thư ngồi bàn ngoài cùng. Chị đang tiêm cho một em bé gái độ bốn năm tuổi. Cánh tay nó trắng bệch. Tay chị Thư - mu bàn tay nắng gió suốt đời, sạm đỏ in trên mặt da em bé.

My Lan lạ, lạ quá. Không phải lạ vì tấm áo lui trắng và cái mũ vải trắng chị Thư đội. Người tiêm và cho thuốc, các phòng y tế, chỗ nào chả có. Đến nơi đèo heo hút gió công trường Tây Trang trên biên giới Việt Lào, cũng có phòng khám vách dán giấy trắng lẫn tranh ảnh cắt ở họa báo, cô y tá áo trắng, anh y sĩ đi bột lửng cao su... Điều mà My Lan ngỡ ngàng là xưa nay chỉ thấy chị Thư gồng gánh, đeo địu tất tả mà bây giờ chị Thư mặc áo, mũ trắng in chữ thập đỏ, tay giơ ống tiêm lên nhìn, búng một cái, thành thạo. Ngày chị em mình ở bãi rác, có khi nào em đoán được rồi ra có ngày như bây giờ. Có phải không, chị Thư, chị Thư chạy hàng chợ giời, chị Thư mò ốc hồ Ba Mẫu, hồ Bảy Mẫu, chị Thư đi cắt chè tươi chợ Trúc... Bây giờ chị Thư y tá thành phố. Thành phố mỗi hôm một khác.

Thư ngừng tay tiêm, nhìn ra. My Lan kéo quai, ngả cái mũ cát, bước vào.

- Kia cô My Lan!

- Chị Thư!

Thư nói:

- Em chờ chị một tý. Hôm nay tiêm tứ liên[1]. Xong đợt này là hết, ngồi đợi chị ngoài sân cho mát.

My Lan ra ngồi ghé vào đầu ghế đá cạnh gốc cây bàng, chăm chú nhìn các em. Những em bé, cánh tay trần, đứng dậy, sắp hàng vào phòng tiêm. Một cô thanh niên đeo băng đỏ đưa vào, cô đứng tận cuối hàng. Các em nhìn bạn đứng trước giơ cánh tay. Tiêm máy bấm tách - chưa kịp hải đã xong.

Tối hôm ấy, cơn nước rồi, hai chị em đi chơi phố. Hai người ra chơi vườn hoa

Thống Nhất. Cả khu vực phía nam thành phố bây giờ, vườn Thống Nhất có cây có nước thoáng đãng hơn cả. Chị Thư nói: “Năm trước cô có đi lao động làm vườn hoa này không? Vườn hoa bây giờ có các cầu sang giữa hồ đẹp lắm”. My Lan toan nói: “Ngày ấy chúng mình ở trong bãi rác bây giờ là giữa vườn Thống Nhất đấy”, song lại im.

My Lan im lặng nhìn về phía tay trái chỗ lùm cây nhãn đằng kia, dãy nhà “viện trợ Mỹ” ở Vân Hồ. Những ngõ bãi rác ngoắt ngoéo năm trước. Ngày tháng qua đi, người làm ăn không có thói quen và không thích nhìn trở lại. My Lan cũng thế. Thỉnh thoảng, chợt nhớ mà thôi.

Vòm trời lồng lộng trên vườn hoa dát sao li ti trong làn gió mát thảng bẩy lướt nhẹ, như nước chảy qua làn sáng long lanh. Tiếng còi tàu Nam rít từ bờ nước phía cuối hồ Ba Mẫu kéo dài lên ngang qua thành phố. Tiếng còi tàu bao giờ cũng gợi nhớ cảm tưởng man mác, đi xa.

Thư nói:

– Chóng quá, cô ạ.

My Lan khẽ khẽ:

– Lần này, em về nhờ chị một việc.

– Việc gì, cô cứ nói.

– Chị với em không cùng bố mẹ đẻ ra, nhưng chị thương em ruột thịt không bằng.

Thư im lặng.

– Em định tháng sau thì xây dựng. Chúng em cùng công tác ở công trường. Em về báo tin chị mừng cho. Em mời chị lên chơi. Chị lên chứng kiến việc vui mừng cho em gái chị.

Thư cười.

– Chị là họ nhà gái chứ gì.

Vàng trắng non đã nhô trên ngọn những cây bạch đàn lao xao, lấp lánh cao nhất. Bên kia hồ chỉ chít, nhấp nhô giàn giáo công trường trường Đại học Bách khoa. Trong ánh trăng mơ màng, như bên ấy cũng có một vườn hoa khác nối với vườn hoa bên này.

My Lan kể chuyện vào tháng này, Tây Bắc đã lạnh, về khuya vùng núi cao thì rét rồi.

Nhưng Thư không đáp chuyện. Thư đương vẫn vờ nhớ lại ngày trước. Có lúc mình lẩn thẩn, đã trốn lủi như con cuốc, lại còn tức tối không yên. Thấy My Lan quen Trử, Thư hốt hoảng lên. Nghĩ lại, thật thương mà giận.

My Lan bỗng hỏi:

– Lâu nay chị Thư có nhận thư anh Trử không?

– Hồi trong năm có, thấy bảo ở xa lắm, nhưng vẫn khỏe.

My Lan thở dài, nói nhỏ:

– Giá anh Trử có nhà thì vui.

Thư cũng khẽ nói:

– Ừ, giá cậu ấy có nhà...

Hai người thông thả đi về.

– Cô cứ yên tâm. Thế nào chị cũng thu xếp lên mừng cô chú.

*

* *

“Nói đến lại nhớ. Những đồi hoang cheo leo, buổi chiều vàng rực nắng. Khi bóng núi ngả xuống, xanh im lả lùng. Những lúc ấy, mọi suy nghĩ công việc hôm nay và những kỷ

niệm thường pha trộn với nhau. Có phải My Lan xuống lấy nước ngay dưới chân đồi? Chân đồi hay có giếng nước trong.

Trong kháng chiến, tôi đã ở những vùng tận cùng miền Tây. Hôm nay, lại đương ở một nơi xa, xa hơn tất cả các chuyến công tác trong đời. Mà sao trong kỷ niệm vẫn tưởng nơi miền tây ấy là nơi xa xôi nhất. Nhớ theo tình cảm ban đầu. Tôi viết những hàng này cho tôi đọc.

“Tôi nhớ những năm mới trở về Thủ đô. Những người tôi gặp, những người đã cho tôi thấy được thật Hà Nội là thế nào.

“Từ nghìn xưa, người thợ thủ công, người nông dân ngoại ô đã làm nên 36 phố phường Hà Nội, tạo ra lịch sử Hà Nội. Cứ xem lý lịch từng chiến sĩ Trung đoàn Thủ Đô, thì rõ sự thực ấy. Ngày nay, đến thế hệ những người lao động của Hà Nội, giữ Hà Nội, xây dựng Hà Nội. Người Hà Nội có mặt khắp đất nước cũng để xây dựng Hà Nội, làm nên Hà Nội.

“My Lan đi Tây Bắc. Đi xa, chúng ta hiểu Hà Nội hơn.

“Ờ, đây là cung đường Thèn Sin lên Phong Thổ, là cung Lấn Xì, cung Thâm Phạ lên Đồng Văn hay cung Thanh Thủy, cung Tây Trang ra biên giới. Những con đường như chim bồ câu bay đàn đường vòng, trăm vẻ, biết bao gian khổ mới nên. Trên đường vạn dặm của đất nước, chúng ta đã chia nhau, làm nên từng cung, từng trạm, những con đường.

“Nơi tôi công tác hôm nay, cũng tương tự nơi My Lan. Chỉ khác nhau ở hai đầu đất nước. Mỗi đêm, trên bóng nước bên kia con sông nhỏ, thấy trời hửng ở đầu rừng. Đây là hỏa châu, sáng bom hay cái sáng vàng nhòe của vùng tạm bị chiếm.

“Nhưng chúng tôi tin đây là ánh sáng thành phố. Tôi bồn chồn nghĩ tới có một ngày vào giải phóng Sài Gòn. Tôi đã được vào Hà Nội giải phóng. Tôi đã đi đến tận các ngõ phố heo hút bao nhiêu rợn rã và những công tác.

Trong thế kỷ hai mươi, được dự vào những biến đổi thời đại như ở đất nước ta trong đó cả những con người”.

[1] Thuốc phòng bốn thứ bệnh: Tả, bạch cầu, thương hàn, uốn ván.

Mùa đông thành phố, cây cối bàng bạc, xám xám. Trời lúc nào cũng muốn xâm lại. Trong những tùm lá sấu, thỉnh thoảng còn sót lại một quả chín nằm thay lầy, vàng cháy, mới nhìn đã cảm thấy lười ngọt rớt. Cả một khoảng bờ hồ phía bên này, dưới những vòm lá xà cừ, bằng lăng, mới nhập nhoạng lên đèn mà đã không rõ khuya hay sớm.

Nhìn những tốp thanh niên đạp xe vèo vèo tuồn đến các trường học mới biết lúc ấy chưa đến bảy giờ. Từ nhiều năm, đã quen tối thứ ba, thứ sáu các lớp văn hóa bỏ túc. Những trường phổ thông học ban ngày, tối lại sáng choang lên tận tầng ba và dưới sân, xe đạp dựa rỗng rần vào nhau.

Nhưng từ đầu năm học trước, các trường đã chuyển ra ngoài, không được tổ chức lớp buổi tối. Rạp hát, chiếu bóng đóng cửa. Thế mà đến gần kì thi, cứ tự nhiên, buổi tối lại có lớp học sáng đèn. Phần đông là công nhân các bộ phận nhà máy ở lại, học dần.

Cuộc họp của cán bộ đường phố cũng tan ngay sau lúc ngoài đường vừa yên người đi học. Bác Tạng, trưởng ban đại biểu, anh Bài, anh Tuyển, ban bảo vệ. Chỉ trao đổi có một việc. Trong sổ tay, cái cột ghi công tác lắng nhăng như cuộn rau muống, ngắt quãng nào cũng được, bàn lê thê tới đâu cũng không hết.

Tối nay chỉ bàn một việc đi lĩnh bì phiếu về để kịp đưa từng hộ trước khi hết năm. Ngoài ra, trên phố biến là giai đoạn này hội nghị Pari gay lắm. Hai tháng nay nó đánh loang ra, đánh lại Phủ Lý, Cầu Giẽ, nhà máy dệt Nam Định, chỉ còn chưa vào Hà Nội. Nó còn nghe. Ta phải bình tĩnh. Tối mai bàn chấn chỉnh tổ xung kích cứu thương. Còn việc thứ ba... nhưng mà khoan... Chỉ có nhắc lại bì phiếu cần lĩnh sớm, đưa sớm.

Những năm trước, việc bì phiếu không phải bàn. Năm nào chẳng lĩnh trên khu, về chia từng tổ, các ông bà tổ trưởng đối chiếu với sổ gốc rồi đem đến từng nhà. Công tác ấy đã thuộc, nền nếp. Nhưng, năm nay khác. Nhiều nhà sơ tán, đem đến tận nơi hay hẹn người ta về lấy. Lại sắp ráo riết đợt sơ tán mới. Phải có cách đưa kịp trước đầu năm trước khi sơ tán, cho chắc chắn. Đã có kinh nghiệm mấy năm sơ tán chạy đi chạy về, mua bán cứ phải một lúc, xà phòng, đường, củi hay dầu hỏa, gạo nước, tiền làm một chuyến cả tháng.

Bác Tạng có thói quen tỉ mỉ, kỹ càng. Cái gì cũng nghe nghe xem còn vương chỗ nào. Bài và Tuyển bảo mai bác Tạng lên khu. Năm nào bác cũng lên khu lĩnh tem phiếu thay cô thống kê. Bác cứ lo cô ấy nhiều việc cơ quan, nhờ nhăng tính. Bác như cái máy đếm, đã ấn nút, phải đếm đủ mới chịu. Lại có cái túi vải, quyển sổ dày cộp. Có lúc soát các thư phiếu nhà ai từ năm trước, sổ tay của bác như cái cuống biên lai, tìm ra được cả.

– Bác thu tiền tem phiếu rồi chứ?

– Đủ rồi. Vừa một trăm năm mươi nhăm đồng rưỡi hơn năm ngoài mười đồng. Chưa biết là do người mới đến hay trẻ mới sơ sinh, hôm nào thông thả mới kiểm lại...

Bác Tạng nhìn mọi người bước ra. Một ý nghĩ quen thuộc cứ trở lại trong đầu. Cái phố của ta bây giờ y hệt trong một nhà. Nhà nước lo cái ăn từng nhà. Thanh niên đi nghĩa vụ quân sự, đi thanh niên xung phong, chiến trường B, Tây Bắc, Việt Bắc, Tết đến viết thư thăm hỏi, chúc mừng ban đại biểu phố. Cái khi thành phố lấp bãi lầy cạnh hồ Bảy Mẫu làm công viên Thống Nhất, người đi lao động, buổi sáng tập trung ở trụ sở, sắp

hàng, như tập quân sự. Mỗi năm, đến ngày Quốc khánh, mít tinh trên quảng trường Ba Đình, cả phố thức suốt đêm, hai ba giờ sáng, đã gọi nhau, tiếng guốc rào rào ngoài đường...

Bác Tạng khóa cửa phòng họp, toan đem gửi chìa khóa nhà trong, lại thôi. Buồng này không phải chỉ làm trụ sở mà còn là lớp mẫu giáo và lớp buổi tối học bổ túc. Thầy giáo bổ túc và cô mẫu giáo đều biết chỗ gửi khóa. Nhưng các cháu đã đi sơ tán và lớp bổ túc nghỉ theo lệnh ban phòng không. Lâu nay, họp xong, bác Tạng vẫn bỏ chìa khóa vào túi xách.

Bác Tạng về nhà. Từ lúc nào, thằng Nam mở toang cửa, để đèn sáng, ra chơi ngoài hè, nhìn người qua lại và đợi ông. Trẻ con, dù bạo đến đâu, cũng không thích ở nhà một mình. Nam ngồi tựa lưng vào cây bằng lăng. Cây này mùa hạ vừa rồi bắt đầu hoa nở tím vòng lên như mâm xôi gạo cẩm.

Bác Tạng hỏi cháu:

– Chú Bằng chưa về à?

Rồi đi thẳng vào. Cái buồng ngăn làm đôi, phía sau có một khoảng sân giữa. Bên trong là hộ khác - hai vợ chồng anh ấy cùng làm thợ chữ. Năm ngoái đã đem cả con theo nhà in sơ tán lên Hòa Bình.

Tòa nhà này một tầng, nhiều buồng. Trước kia, chủ nhà làm để cho thuê từng gian. Người ta nói thời Pháp tạm chiếm, nhà này là nhà thổ. Đây cũng gần trại lính Đồn Thủy. Khi mới hòa bình, nhà bác Tạng dọn đến ở, nửa đêm còn có người gọi cửa: cô Huệ ơi? Cô Lan ơi? Cô ấy ơi!

Bây giờ nhà này nhà nước quản lí. Nhưng cũng không còn hẳn là cái nhà ngày trước. Hồi Giôn-xơn, bom đã đánh sập nhiều gian. Nhà nước chữa lại, vẫn tám gian, tám hộ ở như cũ.

Ngày trước, bác Tạng còn ở làng làm ruộng - một thôn nhỏ cằn cỗi khuất nẻo, đất chỉ hợp có giống vầu, ở vùng đá ong trên Sơn Tây. Nghèo lắm, nhưng cha ông đã bao đời ở đấy, chỉ ở đấy, biết đi đâu. Rồi một hôm Tây càn đến. Cả xóm chết cháy. Còn sống sót có mỗi nhà bác. Chạy xuống Hà Nội từ ấy. Ở bờ sông, đầu cầu, vợ chồng đi xin ăn, làm phu đội than Phà Đen rồi sau dọn được chõng nước chè tươi gần chợ Gạo. Hai con trai, thằng Việt và cả thằng Bằng còn để cun cút trên chõm đã phải lếch ngoẻo người đi, xách cái ấm tay và một xâu những chiếc ca bằng vỏ hộp sữa, đi rong rao nước chè tươi ở ga Đầu Cầu, chợ Bắc Qua... Hôm Chính phủ về, bác Tạng lên đầu cầu xem Tây rút xuống Phòng. Chưa bao giờ bác lại tưởng cái thằng Tây lắm sùng thế, ác thế mà phải chạy thế.

Rồi bác Tạng xin được chân giữ cửa xưởng ô tô Sở giao thông. Đi làm việc nhà nước, bác mới học chữ để xem giấy tờ và đọc báo. Từ đấy, cất được cái lo, cái bon chen ngược xuôi. Đời cằn cù, đều đặn của việc công việc nhà. Mỗi lần nghĩ lại chuyện cũ, bác chỉ xót xa cái xóm quê ngày trước, không ai còn sống được thấy cái bây giờ. Ngoài ra, tưởng như không còn gì đáng nói.

Năm tháng qua.

Đất nước bước vào giai đoạn chống Mỹ. Tuổi trẻ đi chiến trường miền Nam - người ta thì thảo bí mật nói là đi B. Con trai lớn của bác Tạng, anh Việt đi trong hồi ấy.

Rồi Mỹ leo thang, ném bom Hà Nội. Nào tưởng được một quả bom lại rơi xuống phố này. Hầu như sau mỗi trận bom, ai cũng cứ ngạc nhiên nghĩ thế. Quân giết người gây tội bất kể đâu. Một phát tên lửa nã xuống hè phố. Bà cụ núp trong gốc cây nhội, bị đạn vào

cả hai chân. Một quả bom, chùm bom, không biết. Người ta bảo đây là bom hơi. Ụp một cái không có mảnh văng, nổ không to mà một nửa dây phở bỗng khắp khểnh như hàm răng móm, vụn rời ra.

Bác Tạng gái và vợ Việt lúc ấy ở nhà. Vợ Việt làm ca đêm về, vừa chín giờ sáng, mới chợ được một lúc. Thế là chết cả.

Ông công thằng Nam đến cơ quan. Tình cờ mà ông cháu thoát. Tưởng như hôm qua, hôm kia, mà đã ba năm rồi.

Bác Tạng quay lại, hỏi Nam: “Chè đã chín chưa mà ra ngồi tếu đây?”, rồi không đợi Nam trả lời, bác Tạng cúi xuống cái bếp dầu mới mà Nam đã vụn nhỏ lửa, mở chiếc nắp vung nhôm.

Hơi chè bốc mùi gừng thơm. Nam đã vào đứng cạnh ông.

– Chè này chè gì, ông nhỉ?

– Chè bà cốt. Cháu lấy bát cho ông đong chè.

Nam lấy ra bàn bốn bát men trắng sứ Hải Dương. Cẩn thận, bắt chước ông, Nam lót tờ giấy báo trên mặt bàn. Ông đã bảo để cái gì nóng phải kê cho khỏi vệt. Ông thông thả đong từng bát đầy đặn rồi bưng lên mặt cái tủ lửng, trên ấy vẫn trải một tờ giấy bóng hoa, đặt một chồng bát ăn cơm hoa xanh, một vỏ hộp sữa Ba Vì đựng đồ đầy gạo, có mấy chân hương - đây là bàn thờ, mỗi khi giỗ chạp.

Bác Tạng lấy trong tủ ra một thẻ hương. Bác châm bốn nén, cắm vào ống bơ. Góí hoa ban chiều mua ngoài đầu phố Cầu Gỗ, bây giờ mở ra, đặt cả mảnh lá chuối trên đĩa. Nhánh hoa ngâu, hoa sói, hoa đơn, bông cúc vạn thọ, mấy cái hoa hồng ta đỏ nhợt.

Bác Tạng thắp hương rồi mở gói hoa. Tự nhiên, đầm ầm một thoáng tưởng vợ con quanh mình. Trong cái buồng này, như chưa bao giờ được như thế.

Bác Tạng nhìn Nam rồi bảo cháu:

– Cháu, cháu đứng yên, cháu đứng thẳng như lúc cháu chào cờ. Cháu chào bà, cháu chào mẹ cháu. Hôm nay ngày giỗ bà cháu, mẹ cháu. Cháu nhớ không.

Mùi hương và những đĩa hoa cũng đã thành kỷ niệm trong đời, người có tuổi cứ phảng phất tưởng một cái gì ngoài cuộc đời. Nhất là, trước những tháng ngày khúc khuỷu để kể còn người mất như thế này.

Bác Tạng bảo cháu:

– Đợi chú Bảng về ăn chè.

Có lẽ ông tưởng cháu đương thèm ăn. Nhưng Nam cũng chưa buồn ngủ. Nam vào ngăn kéo lấy tập tranh truyện Ngựa Gióng ra xem. Nam chưa học chữ. Thế mà Nam hỏi chú Bảng, đã biết mặt nhiều chữ, lại đọc thuộc lòng từng trang. Lốp mẩu giáo sơ tán. Nam ở nhà với ông. Có mỗi quyển Ngựa Gióng mở xem đi xem lại, góc trang đã đen vệt.

Lúc ấy, bác Tạng móc bao kính, nhấc túi xách xuống, lại lấy quyển sổ ra. Bác Tạng mở xem lại chỗ mục ghi từng số nhà, từng hộ. Để mai lên khu lĩnh phiếu thì đã nắm trước con số. Bác ngồi cặm cụi, chăm chú, lật từng tờ...

Loa truyền thanh của thành phố treo trong cây nhội giữa ngã năm đường nói tin gió mùa đông bắc. Bác Tạng vặn núm loa nhà mình mà bác đã tắt từ lúc thắp hương... Một bộ phận không khí lạnh đương di chuyển từ phía bắc xuống... dự báo sớm mai... gió cấp ba cấp bốn trên đất liền... nhiệt độ trung bình... Trời trở rét. Thế là lại sắp lạnh rồi. Mùa đông năm nay thế nào đây.

Bác Tặng ngược mắt nhìn ra cửa. Hình như những làn gió hanh hao đã về bối rối, rào rào trong những chòm lá sấu, lá xà cừ bờ hè bên kia. Đã trở gió dưới đường, lác đác, xào xạc, vắng. Đã lâu, không thấy trẻ con học bài, đọc sách, chơi quanh cái cột đèn như mọi tối oi bức, thế là mùa lạnh đã tới.

Tiếng líp xe tạch tạch rồi dừng lại. Nghe cái líp mới thông thả, giòn sần, cũng biết Bảng về, Nam chạy ra đón chú.

Tiếng Nam reo:

– Cô Nhiên? A cô Nhiên! Cô Nhiên về ăn chè bà cốt!

Bảng ghé cái xe tựa cửa, khóa lại, rồi bước vào sau Nhiên.

Nhiên chào hơi lúng túng, khép nép, - bỗng dưng hôm nay lại thế.

– Bố ạ...

Bác Tặng mỉm cười, bỏ kính xuống, đứng dậy.

– Các con đi ngoài đường có thấy gì không?

Bảng nói:

– Trời trở gió rồi.

– Tao nghe nói nó ném bom Hải Phòng, phải không?

– Có người dưới Phòng lên cũng nói thế ở hàng nước. Đài phát thanh hàng nước thì cũng chưa rõ ra sao.

Bác Tặng cười:

– Ủ, chuyện đồn thổi đầu ghề mà. Những cái thằng Kít thất thường có tiếng đấy.

– Nhà máy con sơ tán lâu rồi. Chỉ còn một phân xưởng ở tại chỗ, nhưng tuần sau cũng đi.

Bác Tặng hỏi Nhiên:

– Tuần sau sơ tán nốt hả? Có xa không?

Nhiên vuốt tóc Nam, cười tinh nghịch:

– Người ta đi, chúng con về. Bộ phận con chia từng tổ, có khi chỗ con làm ở ngay hồ Bảy Mẫu, cạnh công viên Thống Nhất. Chỉ có mấy người thôi ạ.

– Bên ta mình cũng lắm phép nhỉ.

– Vâng ạ.

Nam vẫn ngồi trong vòng tay cô Nhiên. Như con mèo, được người vuốt, lại dậm ra gà gà mắt, buồn ngủ. Hình như những câu chuyện qua lại vừa rồi cũng không phải chuyện chính. Bác Tặng, có cảm tưởng chúng nó muốn bàn gì với mình mà còn e ngại. Bao giờ cha mẹ cũng hay tưởng ra thế.

Bảng và Nhiên quen nhau trong một dịp các nhà máy toàn khu tổ chức đại hội thao diễn quân sự. Mỗi cuộc đời, khởi đầu tình yêu nào khi nghĩ lại cũng thấy như một chuyện tình cờ và bao giờ chẳng là tình cờ. Chỉ có thời gian và tâm tính con người mới đánh giá được mối tình ấy là thật hay là xốc nổi. Tuy vậy, có những người cả đời nghĩ lại cũng không phân biệt rạch ròi được thế nào.

Nhiều lần, Bảng đã đưa Nhiên về nhà. Nhiên đến nhà Bảng đã tự nhiên. Bảng chưa nói, nhưng bác Tặng đã hiểu tâm sự đôi bên rồi. Bác muốn bảo con: Bảng ạ, bố xem hai đứa lấy nhau thì tốt đôi. Bố nghĩ mấy năm nay nhà cửa vắng vẻ...

Nhưng bác Tặng chỉ nói:

– Tao thấy con Nhiên cũng ý tứ đấy.

Bảng trả lời bố bằng một nụ cười, hai mắt ánh lên niềm vui sướng vì câu nói nhiều ý

nghĩa của bố. Và cái cười hồn nhiên của Bảng mang một thông cảm biết ơn tấm lòng thương con của bố.

Bà của Nhiên thì không nghĩ đủng đỉnh gì cả. Con gái chỉ có thì, hơn nữa, đương thời buổi gay go, không nên đận đà. Bảng đã xuống chơi nhà và có lần ở lại, ăn cơm. Bà bằng lòng, thấy “nó hiền lành, nhu mì, ăn nói dễ nghe”. Được người tử tế vậy là may. Bà giục: “Chúng mày mau mau lên mới được”. Cháu ngúng ngoảng làm nũng: “Bà rõ hay!” - Các cô bây giờ đoảng, chẳng được bộ gì. Cháu phải biết thương bà chứ, cô định không cho bà được ăn tiệc trà à? Bà trăm tuổi đến nơi rồi.

Bà nói đùa mà Nhiên mỉm lòng. Mẹ Nhiên mất sớm, bà thì già, người già như cái dây khoai, mai tươi tối héo, biết thế nào. Nhiên nghĩ. Nhiên đã nói với Bảng như thế. Bảng biết bố mình cũng nghĩ giống bà Nhiên. Có điều bố không nói mà thôi. Thế là, hai người đều cảm thấy sốt ruột. Bảng và Nhiên bàn nhau sau đợt sơ tán này sẽ báo cáo với tổ chức. Có gì thì Tết ra. Đám cưới tháng giêng vừa đẹp.

Nhưng việc đời không thường xảy đến như cái thước vạch thẳng.

Câu chuyện quan trọng ấy mới nói với nhau tối hôm qua. Ở công viên Thống Nhất, lúc đi quá rồi còn dắt xe thêm một quãng trên đường lên đê.

- Cần trả lời chi đoàn...

- Anh định hôm nào?

- Ngay tuần này.

- Thế à?

- Không phải là đi nghĩa vụ mà anh tình nguyện xung phong.

- Em biết rồi.

- Tổ chức hấp tấp như mấy tên cưới nhau để bám hộ khẩu đất thánh, không dám ra khỏi thành phố.

- Ví không đúng chỗ nhé.

Nhiên im lặng, thở dài khẽ, nhưng Bảng không để ý. Không biết đây là thở dài vui hay buồn.

Bảng nói:

- Mình mà trình bày thì bố không bằng lòng đâu, nhưng chắc bố không nói gì. Tính bố thế. Bố lạ lắm. Bố buồn già hẳn đi từ ngày mẹ mất, chị Việt mất. Nhưng không bao giờ bố muốn ai biết mình có điều nghĩ trong lòng. Nếu anh cũng đi nữa thì nhà vắng quá.

Nhiên lặng im, nhìn xa. Thoáng nghe tiếng lá rì rào ở đâu. Nhiên cứ ngỡ tiếng lá tre.

Mỗi khi nghe gió trong lá tre, Nhiên lại nhớ những buổi tuyển quân ở làng nơi nhà máy chính sơ tán. Lâu lâu lại thấy một quang cảnh tiễn đưa rầm rộ khí thế.

Nhiên nhớ một hôm máy bay địch ầm ầm trên vùng, thế mà dưới lùm tre, các chiến sĩ mới cứ hát ầm lên. Nhớ những buổi tuyển quân sôi nổi trong làng như một tình cờ, như một nhắc nhở, như một điều sắp xảy đến cho đời mình. Vừa cảm thấy tự nhiên, vừa lo.

Nhiên bảo Bảng:

- Anh về nói với bố ngay đi. Bà em thì yên trí rồi.

Bảng cười:

- Chưa nói đã biết, bố cũng yên trí thôi, thế nào bố cũng chiều chúng mình.

Bảng cầm tay Nhiên:

– Chúng mình lấy nhau rồi em về nhà anh. Em có nghĩ như anh không?

Nhiên nguẩy người, nhưng tay vẫn nắm chặt tay Bảng.

Từ lúc ấy, Nhiên không nói gì nữa. Hai người xuống đường cái. Nhiên đã lên ngồi nhẹ nhõm sau yên xe đạp của Bảng.

Gió hanh cuốn mạnh giữa lòng đường thấp thoáng người đi trong ánh điện như sáng hơn mọi đêm.

Ở ngã năm, một tổ quét rác đã đến từ chập tối lúc đồng hồ đài tút tút sáu giờ. Các chị ấy bê trong nhà xe lưu động ra mấy hòn gạch chỉ làm kiềng, bắc nồi nấu mì bồi dưỡng ca tối. Tối nào cũng nhóm bếp chỗ cột đèn. Mấy chị ăn xong trước, không phải phần việc dọn dẹp, đã đứng dậy, cầm chổi đi ra. Những nhát chổi bắt đầu thả xuống mặt đường nhựa, tiếng tre quèn quẹt, khô khốc kéo dài.

Bảng nói:

– Hôm nay giỗ mẹ và chị Việt. Em về qua nhà anh một tí.

Nhiên đập tay lên lưng Bảng:

– Em biết rồi mà.

Bác Tạng bưng những bát chè đặt xuống chiếc mâm nhôm đặt cạnh cái tủ đựng thức ăn Nam vừa xách ra. Nam đếm bát: một, hai, ba, bốn, lại trở tay vào từng người trong nhà rồi vỗ tay:

– Ông nấu chè cho cả cô Nhiên đây!

Bác Tạng mừng yêu:

– Xà, cái thằng này...

Rồi nói:

– Hôm nay có nén hương cúng mẹ con, chị con...

Bác Tạng cầm bát chè, đưa cho Nhiên, trong khi bảo Nam “cháu lấy thìa cho cả nhà nào”. Nhiên đặt bát chè xuống mâm, đứng dậy ra trước mặt tủ bàn thờ còn nghi ngút hương. Nhiên chấp tay, cúi đầu, vái ba vái.

Bác Tạng cầm cái thìa, nói:

– Mẹ các con chỉ thích chè bà cốt, bảo chè bà cốt có gừng thơm.

Rồi bác Tạng đưa bát lên, múc một thìa. Nam đương lúi húi cúi xuống. Cái cầm thìa bé, không thỏa được cơn thích vội vã. Nam húp sùm sụp. Nhiên bưng bát chè, ăn nhỏ nhỏ.

Mùi hương ngát lặng lẽ. Hai tấm ảnh treo trên tường, trông nghiêng, ánh đèn hoa kỳ lồng đỏ bóng hoa làm cho một góc buồng hồng hồng. Bác Tạng âu yếm nhìn Bảng và Nhiên đến Nam, chột vui. Có lẽ con mắt đã rơm rớm ướt, nhưng bác cúi mặt và đặt bát chè xuống mâm.

Bảng nói:

– Kia, bố chưa xơi hết.

– Không biết thế nào mà bụng hôm nay hơi óc ách.

Bảng cười:

– Có lẽ tại chiều ăn cơm muối vừng. Lâu không ăn hóa ra ngon miệng quá.

Bác Tạng không để ý câu nhận xét đùa của con.

– Ừ.

Bây giờ nói với bố câu chuyện vừa bàn với nhau thì khéo. Nhưng Bảng không nói. Trong tình cảm ruột thịt lúc này, tưởng không phải nói mà như câu chuyện trăm năm

của hai đứa đã êm đềm thưa với bố từ lâu.

Lát sau, Nhiên xin phép về. Bỗng lấy xe đèo Nhiên đi. Hai người lên đến bờ sông, bấy giờ độ gần tám giờ...

“Máy bay địch cách Hà Nội 60 ki-lô-mét... Máy bay địch cách Hà Nội 40 ki-lô-mét...”. Tiếng cô phát thanh đương nói, súng cao xạ đã ùng ục bên kia sông. Rồi còi báo động. Đèn thành phố phụt tắt.

Bác Tạng đứng dậy, nhà tối om, với lấy cái túi xách quàng lên vai rồi cầm chiếc mũ sắt vắn úp trên đầu tường. Đã thuộc chỗ, giơ tay đến ngay. Mũ sắt lính cứu hỏa từ thời Tây. Bỗng thật, có cái mào loe hình chảo. Nặng như cái chảo gang con úp vào đầu. Buổi tối, mũ lẫn với bóng tối, không ai trông thấy mũ mới được phết lớp sơn xanh lá cây, bóng loáng.

Bác Tạng bảo Nam:

– Ra mở nắp hầm. Bỏ sẵn chiếu xuống, ngồi dưới ấy, có buồn ngủ thì cứ ngủ rồi ông về ông gọi.

Một loạt bom rền bên kia sông.

Bảy năm nay - có lẽ từ năm mới để Nam, thành phố đã nghe dai dẳng tiếng còi báo động và tiếng bom khiến người ta có nhiều thói quen đặc biệt thính tai và phân biệt được tinh vi cả giọng cô phát thanh khi mới nói “máy bay địch...” chưa nghe hết chỉ để ý giọng nói nhẹ nhàng hay nghiêm trang đã đoán được máy bay địch còn ở xa hay đương lao gần hơn nữa về thành phố.

Bác Tạng đã ra ngoài hè, khép hờ cánh cửa. Nam ngoan ngoãn đến góc nhà, cúi lom khom, mắt mũi đẩy cái nắp hầm. Cái hầm tròn, ông đem về năm ngoái năm kia không nhớ, cùng khi với những chiếc hầm ban phòng không lính về. Hồ đào sẵn trước mỗi nhà, cứ hai vành chồng lên nhau. Hầm này bác Tạng và Bỗng đào lấy, trong xó cửa. Nắp lớn nhón vết xi măng nhưng sạch khô, kê ngang dưới một thanh gỗ dẹt tròn. Mấy lần ngón tay suýt chẹt nắp hầm mới có được sáng kiến làm thanh gỗ. Xuống hầm rồi không phải nhắc cái nắp nặng, bàn tay leo khéo của Nam chỉ đẩy cho nó lăn trên thanh gỗ như chân bàn xoay ở dưới. Nam làm đã quen. Chỗ hở giữa hai vành, mùa mưa vừa rồi rỉ nước, bác Tạng đã miết xi măng lại. Bây giờ hầm khô như trên nền nhà.

Nam đã xuống hầm, ngồi thu lu. Nam chẳng sợ đâu. Sợ cũng không được. Rồi thành quen. Nam kéo nắp hầm vào cho muỗi đỡ xuống. Nhưng hôm nay gió mùa đông bắc, không nghe tiếng vo ve con nào. Có khi, chốc nữa ông về, Nam đã nằm tròn co trong lòng hầm ngủ khi rồi.

Đêm lặng lẽ. Nam nghe nắp hầm mở ở các nhà xung quanh, tiếng gợn nặng nề xiết ken kết vào thành hầm. Dưới mái hiên, làn gió thoảng chốc lại lùa vào. Xe đạp phóng ngoài đường, tiếng vo vo vang xuống, nghe lạ tai. Ngồi một lúc, buồn quá, Nam giẫm lên cái vấu gạch, rón rén trèo lên. Nam ra xem đường, thỉnh thoảng có người qua lại. Nhưng Nam không đến chỗ gốc cây bằng lăng. Nam ngồi cửa. Có tàu bay thì tụt xuống hầm ngay được.

Bác Tạng đến trụ sở.

Hai bên phố đã lên cửa tối mít, chẳng khác trong làng. Thế là máy bay Mỹ lại lảng vảng đến. Nó dám làm thật cũng nên. Nhưng bác lại nghĩ: có thể này thì xua đi sơ tán mới dễ. Nếu không, cứ nhùng nhằng đi về rồi về hẳn, lại đông như nêm. Mình có giục đi, họ cười “các cụ cảnh giác quá. Cả đời tổng Giôn cũng chưa làm gì nổi Hà Nội, thằng Ních

mới lên thì ăn thua gì”. Dù sao, cũng khỏi công tác mới đây. Chỉ một tiếng báo động cũng sinh ra lắm công tác. Bìa phiếu đã dành một việc, hai là họp ban phòng không, còn củng cố đội dân phòng, ai sơ tán, ai ở lại...

Bác Tặng nói to:

– Chào các vị.

– Chào thủ trưởng.

– Các bà ở cứu thương hay tổ phục vụ đây. Ai cho các bà phục vụ còn ở đây. Ban phòng không chúng tôi được lệnh thành phố yêu cầu sơ tán triệt để - ở cơ sở phải chấp hành gương mẫu, các bà biết rồi chứ?

Tiếng xì xào và tiếng cười:

– Chúng tôi sống chết với Thủ đô thôi.

– Sơ tán lịch kịch, không muốn đi thì có!

Người nói phải, người tán thêm.

Đã thành lệ mỗi khi báo động, mọi người đều ra trụ sở, không cứ ban phòng không, đội dân phòng. Có cả cụ phụ trách chăm sóc thiếu nhi. Rồi cô thống kê, cô ấy công tác văn thư Sở thương nghiệp, hễ đi làm về, gặp báo động, chạy ngay đến trụ sở. Các bà ở tổ phục vụ bê sang phích nước sôi. Thế nào cũng có vị đem tới một gói con vừa ấm chè. Các tổ trưởng tổ phó đeo băng đỏ, đi dạo quăng phố của tổ, tạt vào địa điểm trực chiến - trên không quy định chế độ ấy; nhưng ai cũng muốn anh em hiểu cho “tôi có mặt đây”.

Tuyển và Bài tới trước tiên. Dần dần nghe tiếng nhiều người. Ban cứu thương, đội dân phòng... mấy tháng nay mới lại có còi báo động, ai cũng đến hỏi xem có chuyện gì mới. Những cái cẳng, những bó kẹp, những chiếc gấu sắt tây và câu liêm dựng lố nhố đầu tường.

Người ra trực chiến đông hẳn hơn mọi lần - vẻ nghiêm trọng, như đã cảm thấy. Người ta thính mà không cần biết phân tích, cắt nghĩa. Gay go bấy lâu không thiếu, nỗi thương nhớ, xa cách vì cuộc chiến đấu, đến như cái khổ, cái chết bom đạn. Lại lần này nữa đây...

Bài nói pha:

– Mấy tháng nay mình cho thằng Mỹ nghỉ phép, bây giờ nó lại đến Hà Nội công tác đây.

Câu đùa bao giờ cũng lây nhanh.

– Dân phòng khỏi thất nghiệp, trưởng ban bảo vệ ạ.

Bài gật gù:

– Lần này lời thôi đấy. Các đồng chí chắc đọc báo có đăng tin Hội nghị Pari về rồi.

– Báo nói sáng nay.

– Thế là rõ ràng. Ta thiện chí, nhưng không thể nhân nhượng hơn. Điều kiện của mình chỉ giản dị thế thôi mà.

Hễ nói mấy câu và động đến thời sự, bao giờ Bài cũng hăng hái bốp chát như tranh luận với ai trước mặt. Ban ngày, trông Bài gầy hốc hác. Cái áo bông xanh, hai ống xệch dầu mỡ, cả bàn tay cũng nhám dầu, gân guốc. Bài đã năm năm trên chiến trường miền Nam. Các cháu thiếu nhi phổ được nghe anh kể chuyện không thể tưởng cái chú Bài lù khù, lem nhem thế mà là thương binh đã được danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ.

Có lần, bạn Bài nói:

– Chịu khó ăn diện một tí, còn vợ con chứ.

- Cậu đoán tớ bao nhiêu tuổi?
- Chưa đến ba mươi.
- Còn xuân chán. Giải quyết xong thằng Mỹ, lấy vợ cũng vừa.

Hơn hai mươi năm trước, vùng đồng bằng sông Hồng còn mù mịt trong tay quân Pháp. Bố mẹ không nuôi nổi con, Bài phải lưu lạc lên thành phố. Vất vả đến nỗi không nhớ nổi đã đi ở cho bao nhiêu nhà, chỉ nhớ lần sau cùng, Bài làm cho một nhà, chồng đi lính tàu bay đóng dưới Bạch Mai. Bé tí, còm nhom mà đã kham đủ việc, giặt rũ hết quần áo, tã lót của vợ chồng con cái nhà chủ. Chưa gánh nổi hai thùng nước, ra máy xếp hàng xách từng xô nước về đổ vào chiếc thùng cao, phải bắc gạch đứng lên mới kê nghiêng được cái xô.

Đêm ấy, xách nước khuya quá, Bài ngủ đến sáng bạch, bỗng giật mình. Không nghe tiếng réo chửi, không bị giật tóc lông dấy như mọi khi. Bài ngồi nhồm lên. Nhà không có ai.

Hốt hải ra hỏi các nhà quanh đây, ai cũng cười hê hê, bảo: nhà nó cuốn cả đi Nam rồi mà mày không biết à? Thôi đừng khóc... không sợ...

Không có gì sợ thật. Và Bài vẫn sống. Bài lại làm đủ mọi việc, lúc ấy chưa được mười tuổi đầu. Dọn bát hàng phố. Nấu nước tắm thuê cho hiệu cắt tóc. Ấm em. Bán bánh khúc làm bằng rau muống trộn. Cắt cỏ thảng cho nhà nuôi bò. Bới bãi rác. Gánh hàng ra chợ.

Bài mười tám tuổi, lại đã biết chữ.

Bài mới vào làm ở nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo thì đi nghĩa vụ quân sự. Thế là Bài đem cho các bạn cái hòm đựng đồ chữa xe đạp - máy kiểm côm mọi khi của Bài, Bài đi bộ đội.

Đơn vị Bài hành quân liền ba tháng vào đến vùng núi Quảng Ngãi. Bài ở mặt trận ấy mấy năm rồi dự trận đánh mở chốt xuống đồng bằng. Trong một trận, đơn vị Bài xuất hiện ở chợ Duy Xuyên giữa ban ngày. Địch nhảy dù bao vây. Bài bị thương, bây giờ còn mang viên đạn trong bắp vai. Bài nằm viện trên chiến khu, điều trị mấy tháng thì được trở ra Bắc, đi bộ ra và ngót nửa năm lại về đến Hà Nội.

Vẫn chỉ một mình, nhưng Bài bây giờ đã khác trước - người chiến sĩ thương binh về hậu phương.

Bài đến khu thương binh xã hội hỏi việc làm.

- Hiện nay chỉ có những công việc khó nhọc.
- Những việc gì?
- Công nhân bốc dỡ, công nhân vệ sinh và các đội xe tải đường lầy người.
- Tôi làm được.
- Không được. Mảnh đạn còn trong vai, không giờ được cánh tay cơ mà.
- Tôi đã xin mổ lại.
- Bao giờ mổ rồi hãy hay, đồng chí ạ.

Bài dạo quanh các phố. Những bãi rác ngày trước từ lâu, đã thành công viên Thống Nhất. Bà con đã dọn đi chỗ mới ở các phố đông đúc, các khu nhà tập thể, có nhà đi khu kinh tế mới trên Điện Biên Phủ - những ngõ phố cùng cực trên các bãi rác đã mờ đi, nhưng không chìm trong nước mắt.

Một hôm, thấy Bài ngồi trên ngã năm gần đường bờ sông, với cái hòm sơn xanh chứa đồ chữa xe đạp bày la liệt trước mặt. Cái hòm cũ, mới sơn lại.

Người đến chữa xe, trông huy hiệu trên ngực áo Bài, hỏi:

– Đồng chí thương binh à? Loại mấy?

Bài nghi: xương máu mình không phải để xếp hạng và để kể với mọi người.

Bài trả lời:

– Mấy cũng được.

– Yên trí chữa xe đạp à?

– Chứ sao!

– Đi đánh nhau rồi về ngồi đầu đường à?

– Anh hỏi tầm thường lắm.

– Thực tế vậy, đồng chí ạ.

– Chữa xe đạp là một nghề. Tôi không muốn một phút ngồi không. Có thể thôi.

Được vài hôm, bà con trong phố biết Bài là thương binh mới ở chiến trường ra, ai cũng đến hỏi thăm, trò chuyện. Bài được nhập hộ khẩu phố ấy.

Phố bầu lại ban bảo vệ, Bài tham gia công tác đường phố. Trưởng ban Bài đeo băng đỏ thối còi tuýt tuýt. Đầu năm vừa rồi, Bài trông thấy máy bay lao xuống đánh cầu phao sông Đuống bên kia. Bài đứng nhìn, quên cả huyết còi hét người đi tìm chỗ ẩn.

Bài ngăn người một giây rồi cười thật to:

– A, chúng mày dám ra tận đây, gồm nhĩ, những thằng bỏ mẹ này!

Cho đến bây giờ.

Thành phố lặng lẽ như không. Xa xa, tiếng vi vu, tiếng thở đều hòa ngày đêm của nhà máy điện Yên Phụ.

Bài nói:

– Các cậu dân phòng đi tuần một lượt đi. Cứu thương ngồi đây thôi.

Ánh chớp đỏ viên suốt dải đê. Một loạt bom sôi lên bên kia sông.

Có dễ Yên Viên hay Gia Lâm bị.

Mọi người lại ngồi xuống. Tiếng súng và chớp lửa lùi xa xa. Câu pha trò và tiếng cười lại nổi khúc khích. Nhộn như đám đông bất cứ ở đâu.

Một tổ hai đồng chí dân phòng đi tuần vừa về đến.

Tiếng cô phát thanh: “Máy bay địch đã bay xa”... Còi trả yên vút lên, vang trong trời đêm như tiếng thở dài khoan khoái. Thành phố mở mắt, đèn sáng trưng.

Bác Tạng về nhà, thấy Bảng đã về từ lúc nào. Nam nằm co quắp cạnh chú. Hai chú cháu đã ngủ yên trên giường. Trời mới trở gió, chưa ai chú ý lấy chăn. Bảng ngủ mê gác một chân qua người Nam. Cả chú cháu cùng khoanh tay lên ngực, như trong giấc mơ cũng biết cái lạnh sớm.

Nửa đêm, lại có báo động. Giữa đêm thành phố, nghe còi như trong chiêm bao. Bác Tạng dậy khoác áo với tay nhắc chiếc túi xách, ấn cái mũ sắt cứu hỏa lên đầu, lại cẩn thận kéo chiếc quai da xuống cằm. Rồi ra khê mở then cửa.

Chớp lửa bật bật trên mái nhà. Một loạt bom rền gần bên kia sông.

Bảng mở mắt, hỏi:

– Bố ra trụ sở đây à?

– Ừ.

– Máy bay ù ì, bố có nghe không?

– Nghe là lạ.

– Con nghi B.52.

– Không biết thế nào.

– Anh Bài kể ở Trường Sơn B.52 như tiếng xay thóc. Tiếng này giống lắm.

Rồi bác Tặng bước ra đường. Bác chợt nhớ lúc báo động chập tối không điểm lại dân phòng và đội xung kích cứu thương xem còn bao nhiêu. Nhưng ra đến trụ sở, thấy tiếng người vẫn ồn, biết đông người đã ra.

Phía đông nam lại giựt lên những lần chớp quầng sáng đến tận đầu tường và mái nhà. Tiếng bom rung đất rãng rãc cả các cánh cửa, như tiếng mọt đục.

Vòm trời mờ mờ, nhạt nhẽo gió bắc. Những cơn chớp liên hồi, chớp pháo chớp bom. Những quả tên lửa đỏ hồng lao qua làn đạn như mưa lửa.

Một đám cháy quần quai.

XII



Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý!

Địch có âm mưu đánh ác liệt vào Thủ đô. Các lực lượng vũ trang hãy dũng cảm tiêu diệt địch. Các đồng chí công an, dân phòng hãy kiên quyết làm nhiệm vụ. Tất cả mọi người phải xuống hầm. Không ai được đi lại ngoài đường phố.

Đồng bào chú ý!...

(Thông báo mật hiệu của Hội đồng phòng không thành phố phát hai lần trên đài phát thanh khi báo động đây là có máy bay B.52 vào Hà Nội).

Trận bom ấy vào lúc quá khuya, kéo dài đến sáng. Cả thành phố ngồi dưới hầm, đứng hốc tường, dưới cuốn cầu thang gác, nằm trong gầm giường. Tiếng bom ngấm vào đất cứ lắc tai bên này sang tai bên này. Sáng ra, thành phố mất ngủ nửa mơ nửa tỉnh.

Những cơn gió đến sớm, heo may về thực sự rồi. Từng cơn hanh hao cuốn cuộn quanh các khuỷu tường và trên mặt đường. Bác Tạng cầm cúi đi. Các túi lủng lẳng một bên vai áo ka ki đại cán xám đã sờn hai cửa tay. Gió ào xào nghiêng ngả những chòm bằng lăng cành ngang đốm chiếc lá đỏ lịm vừa rụng bay lả tả.

Bác Tạng đến cạnh cái xe đạp anh bán báo, mua một tờ. Đây trang nhất, những hàng chữ lớn... B.52 ném bom Đông Anh, sân bay, ga xe lửa, làng Uy Nỗ. Hà Nội bắn rơi ba chiếc pháo đài bay.

Bác Tạng xem các đầu bài báo rồi đứng dừng hẳn lại, đọc hết tin nói về đồng chí Mão, bí thư chi bộ xã Mỹ Trì thượng, nhà trúng bom, cả vợ và con bị chết. Đồng chí ấy ôm xác vợ và xác con đặt cẩn thận lên chiếc giường còn lành lặn rồi vác câu liêm ra chữa cháy ngoài xóm. Một đợt bom mới lại đổ lửa xuống. Bác Tạng lau nước mắt rồi xếp kính lại, cất lên túi áo trên. Bác hơi cúi đầu, lặng lẽ đi.

Trụ sở Ủy ban khu bên kia hồ Hoàn Kiếm. Mặt nước lặn tằm sóng xanh xám. Những đàn nhạn nước ở đâu vừa bay về, có đến hàng nghìn con nghiêng lướt xuống rồi rít sát mặt hồ mặt cỏ qua chòm Tháp Rùa rồi vồng lên giữa khoảng không. Thế là rét rồi. Mùa rét, nhạn theo gió heo may về chao quanh quần khắp mặt hồ. Năm nào cũng vậy.

Lại có báo động. Cái còi ở nóc nhà hát thành phố nghe gần, u u ngay trên đầu. Tiếng còi dồn trong gió, như chúi vào những vòm lá sấu tối om, đuổi theo lá xào xạc mặt đường.

– Đồng bào chú ý... Có máy bay không người lái...

Người ta nhẹ mình. Thằng không người lái thì coi như bỡn. Người cứ đi, mặc tiếng sạt như sét đánh, tưởng cái máy bay rơi ngay trên đầu. Một tràng đạn ùng ục bắn đuổi. Tiếng rống im bật.

Chẳng biết nó trúng đạn hay đã cút mất. Mỹ không dám liều đời với lưới lửa thành phố, cứ đứng ngoài biển Đông ném cầu vồng vào. Nhưng có điều sao thằng không người lái đến sớm thế. Thế nào bọn con ma thần sấm cũng sắp lữ lướt kéo đến - bác Tạng đoán. Hà Nội đánh hai triệu tổng thống Mỹ, đã thuộc cả cái lá gan to lá gan bé của từng lão. Cuộc chiến đấu đến đâu hôm sớm mai mãi rồi thuộc, khác nào thấy chim nhạn về trên hồ, biết mưa dầm gió bắc đến. Lại khác nào công việc đường phố, cứ về mùa hè thì ban hòa giải bận bịu nhiều hơn mùa rét. Mùa hè nóng nực, nhà cửa chung chạ, cái rác rưởi, cái điện cái nước, người ta đi làm về, bận gắt hơn.

Bác Tạng nhớ mà cũng nghĩ nhẹ nhàng thế về cái máy bay không người lái, về cây sấu và chim nhạn. Bác loáng thoáng đi vội qua xưởng tiện của một tổ hợp tác cơ khí góc phố, xưởng này mới lĩnh hàng: từng đồng ngoài hè những vỏ thùng xám trắng nhọn hai đầu. Thùng đựng ét-xăng máy bay Mỹ quăng xuống khi tháo chạy. Hai người cầm rìu xả ra từng mảnh.

Trong nhà, tiếng máy tiện quay xanh xạch. Mảnh duy-ra cánh, thân được cắt, trở, gọt, vát, mài, làm ra hình cái lược, hộp đựng thuốc lá, hình tên lửa, máy bay thu nhỏ, trâm cài tóc và những chiếc nhẫn có khắc ngày và những con số ngàn máy bay bị hạ - bây giờ nhiều xưởng tiện pê-đan, đầu đĩa xe đạp chuyển thành hợp tác sản xuất tặng phẩm lưu niệm cho các hội nghị và khách nước ngoài.

Cuộc chiến đấu mà mỗi người cứ vừa khẩn trương vừa bình thường từ lúc nào, đã mấy năm, mấy năm rồi. Không ai kịp để ý, dần dà nghĩ nó như những việc xảy ra thì phải làm thế. Bác Tạng lại loảng quăng với những tập bìa phiếu sắp lĩnh ở khu và sắp xếp những công việc sẽ làm. Đưa cho các chủ hộ hay người trong hộ, hay số nhà, ai nhận có chữ ký cẩn thận. Bom đạn thế này, lại càng phải kỹ lưỡng. Mình giữ cái của này lâu cũng lo. Nhỡ mất mát thì thế nào. Mắm muối, đậu thịt, củ đuốc nhà người ta đều trông cả vào đây.

Bờ hè bên kia nhà Ủy ban, những cây sấu vẫn thắm lạng thế.

Các phòng vẫn đông người, nhưng như lặng tờ. Bên kia, người đợi lấy dầu vào những bản sao khai sinh. Có cặp vợ chồng sắp cưới đến xin tờ đăng ký kết hôn. Người đứng đợi phía ngoài, người cúi húi ngồi viết, người đi ra, im im vội vội.

Bác thường trực đã thuộc mặt bác Tạng - có lẽ nhớ mặt các ông ban đại biểu lên khu thì đúng hơn, và thuộc cả việc nữa. Bác Tạng vừa nhấc túi trên vai xuống tay, bác thường trực đã nói:

- Bìa phiếu phải không? Có việc đột xuất, các đồng chí thông cảm, hoãn đến tuần sau. Sẽ hẹn ngày giờ từng khối lên cho khối mất công các vị.

Bác Tạng cũng ngồi xuống cái đã. Bác với tay lấy điều cày mà bác đã biết chỗ để trong cái thùng gỗ khe tường ngoài hiên. Ở khối lên công tác, vị nào mê lợ ho đều rõ nó được cất nơi kín đáo ấy.

Bác Tạng ngả người, lơ lơ mắt nhìn qua làn khói thuốc đậm xệt buổi sáng mà bác còn đang kéo chưa xong một hơi thật dài, trong phòng nghe tiếng ồn ồn, như tan họp, như giờ giải lao. Mấy ông ban bảo vệ quen mặt ở phố khác, đương bước chen ra. Việc gì mà bảo vệ họp hành sớm thế. Lại nhiều người tất tả ra thêm.

Bác Tạng nghiêng ống điều, vẩy một cái, thấy trưởng ban bảo vệ Bài đi lướt qua.

- A bác Tạng! Lên việc gì sớm thế?

- Mới bàn tối qua, quên rồi à!

Hai người đi chéo qua trước cửa nhà giải khát Thủy Tạ, lúc ấy vẫn còn khách vào ăn sáng. Hôi này, ăn sáng ở đây có bánh mì cặp ba tẻ gói sẵn vào mảnh giấy báo. Ngồi ăn hay cầm đi đều gọn. Cạnh đấy, bên gốc cây liễu, quầy bia còn để từ tan buổi bia chiều qua chồng chất những vỏ thùng như những tảng đá xám. Những quán bia chỉ nhọn nhíp buổi chiều, bây giờ trông bơ phờ ngổn ngang như cửa rạp có đoàn chèo Hà Nội dọn đến, đoàn cải lương Chuông Vàng dọn đi, trên xe tải khuân xuống những bọc gỗ lờm xờm, lẫn lóc, nhột nhạt những mảnh bìa cành cây, gốc dừa, giải viên diêm sơn khâu.

Bài hỏi:

– Bác Tạng biết tin gì chưa? Đêm qua B.52 choảng hai đợt vào bắc thành phố.

Bác Tạng hỏi lại, như chưa đọc báo lúc này.

– Thế hả?

– Ta hạ được đích xác B.52 rồi. Bác biết không, thằng này làm mưa làm gió trong B, bây giờ ra đây bị bể gãy cổ. Tàn đời bốc phét rồi, con ơi!

Bác Tạng ngẩng mặt, nhìn xa, như không nhìn thấy gì. Nhớ lại lúc thức giấc trong đợt bom nửa đêm. Bảng bảo là B.52. Ừ thì có bê giới cũng thế, đau thương cũng đến vậy.

Bài nói tiếp:

– Khu triệu tập hỏa tốc, tôi không kịp nói lại với các bác. Định về hội ý luôn. Nhiều việc phải làm ngay. Trước nhất, vận động nhân dân triệt để sơ tán theo phương án hai.

– Phương án 2 à?

Phương án hai là kế hoạch đưa nhân dân toàn thành ra khỏi thành phố.

Cán bộ đường phố đều biết trong sáu năm nay, Mỹ đánh Hà Nội mỗi lúc một cách, nhưng thành phố chưa lần nào phải vận động sơ tán theo phương án 2, mặc dầu phương án khẩn cấp này từ lâu đã được bàn đến. Bởi vì, sơ tán không phải là một việc chỉ hô lên là xong. Không thể đếm hết được những rắc rối, những giằng co trăm thứ ràng buộc con người vào nơi sinh sống, - xảy nhà ra thất nghiệp mà.

Người vẫn được hô hào đi, ai tiện đâu đi đấy. Có nhà đi biệt vài ba tháng lại về. Có nhà giữ chỗ sẵn ở nhờ đồng bào, khi nghe ngóng, thấy sao đấy, thế là lại biến mười hôm. Mấy bà chạy chợ thì sớm đi chiều về. Dù cho nó bom đêm cũng không cản được việc chợ búa. Vô khối người chưa ra khỏi hè phố bao giờ mà vẫn là sơ tán. Quanh nhà máy điện, đầu cầu, ở Châu Long, ở Quan Thánh, Hàng Đậu, cứ sáng sớm, cơm nước xong lại xuống phố Huế, Bạch Mai, vào các nhà quen đến chiều lại về. Cho tới hôm thành linh máy bay Mỹ ném bom hơi giữa phố Huế, sập tòa nhà ba tầng chết cả phòng giáo dục, phòng thương nghiệp khu, ai cũng ở ra, không đoán được thế thì thằng bố mẹ này định ném cái gì. Những phỏng đoán đều sai bét. Xung quanh phố Huế, chỉ chi chít nhà ở. Nó thù cả cột điện, cây cơm nguội, cái gian trong nhà anh chữa kính? Thế là hoảng lên. Phải ra ngoài, đi thôi. Nhưng được vài hôm rồi lại từ từ, lại dùng dằng, dậm đà.

Bây giờ khác. Phương án 2, mọi việc phương án 2 được sửa soạn từ lâu. Mỗi phố đã ra ngoại thành giám sẵn một xã đội đón người của khu phố lúc khẩn trương. Bác Tạng và Bài, Tuyển đã về tận nơi giao thiệp với chính quyền xã mấy lần. Lúc phương án 2 thực hiện, chỉ còn lại bộ đội, tự vệ và các binh chủng bảo vệ thành phố cứ việc đánh nhau. Tên lửa tha hồ bắn đuổi máy bay, đuôi tên lửa rơi đâu cũng được, không sợ vào phố đông người.

Bài nói:

– Thằng Mỹ cốt làm cho ta rối lên. Nhưng nếu ai sơ tán, ai ở lại, đảng hoàng, trật tự, thế là ta thắng một nửa.

Bài nói khề, vẻ bí mật:

– Báo động bây giờ cũng khác.

– Khác thế nào?

– Có mật hiệu cho cán bộ, thằng bố mẹ ấy mà đến...

– A.

– Vẫn đồng bào chú ý... vẫn còi. Nhưng khi đài truyền thanh phát liền hai lần câu ấy của hội đồng phòng không thì đấy là B.52 sắp vào.

Bác Tặng ghéch một chân lên thành cột điện, nhấc túi trên vai, tay lần lên bao kính trong áo ngực.

- Anh cho tôi chép...
- Lát nữa, hội ý rồi bác chép nhân thể.
- Anh đọc cho tôi nghe lần nữa vậy nào.

Những khu phố cũ, vỉa hè, mái cheo leo, mỏng dính, tường và nhà so le chen nhau Lò Sũ, Hàng Chĩnh, Hàng Thùng... Ngoài vỉa hè, mỗi nhà có một hồ trú ẩn. Những hồ miệng xi măng tròn gọn. Không phải ngay từ năm 1965, Mỹ vừa ném bom miền Bắc đã có kiểu hầm này. Khi ấy mới được mấy dãy hầm nổi quanh hồ Hoàn Kiếm và trên bờ sông. Không biết ai đã có sáng kiến nghĩ ra cái hồ tròn, mỗi nhà một cái. Máy bay địch đến, tụt xuống, kéo nắp lại, người ngồi khít trong lòng đất. Khắp thành phố, lỗ chỗ như tổ ong trên vỉa hè.

Các công viên đã biến thành những công trường sản xuất hầm trú ẩn. Than xỉ trộn vôi cát xi măng nhồi khuôn đúc rồi lấy vò nện chặt. Những vòng đậy, vòng thành phơi la liệt, đen xám quanh các luống hoa, trên lối sỏi. Ngày ngày, những xe bò đến, người ta khuân lên từng chiếc, mỗi xe cỡ đại tải được sáu vành hầm. Hầm được đưa đến từng phố, từng cơ quan, nắp cốt sắt cẩn thận. Những xe bò chở hầm lắc lư đi...

Những cái hồ tròn quen thuộc. Ở phố có công an võ trang gác sứ quán nước ngoài, hồ cá nhân được trang trí đẹp mắt. Miếng hồ đắp đất cao thêm một gang tay, viền cỏ mười giờ hoa tím.

Sớm nay, nắp hồ đều được mở ghéch. Cả những hồ ven quăng đường trông cho người đi đường, người trong phố ra dọn quang quẻ. Có hồ đã ngấm nước khoảng dưới, thành giếng lấy nước rửa giặt giũ. Hàng ngày vẫn thế. Lúi húi người cúi xuống hồ vét nước còn cọt.

Bác Tặng trông các phố tập nập dọn, bảo Bài:

- Dễ thường các phố đã được phổ biến phương án 2.

Chưa biết hay đã biết thì ai cũng đã cảm thấy, báo động và bom suốt đêm như thế. Nghe yên hay phải chạy đã thạo rồi.

Một đám xe xích lô chở mấy cụ già, áo bông, khăn quàng kín đầu, không nhận ra đây là cụ ông hay cụ bà, với những chồng bao tải quần áo chần màn. Cũng không biết xích lô chở thuê hay các bác xích lô đưa cả nhà đi sơ tán. Xe chạy xồng xộc, phanh và chuông leng keng. Các ông xích lô mở phanh cả khuy áo bành tô, gò vai lên, dận mạnh chân xuống mặt bê-đan gỗ. Vạt áo dạ xám nặng nề lùng nhùng như cái thùng đựng gió. Cứ thế, thẳng lên đường bờ sông.

Cái xe bò cải tiến mảnh khảnh thế mà trên xe kèn còi mấy tấm cánh phản, nòi to, xoong và chảo. Bốn đứa trẻ nhấp nhò. Hai bé ngồi chặn các thứ đồ đạc. Một chị bé em ngồi giữa. Bố cầm còi mẹ đẩy. Lên khỏi dốc, cái xe bánh lốp đặc bon nhanh trên đường nhựa xuống Lương Yên, bấy giờ cũng đã nhện lên những xích lô, xe đạp, xe bò, ô tô...

Lũ trẻ cười hê hê. Chúng nó không hiểu thế là đi chạy bom và không dính gì đến còi báo động vừa này.

Bác Tặng trở tay, bảo Bài:

- Đi đông thế kia là phương án 2 rồi. Khỏi phố nào đã bom thế. Ta về cho loa ngay thôi.

Vào quăng giờ ấy cũng không có mấy tổ trưởng, tổ phó ở nhà. Phần nhiều, đi làm cả.

Phó ban Tuyên làm ca sáng, hơn một giờ mới về.

Lớp mẫu giáo lại là trụ sở ban đại biểu, ban bảo vệ dân phòng, tổ phụ nữ, đoàn thanh niên, chi hội chữ thập đỏ, tổ phụ lão, ai tiện đến cứ họp. Từ năm có báo động, trụ sở lại là địa điểm tập trung trực chiến, địa điểm dự phòng tải thương, trạm y tế sơ bộ cấp cứu...

Gian phòng dựng kín một phía tường những cái giường tải thương. Túi cứu thương Ba Lan xếp một dãy, treo cả lên những cái giá gỗ mọi khi các cháu vắt khăn mặt. Một đồng kẹp để cặp tạm vết thương gãy chân tay - cặp của Cộng hòa Dân chủ Đức tặng, chắt bó cao lếp những cái ghê xinh xẻo các cháu ngồi mọi khi.

Bác Tặng lấy chìa khóa mở cửa rồi cùng mấy bà vừa đến dựng lại những cái thang và câu liêm, tới qua tan báo động còn để bữa đấy, lấy chỗ cho anh Bài trải ra giữa phòng tờ sơ đồ hầm hố từng nhà theo đúng mẫu ban phòng không thành phố hướng dẫn làm. Tờ sơ đồ tỉ mỉ tô màu xanh đỏ vàng dễ trông, ban phòng không nhờ một họa sĩ ở phố ngoài có chân trong ban trang trí, lên đường nét cẩn thận. Một quăng phố chính với bốn ngõ. Trên hai nghìn khẩu, hơn ba trăm hộ, nhà có hố trước cửa, nhà có hầm trong nhà, trong sân, ở chân cầu thang, khe tường, gốc cây đều được đánh dấu ngoặc đỏ. Đề phòng bị bom, nếu nhà đổ, biết ngay chỗ nấp để đến cứu sập, moi người ra.

Bài trở tay:

- Bây giờ ở đây có ai thì tôi cứ tranh thủ phổ biến. Thế là thằng Mỹ đem B.52 đến rồi, nó quyết với mình phen này đây. Tôi đã ở chỗ chiến tranh, tôi biết, cái B.52 thì ghê đấy nhưng là nước cùng thôi. Cán bộ cơ sở được diện ở lại, có nhiệm vụ đường phố. Một là, khi báo động, ai cũng nhất thiết có mặt ở đây. Vừa ở phố mình, trên còn điều đi khỏi bạn, như chúng ta đã đi cứu khỏi bạn dưới Phà Đen mấy lần rồi. Hai là vận động sơ tán. Ai cũng đều phải ra khỏi thành phố. Có xe Thống Nhất đến tận ngã năm đón đi không mất tiền. Ba là, mỗi buổi chiều, các tổ trưởng có nhiệm vụ đi kiểm tra từng nhà, xem nhà nào buổi tối còn mấy người ở đêm. Chiều nào cũng nắm con số người trong phố...

Lại báo động.

Bài đứng dậy. Còi báo động còn đương vút lên vút xuống ngoài cửa sổ, máy bay đã xoẹt rít đến tận giàn mướp khô, như lao vào cái tường đầu ngõ.

Tiếng súng máy của những tay súng tự vệ trên sân thượng nhà ba tầng ở ngã năm nã chan chát lên.

Rồi thôi, lại im.

Bà tổ phó đương lòng băng lên cánh tay áo, chép miệng:

- Cái thằng này là thằng gì mà nhanh thế, B.52 à?

- Nó là thằng cánh cụp cánh xòe, thằng kẻ trộm.

- Ồi chào, định ra Cầu Gỗ mua miếng vỏ ăn trầu cho tỉnh ngủ mà nó cũng cản trở người ta.

Tưởng thế nào, bà đợi báo yên để đi chợ. Nhưng hết báo động rồi, bà còn ngồi rón, nhỏ toẹt miếng quét trầu xuống cống nước đen xỉn lờ dờ dưới vỉa hè. Bà kể chuyện cái nhà ngoài con phải gió cứ kêu loạn lên mất chiếc quần lụa vừa phơi, hóa ra mẹ nó đã cất vào từ trưa. Ở chung chạ mà động cái quạc mồm ra, khốn nạn quá. Bà lại mách mọi người mới có hàng bún ốc ngon ở chỗ cửa nách chợ Đồng Xuân ra Hàng Chiếu. Chuyện bà vui miên man...

Mà cũng không phải bây giờ mới căng, thành phố đánh máy bay đã năm bảy năm,

thanh niên đi chiến trường đã ngót nghét mười năm. Mới đầu năm nay, bom thả từ cửa Bắc vào bao nhiêu đợt quanh nhà máy điện, nhà máy nước Yên Phụ. Bom bi rắc xuống phố Mới, Hàng Vôi, cửa đền Bà Kiệu, ngõ Cầm Chỉ. Máy bay bị bắn rơi đâm đầu vào góc sân, chỗ đồng than xỉ nhà máy điện.

Cuộc sống thành phố mãi miết, còi trả yên rồi lại báo động chen với mọi công việc. Thôi để tối hội ý nốt. Vừa dứt tiếng còi yên, đã thấy hai bà tổ phục vụ với cái xe bánh mì lục cục về đến. Các bà đi lấy bánh sớm, đương đẩy nhanh vào phố. Nếu chậm hết, phải lên bán trên Cột Đồng Hồ. Cơ chừng ế. Người đi sơ tán nhiều rồi.

Bài loi cái xe hòm đựng đồ chứa xe ra bờ hè. Từ sáng báo động rồi rít, bây giờ mới được có một lúc một ngày làm. Bác Tặng về nhà. Nửa gian nhà bác đã chất giấy vừa bồi xong để đẩy đợi dán nhãn lên nắp hộp.

Treo túi lên tường, và cứ đội chiếc mũ cứu hỏa lù lù thế, ông và cháu bắt đầu làm. Tổ về hưu này vẫn được mỗi đi nhận dán hộp, vót tẩm. Lúc thì làm cho tổ, lúc cho mật dịch, không ngơi việc. Hồi này dán hộp đựng mứt. Việc chất như đóng bìa, làm không xuể. Tết đến nơi rồi mà. Ba tờ báo cũ phết hồ chặt lại thành bìa rồi chuyển cho tổ khác gấp hộp. Tổ này đến lượt nhận hộp về dán nhãn. Tờ giấy nhãn vuông bằng bàn tay vẽ hoa cúc hoa đào lòe loẹt có ba chữ “mứt ngũ vị”. Làm hộp đến lúc dán nhãn là công việc nhẹ tay nhất. Chỉ phải cái công kênh, nhà không còn lối lách chân. Vài hôm lại một chuyển xích lô chở đi.

Nam bày ra đầu nhà một mảnh gỗ phẳng để dán hồ. Ông quấy xong hồ từ lúc chưa báo động, đã nguội hẳn.

- Dán cái nhãn này chóng, thích hơn, ông ạ.
- Ừ, mọi khi toàn bìa báo cứ bồm bộp. Năm nay có bìa các tông, lịch sự đấy.
- Sao nhiều người ăn mứt quá, ông nhỉ. Nhà mình mỗi tết chỉ mua có một hộp thôi.

Ông cháu vừa thoăn thoắt làm, vừa chuyện vãn vợ. Bác Tặng nghĩ đến buổi tối hôm qua cả nhà ăn chè bà cốt, thế là lại cứ vui vui và buồn buồn. Những đau xót đã qua, mỗi khi thoáng có lúc trở lại, bác lại phải nghĩ dán lên, bỏ đi. Tính bác thế. Cái con Nhiên thế là được. Người ta ở đời, trai gái đến tuổi, gặp nhau cứ như rủi may. Nhớ đến lúc quây quần quanh mâm chè, bác nghĩ giá mà nó về nhà mình bây giờ. Nhà vắng quá. Để rồi bảo Bả. Cưới vợ thì cưới liền tay. Chớ để lâu ngày... Câu các cụ ngày xưa vẫn còn nghiệm, thời bây giờ cũng chưa bỏ đi được đâu.

Nam hỏi ông:

- Bao giờ cháu đi học?
- Rồi ông cho cháu về sơ tán, ngoài sơ tán mới có trường.
- Cháu về sơ tán à?
- Ở làng mà ta về sơ tán có giống khoai lang mật vỏ đỏ rực, ngọt như đường.
- Ông có về không?
- Thỉnh thoảng ông mới về, ông còn công tác.
- Thế thì cháu chẳng về.

Bác Tặng nói: “Xà, cái thằng này...” bác cũng thôi không nghĩ cho cháu đi sơ tán. Bác Tặng thúc mọi người đi, đi ngay những bác Tặng tự thu xếp cho mình thế này: nhà có hai ông cháu, chui đâu chẳng được. Cho nó đi sơ tán thì buồn quá. Hầy hợm đã.

Nam không hỏi thêm ông nữa. Tay cầm cái chổi tre cật tí teo, mềm như lạt, Nam đeo tay phiết hồ lên mặt bìa, dán ngay ngắn cái nhãn “mứt ngũ vị”, rồi ngắm nghía màu

vàng, màu đào loang lổ xem có đúng góc mặt hộp không.

Cơn gió bắc chốc lại ù một cái. Không biết đã chiều chưa mà trên đầu tường có một chút trời hé ra, bằng lăng rồi vàng xuộm. Từ này, hai lần đài báo máy bay địch cách tám mươi ki-lô-mét... cách bảy mươi...

Bảy mươi, tám mươi... Chẳng ăn thua. Ông và cháu vẫn cặm cụi dán, phiết. Ngoài đường cũng chẳng ai chú ý. Tiếng nước máy ở các vòi đầu phố chảy ồ ồ. Mấy nhà cuối phố, chung nhau chiếc xe bánh sắt thấp củn, trên đặt khít ba đôi thùng. Lúc mới hứng nước, thùng không reo tong tong như đánh trống, khi đầy về, thùng đã đầy, mặt nước được thả mảnh lá chuối, lá bàng, nghe nước lác ục ục và tiếng vòng bi bánh xe khê cọt két. Mùa hè qua, mùa đông tới, bây giờ vẫn nghe thế.

Máy bay địch cách Hà Nội... Tiếp theo, còi báo động dồn dập.

Bác Tạng đứng dậy, chép miệng:

– Có dễ những thằng bỏ mẹ này đi đánh nhau quên cả ăn cơm!

Rồi ông vừa lấy miếng giẻ ướt chùi tay, vừa bảo cháu:

– Lau tay rồi dọn cả vào tường cho gọn. Nghe tiếng máy bay phải xuống hầm ngay.

Bác Vạn mách cháu hay rủ các bạn ra cửa xem máy bay. Nhớ đấy, không được thế.

Nam “vâng ạ”, nhưng ầm ức mà không dám hỏi: máy bay đến mà ông Vạn cứ đập xích lô cười khớ khớ giữa đường cũng được.

Bác Tạng, mũ sắt cứu hỏa, úp trên đầu từ bao giờ, lồng băng đỏ lên cánh tay, nhấc túi xách khoác lên vai.

Mọi người lần lượt đến trụ sở. Đồ cứu thương, cứu hỏa, túi thuốc đã đưa sẵn ra ngoài dựng la liệt bên chân song sắt. Cả xe nước cứu hỏa bằng cái thùng tô nô cửa đôi, sơn đỏ chói, dân phòng cũng đã đẩy đến để đây.

Bài nói:

– Để đây, ới một cái, trên điều đi đâu cũng đi được ngay. Tôi ngồi đây cả ngày, trông được các thứ này, chỉ mất công chấp tối, cất vào trụ sở như mình dọn hàng.

Tiện nhất ở đây có Bài. Đứng lên đã là sẵn sàng. Loa báo máy bay địch, Bài cuốn bật, vơ mấy cái móc lốp, hộp nhựa. Đến khi còi báo động vừa cất. Bài đẩy xe đồ vào chân tường rồi lúi trong gầm xe ra chiếc mũ sắt Vácxôvi[1] tròn, cao, xám bóng rồi kéo băng đỏ lên tay áo, lập tức ra đứng giữa ngã năm, giơ tay, thổi còi liên tiếp. Dứt khoát cản người và xe - cả ô tô không cấm cờ phòng không cũng không được qua. Một loáng, bàn tay và cái còi của Bài đã dẹp đường vắng teo.

Đến lúc thưa hẳn người, Bài mới thông thả lui vào cạnh hồ cá nhân. Máy bay đến rồi, Bài xuống hầm đứng nhìn ra đường, mũ sắt quay lắc lư. Có người chạy qua, lại thổi còi...

Tiếng cao xạ nổ râm ran. Như tất cả các khẩu pháo đặt hàng rào dọc sông Hồng nhả đạn một lúc. Tiếng ì ì cao cao ma quái, rập rờn. Rồi tiếng chuyển đất chạy dài từ phía trước mặt xô đến. Lại bom rồi.

– Ở yên nơi trú ẩn! Không nhón nháo!

Cũng chẳng đủ hầm hố. Rải rác những hố trên vỉa hè, người đi đường đã ngồi sẵn trên miệng. Nhiều dân phòng vào trụ sở. Có người đứng mép tường phía sau. Mấy người tựa vào những vè rẽ cây nội, cây sấu xù xì như những cái tai voi, những cái trán bia, nhìn lên vòm trời đục lờ.

Ở ngoài, tiếng Bài quát vang như mắng ai:

“Cái thằng láo thật!” Đến lúc nghe “Có thể nó ném cầu Chui. Láo thật”, nhiều người nấp đằng kia mới biết anh mắng thằng Mỹ và quay lại cười.

Rồi một lúc lại im hẳn, thật lâu. Thành phố lặng lẽ rồi còi trả yên trong tiếng loa báo nước... Máy bay địch... máy bay địch đã bay xa... Đường phố nhẹ nhõm trong tiếng còi ô tô. Nhà ai lại có tiếng gõ đục cách cách. Xích lô của bác Vạn xộc xệch cánh gà về qua. Một thoáng nắng lại phớt nhẹ trên đầu tường. Từ sáng, giờ mới thấy nắng. Con chim sẻ trú trong hóc tường bay ra, nhảy trên hàng hiên sân thượng, kêu tặc tặc. Gần đến giờ tan tầm chiều. Xe đạp ào ra, rồi cả mắt rồi mờ lẫn trong làn sương xuống từ lúc nào.

Bà nói:

– Yêu cầu chấp tôi đi xem lại từng nhà các tổ. Lại giục sơ tán triệt để đi. Xem ra không bền với nó được như những lần trước đâu.

Bác Tạng thông thả đi. Phố vắng người, thấy bóng nhà như nhấp nhô nhiều hơn. Người đạp, người dắt xe vào bóng tối nhập nhoạng. Thế mà như thừa thớt cái gì.

Thì ra vắng tiếng trẻ con. Trong cửa sổ, không nghe léo nhéo, bi bô. Mọi khi, nhà nào cũng có đứa lấp ló chạy ra đón bố mẹ đi làm về. Thường ngày không để ý, đến khi chợt thấy thiếu mới biết. Vắng một tý nhưng mà vội được trẻ con trong lúc căng thẳng thế này, đỡ lo.

Bác lại mỉm cười. Nhà mình vẫn cái thằng cu Nam ở nhà, mà ông cấm nó ra cửa, như người ở vụng, ở chui. Tuy vậy, sơ tán mạnh thế này có thể không nên trây ra. Người ta tị nạn, cán bộ cơ sở kém gương mẫu. Và bác nhớ hồi Giôn-xơn, bác gái... Bác Tạng bước nhanh, nghĩ tránh đi việc khác.

Bác Tạng lần lượt vào từng nhà.

Nhiều nhà đóng cửa im ỉm. Hôm qua còn thấp thoáng, giờ đã thấy khóa trái. Có những cửa khóa đóng đinh một tờ giấy viết nắn nót: Gia đình tôi nhờ hai ban[2] trông nom giúp cho. Chào quyết thắng.

Bác Tạng tạt vào nhà bác Bôi. Bác Bôi ở trái xép một nhà nhiều hộ.

Bác Bôi ngồi vót tằm cạnh cửa, ngược mặt. Con mắt lòa vẫn cảm thấy được phía ánh sáng vào nhà. Đồng tằm xếp dãy quanh hai chân xếp bằng tròn. Bác đặt thanh tre mới vào, tay thoăn thoắt, hai đầu ngón đẩy cho ngay ngắn. Con dao khía vun vút, tiếng vuốt sẽ, đều đều như tiếng trẻ con thở khi ngủ.

Bác Tạng lên tiếng:

– Cơm nước chưa, bác ơi!

– Chào ông Tạng. Ông vào chơi.

Người kém mắt thường thính tai, khéo tay. Bác Bôi chuyên vót tằm trong tổ phụ lão. Bác vót khéo và nhanh, có tháng thu hai chục bạc.

Bác Tạng nói:

– Vội quá, tôi nói một câu thôi nhé.

– Ông xơi nước đã, lại sơ tán triệt để ạ.

– Thế thì ông này thông đấy. Nhớ sáng mai đi sớm, có xe nhà nước đưa cả phố đi vào một nơi, thật tiện.

– Em thì ở đâu chẳng thế.

– Nói vậy không được. Giỡn với con trẻ không ai giỡn với kẻ cướp. Chuyện này kịch liệt lắm. Ông nghe từ đêm qua đấy, nhất quyết rồi.

– Em nói chơi vậy thôi. Các cụ cho em công việc thì em ngồi đâu cũng được.

– Về quê, tre pheo tại chỗ, giá thành tấm hộp rẻ hơn, tất nhiên công mình cao hơn.
– Phải đấy ạ. Mảnh tre ở nhà quê thì nó là cái mảnh bát, ra đến tỉnh, nó là miếng vải hoa rồi.

- Sáng mai, anh em đến dọn giúp bác.
 - Em chỉ có bị quần áo, gối đầu sẵn đây.
- Bác Tặng đã ra đến sân, còn quay đầu lại:
- Cháu hồi này có hay thư về không?
 - Dạ, cháu ông cứ đều mỗi tháng một lá.
 - Tốt quá. Bao giờ về nhỉ?
 - Còn ăn hai cái Tết bên ấy, ông ạ.

Bác Bôi ở phố này đã nhiều năm. Những người ở lâu đây đều biết bác Bôi gốc người đầu ô ngoài Thanh Nhân. Thanh Nhân cũng như nhiều làng ngoại ô khác, thường cả làng sinh sống phụ thuộc vào đất kẻ chợ. Cổ Nhuế, thợ may, hàng thầu. Thủ Lệ, giặt là, Lại Xá thợ ảnh, làng Thụy, bún chả bún ốc, xôi lúa, chè đường, quà vật. Nhiều người làng Thanh Nhân, làng Kim Liên cha truyền con nối xách hòm đi bởm đầu. Bác Bôi lên đây đi cắt tóc rong từ khi người lớn còn hay húi “cua”, húi “ca rê” và trẻ con để hoa roi, cạo xong lấy cái lược tròn cào đầu như bào da. Chỉ có hai bố con ở phố, người ta nói vợ bác ở làng. Người thì đoán bác góa vợ. Năm hòa bình, bác xin được việc cho con làm nhà máy da Thụy Khuê. Ít lâu, sở lao động lấy đi học nghề thuộc da ở nước bạn Mông Cổ. Không bao giờ bác lại nghĩ đến như nhà bác mà có người được “đi sang bên Tây” học.

Bác Tặng về đến nhà, Nam đã bắc nồi nước thổi cơm lên bếp.

Tiếng gió rào rạt mặt đường loáng bóng hơi mưa bụi. Người về muộn, đạp xe vội. Chập tối mùa đông đường vắng sớm hơn.

Bảng và Nhiên đã đến đầu phố rồi lại rẽ ngược lên bờ sông, nói nốt câu chuyện đương dở. Chuyện của hai người yêu nhau, lần gặp nào mà chẳng thấy chưa hết, không dứt đi được, lại phải tha nhau đi quanh quẩn.

Và cũng không vì câu chuyện mà còn vì thói quen từ bao giờ, hai người hay đứng trên đê nhìn xuống sông, nhớ cái lần Bảng đi với Nhiên về nhà Nhiên ở bãi Giữa. Bảng bảo Bảng ngại xuống ban ngày. Dù Nhiên đã nói đùa là bà mới nghe em kể về anh, bà đã bằng lòng.

Lần đầu, Bảng đi với Nhiên xuống nhà Nhiên ở bãi lúc chập tối. Mới rời khỏi con đê, đã như để lại cả phố náo nhiệt sau lưng. Trông lên, vòm trời mơ màng và một mảnh trăng sừng trâu. Hai người qua những vườn xoan lưa thưa, đi mãi mới tới bãi cát, ngẩng lên, vẫn thấy vầng trăng non lửng thững theo ra tận dòng nước. Nhớ lần ấy như thế. Cây xoan thưa, đường đất cát mịn và bóng trăng.

Đã lên đến trên đê. Mới những tối nào, các tay đôi dập dìu đi chơi trên đê còn mát rượi gió đêm mùa hạ. Bây giờ vắng ngắt. Thành phố và dòng sông im lặng, trước mặt sau lưng. Trong bóng tối sương phủ, tiếng gió vi vút lướt dài thân đê. Hai người đổ nhau nhìn thấy cái quang cầu Long Biên gầy bên Gia Lâm. Nhưng cả dòng sông với những cánh bãi cũng trắng mờ như vông xuống. Ở những đót cầu phao phà Bác Cổ và phía cầu Khuyến Lương, đóm đèn điện như chuỗi hạt cong cong lấp lánh. Không còn bọn rộn báo động và tiếng bom, chỉ thấy đêm thanh vắng và hai người.

– Nhiên ạ, ngày còn bé, hôm nào mình cũng lên tận cầu, có lần xuống bãi Giữa chơi, đã tưởng như về quê xa, thấy lũy tre, luống khoai lang, cái thuyền thúng.

– Thế mà không vào nhà em!

– Anh trông thấy em rồi, thế này nhé, tóc em để cun cút đỏ hoe đuôi bò, em mặc quần hồng dít. Có phải không?

– Cái anh này!

– Đúng rồi.

– Bao giờ anh Việt về, chúng mình ra bãi Giữa ở. Bà em bảo anh phải ở gửi rể, có ở rể bà em mới gả.

– Việc hai đứa anh nói với bố rồi.

– Khi nào?

– Tối hôm qua.

– Lúc ấy rồi sau báo động mà.

– Lại ném bom nữa. Thì vẫn nói được chứ sao!

– Bố bảo thế nào?

– Nhất trí.

Nhiên im lặng.

Bảng lại nói:

– Nhưng mình chưa dám nói với bố cái lí do xây dựng vì mình sắp đi bộ đội.

Lát sau Nhiên hỏi, mơ màng:

– Bây giờ định thế nào?

– Tổ chức trong tuần này được không?

– Chúng nó cười chết.

– Giản dị thôi.

Trong sương mù hòa với ánh điện, những cái loa tứ phía, bên phố, bên kia sông, tiếng vang vang nối nhau... đồng bào chú ý... máy bay địch...

Bảng về đến nhà, Nam đã ngủ trên nắp hầm từ lúc ông ra trụ sở. Nam ngồi quần cái vỏ chăn mới ông vừa lấy trong tủ ra. Thích quá, mùa rét được cái chăn ấm. Thế là mắt díp lại, ngủ luôn.

[1] Mũ sắt bộ binh quân đội các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

[2] Ban đại biểu dân phố và ban bảo vệ, những tổ chức ở đường phố thời kỳ năm 1972.

XIII



hừng trận bom và báo động suốt đêm đã làm cho thành phố thức sớm hơn thường khi.

Đèn đường vừa tắt, sương mù còn trắng từng quãng, đã hồi hã trong những tiếng mơ hồ, rập rờn. Từ cầu phao lên, một đoàn xe tải còn đèn gầm, động vũng ánh sáng di chuyển dưới lòng đường. Tiếng rồ máy đã xa, phỏ lại tíu tít gió xe đạp. Một ngày thành phố thực sự bắt đầu từ lúc còn mù mịt sương.

Anh bán báo đã đến ngã năm. Anh đứng bán ở ngã năm từ thuở nào ít ai để ý, dù mỗi ngày đi qua nhiều người vẫn mua một tờ. Từ hôm Mỹ ném bom trở lại, anh bán báo được chờ đón đến suốt cả ruột.

Cái xe đạp tà tà vào bờ hè. Đồng báo chắt cao ngang lưng, kèm hai bên hai túi to. Xe thò báo thơm hắc ẩm mùi giấy mực vừa ở máy in ra. Người đi đường theo đến chỗ bờ hè ấy thì dừng lại - đã biết thế. Anh vừa ghéch xe, người ta xúm xít. Anh Bốn đã gầy, mấy hôm nay càng sạm đi, râu trở lửa tủa. Hai con mắt đỏ đọc, nổi tia máu. Nhưng nhanh nhẹn, thoăn thoắt hai bàn tay rút báo.

- Cho tờ Quân đội Nhân dân.
- Tờ Nhân dân.
- Có Hà Nội mới chưa?
- Hôm nay có Văn nghệ chứ?
- Tờ Thể dục Thể thao, anh ơi!

Anh rút báo tới tấp. Đồi chốc, ngừng lại, anh nói tin, đọc từng đoạn báo. Từ nơi lấy báo ở phố Tràng Tiền về đây có một quãng đường, anh đứng chỗ nào mà đã đọc, đã thuộc trước nhanh thế.

Tiếng anh sang sảng, dong dạc:

- Bộ ngoại giao ta họp báo tại Câu lạc bộ Quốc tế, đã đưa năm giặc lái B.52 bị bắt sống ra trình diện phóng viên báo chí trong nước ngoài nước.

Những người mua báo, có người vội đi, đã nhét tờ báo vào túi, còn rồn lại nghe. Có người đứng nhích ra phía chân cột đèn, đọc vội hàng tit lớn, tit nhỏ rồi còn quay lại. Đọc bằng mắt những tin hạ máy bay chưa thỏa tai, chưa chắc chắn bằng nghe anh phát hành báo nói. Người bán báo đã thành người phát tin hè phố, say sưa và hùng hồn những tin sốt dẻo, suốt đêm bây giờ mới được biết.

- Cho tôi tờ Nhân dân.
- Hà Nội mới có chưa, hôm nào Hà Nội mới cũng ra chậm nhỉ.
- Quân đội Nhân dân... Quân đội...

Sáng sớm, bác Vạn thả cái xích lô ra đường. Xe tối qua đi về để vào giữa nhà, ngay ngắn cẩn thận ngang chỗ với cái tủ chè khảm xà cừ mà ít ai để ý, đã ám bụi mốc thối. Có khi cất cả thức ăn vào tủ chè như gác măng-dê. Cái xe xích lô bây giờ giá trị hơn cái tủ chè năm trước mua của người đi Nam bán vứt đi. Tủ chè ấy không làm được ra tiền như cái xích lô đã nuôi được cả nhà bác - bác vẫn nói đùa: hai vợ chồng và một lũ tàu há mồm. Bác có anh con lớn đương học đại học y sơ tán ở Hà Bắc, ba năm nữa con bác ra "đốc tờ".

Bác Vạn nhô lưng lên, hai chân quay tròn, đều như đạp guồng nước. Đương đạp

hăng, bỗng sững lại. Bác nhảy xuống, xông vào đám người quanh anh hàng báo.

– Tờ một tờ Quân đội.

Bỏ báo vào thùng xe, lại đạp phóng ra ngã năm. Tưởng đi tập trung tổ xe khách thế nào, lại dừng lại, vào hàng cắt tóc. Hợp tác xã cắt tóc cũng mở cửa sớm, tránh báo động. Những nhát kéo tóc tách, áo lui trắng quanh dưới ánh điện.

Bác Vạn ngồi đườn vào ghế, nhắm mắt, ngáp rồi bô bô nói:

– Mỗi đêm râu tóc mọc ra đúng một đốt tay, um cả lên.

Anh thợ cắt tóc, tay đưa cái lược cái kéo cùng mọi thứ chuyện cứ rả rích trên đầu.

– Đi làm sớm thế, ông?

– Cũng như các đồng ấy thôi. Rồi còn phải mở cửa hàng từ gà gáy ấy. Trông bách nghệ bách nhân đương tấp nập ngoài đường thì biết. Giờ này những thằng bỏ mẹ ấy còn ngủ. Tây nó dậy muộn lắm, ta mới làm ăn được chứ.

– Bây giờ nó đương uống cà phê.

– Phê phung gì quân mất vía! Cứ trông mấy thằng bị bắt hôm xẩm tối dẫn qua đây thì biết. Mặt bệch ra cắt không còn hột máu. Giờ này ấy à, còn chấp tay nhắm mắt a-di-men dê-su-ma, hỏi chúa xem chốc nữa phải đi liệu có còn vác xác về hay là nhóm ở đâu.

– Ông này đi báo cáo thời sự ở câu lạc bộ Đoàn Kết thì vui đấy.

– Mỗi ngày một tờ Quân đội để đâu!

– Ông ra ga đón tàu sớm về à?

– Tổ xe khách chúng tớ bây giờ trực chiến là chính.

– Thế là thế nào?

– Cứ lượn lờ đâu cũng được, hễ nghe còi ử thì về địa điểm tập trung. Bom xuống, ban phòng không cho lệnh đi tải thương.

– Đã đi chuyến nào chưa?

– Ồi giờ, hỏi thế thì tôi tiên đọc báo. Cửa hàng này mỗi ngày mua mấy tờ báo? Báo nói âm lên, cả ảnh nữa. Hơn mười trăn rồi. Nhạy hơn ô tô tải thương. Hầm sập trong ngõ ngách thế nào xe chúng tớ cũng lách vào tận nơi được.

– Người bị thương, mà ngồi như mình ngồi ấy à?

– Không, có cáng đàn ông. Lật ghế ngồi lên, kéo ra, bắc hai giống ngang, thành cáng. Mưa nắng thì giương mui, che cánh gà. Kinh nghiệm xương máu rồi.

– Báo đăng tổ xe khách khu Hai Bà xung kích tải thương. Ông tưởng bọn này không xem báo à. Chúng tôi còn biết cả thành tích của các anh Nha, anh Gạch, anh Ngạt, anh Hiệp, xích lô cứu sập tải thương ở Mai Hương, ở Thanh Trì...

Bác Vạn im một lát, rồi nói đều đều không ra cãi lại, nhưng tự tin và thấy mình thắng:

– Ở ở thế tớ có phải khu Hai Bà đâu mà cũng xung kích tải thương, ra vào mười hai trăn cả thấy. Biết không, xích lô toàn thành ra trăn. Cái anh nhà báo viết không rõ, làm các cậu tưởng chỉ có xích lô khu Hai Bà.

– Ta giỏi thật ông Vạn nhỉ.

– Cái thằng Ních cũng cáo lắm. Một ngày một đêm bây giờ nó chỉ để hở có lúc này. Mình phải đổi lệ làm ăn.

Ngoài đường, sương còn lờ mờ, nhưng đã trông rõ được cảnh rộn ràng hơn.

Những chiếc xe bò dừng đỉnh lên dốc đê tải cát cho xưởng thổi thủy tinh Khâm Thiên. Ra bãi lấy cát từ nửa đêm, bây giờ được cát về. Mỗi xe, cát vàng vun cao, cảm một

cái xẻng giữa đỉnh.

Những xe đạp thô qua cầu phao Bác Cổ. Từng tải hành củ trắng nhể nhại. Những bó cải Lạng Sơn to búp để muối dưa. Những sọt xu hào xanh phần, đã sang tới đường nhựa.

Chợ Bắc Qua ở đầu cầu, không còn là chợ đổi vai cho người buôn từ nửa đêm về sáng như mọi khi. Các ngã năm, ngã bảy, từ ngã tư Trung Hiền lên ô chợ Dừa, từ vườn hoa Pátxtơ xuống Ngã Tư Sở đâu cũng thành những nơi mua bán chớp nhoáng. Cái chợ cỏ và căng ngô tươi cho bò, cho thỏ, cho chuột bạch, mọi khi ở Cột Đồng Hồ, bây giờ dịch xuống sau lưng Nhà hát Thành phố. Lố nhố người từ ngoại ô quảy gong cỏ vào từ mờ sáng.

Còi báo động nổi lên giữa lúc ấy. Không kịp nghe cả tiếng còi phát thanh mọi khi “đồng bào chú ý”.

Anh thợ cắt tóc cời phăng áo choàng, lồng băng đỏ lên tay áo, với chiếc mũ sắt để trên giá gương, úp vào đầu. Xong đầu đấy, lại nâng con dao cạo, tiếp tục làm.

– Còn sửa một vành, ông ạ.

Ngoài đường, tiếng còi rít loạn lên. Những anh thợ khác trong hiệu không vương khách đã chạy ra, đứng giữ trật tự. Cả cửa hàng cắt tóc này là một tổ dân phòng.

Anh thợ bảo bác Vạn:

– Hay là ông ra chỗ tôi đứng làm nhiệm vụ. Nốt một tẹo thôi mà.

Bác Vạn cời nút vương vải choàng cổ:

– Thôi, tớ cũng phải đến tập trung. Chiều về cạo nốt vậy.

Rồi, cứ cái đầu mới đưa tông-đơ được một mé trắng trắng như thế, bác Vạn phốc lên xe, một tay vòng khoanh lên, lồng băng phòng không vào tay, chân đạp vòng vòng qua ngã năm. Dân phòng, phòng không các phố không đâu dám huýt còi bác Vạn, cái xích lô đã hóa ra xe xung kích cứu thương rồi.

Tiếng bom rền từ phía tay trái. Lại đầu ô, lại khu An Dương, nhà máy điện Yên Phụ... Người thành phố đã luyện được cách phân biệt tiếng súng tiếng bom. Động tai là súng, rợn chân là bom, rồi bom hướng nào, chẳng phải đứng trên cao như ban chỉ huy phòng không mà cũng đoán ra được cả. Chỉ có mỗi một lần hôm nọ, giữa trưa, máy bay Mỹ dùng dùng vào ném tan tòa nhà chính của đại sứ quán Pháp, thì không ai đoán đúng được. Thấy bom giữa thành phố, tưởng nó lại đánh ga Hàng Cỏ hay nhà Bưu Điện, trụ sở Ủy ban thành phố, đền Ngọc Sơn - chẳng người nào nghĩ ra nó choang chỗ ấy, Tây lại choảng Tây.

Bảng ở nhà máy về, dắt xe đạp men bên tường. Cách của mấy anh thợ “tranh thủ” luôn đi lúc báo động. Chỗ nào dân phòng huýt còi, Bảng đứng lại. Một lát, lại lần đi, thế là không ai nói gì. Chỗ vắng dài dài, Bảng phóng đến tận ngã năm.

Có gì đâu, Bảng đương buồn ngủ đến lử cả người. Suốt đêm, - tổ Bảng chuyển một bộ phận máy đến nơi khác trong thành phố. Bộ phận ở lại, tranh thủ điều kiện điện. Nhưng lần này, trên nhận định dịch có thể nện lung tung, dù phân xưởng đã có sáng kiến dỡ trống hóc tất cả các mái tôn, cho cái nhà máy giả chết. Nhưng cẩn thận, bây giờ cứ phải dọn đến địa điểm khác. Nhà máy cũng phải du kích với dịch.

Dỡ máy, ô tô chuyển rồi khiêng vai, đòn bẩy và xích trượt rê vào, lại lắp ngay cho ca sáng làm. Đến đợt báo động ba giờ, đương lắp máy. Thành phố tối om. Sáng bom, tên lửa và các cỡ pháo bên kia sông hắt sang, ghé ánh chớp chờn ấy mà làm. Đến tảng sáng, vừa xong. Ra làm bát mì bồi dưỡng, có anh rõ ràng tay cầm đôi đũa mà rơi một chiếc lúc

nào không biết.

Bảng đẩy cửa vào nhà. Bố đã ra trụ sở. Cháu Nam nghe tiếng người, tưởng ông về, thụt vội xuống hầm. Rồi lại ló đầu lên, reo:

– A chú Bảng! Cô Nhiên đâu?

Theo thói quen của mọi người bây giờ, Bảng nói to:

– Xuống hầm! Xuống hầm! Nó đang bom, không nghe tiếng à.

Rồi, chẳng biết cháu vẫn ở dưới hầm hay lại nhò lên. Bảng dựa xe vào tường, lăn ườn xuống giường. Tiếng bom dội lại nhưng xa xa, thưa thớt. Trong nhà, đã vang tiếng ngáy khò khò.

Bảng ngủ lâu thế nào, mấy lần báo động, mấy lần bom nữa, không biết. Một lần, Bảng giật mình vì tiếng bom - hay tên lửa phóng gần quá, như ngay đầu phố. Bảng nhồm lên bây giờ nghe rõ hơn tiếng máy bay. Tiếng súng các góc tường vang lại chan chát, không biết phía nào.

Bảng đứng dậy, thấy Nam vẫn nhấp nhồm, đương ghé mắt mấp mé miệng hố, im lặng nhìn chú. Nó sợ chú lại đuổi xuống hầm, mặc dầu đã ở dưới hầm rồi. Nếu chú quát thì phải ngồi, không được đứng.

Bảng bước ra, mở cửa.

Những tiếng ì ầm đã vắng xa, thành phố lại rờn rợn im. Có lẽ vừa rồi có trận không chiến. Máy bay ta đuổi, tiếng vang động rồi mất hẳn. Những người thạo đoán nói từ hôm kia, máy bay ta đã lên mấy trận. Cứ khi nào không nghe tiếng cao pháo, đấy là có máy bay ta xuất trận - các anh ấy nói thế. Gió thổi hun hút đầu tường, lộ một mầu trời xanh nhờ. Không có nắng, không biết đương lúc nào trong ngày.

Bảng trông đồng hồ báo thức trên tủ rồi lơ đãng nhìn ra, hỏi cháu:

– Nam à... Nhà thổi cơm chưa?

– Chưa.

– Thế thì lên thổi cơm. Hơn mười hai giờ rồi.

– Đương báo động chú ạ.

– Mặc xác nó. Tao đói quá rồi.

Nam lồm cồm trèo khỏi hố, bụng khoái như chui trong cái lồng ra, rồi ngồi ngay nắp hầm, hóng mặt đợi chú sai.

Chú hỏi:

– Nhà có gì ăn?

– Có trứng.

– Lấy gạo, chú vo cho.

Chú Bảng ngủ từ sáng, kệ báo động, Nam đã thích. Bởi Nam được chơi quanh quẩn. Thỉnh thoảng, thấy chú ngáy to, tưởng chú thức, lại trèo xuống hầm. Bây giờ chưa còi yên mà lại đi lấy gạo, ra nhóm lửa. Ông chưa về, không biết đấy.

Tiếng còi trả yên thả dài trên thành phố lộ xô những dãy nhà một tầng thấp, rêu phủ đen mái có những giàn hoa lí, những cây chanh, cây hoa mộc trồng chậu đặt trên sân thượng vào mùa hanh hao mà vẫn tươi lá - chủ đi vắng, có thể người ở phòng bên tưới nước hộ, những cái mái lợp phi-brô xi-măng trắng hay những miếng giấy dầu đen nhoáng, cạnh cửa sổ vải hoa treo giò phong lan tai trâu xanh dày - nhà này mới thêm một cặp ở riêng trong cái gác xép vừa lai thêm.

Tiếng báo yên, những tiếng yên lành theo làn gió bắc ngoài sông Hồng thổi vào,

thênh thang trên những vòm cây sấu, cây nhội, cây côm nguội, cây đa, cây đề cao cao khiến như các đường phố, nhà cửa càng ẩn mình thấp nhỏ lại.

Bác Tạng bước vào.

– Con về đây à? Ôi dào, còi liên, không kịp côm nước gì. Nghe tình hình thế nào không?

– Trên phổ biến nó mà bị rơi thế này, cũng chịu được vài đòn nữa thôi. Mỗi cái B.52 bằng tiền làm một nhà máy hiện đại. Thành phố đã hạ của nó mười mấy cái nhà máy tối tân rồi.

– Thằng cụp xòe cũng gồm.

– Cái F.111.

– Thằng này chỉ biết cắn trộm.

– Trên đã có kế hoạch đón lõng nó rồi, bố ạ.

Cơm vừa chín. Bỗng lấy cái xoong con, rán trứng. Nam đã nhanh nhẩu ra chạn bát, hạ chiếc mâm nhôm giắt ở khe tủ đựng thức ăn.

Một lát, cả nhà đã ngồi vào mâm. Chú cháu đói ngấu nghiêng, nhai nhồm nhoàm. Cơm nóng và trứng rán bốc khói.

Bỗng nói với bố:

– Con lại đi ngay bây giờ.

– Làm ca à?

– Kiểm tra máy di chuyển đêm qua.

– Địa điểm mới à?

– Đợt đi bộ đội của nhà máy hoãn rồi, bố ạ. Thành Đội đã thảo luận với các nhà máy, thành lập những đại đội công nhân chiến đấu. Được trang bị súng 37, chuyên đi phục kích rình chọc tiết thằng F.111 tầm thấp. Nhà máy chọn con rồi. Từ tối nay con tập trung, ở ngay công sự, vừa tập vừa chiến đấu luôn.

– Ờ.

Đêm trước, Bỗng đã nói với bố việc Bỗng đi bộ đội. Bác Tạng mới hiểu thêm cái ý tứ nó muốn cưới vợ. Bác Tạng nghĩ bùi ngùi khi biết con sắp đi xa mà lại chạnh nỗi nhà hiu quạnh. Bây giờ, Bỗng ở lại.

Bác Tạng lại thấy vui vui:

– “Cháu Bỗng sắp đi nghĩa vụ quân sự” - bác Tạng đã kể ở trụ sở. Có người nói: bác nên đề nghị trên. Bác Tạng nói: trai tráng thời chiến, các cô các cậu ấy có cái chí của các cô các cậu ấy. Bác cũng không hỏi xem Bỗng đi nghĩa vụ hay Bỗng xung phong. Trong công tác và đối với xã hội, bác Tạng không ngần ngại và tính toán nhiều.

Bây giờ, con chưa đi, bố lại thấy yên lòng và vui một nhẽ khác.

Bác Tạng nghĩ thầm: ừ ở nhà, ở nhà thì cũng vẫn tổ chức cưới đấy, anh ạ. Nghĩ vui thế rồi, nhưng bác lại cảm thấy nhà mình vắng. Lắm khi bần thần cả người. Nhất là lúc chập tối, ngoài đường người đi làm về rộn rịp qua, nhà mình cứ như còn thiếu ai chưa về - dù đã mấy năm, cứ nghĩ tránh đi thì thôi mà không thể nguôi được. Những việc quanh mình, bao nhiêu bề bộn không cho bác vẫn vợ nhiều. Bác nghĩ vui: cứ bảo nó tổ chức, đã định làm rồi mà.

Bác Tạng bảo Bỗng:

– Bây giờ được cái hơn là ở gần, nhà đỡ vắng. Còn việc của con với cái Nhiên thì bố thấy các con cứ bình thường.

Bảng cười. Cái điều Bảng định hỏi bố đã nói rồi. Bố lại có ý giục “Nhà đỡ vắng...”
Mấy lâu quả tình Bảng không để ý việc nhà. Nhiều khi về, kènх xuống giường, cái chiếu gấp ngang giữa lưng cũng cứ thế nằm, lúc trở dậy lại để vậy đi, cái gối rơi xuống đất không biết. Đôi lúc, quét nhà xong không rõ để chổi quét nhà ở xó nào. Quần áo thay ra, bỏ đông, còn nói gì đến đỡ bố giặt áo cho cháu Nam. Đây mới chỉ là những lật vạt mà cũng chẳng biết ý tứ. Bao nhiêu việc đã lơ là như thế. Từ khi mẹ chết, chị Việt chết, cháu Nam thui thủi, bố quạnh quẽ, Bảng biết xót xa nhưng chưa biết lo liệu ngọn ngành công việc thế nào. Bây giờ bố bảo cho mà biết đấy. “Các con cứ tiến hành...”.

Bảng thấy trong lòng bỗng bột, vừa quý vừa thương bố. Lấy nhau rồi, Nhiên về đây, đón bà về ở cùng cho vui. Thế là nhà đỡ vắng. Hay là dọn xuống ở cả nhà Nhiên dưới bãi Giữa. Bà Nhiên chỉ mong thế. Bố đã xuống chơi nhà Nhiên, bố cũng tấm tắc: giữa đất Hà Nội mà có cảnh làng xóm sông bên, vườn rau, chuồng lợn chuồng gà thế này, hay thật.

Cơm xong, Bảng lại lật đật dắt xe đạp đi. Vừa xuống đường, khoái trí, nhảy dựng cả hai chân, phóng luôn.

Đến chiều, kiểm tra xong máy, cũng vừa tan ca. Bảng đi đón Nhiên. Vừa bồn chồn, vừa vui. Thế là bố bảo phải cưới ngay. Một câu nói mà cuộc đời như tới trước cánh cửa đương mở. Bảng chưa nghĩ được ra. Mấy hôm nọ, cứ nói: tuần này... tuần này tổ chức... Nhưng cũng chưa nghĩ rõ ràng ra tuần này thế nào... tuần này...

Hai người xuống công viên Thống Nhất.

Qua phố, trông xuống ga Hàng Cỏ mới bị bom trưа hôm trước. Giữa hai hàng nhội, như sáng hơn mọi khi. Tòa nhà ga giữa treo chiếc đồng hồ to bằng chiếc nĩa đại đã bị bom đánh rơi. Con đường chống chênh một lỗ hổng không quen mắt.

Bảng nói cho Nhiên biết bố bảo thế. Bây giờ bàn nhau làm gì trước làm gì sau. Đã ra tới công viên lúc nào, không biết.

Phía hồ Bảy Mẫu quang cảnh khác năm trước. Bây giờ vườn lô xô lẫn lộn những bạch đàn, bằng lăng, phi lao, suốt ngày như cái chợ con của khách đợi tàu xe bến Kim Liên và ga Hàng Cỏ. Hàng nước chè tươi, quán chè chén, gánh miến dong giềng, gánh rau muống, có khi cả một mẹt sụn vỏ bò người ăn chằm tương ớt cùng với can bia rót ra bát. Anh thợ cắt tóc đã ra đây, đóng chiếc đình mười lăm phân lên thân cây phi lao, treo tám gương rồi bắc cái ghế chéo. Khách đến, quàng khăn mặt in hoa vào cổ, làm ngay.

Chỗ này không phải chạy tàu bay. Vòm lá che trên đầu khiến người ta yên trí. Lần nó bắn bệnh viện Bạch Mai, gần quá, mấy bà bán miến, bán cơm nắm núp ngay ra cạnh quang gánh. Các bà hét anh cắt tóc đỡ cái gương úp xuống cỏ. Tiếng máy bay rít ngay trên mặt hồ. Bỏ bom đến nơi. Người nằm trên cỏ chửi om lên. Oàng! Oàng! Khói bụi mù. Có người nhảy xuống nước, sắp hụp cả áo bông. Bom rơi góc hồ đằng kia, chỗ nhà thuyền. Đến lúc khói bụi tan, không còn thấy cái nhà lợp gỗ mọi khi vẫn bán bánh tôm và bia hơi. Mấy người sợ không dám đến bãi chỗ ấy nữa. Nhưng chỉ vài hôm, lại quên, những người khác không biết, lại tập nập đến.

Bảng và Nhiên ngồi tựa một gốc cây bằng lăng. Cái chợ ban ngày, đến chập tối đã hóa bãi khách chờ tàu đêm. Các chuyến tàu Phủ Lý, Nam Định, Vinh chạy đêm, không khởi hành trong ga. Nhà ga hẹn khách mua vé lên đợi ở ngã tư Vọng. Bên Gia Lâm, người đi tàu ngoài ga Yên Viên, cách một hai ki-lô-mét. Xung quanh ga Hàng Cỏ, không ai đến. Vé bán các đường phía nam, mua rồi ra ngồi công viên Thống Nhất đợi tối. Không ai hẹn, người ta tìm nơi bóng cây xanh đến. Người nằm ngồi trong cỏ, đắp chăn

ngủ hờ dưới gốc cây, chốc nữa, đến khuya, sương ẩm tê hai vai.

Bảng và Nhiên cũng như hai người đi tàu ngồi công viên đợi. Thành phố càng lặng lẽ, ánh điện càng sáng trắng. Phía mép nước bên kia, có tiếng máy nhẹ nhẹ vi vu. Người ta bảo đây là một bộ phận nhà máy đóng tàu Hải Phòng đã du kích lên. Vòm sương và bóng tối êm đềm trên thành phố. Không một vẻ gì cho ai nghĩ có thể chốc nữa hoặc khi này có tên lửa, có báo động, có bom xuống đây. Cũng không ai biết đây là nhà máy chế vũ khí phá mìn phong tỏa cảng.

Câu chuyện Bảng đã nói từ lúc Nhiên còn ngồi sau xe, Nhiên thích hỏi lại, thích nghe tiếng Bảng nói lại:

– Bố bảo thế nào?

Bảng lại trả lời hết câu lúc này:

– Bố bảo chúng mình cưới.

– Cưới phải thế nào nhỉ?

– Một là về nói với bà.

– Dễ rồi.

– Viết giấy mời bạn bè hai đứa.

– Việc này ngượng đấy.

– Chúng mình lên một danh sách.

– Anh thạo nhỉ!

– Bố đã báo báo tin mừng đa phần. Không tập trung quá số người bạn phòng không quy định.

– Cưới ở nhà hay phòng cưới, bây giờ còn phòng cưới chứ?

– Phòng cưới đóng cửa rồi. Rồi định ngày cưới.

– Ngày cưới phải hỏi bà đã. Không biết bố thế nào chứ bà thì hay chọn ngày, kiêng ngày, ngày lễ ngày chẵn, tốt xấu đầu tuần cuối tuần giảng thế nào đấy.

– Có việc quan trọng, suýt quên. Đi đăng ký.

– Hai đứa phải đi cùng thì dơ dơ là.

– Có lẽ một người cũng được.

– Thật thế không?

– Đoán thế. Phải đi hỏi.

– Bao nhiêu việc mà cứ nhớ ra từng việc thế này thì cả đêm không hết. Thôi để về nhà bố xếp “chương trình” cho.

– Ờ, các cụ có kinh nghiệm.

– Bàn từ chập tối lại xóa đi, rõ con voi cái voi đi trước.

Hai người cười nắm vai nhau đứng dậy.

Không biết mấy giờ, chỉ thấy trời tối và lạnh, tóc đã ẩm. Một chuyến tàu về qua bên kia hồ Ba Mẫu. Tiếng còi lạnh lạnh trong tiếng máy hùng hổ lung lay bóng tối. Tưởng tượng đoàn tàu vươn dài vút theo tiếng còi vào thành phố.

Bảng đeo Nhiên về.

Tiếng còi báo động giục giã trên bóng đoàn tàu chuyển động như trượt theo.

Tiếng oàng oàng nã lên giữa tiếng rít xé ngang vòm trời đen kịt. Hai đứa đứng tránh vào chỗ mấy cây đề góc hồ đăng này.

– Phải thẳng cánh cụp cánh xòe không, anh?

– Nó đấy.

– Chưa đi đại đội tập trung mà đã thạo nhỉ?

– Em cũng biết cơ mà.

Tiếng cười rúc rích.

Hai người đi lần lên đến bờ sông.

Khi Bảng một mình trở lại đến gần ngõ nhà, mới còi trả yên. Loa phóng thanh mắc trong vòm cây, cột điện các ngã ba ríu rít tiếng nhạc đài Hà Nội đương giờ ca nhạc. Ca sĩ Kiều Hưng tiếng ấm hơn trong đêm.

Đêm vắng, cô phát thanh nói giọng Sài Gòn ngọt ngào, vang càng xa. Cả cái hiệu tút tút chín giờ cũng nghe rõ hơn thường ngày. Trời hanh khô, tiếng động vỡ ra khác đêm thường.

Bảng về qua nhà, định nói với bố rồi mới đến địa điểm tập trung. Ban phòng không của phố còn ngồi đấy. Mấy người lớ nhố quanh cái bàn nhỏ bác Tạng đặt quyển sổ tay to, đã choán một góc.

Buổi họp nào cũng chồng chất việc đọc đầu mục rồi thêm vào, dài đến phát sợ, lại phải khoanh cho dứt điểm.

Bác Tạng nói:

– Trên có công văn về nói tình hình địch đánh phá thế này, công việc cuối năm thêm ra nhiều, việc nào làm trước được phải làm sớm cho kịp. Diệt chuột thì để tuần sau cũng được. Có thuốc về trộn mồi, y tế vệ sinh cứ làm như mọi khi, khỏi phải bàn. Bây giờ về cứu tế. Tết sắp đến, trên cho con số từ ba đến năm, mở rộng hơn năm ngoái. Nhưng phải xem lại phố ta có ai khó khăn phải cứu tế, có hay không có và có thì bao nhiêu. Năm kia không có ai. Năm nay sơ tán triệt để, ta cứ dự kiến đã.

Tuyển nói:

– Cứu tế đặc biệt trong dịp Tết thì tôi thấy chỉ có ông Bôi kém mắt.

Bài nói:

– Trên cho tôi đa năm người, nhưng không vì thế mà cứ cộng bừa cho đủ.

Bác Tạng nhắc bút máy, từ từ ghi Nguyễn Văn Bôi tổ 3 vào đầu trang, rồi lại thông thả nói:

– Ta xem từ hôm sơ tán khẩn trương, liệu Tết này nhà ai khó khăn đột xuất.

Tuyển nói:

– Cho mục cuối nhé. Còn tranh thủ mà ngủ. Yêu cầu đồng chí Tạng, trên cũng nhắc, cán bộ có tuổi phải sang diện sơ tán. Mọi việc bác cứ giao anh em chúng tôi.

Bác Tạng cười rồi nói to:

– Tôi còn công tác, chưa đi được. Mà để còn nghe xem.

Bài nói, như giải thích:

– Mấy năm trước, dân đi sơ tán tứ phương, mình chỉ có vận động. Bây giờ đến mục thực hiện phương án 2, vét bằng hết hàng phố đi, tạo điều kiện tàu xe chuyên chở về một vùng, phải có người lo.

– Đã cất về đấy cả bảy tám vị tổ trưởng, tổ phó.

– Tinh thần bác thì rất hoan nghênh, bác về chỗ sơ tán cũng nhiệm vụ công tác.

Bác Tạng nói, như nói thầm:

– Các ông nghĩ cũng phải, ở đâu cũng là công tác.

– Việc bổ sung khoản di biến động đến o giờ ngày khóa sổ tem phiếu, mai bác tính nốt. Báo động cũng ở nhà làm, đừng ra.

- Xin chấp hành ý kiến của trên.
- Đồng chí Tuyển phó ban thay bác ở đây, bác về chịu trách nhiệm trong sơ tán.
- Nhưng mà tôi mới chỉ chấp hành được một nửa.
- Thế là thế nào?

- Tôi cho cháu Nam về trước. Con trẻ còn ở đây mình cũng áy náy.

Rồi bác Tặng cười xòa:

- Khuya rồi, ngủ lưng một tí, không có nó lại đến quấy bây giờ.

Ngoài đường, những cơn gió lùa lên các cổng trống vào ngõ sâu. Mỗi lúc ngớt gió, lại nghe quèn quẹt tiếng chổi đầu phố - ca đêm của các chị quét rác đã bắt đầu. Lá xà cừ, lá sấu cứ cái mọc cái rụng, xào xạc cả đêm. Đống rác của các nhà làm tổng vệ sinh đã vun lại thành gò, phải hót đi, như mọi đêm. Bà phụ trách y tế vệ sinh vừa lên khu báo đội sửa chữa về xem số nhà đầu phố có hơn chục hộ mà hồ xí hai ngăn sụt tầng nắp. Dù người đi sơ tán, cũng phải chữa cho kịp thời. Còn ai ở nhà cứ giữ vững giờ giấc tổng vệ sinh trong nhà ngoài vỉa hè, chấp tối thứ bảy.

Tiếng lạch xạch cánh gà xích lô từ ngã năm vào. Tuyển và Bài đứng lại trên vỉa hè, nhìn ra. Bác Vạn đi làm về. Cái xe lướt qua vùng ánh sáng ngọn điện trên dây giữa ngã năm đường chao đi trong làn muối và gió. Nhưng cũng đủ trông thấy bác Vạn dừng đỉnh, lắc lư đạp xe không. Quần xắn lên, từng vầu đầu gối bóng nhoáng thông thả dần xuống. Cái má bê đan gỗ quay cọt két. Tưởng người vừa đạp vừa ngủ gật.

Bác Vạn hỏi to:

- Các ông đi tuần à?

Tuyển hỏi lại:

- Về khuya thế. Đi cắt nốt cái tóc ban sáng chưa?

Bác Vạn cười hề hề, sờ lên một bên đầu:

- Cũng quên rồi. Thôi tháng sau cắt nhân thể.

Bác Vạn dừng xe lại, ghéch một chân lên ghi đông:

- Mình về từ lúc chưa chín giờ. Các ông ở nhà có để ý lúc thằng F.111 sà xuống. Nó bỏ bom đầu ô đấy. Vào xóm chân dê ở An Dương. Thế là cả bọn quay lại. Tôi đưa xuống Việt Đức một cháu bé gãy chân, chỉ trạc mười tuổi, như thằng cu nhà tôi. Tội quá, thương quá.

Bác Tặng đứng trong cửa nhìn ra. Bác thấy cho Nam về sơ tán ngay là phải.

Lại báo động. Tiếng còi trong giá rét cứ sắc rợn. Bác Vạn nhảy xuống, lật thùng xe lên, lấy hai cái gọng kéo mắc xuống sàn xe, mặt xe hóa ra cái chông.

Bác Vạn quay xe lại, vừa ngáp vừa lẩm bẩm:

- Quân này nhăng thật!
- Lại đi đâu?
- Trực chiến chứ còn đi đâu!

Rồi nói một mình:

- Mà cũng chàng làm gì được ông. Ông vẫn ngủ cho mà xem.
- Ngủ đứng à?

- Không ạ, trong thùng xe tôi sẵn chăn, lại sẵn cả một "góc" nữa. Giương cánh gà lên, kéo cái chăn, rồi làm một tợp. Kém gì Tây uống say nằm giường Hồng Kông. Bom rơi chỗ nào thì đạp đến đấy thôi.

Khà khà khà... Tiếng cười khàn khàn trên đường vắng.

Sáng tờ mờ, ông bán báo, gầy rạc, râu tóc đen sạm, đến ngã năm ghéch xe đạp, trình trọng đọc to một lô tin mới, trước khi bán báo cho đám người đã xúm quanh.

... Mỹ ném rải thảm dọc sông Hồng, khu lao động An Dương, nhà Bác Cổ, khu tập thể Lương Yên, bệnh viện Bạch Mai, trường Kinh tế Tài chính, Đại học Bách khoa... Bốn máy bay B.52 phải đèn tội...

– Cho tôi tờ Quân đội Nhân dân!

XIV



ột báo động sau cùng vừa tan, trời sáng hẳn. Buổi sáng như sớm hơn bình thường, từ hôm máy bay Mỹ đến đánh đêm. Còn tối đất, những chiếc xe khách Scôđa đồ sộ đã đến đỗ một dọc ngoài ngã năm. Những chiếc Thống Nhất máy I-pha, xe sầm vắn vèo như con thần lặn hoa - để che mắt máy bay.

Đoàn xe suốt ngày chờ người ra khỏi thành phố.

Loa gọi chỗ vào từng góc ngách. Các số nhà ở phố đông, lâu đời, cũng lăm cái lạ. Cứ tưởng người đi hết từ chuyển hôm qua, giờ lại thấy lũ lượt xách túi đeo ba lô, trẻ con riu rít ra. Tận trong cùng, một cái nhà nóc đen xỉn lên tận hai trụ chuôi vồ, cũ kỹ như nhà thờ họ ngày trước hay đình hàng phố của những người một nghề cùng quê lên Kẻ Chợ, lại loi thoi mấy người nữa gồng gánh ra. Thấy ông cán bộ phổ, ai cũng cười, nói chống chế: ầy em nghe loa lúc gà gáy, vội thu xếp đi ngay.

Tiếng loa rộn rã. Phố này có loa pin lại mượn thêm đâu được mấy ống loa thiếc. Anh thông tin huy động cả anh họa sĩ và mấy tay trong ban văn giúp kẻ khẩu hiệu, cũng đi gọi loa từ mờ sáng, rõ mồn một vào từng số nhà.

Bác Tạng đi từng xe, làm loa tay nói chỗ lên ô cửa, trong lỗ nhỏ người ngồi.

– Hôm nào bìa phiếu trên khu về, chúng tôi sẽ đưa từng hộ ở sơ tán. A lô, a lô. Xin chúc bà con lên đường mạnh khỏe.

Nói rồi, bác cũng trèo lên xe. Hai ông cháu ngồi ghép một ghế ngay cạnh người lái xe. Ông cháu cũng sơ tán. Chuyến ấy, mọi người cười ầm, khoái tưởng như đi tham quan.

Đoàn xe đưa người ra khỏi thành phố. Chẳng bao lâu, đã ra đến cánh đồng rộng. Chốc lại gặp bên đường, một chòi tre lênh khênh, cô dân quân áo nâu khăn vuông đen. Trước chòi, một ụ đất nhỏ, giữa đặt khẩu súng trường trên đầu cọc tre, có thể xoay bắn bốn phía, nếu máy bay nó chúi xuống.

Ba gác người kéo, xích lô, xe bò, xe đạp thồ, xe ngựa lóc cóc, vội vội. Ai cũng muốn đi nhanh trên đường khi đường quang quẻ những đám sương mù cứ mỗi lúc một cất cao lên. Đến lúc gặp quây bia trong phố đem ra đây bán, lại tưởng đường cái bình yên mọi khi, xe lại rền ràng đỗ. Dưới gốc muỗm cổ thụ, ngay lối vào tam quan chùa, một đồng thùng bia chất quây lại. Bàn kê cạnh, hai cô mậu dịch đương xếp ra từng tầng cốc vại úp lên nhau. Còn sớm mà rét thế này, mấy đồng chí lái xe tải đã nhảy xuống.

Bác Tạng bảo cháu:

– Hôm nào về, ông mua cho chú Tuyển một bi đồng bia, mỗi bi đồng được hai vại.

Cửa hàng ăn uống huyện về bày bán trứng vịt lộn và bánh mì. Người xúm xít cả vào gốc muỗm.

Anh lái xe nói với lại:

– Mời đồng bào xuống uống bia và mua bánh mì, trứng vịt lộn. Nghỉ mười lăm phút, đúng mười lăm phút tôi bóp còi làm hiệu thì ra xe.

Ông cháu lú lú rú rú xuống.

– Phải rồi, bánh mì về sơ tán làm quà.

Lát sau, cái xe lại đi.

Ngoài đồng, dưới những cây sồi sù sì trụi lá, một hàng xe, trên lưng chờ những chiếc

tên lửa dài ngoằng, vỏ màu đất xám, thật lăm liệt. Ra đây tha hồ xem tên lửa, thoải mái quá.

Nam được trông rõ ràng cái tên lửa đậu trên ô tô, to dài bằng mấy chục thùng phuy đựng nước nối vào nhau, màu ngụy trang đen vàng xanh nâu vằn vèo. Quanh đấy, những xe điện đài xám vuông cấm cảnh lá xung quanh, như ngôi hàng nước. Kỳ tình cửa mở toang, bộ đội ra đa ngồi trong, đeo máy lên hai bên tai, nghiêm nghị nhìn ra.

Nam nhớ năm trước có lần đi sơ tán với ông, không biết có đi đường này không, chỉ mang máng qua nhiều cầu, nhưng nhớ rõ chiều vàng mặt trời có những quả bóng đen to như thúng cái bay lơ lửng trên ngọn tre. Cô dân quân đeo súng cầm dây kéo xuống. Có khi quả bóng được gió lại lơ người treo lên. Mấy cô khác phải chạy tới, níu vào. Những quả bóng to, kỳ lạ bay phập phùng, phập phùng và những tiếng cười ngật nghèo.

– Ông ơi! Quả bóng ở trên trời làm gì?

Ông cất nghĩa:

– Các anh bộ đội kể chuyện ngày trước bên Liên Xô đánh nhau với phát xít cũng thả quả bóng thế. Máy bay phát xít đến ném bom rúc xuống, đựng phải bóng, cháy liền.

Từ lúc ông nói thế, Nam để ý thấy nhiều quả bóng đen to bay xa bay gần trên cánh đồng, trông sờ sợ thế nào ấy.

Bây giờ Nam hỏi ông:

– Không thấy quả bóng năm ngoái, ông nhỉ?

Ô tô bỗng phanh sững lại.

Người lái xe hét to:

– Cứ ngồi yên. Nó đếm rồi.

Ngoài cửa kính, một bóng đen chúi to bằng mấy cánh phản lao như đám thủng tan làn sương, kéo theo tiếng xòen xọet. Nhiều người cúi xuống, bịt tai. Có tiếng kêu: “Bác lái ơi, mở cửa ra cho chạy chứ ngồi chết cả nút à!” Người lái xe vẫn trầm ngâm, vắt một tay lên vô lăng, lăm bắm:

– Lại thằng kẻ cướp F.111. Mò sớmm thế.

Rồi mới trả lời ai vừa nói đằng sau:

– Cụ ơi, cụ cứ yên tâm, cháu có kinh nghiệm rồi. Chạy hoài hơi, nó cút ngay đấy mà.

Quả nhiên, xung quanh đã im ắng như không.

Ông cũng im. Giữa đồng không, chẳng biết báo động báo yên thế nào. Thấy vắng máy bay, người các bờ bụi kéo ra. Những xe ngựa, xe ba gác đứng lùm lùm như bụi cây, bỗng rung rinh động dậy rồi lại rong rả đi. Và đoàn xe chở người sơ tán cũng rỏ máy.

Đã đến làng sơ tán.

Những chuồng heo nở xanh ngắt từng ô vuông vắn mặt ao. Cổng ngăn, cầu ao, cổng xóm, cây đề, bóng mát vừa vui mắt vừa thoáng đãng, vừa nền nếp làng mạc mới. Các lớp học ẩn vào chân tre, có đường hào từ xóm ra.

Phổ sơ tán về ở rải rác hai thôn bên cánh đồng. Mỗi gia đình nhờ một nhà. Bác Tặng đến xóm bà tổ trưởng. Năm ngoái, bác đã vào chuẩn bị chỗ cho từng tổ.

Trưởng ban đón sơ tán của thôn đưa bác Tặng và cháu đến một nhà trong xóm. Ở nhà, lúc ấy có một cụ già và đầy sân trẻ con ríu rít chơi. Nhưng nhìn lại mới biết các cháu đương từng nhóm bên những đồng giẻ rách, mụn vải, bới chọn để riêng ra từng bọn giẻ trắng, giẻ đen, giẻ nâu...

Cụ già mặc áo bộ đội bốn túi đã cũ, râu bạc phơ, bắt tay bác Tặng:

– Tôi là phó Ngạn, phó dao, phó cuốc, không phải phó lý, phó tổng. Rước cụ vào trong nhà.

– Thừa cụ, tôi còn dưới tuổi cụ nhiều.

– Quý nhau thì gọi bằng cụ, cứ gì tuổi.

– Cụ năm nay được giời cho bao nhiêu rồi ạ?

– Tết này vừa tám năm, năm nay tôi năm tuổi.

– Các cháu nhà ta được phúc, sướng thật.

Cụ Ngạn cao tuổi thế mà vững đão để. Suốt đến chiều, bác Tặng được chứng kiến cụ Ngạn khỏe thế nào. Cụ đương giơ tay rèn lưỡi cuốc.

Hàng hiên nhà vẩy tham ra, che giai xung quanh, làm lò rèn. Cả ngoài sân và trong lò, công việc rộn như xưởng máy. Cụ Ngạn cất tiếng quát. Một cháu ngoài sân chạy vào, vừa khịt mũi vừa nhoi người lên nắm hai tay tre ống hơi, kéo bễ. Chốc cụ lại quát một đứa vào kéo bễ đổi cho nhau.

Miếng sắt vùi trong đồng than đã đỏ lừ, cụ Ngạn gấp ra, một tay nhấc búa rèn luôn. Thỏi sắt xám dần, lại được bỏ vào lò, một lát gấp ra. Cho đến lúc đẹp thành hình lưỡi cuốc, cụ bỏ vào bể nước. Miếng sắt kêu “xèo” một tiếng. Rồi cụ lại lấy ra, rèn lần sau cùng. Hai cánh tay cụ để trần, bắp thịt chưa nhẽo, gân nổi từng múi.

Cụ giơ búa giọt đều như chày giã gạo.

Chập tối, cụ Ngạn ngồi uống rượu với bác Tặng ngay cạnh lò bễ nóng rực. Ông lão tám chín mươi mà chưa hỏng răng nào. Trong chiếc mâm chõng lênh khênh có một bát chậu thịt gà luộc chặt miếng to, một đĩa muối lẫn mấy quả ớt gió đỏ gắt và một liễn dưa cải muối xối còn xanh. Nồi nước xuýt treo lưng lửng vào cái móc sắt trên lửa lò thoi thóp. Mùi cơm gạo mới thơm phức.

Cả nhà, con cháu, chắt cụ đã xong bữa từ nãy. Gia đình này, tam tứ đại đồng đường, mấy đời quây quần nhà liền vách, liền sân. Lúc nào cũng lở nhố người lớn trẻ con qua lại. Bác Tặng chưa đếm hết người trong nhà, hướng chi thuộc sao được tên. Mỗi lúc thấy các cháu đến đông hàng chục đứa, bác Tặng lại nghĩ ngượng mua quà có hai cái bánh mì mà lúc nãy bác thấy cụ Ngạn đưa cả cho một đứa, rồi một lũ đuổi theo nhau ra vườn. Có lẽ chúng nó chuyên mỗi đứa cắn gặm một miếng.

Chủ và khách có vẻ lý thú nhau. Cụ Ngạn vốn xởi lởi và vui tính. Ai đến nhà cụ cũng khoe là cụ sốt ruột, chỉ ngóng tháng bảy mùa chim giẽ giun về đồng sâu, cụ đi đặt bẫy thết khách. Cái thịt giẽ giun bỏ bằng mấy củ nhân sâm - cụ bảo thế.

Cụ Ngạn cứ nói tự nhiên với bác Tặng: “Nhờ cái thằng Mỹ mà một đời cụ với tôi được gặp nhau. Con gà nhà nuôi, có phải chợ búa đâu. Rượu thì nấu lấy. Tôi nấu tôi uống tẩm bổ, không uống nhiều, không nghiện, cũng không bán. Các anh ủy ban thông cảm rồi”.

Cụ Ngạn cởi mở chuyện. Từ trưa đến chiều, cụ vừa làm vừa nói choang choác, bác Tặng đã biết được ngọn ngành trong nhà. Gia đình mấy lao động ngoài đồng, mấy lao động nghề rèn. Cụ chỉ làm thêm thôi mà cụ không làm cũng được xả điều hòa gạo ăn. Một nhà hai tổ ngành nghề khác nhau. Hạt thóc để ăn, cái bễ để mua sắm - nhờ vậy, nhà có đồng hồ báo thức, bộ cốc, bát sứ, cái phích Rạng Đông và thau rửa mặt...

Cụ bà khuất núi đã lâu. Cụ được cả bảy mươi con. Ông con cả mất năm sáu mươi tuổi. Kháng chiến chống Pháp, hai con đi du kích, một người hy sinh trong trận càn cuối xóm, một người bị phục kích ngay chỗ gốc cây muỗm vào làng. Còn ba người đi bộ đội

đều được vào đánh Điện Biên Phủ. Bây giờ vẫn đương đi, nghe thư về, một người đóng trên Trường Sơn. Một người vào B. Một người bên C - đầu tiên cụ không biết ở đâu, sau có anh bộ đội đến đóng ở nhà nói đây là bộ đội ta đi giúp mặt trận bên Lào.

Nhà cụ Ngạn cũng là cái bảo tàng, cái bảo cáo thành tích. Trên đầu vách đóng khung đồ đậm huy chương, huy hiệu, bằng dũng sĩ diệt Mỹ, Tổ quốc ghi công, gia đình vẻ vang. Ba phía vách, dán hàng hàng bằng khen, giấy khen của tỉnh huyện, hợp tác xã cho tổ kỹ thuật, hội Phụ nữ, đoàn thanh niên, tổ phụ lão, ban chống lũ lụt tỉnh, công trường thủy lợi, trường cấp 2, cấp 1... rục rờ như cắm hoa mào gà.

- Báo cáo với cụ, dân làng chúng tôi có cái nghiệp đánh nhau cả trăm năm rồi. Tây cũng đánh, Nhật cũng được đánh cả rồi ạ.

"Ngày Tây mới sang, bố tôi theo các cụ vào bờ từ dưới sông Cái lên Đồn Thủy. Bố tôi bị đạn vỡ mạng sườn mà cứ ôm ngực thế, chạy về tận đây, giữa nhà, chỗ tôi với cụ ngồi nhấm rượu bây giờ, nói được một câu: "Tao đâm ngã bốn thằng Tây mặc váy. Tao chết thế là hả rồi". Đến thời ông Nguyễn Thái Học nổi lên, làng tôi làm bom cho ông ấy - làng này chả có nghề rèn đúc cày cuốc mà. Bây giờ chỉ có cái liều chứ có gì đâu. Vỏ bom làm bằng lưới mắt cáo trát xi măng, to như cái chum tương. Bom với tạc đạn ruột nhồi mảnh sắt, mảnh tôn, bù loong, đinh ốc, đinh mười phân, hổ lớn cả. Ông Nguyễn Thái Học thì Tây giết, còn hai mươi ba người lò rèn làng tôi phải đẩy sang Tân thế giới. Đến tận năm Chính phủ ta lên, còn sống sót hai cụ, may được ta can thiệp được trở về mất ở quê nhà.

"Ngày mai thông thả mời cụ ra ngắm lũy tre quanh làng thì biết. Lũy tre chống cướp, trốn Cờ Đen, lũy tre đánh Tây. Lúc bấy giờ tôi còn bé, không nhớ làng nước đã đánh bao nhiêu trận, chỉ nhớ nghe súng nổ suốt ngày, đến đêm vẫn còn tiếng reo, tiếng hò hét. Ngoài bờ tre, tiếng Tây xi xô, đũa quát tháo đũa bị thương khóc rống. Cả làng cùng nhau ăn thề nếu nó vào được thì nhất quyết chết cả. Nó không vào được, chuyển lên đánh Sơn Tây. Lũy tre làng, bây giờ chỉ còn thừa thớt chứ tre pheo ngày xưa ken đặc, lớp ngoài cùng toàn tre đực, đạn bắn không gãy, chồi chui không lọt, cứ một hàng lũy lại một hào nước, lại lũy, lại hào nước, ba lần như thế. Bây giờ vẫn còn vòng hào quanh làng, chỗ nông cấy cần chỗ sâu vét để thả cá rô phi, ngày trước thì sâu ngập con sào. Mai mời cụ ra chơi ngắm phong cảnh. Mời cụ đưa cay đi. Chẳng mấy khi có cái thằng Mỹ mà anh em ta mới gặp nhau.

Một lát, cụ Ngạn lại gật gù sang chuyện khác:

- Tôi chỉ còn ước làm được nhà mới mà thôi. Hết đợt thằng Mỹ rập rình này. Tôi đã trù cả rồi. Ôi, vương cái thằng Mỹ mà đâm ra chậm trễ cả. Báo cáo cụ, nhà tôi giống trong cái tích tuồng diễn hôm ở ngoài sân phơi ấy. Người thích đóng xe cải tiến. Người thích giường tủ. Ông lão quát: giường ghế, xe pháo không nay thì mai, không làm ngay nhà, tao chết xuống âm ti không dám gặp các cụ. Thế là ông lão thắng. Xong trận này, tôi cho cháu ra mời cụ về chơi nhà mới.

Cụ Ngạn đứng dậy, ra sân, chỉ trỏ:

- Chỗ này trước là nhà ngang. Bếp liền chuồng trâu, nhà trên hướng nam vẫn còn bốn chân đá kê xếp đầy. Hôm ấy, du kích đóng làm bà già đi chợ phủ, tóc váy lên bắn chết quan hai Tây giữa chỗ hàng gạo. Có đứa báo đồn là du kích làng này đánh. Thế là nó đốt cả làng. Tôi mất cái nhà.

Bắt vào chuyện làm nhà, câu chuyện lại sôi nổi hơn. Cụ kể như thật.

"Vùng chúng tôi có phong tục nhà gần xong, lấy trộm cái dùi đục của phó cả - làm

phép thôi, lấy trộm mà lão vẫn biết. Rồi lại nhờ lão pha cái dùi đục ấy ra thành mớ đinh đĩa. Phải đền đôi gà, bữa rượu về cái dùi đục. Thầy cũng làm bùa trấn trạch, đóng đinh đĩa lên cột yểm cho được đời đời phúc lộc thọ. Nhà ai trái ý thợ cả, lão thâm hiểm đeo mấy phát lệch vào hai cột giữa, rồi yểm câu rửa vào. Khốn khổ, cái trò làm nhà thời lạc hậu ấy nhà... Làm nhà tôi bây giờ khác. Vôi, gạch, ngói, thợ toàn hợp tác điều cho. Lại tổ giúp thêm. “Ông hợp” làng tôi định điều công lần lượt thế, kỳ đến cả làng lên nhà ngói hết mới thôi”.

Chuyện làm nhà làm cửa càng miên man. “Tôi đã sửa soạn cả rồi. Những mớ xoan đào vườn nhà năm ngoái ngã xuống ngấm, lứa xoan ấy bảy tuổi. Mớ ngấm năm trước đã vớt, các cháu cứ làm dần trong ngày nông nhàn. Cửa, xẻ, con nạy, đeo đục để đẩy, những tai hậu, cái xà, cầu ngang, cầu phong, được cái nào thì gác dần lên...”.

Bác Tạng nhớ đôi lúc người phảng phất mùi thum thum mà quen quen dễ chịu. Mùi xoan ngấm mới vớt dựng ngoài đầu nhà.

Gió rét thổi lửa lên khe giải, những ngôi quanh bếp, hơi lửa và rượu ẩm. Và còn thấy đằng sau ngọn tre nham nhở mấy đám mây đỏ ối. Rồi trời tối lúc nào không hay.

Ở làng không có loa còi, không biết báo động. Nhưng thế là vừa chập tối, máy bay chắc lại vào đánh thành phố. Chốc, chốc bốn phía đầu làng cuối làng trận địa pháo ngoài đồng bắn sáng rực khiến cho những con chim to như con quạ, con bồ các bay loạn trên các ngọn tre trong vòm trời úa vàng như hoàng hôn trở lại.

Bác Tạng ra sân trông về phía bờ tre. Đằng ấy là Hà Nội. Chớp lửa, có lúc dậy một loạt chân trời sáng trưng. Những con gà trong chuồng tưởng trời sáng, thi nhau gáy dồn. Đang gáy, tiếng bom dội đến, đàn gà nhón nháo, lạt xạt. Tiếng gáy nghẽn trong cổ rồi im bật.

Tiếng tù và ở đâu rúc lên trong lặng lẽ, như báo hiệu mọi làng xóm vẫn thức.

Cụ Ngạn lấy mảnh gỗ che cái bếp - bếp chỉ còn một ít đỏ than đương vạc, rồi mới bước ra sân.

Phía xa, đạn cao xạ thun thút lên như chớp giạt. Một đám lửa rơi cụp xuống, tắt ngấm.

Cụ Ngạn nói:

– Thế là một cái rơi ở cầu Giẽ rồi. Nó vào đằng này, ra đằng kia, bọm thế mà cũng đón đánh được. Hết rồi, ta vào uống nước.

Cụ Ngạn lấy ống thổi lửa lên, đẩy thêm cái gốc tre, rồi chép miệng:

– Cụ ạ, cái thằng Mỹ thế mà hèn.

Bác Tạng vẫn dăm dăm nhìn qua khe liếp như nhìn thấy ánh lửa thành phố còn cháy đằng kia. Bác bồn chồn, như mình đương ở trong ấy.

– Cứ đứng trên gờ mà chõ xuống là hèn chứ gì. Có giỏi thì xuống đất đánh nhau với người ta...

Bác Tạng bật cười:

– Xuống đất thì nó chết ngay, cụ ạ.

Rồi bác trình bày, vẽ thành thạo:

– Trong các phố ta đã bài binh bố trận cả. Nhiều khu có công sự bí mật, kiên cố lắm. Làm công tác đường phố được phổ biến rồi. Chuẩn bị đánh nhau trong phố mà. Tự vệ các phố tới đi trực chiến ở những chỗ trống. Trên bờ sông, quanh Bờ Hồ, Nhà hát nhân dân, sân ga Hàng Cỏ, nhà Hỏa Lò. Rình tiêu diệt bọn nhảy dù. Nó mà dám liều như

chuyến Sơn Tây nữa thì lần này không còn đứa nào vác xác về được đâu. Dưới mặt đất cũng có công sự, tài tình lắm cụ ạ.

– Chà chà! Có thể chứ! Có thể chứ!

Nam nằm ngủ ngay cạnh bếp lò. Về làng, chắc tại vắng đèn điện, con mắt díp lại từ chập tối. Ông đắp cho cái chăn lúc nào mà không biết. Chỉ mang máng tiếng bom, tiếng súng như sấm sét. Nam trở mình, mở mắt. Chỗ khe liếp, một quang sáng vàng. Rồi lại ngủ. Trong mơ màng thấy giữa cái vàng vàng có những con chim liệng rồi rít trên ngọn tre.

Nam không biết ông ngả lưng cạnh Nam mà không chớp mắt được. Có thể cũng tại cái nước chè vò đậm quá.

Bác Tạng nằm đợi sáng.

Sớm hôm sau, Nam nghe tiếng người nói ngay cạnh đầu:

– Sương nhiều quá. Hôm nay rồi nắng. Mời cụ xơi nước.

Nam mở mắt thấy ánh lửa lò rền đã đỏ ngời giữa nhà. Cạnh cái nồi đất, cụ Ngạn với ông, mỗi người cầm một cái bát đàn. Chắc hai cụ lại uống nước chè tươi như tối qua.

Bác Tạng nói:

– Cụ đã dạy, xin đồng ý ngay. Như thế, cứ để cháu ở bên này. Tất cả nhờ cụ. Xin cụ nhận cho chỗ gạo này, các bà ấy...

– Tôi lĩnh gạo của cụ để nuôi cháu cụ à? Thế là không xong rồi.

– Bây giờ ở đâu cũng có tiêu chuẩn ạ.

– Nhà tôi không có tiêu chuẩn. Cụ làm thế thì là khách đấy. Cụ làm tôi khó xử. Chẳng nhẽ tôi lại bảo cụ đem gạo về phố. Hay là tôi không nhận. Thế là tôi đuổi hai ông cháu à. Thôi, được rồi, cụ để đó gạo ấy đây. Đừng ngờ tôi tham nhé.

– Chết, không dám...

– Bao giờ bình yên mang về ăn mừng chiến thắng. Nay tôi hỏi thực. Ở đây chơi vài hôm được không?

– Công tác khẩn lắm.

– Thế thì không dám giữ. Nhưng phải nói thật. Các cháu nhà tôi cũng thế, đứa nào về chơi bao lâu cũng thấy kệ, nhưng đến lúc bảo có công tác, tôi giục đi ngay.

– Cụ dạy chí phải.

– Thằng bé cứ ở đây. Tôi quát cho nó làm. Trẻ con phường phố là ngay lưng hơn trẻ con nhà quê.

– Dạ, không có nhà quê lấy đâu ra Kẻ Chợ. Cháu cũng là người trong làng...

– Tôi biết rồi.

– Cụ cho cháu kéo bễ như các cháu hôm qua ấy, ngoan quá.

– Nói chơi thế chứ Kẻ Chợ mà có phố Hàng Bừa, Hàng Bún, Hàng Mụn, phố Lò Rèn, dốc Hàng Gà, thế cũng là cái gốc nhà quê mình ra. Chỉ có từ khi thằng Tây sang sinh ra thầy phán, thầy thông, cô đầu nhà thổ, phố phường mới có người hư đồn thế chứ. Thằng Còi nhà tôi cũng chặc cháu này, được rồi.

– Trăm sự nhờ cụ.

Hai người chuyện bô bô, không biết Nam đã thức, mắt thao láo. Thế là ông sắp về. Nam muốn đi theo. Nam nhớ ông. Nhưng bao giờ Nam cũng vâng lời, ông bảo, Nam nghe ngay. Nam bần thần đoán ông đi bây giờ hay chốc nữa. Thì cũng là ông đi rồi. Nam ngồi nhồm, hai tay ôm chân ông. Ông vuốt tóc Nam rồi cúi xuống, để cằm kê lên đầu

cháu.

Nam nhìn quanh, bây giờ mới thấy thật ông nó sắp đi. Cái ba lô con cóc và cái túi ông vẫn quàng vai, với cái bi đông. Chiếc mũ sắt đã bỏ quai xuống, úp xùm xụp cả lên trên cái mũ lưỡi trai vải xanh.

– Ừ đi. Nhưng bây giờ thì chưa được.

– Dạ.

– Khách đi mà lòng không dạ rỗng là chủ đuổi khách.

– Bây giờ đời sống mới, cụ cứ cho tự nhiên. Tuần sau, về phát bìa phiếu cho các hộ, có khi được ở nhờ cụ đến mấy ngày.

– Nhớ nhé.

– Bây giờ chưa tan sương, còn dễ đi. Chốc nữa, hửng lên, nó xoèn xoẹt trên đầu, mắt thì giờ lắm. Lặn lội vì công tác cả thôi.

– Ừ cụ nói thế còn nghe được.

Cháu theo ông ra đến cổng xóm. Ông mở cái mũ cát kết của cháu, xoa đầu cháu.

– Hôm nào ông vào?

– Tuần sau, ông đem bìa phiếu vào.

– Lần sau vào ông đem hộp vào cho cháu dán.

– Được rồi.

– Ông nhớ đấy.

Cháu hỏi như nín ông lại.

– Nhớ rồi.

Ông rút tay, đi vụt xuống bờ tre, khuất vào trong sương. Không đi nhanh thế, ông không thể bước được. Nam nức lên một tiếng, chạy theo mấy bước rồi lại quay lại, rồi lại chạy theo, rồi lại chạy lại, quanh như con ghé vương thừng. Tiếng nước muốn òa lên nhưng không dám khóc, lại nức. Sau cùng, Nam ôm hai tay lên mặt, úp mặt vào thân cây sồi.

Một lúc lâu.

Tay ai nắm vai áo Nam kéo lại. Nam giật mình nhận ra. Không phải ông. Thăng Còi - cũng chặc Nam, Nam biết tên nó từ hôm qua, lúc cụ Ngạn hét Còi vào kéo bế.

– Eo ơi! Khóc à!

Nam cười gượng:

– Không phải.

Còi nói:

– Vào đây với tớ.

Nam đi theo Còi.

Còi hỏi:

– Đẳng ấy lên mấy?

– Lên sáu tuổi rưỡi.

– Tớ hơn đẳng ấy bốn tuổi.

Nam trở mắt. Còi loắt choắt, nếu nó không mặc áo bông bù xù, chắc còn thấp hơn Nam.

– Tên tớ không phải là Còi. Tên tớ là Hưng. Trần Đình Hưng. Tớ còi từ bé nên nhà gọi là thằng Còi thôi. Nhưng chú ý nhé, ở lớp đứa nào nhớ buột gọi Còi... Còi... tớ đâm bực mồm ngay.

Hai đứa đã trở vào đến cửa liếp.

Cụ Ngạn nói ra:

– Phải đây, hôm nay may mắn nó đến gõ. Uốn cho cái lưng bớt ngay, cháu ạ.

Còi mách với ông:

– Thằng này mới lên sáu tuổi rưỡi.

Cụ Ngạn cúi xuống vuốt tay lên cằm râu, nhìn tận mặt Nam rồi móm mém cười to: “Thế là lên bảy, lên tám, nhớn rồi. Giải, ông về mà không khóc. Thế thì giải”. Nghe nói thế, Nam lại muốn khóc.

Cụ Ngạn đưa cho Nam và Còi, mỗi đứa một củ khoai nướng. Củ khoai phủ bụi than. Nam đã trông thấy lúc này, cứ ngỡ hòn gạch vua bếp. Nam đưa tay vừa đụng đã rút tay lại. Nóng quá. Thế mà cụ Ngạn cười trong đồng than cửa bể lò ra, cầm lên như không.

– Bỏ vào túi, chốc nữa ăn. Khoai nghệ ngọt hơn đường. Ngoài Kẻ Chợ làm gì có. Cụ hay nói đùa thôi, đừng sợ. Theo anh Còi ra vườn chơi.

Giữa vườn, hai cây táo xòe cành. Nam nhìn những cành táo li ti như đàn mái trên cao. Chùm táo xanh sẫm lẫn giữa đám lá táo nhợt nhạt.

Táo sắp chín. Bây giờ rung cũng có táo chín rụng đấy. Nhưng rung bây giờ rung cả quả xanh, không nên. Mùa táo chín cứ trải rơm quanh gốc, rồi lấy cái cù nghèo thò lên rung từng cành. Táo rơi lộp độp như mưa đá, mà không giập - rụng xuống rơm mà. Hột táo để bán cho người ta mua làm thuốc. May ở đây tháng sau được ăn táo chín.

Còi lại khoe:

– Bây giờ rung táo không phải lột rơm.

– Thế làm thế nào?

– Thằng Mỹ đã cho cái lột tốt hơn rơm.

Nam ngơ ngẩn, không hiểu.

Còi cười hét lên:

– Thế mà cũng không biết. Thằng Mỹ ném nhiều xuống nhiều lắm, êm chẳng khác rơm, hơn rơm. May trông thấy nhiều chưa?

– Chưa.

– Lại nhỉ, ở Kẻ Chợ, cái gì cũng không biết!

Hai đứa đứng lại phía góc vườn. Quang đăng, không có cỏ ướt sương, vì đây cũng có một cây táo. Các giống cỏ không mọc được dưới gốc táo. Rõ ràng, Nam trông thấy một quả táo vàng mọng, nhưng không dám chỉ trỏ, hỏi xin.

Bên kia hàng rào ô rô xanh đen, thấp thoáng đường ra đồng, nghe trâu bước cộp cộp và tiếng xe cải tiến đi chở lúa sớm, vòng bánh kêu lạch xạch.

Chốc lại thấy một đứa trong xóm, hai tay thủ trong bọc, đi ra. Có đứa, vì rét phải nắm củ khoai trong túi cho ấm. Cứ tò tò, đến năm sáu cậu, trạc như Nam. Nhưng Nam đoán có lẽ chúng nó nhiều tuổi hơn mình, cũng như anh Còi.

– Thằng này là thằng Nam mới ở Hà Nội chạy sơ tán về. Chốc nữa ta chơi bắt giặc lá.

– Chơi đồ lá thích hơn.

Còi ra lệnh:

– Được rồi, ăn đã. Đứa nào có khoai bỏ cả ra đây ăn chung.

Những củ khoai nướng vỏ đỏ ruột vàng, ngọt ơ là ngọt. Nam chưa được chén khoai ngon thế bao giờ. Làn sương tản dần lên trên cao. Những con chim bay ra kêu chiu chít, không biết chim gì. Các bạn ngồi chờ cho nắng hửng, đỡ ướt cỏ. Chơi bắt giặc lá hay

chơi đồ lá. Cả hai, Nam đều chưa biết. Nam chỉ thấy thích và đợi. Miếng khoai vẫn ngọt lừ trong miệng.

Bác Tạng ra đường cái nhựa đợi xe. Lúc lâu mà không thấy xe nào. Thường ngày, cứ nửa tiếng lại một chuyến chở khách đi về trên đường này.

Đợi một lúc không thấy xe, bác Tạng cảm cúi đi. Sương đã tan từng mảng mà buổi sáng còn như ngái ngủ. Sau cả đêm sôi sục bom đạn. Máy bay Mỹ đánh cách khác thằng Pháp. Hồi ấy, cứ hai cái “xi-pít-phai” cắn đuôi nhau chúc xuống bên đò đầu làng thì ở trong xóm cứ dất trâu ra đồng và chợ vẫn họp dưới bóng lũy tre. Mỹ làm ồn ào như muốn bắt cả thành phố, yếu bóng vía, phải nhón nhạo lên. Tầng tầng bay ngang bay xiên, cái thiên cái theo tung lên lộn xuống, chợt một chiếc ở đâu vụt đến ném bom. Còn lại những thằng giả vờ vẫn như múa rối giữa trời. Con ma, thần sấm, cái tên đã muốn dậm dọa, tiếng nó học lên, tưởng như hút người bốc khỏi mặt đất. Khắp một vùng, phỏ xá, cả các làng, cả dọc sông, đâu đâu cũng phải pháp phồng đề phòng.

Người ngại đi sơ tán nói ở trong làng, máy bay xuống sát mái nhà, hãi hơn ở thành phố có cao xạ, tên lửa bắn đuổi, nó chỉ dám lơ lửng trên tít mù. Nhưng là nhận xét thế thôi, ra ngoài rộng rãi vẫn thênh thang hơn. Từ năm đánh nhau với Mỹ, có kinh nghiệm rồi - các ông các bà ấy bảo thế, các cơ quan, nhà máy, cứ việc đi kỹ, còn người hàng phố thì nhùng nhằng đi đi về về. Đến lúc thật căng lại có cách đối phó khác. Như bây giờ.

Quả có như thế. Trên đường sáng nay cứ tưởng chỉ gặp những đoàn xe vào phía nam, nhưng không phải, đời sống thời chiến bắt đầu từ tinh mơ, không biết có đêm.

Những xe bò bắp cải, hoa lơ, hoa huệ đã vào thành phố từ đêm, giờ trở ra, trên thùng xe còn giành cỏ, thức ăn trữ của bò. Người đánh xe ngủ lả lơi bên cạnh, mép chần dạ nâu Nam Định trùm kín đầu. Những con bò được khoác khó tải chống rét đến khoeo chân, bước gieo móng cá sắt xuống mặt nhựa rời rạc, nhặt nhèo, đi xa cũng nghe mãi một nhịp thế.

Một đoàn khác lù lù tiến ra, thoát trông qua làn sương bảng lảng đương tan, tưởng lại những chiếc xe bò khác, gần đến nơi thấy toàn xe đạp thò. Mỗi xe tải hai xâu sọt tre lồng vào nhau dài hơn sào nửa. Cái tay ngại buộc ghi đông phải làm khuỳnh dài hơn chiếc đòn gánh. Chồng sọt ấy của hợp tác xã nghề phụ, mấy làng phía trong, chuyên làm hợp đồng với ngoại thương, các loại sọt đựng chuỗi xuất khẩu. Hôm nay đến hẹn ra giao hàng.

Bác Tạng cứ ngạc nhiên, mỗi lúc lại gặp càng nhiều người vào thành phố - nhiều người đi xe đạp. Sương đương tan nhanh. Mấy hôm nay, buổi sáng sương nặng rồi trưa lại mù mịt hơn, không có nắng. Nhưng trời nắng hay u ám, cái thằng ác ôn cũng không cần. Mới từ nãy, chỉ một quãng, đã nghe xoẹt qua mấy lần, chẳng biết F.111 hay thằng không người lái. Pháo ta nã chặn oàng oàng.

Bác Tạng rảo bước. Trước mặt, lại nghe tiếng máy bay. Những đoàn xe quân sự như những lùm cây vẫn lừ lừ ra, trong khi từng tốp xe đạp tới tấp vào. Toàn những xe đạp nhẹ nhàng, không lai chai lọ, can nhựa. Mà hầu như chỉ có thanh niên. Tiễn bạn hay có đợt tuyển quân đây.

Bác Tạng vẫy một đám các cậu đương phóng vun vút.

– Các chú ơi! Lai tở một quãng được không?

Một cậu dừng lại.

– Mời bố lên. Bố về đâu?

- Về Hà Nội.
- Yên trí, bố.
- Chú cũng về phố!
- Vâng ạ.

Chân thanh niên đạp như máy quay, xe bon bon. Cả bọn vừa đi vừa nói cười toang toang. Chẳng mấy chốc, đã tới chỗ quán bia hơi dưới gốc muỗm cửa chùa.

Trong tam quan, cửa hàng ăn uống huyện đã dọn hàng. Vẫn bánh mì để bao tải và một thúng trứng vịt lộn. Hôm này, vừa gặt xong, mùa vịt ấp, chợ nào cũng tràn lan trứng vịt.

Người uống bia, ăn trứng vịt chấm muối gừng, ngồi vắt vẻo lên quanh gốc muỗm. Mới tảng sáng mà đã đông khác hôm qua.

- Bố ơi! Ta xuống làm tạm một vại đã. Chúng con phải đổ thêm ét xắt cho chân mới được.

- Tôi cũng mua một bi đông.
- Uống đã chứ ạ.

Bác Tạng cũng cười:

- Xem nào. Sáng ra rét thế này cánh già buốt răng lắm.

Chặng đường tiếp càng chuyện rôm rả.

- Các chú công tác ở đâu?

- Pin Văn Điển.

- Sơ tán hay ở lại?

- Bố ơi! Sơ tán ba năm nay rồi. Không biết thế nào mà cái thằng bỏ mẹ ấy nó thù nhà máy chúng con loại một đấy ạ. Nó bom ngay từ lần đầu tiên vào đánh Hà Nội. Nhưng mà có ai ngu như nó. Người ta đi từ tám mươi đời rồi.

- Hôm nay các chú được nghỉ à?

- Chúng con nghỉ bù.

- Nghỉ bù thì ở ngoài này mà ngủ cho khỏe mắt có hơn không. Về làm gì. Báo động báo địa lôi thôi.

- Bố không nhớ đêm nay Nô-en à?

- Thế hả?

- Chúng con nhót về một cái. Chơi với cụ Nô-en xong, quá nửa đêm lại phối.

- Bom đạn thế này, chúa cũng chưa chắc đã dám về nữa là.

- Chúng con nghe nói máy bay Mỹ nghỉ ném bom Nô-en.

- Đọc báo à?

- Thấy báo BBC[1] nói.

- Thật thà lái trâu mà cũng nghe được!

- Thì cứ về một cái. Đẳng nào chúng con cũng được nghỉ mà.

Cuộc bàn cãi vui vẻ cũng cứ làm cho đoàn xe đạp dẻo chân suốt dọc đường.

Trên đầu ô, cầu phao Khuyến Lương chưa cất, còn mờ mờ đoàn xe tải như những đốm mắt xích.

Bác Tạng về đến nhà, cửa vẫn khóa như hôm qua. Thế là Bả đi tự vệ tập trung cả ngày cả đêm ngoài cửa ô rồi.

Bác Tạng mở cửa. Buồng vắng im. Có con chuột hay con gián rỏ ráy gầm tử đứng thức ăn. Bác cảm thấy nhà vắng hơn mọi khi. Trông lên đầu tử, rồi bác cúi xuống, lẩm

bẩm: “Ồi, tại cái thằng nhãi đi vắng mà!” rồi bác cất cả mũ sắt và mũ cát kết, treo cái túi xách, đẩy ba lô vào góc trong giường.

Bác Tạng lại tần ngần nhìn lên tấm ảnh. Tiếng chuột rúc rích nữa. Bác chặc lưỡi, nói một mình: Ờ, đề nghị trạm y tế cho diệt chuột ngay tuần sau mới được.

Rồi bác nằm, một tay vắt lên trán. Bây giờ mới cảm thấy mỗi ê ẩm bên mạng sườn. Suốt đường ngồi đèo phải ngoẹo một bên người mà. Những câu nói một mình chệch sang chuyện khác cho khuây khỏa, đã thoảng đi, bây giờ thấy buồn và mệt. Nhưng bác Tạng lại vội nghĩ ra chuyện khác: thằng Bạng sắp lấy vợ, có vợ chồng nó, nhà cửa mới ấm áp được.

Còi báo động lại dồn dập ngay lúc loa đường nói máy bay địch cách sáu mươi... năm mươi ki-lô-mét. Mới đi một hôm mà tiếng còi như vắng lâu, nghe là lạ. Rồi một tiếng rít lao ngang trời thành phố. Khẩu súng máy trên sân thượng ở ngã năm cất tiếng bành bành. Cả súng trường cũng giọt lên độp độp. Nghe những tiếng ấy, bác Tạng lại thấy quen như mọi khi.

Bác Tạng ngồi, vớ cái mũ sắt ấn lên đầu. Bác cất bi đông bia và hai chiếc bánh mì, bốn quả trứng vịt lộn vào tủ đựng thức ăn rồi khóa cửa.

Ngoài ngã năm vẫn đủ như mọi khi. Thiếu có Tuyển đi làm ca chưa về. Đường đã vắng người, Bài bỏ cái còi vào túi áo ngực rồi trở vào đứng tựa thành xe đựng đồ chữa xe đạp nhìn ra. Trời âm u nặng nề rét căm căm, không hừng chút nào. Máy bay gầm gừ trên cao, tiếng vang đập tường bên này sang bên kia, khác tiếng động râm ran rồi mất hút như nghe ở ngoài đồng trống.

Bài trông thấy bác Tạng, reo lên:

– A, bác đã ra.

Anh em tranh nhau kể:

– Báo cáo bác, từ sáng, Hà Nội đánh hai trận đích đáng.

– Bắt giặc lái không?

– Thấy cháy đùng đùng. Chắc là có.

– Mười hai giờ trưa này nghe đài thì biết.

– Lễ Nô-en, bác ạ.

– Thấy bảo nghỉ bom hôm Nô-en mà.

Một anh đùa:

– Nó nghỉ để thất nghiệp a?

Mọi người cười một lượt.

– Có lệnh tối nay phố ta đưa dân phòng đến giúp trật tự khu vực nhà thờ Hàng Trống.

– Thế à.

– Mọi năm đêm Nô-en đông lắm. Ta phải giúp bà con giáo dân ăn lễ như thường.

– Tối nay anh em ta lên hết phố Nhà Thờ.

– Chỉ lấy mười người thôi. Còn ai muốn đi chơi thì đi.

Còi trả yên, bác Tạng bảo Bài: Tuyển có đi làm về thì bảo đến tôi mà lấy bình bia. Đường về sơ tán có bia hơi, bánh mì, trứng vịt lộn bán, khoái không.

Chập tối trời lát phát mưa, càng lạnh hơn.

Ở dãy hàng hoa ngã tư Hàng Khay - Tràng Tiền bày từng cụm lay ơn, thược dược, cẩm chướng, cả hồng nhung, hồng vàng hiem thấy trong mùa đông. Tháng trước, trời

nồm, đẹp hoa vào tháng này. Từ nhiều năm, đêm Nô-en đã thành đêm vui của thành phố, của tuổi trẻ.

Các nhà thờ Nam Đồng, Hàm Long, Cửa Bắc, Đa Minh, Hàng Bột, Giáp Bát, Phùng Khoang, nhà thờ cả sáu xứ đạo và nhà thờ họ trong địa phận, đèn sáng trưng. Người tràn ngập các phố xung quanh, nô nức về nhà thờ Hàng Trống đợi buổi lễ trọng nửa đêm.

Thành phố vào đêm mưa bụi nhẹ nhàng hơn. Quần áo mới chen vai đi. Người đổ ra càng náo nức. Ai cũng hớn hở như mấy anh chàng vui tính đã chuyện với bác Tặng ban sáng. Người đi chơi đông gấp trăm nghìn lần người đi lễ nhà thờ. Bác Tặng thử để ý xem có gặp lại mấy cậu pin Văn Điển ấy không. Ánh điện càng sáng dưới bóng sạm lá sấu, lá nhội rọi mặt đường ướt bóng. Người mỗi lúc một chen vai hơn.

Như mọi năm, cả thành phố dạo các phố quanh Hồ Hồ nhà thờ. Các cô các cậu thợ may, thợ cắt tóc, các tổ hợp phụ tùng xe đạp diện thời trang. Túi áo ngực, nhô lên cái pôxtét trắng vuông góc. Những năm này mũi giày vuông, mũi giày nhọn đều cộp cộp ra phố. Các nàng giở những mốt áo len mảnh đỏ mảnh trắng. Vòng Hồ Hồ, người lại đi xem người.

Nhưng năm nay khác mọi năm, thỉnh thoảng gặp các anh mặc quần áo bộ đội giải phóng xanh nhạt, mũ vải mềm uốn sóng. Người mới ở chiến trường ra hay người sắp vào. Cứ chỗ nào có các anh, lại vô khối các bạn đi thành hội đông.

Ở Hồ Hồ lên, hai quân cảnh đeo băng đỏ mặc áo mưa, thông thả qua.

Và cả những người có tuổi, đêm Nô-en đi ngoài đường, như hội làng, đã thành nếp.

Bác Tặng nhẩn nha bên phía nhà thờ. Không phải giúp khối bạn, bác Tặng đi xem Nô-en. Mà bác cũng không muốn ở nhà một mình lúc này. Bác không có thói quen chơi đêm “của bên đạo”, nhưng từ năm hàng ăn Phú Gia, đêm Nô-en bán phở bò, bác thường đi rồi khuya vào nhà hàng gọi đĩa phở xào, uống chai bia Trúc Bạch rồi về ngủ.

Dòng người tụ lại quanh nhà thờ mỗi lúc một đông, chẳng khác những năm trước. Các cửa hàng giải khát và phở quanh hồ, những Bô-đê-ga, Phú Gia, Thủy Tạ đèn sáng. Nhiều nhà ở phố nhà Chung, trên bàn thờ đèn sáng, cửa ngoài bán thuốc lá, hạt bí, hạt dưa, đu đủ thịt bò khô. Lại có nhà mở cà phê, hiệu bán chim quay, chim hầm... ánh điện quanh khối bếp đun và mưa bụi...

Quanh tường nhà thờ, có người ngồi tựa cột, đợi xem lễ. Tầng gác chuông đen sẫm trong sương nhuốm ánh điện vàng mờ in lên trời đêm. Như thế, như những đêm này, hàng bao năm đã qua.

Nhưng, nhà thờ và tháp chuông cổ cũng không còn được thanh thả với thời gian mọi khi. Ở mỗi ô kính, các phòng người chức việc của nhà thờ dán tờ giấy hình hoa cúc. Những mảnh giấy dầu trên cửa kính để phòng bị ném bom, kính không bay vỡ tung ra được. Thật khéo nghĩ, làm đẹp cả trong việc tránh tai nạn bom cũng trở giấy dán kính những hình gà trống, con phượng, hoa cúc, chim hòa bình.

Mưa bụi rây rây, mát lạnh trên mặt và ướt đường.

Đêm Nô-en Hà Nội 1972, đêm nay đây. Sự sinh nở của con người, hay của chúa Giê-su, cầu bình yên. Cái máng cỏ khô đỡ Chúa ra đời ở các nhà thờ địa phận Hà Nội năm nay lộng lẫy đến kỳ lạ. Các xứ họ ngoại thành đã đem nạm cỏ đến máng thiêng liêng, lóng lánh từng ôm nhiều thiếc máy bay Mỹ ném xuống. Những sợi thiếc đánh nhau với sóng ra đa để dọn đường cho B.52 vào tàn phá thành phố, được vắt lên những cành thông trên bờ hang đá, trong ổ chúa sinh ở máng cỏ, sao mà bây giờ những sợi thiếc hiền

lành như tuyết sa êm ả, đáng vì cái nệm cỏ mịn màng.

Những người có đạo ở bên kia cầu Giẽ cuối địa phận phía nam, bây giờ mới lên. Các ông già trong làng vẫn lệ bộ kính cẩn chít khăn lượt vò, áo the dài, lại chịu khó cấp lên những cái giành đựng nhiều tàu bay Mỹ để lót máng cỏ. Các cụ bà xách tay chiếc đèn Chai. Ở cái túi bom cầu Giẽ - Hàm Rồng đất Hà Tây, các cụ đã biết thằng Mỹ là thế nào, nên luôn luôn đề phòng. Ngộ nó ném bom tắt điện trong nhà thờ, đã có cái đèn chai này.

Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý!... Máy bay địch cách Hà Nội tám mươi ki-lô-mét phía đông nam... cách Hà Nội sáu mươi...

Rồi còi báo động lên. Tiếng còi báo máy bay nổi lên đêm Nô-en nghe tức tưởi, giận dữ, khác mọi khi. Bốn phía thành phố, những quảng lửa cao xạ chớp rùng rục vào đầu tường nhà thờ, sáng rục tháp chuông và các ngọn cây sữa. Rồi hàng loạt tên lửa sáng da cam lao đuổi máy bay. Tiếng nổ rền đất. Không phải đêm Nô-en yên tĩnh. Địch ném bom thật rồi.

Người các xứ đạo trên địa phận Bưởi, ngoài Phú Gia, dưới Sét vào lễ nhà thờ Hàng Trống còn đi muộn hơn cả bà con dưới cầu Giẽ lên, bây giờ hốt hải đồn vào. Trong nhà thờ, nến điện đã tắt hết. Các hàng ghế chen chúc người đầu ướt, áo lấm bùn - vừa chạy báo động ngoài kia. Mấy cái đèn chai đã được châm lên ở trong xó cột. Xung quanh có tiếng lao thảo: Muốn chết hết cả à! Tắt đi, tắt ngay đi... Ánh đèn lấp ló lại tắt ngấm. Các cụ ở cầu Giẽ đành ngồi thăm, quờ tay tìm cái giành đựng nhiều mới mang đến, chưa đưa được, còn bẽ bộn xung quanh, lạc đầu không biết.

Bác Tạng lững thững đi về. Lúc sáng, bác đã cười những anh chàng ham chơi. Bác vẫn nghĩ những thằng phản phúc đế quốc Mỹ, đế quốc Anh thì nghe nó thế nào được. Quả nhiên.

Ánh bom hay cao xạ đăng xa sáng lên trên mái, trên vòm cây, trông ra biết vĩa hè và mặt đường loáng ánh mưa bụi.

Rồi còi sôi nổi báo yên. Điện lại lên rõ ràng.

Nhưng đường phố quang hẳn. Lúc này người chen chúc nhau, bây giờ biến đâu hết. Xung quanh nhà thờ, phố Nhà Chung, đèn rợn sáng trong mưa bụi và mặt đường nhể nhại.

Một toán dân phòng băng đỏ từ Bồ Hồ lên. Bác Tạng thấy có Tuyển trong đám.

- Hết người rồi thì về chứ?

Tuyển cười:

- Gớm, vừa đông mê lên, thế mà giờ một vòng hồ chỉ gặp có một mình bác. Thành phố trật tự thoản thoắt như thể dục đồng diễn ở sân Hàng Đẫy.

Chị quét đường đội nón súp ngang mặt, bắt đầu lia chổi quẹt từ phía Bồ Hồ ngược lại. Một chị đẩy cái xe ba bánh, hót lên xe đồng lá rưng. Đã bắt đầu ca đêm, tiếng chổi xáo xác đều đặn, tới tảng sáng.

Góc phố phía bờ sông xuống, một đám người lướt thướt, có cả những bà áo dài thắm. Người lấm, ướt như vừa ngã xuống ao. Họ tắt tưởi vừa đi vừa chạy, lúi lúi, im như mưa bụi.

Tiếng chuông nhà thờ gióng giả vào giờ lễ trọng nửa đêm.

Bác Tạng dừng lại, hỏi:

- Bà con đi đâu khuya thế?

- Ông ơi! Máy bay ném đổ nhà thờ họ Thanh Trì chúng cháu rồi. Chúng cháu lên

Hàm Long lễ nhờ. Nhà thờ Hàm Long đi đường nào, hả ông?

– Sắp đến nhà thờ Hàng Trống rồi.

– Vâng, nhà thờ Hàng Trống.

Cả bọn lại cập rập đi theo tay bác Tặng trở.

Bác Tặng về đến nhà, đã thấy Bảng nằm ngáy khò khò để nguyên cả giày thò ra ngoài chần. Cái mũ sắt úp cạnh. Thế mà vừa kẹt cửa, Bảng đã nhồm dậy. Đã quen lối “ngủ một mắt” ở trận địa.

– Bố đã về. Bố cho cháu Nam đi sơ tán rồi ạ?

– Thằng nhãi đi hôm qua.

Bảng ngồi dậy, ngáp vươn vai rồi cười:

– Bố ạ, công trình ngoài giờ trực chiến của chúng con đây. Ngồi rồi một lúc, con đã rọc, viết được hơn trăm cái thiệp tin mừng.

Bảng moi trong mũ sắt ra một tập giấy, kèm phong bì hở bốn cánh không dán, đã gấp vuông vắn.

Bác Tặng nói:

– Tôi chủ nhật sau. Đón bà cụ lên đây cho vui. Các con mời hai ba bạn thân nhé.

Thiếp này báo tin thôi, phải không?

Bảng nhắc lại câu bố vừa nói, không biết nhắc lại hay hỏi:

– Chủ nhật sau, chủ nhật sau ạ.

[1] Tên một hãng tin của Anh.



ôm nay, Nhiên bắt đầu ngày phép. Nhiên được nghỉ mười hai hôm. Không biết Bảng sẽ thế nào. Có thể anh em thông cảm. Nếu Bảng cũng được phép năm hai đứa sẽ về chỗ sơ tán ở làng Nha với cháu Nam.

Đám cưới thời chiến giản dị tới mức không có gì. Nhưng cũng chẳng thể quá sơ sài. Đời người có một lần ngày hôm ấy. Nhiên bảo Bảng thế. Bảng nói: “Em cứ việc lo cho hết cỡ đảm đang. Anh chỉ biết hoan hô thôi”. Nhiên mỉm cười, tự hào mọi việc trong ngày vui của hai đứa, một tay mình lo liệu.

Nhiên lên Ngọc Hà mua hoa. Nhiên không dám nói với bà là Nhiên lên trại Hàng Hoa. Nếu nói, bà sẽ kêu: chốc lại máy bay máy bò mà cháu cứ chơi nhớn như trẻ con, coi giờ bằng vung thế không được. Nhiên cũng như mọi thanh niên Hà Nội, có việc đi cứ đi, không để ý đi đâu, mặc bà dặn dò: này này để tai nghe nó đi xa về gần thế nào mà tránh, “tránh voi chẳng xấu mặt nào, con ạ”. Bà nghĩ như ở nhà thì máy bay Mỹ không làm gì được! Nếu biết Nhiên đi mua hoa, chắc bà sẽ chửi um lên. Có một đứa bạn ở xưởng, nhà trên ấy, đã hẹn lấy cho hoa tươi tại vườn. Lại còn để lại cho con gà nhà nuôi.

Hoa rộ hôm Nô-en rồi tiếp mấy hôm hanh hao, bây giờ hiếm. Ở hàng hoa cửa đền Bà Kiệu và đôi khi chợ Hàng Bè cũng có, nhưng chỉ lèo tèo mấy cái lay ơn phớt hồng. Nhiên thích lay ơn trắng. Nhưng Nhiên sợ bà mắng. Nhiên đã phải mắng từ thuở bé mà thuộc chưa hết mấy cái bà hay kiêng. Bà kỵ nhiều thứ. Gõ chéo hai đứa cả, “như đánh xinh ở đám ma”; vết nổi còn cộm là điếm đói kém; đàn bà con gái không được ngồi xổm; nói trống không là hỗn; kêu trời là điểm gở; màu trắng như để trở; quần đàn bà không phơi giữa sân... và một lô ý tứ nữa.

Nhiên đi sớm. Bảng không đi cùng được. Hết sáng nay mới xong phiên trực chiến. Nhiên đi Ngọc Hà một mình.

Một ngày trong thành phố đương bị liên miên đánh phá, chỉ tập nập một thoáng buổi sớm. Người ta đi sớm tránh máy bay. Các cụ già nói ta đã thành thói quen đi sớm tránh máy bay từ thời đánh Tây.

Nhiên chờ tàu điện Bờ Hồ lên Thụy.

Cái tàu điện chẳng biết thế nào là thành phố đương bị ném bom. Tàu điện rời nhà máy ra đường từ bốn giờ sáng. Rồi ngày ngày ngang dọc lên xuống keng keng các tuyến đường Hà Đông, Kim Liên, Yên Phụ, chợ Mơ, Bưởi đến tám giờ tối, chuyển tàu vét kéo hàng lô toa dồn về nhà máy ở Thụy Khuê. Lại bốn giờ sáng hôm sau, tàu và toa đi Hà Đông xa nhất ra đường đầu tiên.

Người ngồi trên tàu điện cũng như không biết thành phố đương bị những cơn bão động rình rập. Vì cái tàu âm ỉ và công việc đều đặn của nó. Người đi làm, người sơ tán, tàu còn đèn, sáng sớm lơ nhố ngồi đứng vịn tay lên xà ngang lườn tàu. Cô hàng xôi ngô gánh lên cửa giữa toa, mấy bà cấp thùng bánh cuốn Thanh Trì, chẳng phải chen lấn ai, mà cứ te tái, hốt hải.

Một chị ở Bưởi xuống phố lấy nước vo về. Mặt thùng nổi cuộng rau muống, sòng sánh. Người trên toa kêu âm, chị bực mình, lại xuống gánh bộ. Đi một quãng, tàu mới âm âm theo kịp và đến dừng chỗ tránh. Cửa toa lúc này vắng, chị lại quẩy đôi thùng lên.

Có một anh xắm ngồi tàu từ dưới Mơ. Cái nhự ý ọ, ngắc ngư trong tiếng tàu điện rít

ào ào.

Tiếng hát cất véo von:

... Anh bước chân vào, đầu che quạt vả

Con nhà ông cả, lấy vợ cách sông

Chín chiếc thuyền rồng...

Mấy người kêu:

– Sốt ruột quá, cái anh này?

Người ta cứ gắt một cách vui vẻ, nhưng rồi ai cũng bỏ ra đồng năm xu, tờ bạc một hào vào lòng cái mũ cát kết xanh của anh xắm vừa ngựa ra.

Anh cười nhăn nhó:

– Cho nó vui cái lúc bom đạn này ạ. Bây giờ tôi xin hiến đôi bên hàng tàu một bài vui.

Đêm qua mở cửa trông trời

Thấy cái thằng giặc Mỹ nó ngồi cái pháo đài bay

Hai quả bom nó cầm hai bên tay

Tàu bay ta mới lên hỏi mày dọa ai

Chữ rằng phúc bất trùng lai

Còn vắn vơ đây nữa có ngày mày om xương

Lạy ông, con xin ông cho con được đánh cái bài chuồn, con chuồn chuồn.

Mấy bà cười ré lên. Rồi lại nói, nửa thật, nửa đùa:

– Thôi ông ơi, để còn nghe báo động.

Câu ấy cũng không phải vu vơ. Hình như lúc tàu qua cái loa chỗ vườn hoa Hàng Đậu, có loáng thoáng nghe... Đồng bào chú ý!... Đồng bào... Nhưng chưa có còi, điện thành phố chưa cắt, tàu vẫn chạy.

Ra khỏi khúc đường quanh, cái tàu và đường ray cùng rít u u, người lái tàu nắm cái tay cầm vòng đồng quay gần hết khấc, mở số bảy cuối cỡ. Tàu càng rầm rập hăng. Đến quãng Quan Thánh thì mở bảy. Bởi vì đã trông thấy nhà máy điện một dải xám mờ đằng kia, phải xa cho nhanh.

Nhà máy nhiệt điện Yên Phụ ngày đêm tuôn bụi than bệu đầy trên những cành cây cơm nguội xung quanh. Hai bên phố ngoài đường gần phân xưởng chính bị đánh rỗng rã đã mấy năm nay. Chùa Am đổ đã thành một đồng rêu. Ông hàng chè tươi nước ngon vẫn ngồi trong hiên chùa, thế là chết bom đã được giỗ đầu. Công nhân máy điện mất nơi uống nước quen.

Nhưng nhà máy vẫn đứng.

Suốt ngày sang đêm, xe tải và xe trâu từ Phà Đen lên đổ than vào sân, máy cuộn than lên máng qua dây chuyền sàng vào lò.

Các chị sàng than, khăn vuông đen, giày vải. Dây chuyền sàng chạy dọc một dãy cột sắt. Báo động cách ba mươi ki-lô-mét, các chị ôm cột tụt xuống tầng dưới. Còn lại ba chị ngồi sàng, bảo đảm than vào lò đều. Những chiếc cột sắt xuống hầm trú ẩn lên nước bóng trắng như gương, đã mấy năm.

Tháng tám vừa rồi, một quả bom la de điều khiển đánh bay hết mái tôn tầng bốn, xuyên xuống nôi “súp de”. Nhưng hai quả bom năm trăm cân lọt vào giữa lớp bùn rơm lũng nhùng. Nôi súp de vẫn chẳng sao. Sau trận ấy, những cái nôi “súp de” nhãn hiệu Đéc-lin-côn Thụy Sĩ 1918 được bọc thêm lần áo giáp rơm nhồi đất thó trong ụ đất bùn, lại

bùn nữa, lại rơm nữa.

Đánh mãi nồi “súp de” nhà máy điện Yên Phụ, đánh đến nát tro trụi hai bên phố lên tận Quan Thánh. Lại đánh, lại đánh, đến trận bom hôm qua, nghiêng một cột ống khói. Hai công nhân hy sinh giữa phân xưởng. Nhưng nồi “súp-de” vẫn nằm yên trong những lớp bùn hồ và lớp rơm bên trong cái tường đá trời ra tận đường mà ai đi qua ngoài cũng trông rõ. Điện thành phố sáng đều đều.

Tàu điện đã vào giữa phố Quan Thánh. Dưới những cành bàng khẳng khiu, hai bên trường phố thông Yên Thành, trường cấp 3 Nguyễn Trãi, đã thành những đồng rêu. Đứng đây, trông thẳng tới nhà máy điện như cái pháo đài đen sạm nổi giữa trận địa ngổn ngang. Các phố còn sống sót đã được quét một lớp vôi xám như khói, để nhập nhoạng lẫn với nhà máy.

Những người trên tàu kêu lên:

– Nhà máy điện xả khói!

Thế là còi tới nơi. Nhà máy nhận tin báo động cùng một lúc với các trận địa pháo. Những ống đen xả khói cho cả nhà máy kịp ẩn trong làn mây đen đặc.

Cái tàu điện vẫn chạy, cố chạy. Lững thững trong quãng đối mặt với cái nồi “súp-de” kia, đợi ăn bom à. Mà thằng nào lao vào đến đây cũng lao đảo vì các cỡ pháo, lại bị khói mù mịt, chỉ còn cách buông bom lung tung. Máy bay Mỹ đã làm thế từ đời Giôn-xơn, tan hoang cả vùng phố xá Châu Long, Hàng Than, Hàng Bún, Quan Thánh, Cửa Bắc...

Còi báo động hú lên. Tàu mất điện, ngừng phát. Những người làm tàu vẫn quen cẩn thận như mọi lần, ông bán vé kéo mở vệt thả ra ngoài đường dây trên nóc tàu. Người lái tàu vận lùi đến khúc số không, khóa cẩn thận rồi mới xách cái tay lái bằng đồng vàng chóa, bước xuống đường, nói to: “Có báo động, bà con mau mau ra hầm trú ẩn”. Người hai hàng tàu đã tản hết vào các gốc bàng, ngồi bên hồ cá nhân, các hầm nổi. Chỉ có anh xẩm vẫn tần ngần đứng đấy. Anh chẳng nghĩ gì khác. Anh chỉ đợi hết báo động, lại kéo nhị, lại hát. Quanh năm thành phố bị bom, cái tàu điện nơi anh kiếm được tiền, vẫn hàng ngày lên xuống cho tới tối khuya anh lại trở về chợ Mơ.

Nhiều người đến nấp tận chỗ đường cắt mép hồ Trúc Bạch, bên rặng chuối tiêu lùn xanh sạm mùa lạnh. Đến lúc nhận ra, thấy ở doi đất nhô giữa hồ, bộ đội pháo thủ quay nòng súng, tiếng lách cách đổi khớp nghe rõ mồn một. Nhớ đã có lần dân phòng trong Ngũ Xã bơi ra hồ bắt giặc lái, thế là mọi người lại chạy lùi vào phố.

Những tiếng nổ đâu xa, rồi im.

Còi trả yên.

Người lại đông đủ. Tàu điện lại giật chuông vui vui. Ai đi tàu điện quen đã biết chỗ giậm chân gõ chuông gọi khách lên. Người lái tàu, tay xách cái lái đồng, thong thả lắp tay lái, quay vòng mở sẵn phanh. Tàu đã có điện, từ từ trôi rồi rít ồm ồm qua chỗ lượn. Mặt người lái đầm đầm, chốc nữa tàu lại về qua đây, lại trông thấy nhà máy điện và cả khu phố xám xung quanh và ngày ngày vẫn qua cảnh báo động, cảnh bom và báo yên, cái tàu lượn ngang thành phố.

Đến chỗ tàu tránh đầu làng Thụy, Nhiên xuống, đi tắt lên đầu vườn Bách Thảo, vào Trại Hàng Hoa.

Nhiên đã đến nhà bạn.

– Tao chỉ thích hoa lay ơn tím.

– Bây giờ các vườn đang hãm hoa để bán Tết. Nhiều thì khó, vài chục bông cũng dễ thôi.

– Làm gì mà vài chục bông, vài bông!

– Là cứ nói thế.

– Thế hoa của tao đâu?

– Đợi lên mới hái cho tươi. Mà mang về đôi gà này. Mẹ tao bảo gà đám cưới không được mua một con.

– May quá. Bà tao cũng hay kiêng.

Hai cô đã ra tới khu vườn có những luống hoa lay ơn, trên ngọn lá nhọn xanh thẫm như trái tím lựu tím.

– Được không?

– Hay quá.

– Cô dâu chú rể cầm một bó làm một bó ảnh.

– Không có ảnh. Có gì đâu!

– Thế à.

– Bạn của tao có mỗi mày.

– Tết ra, đến lượt chúng tao tổ chức. Lúc ấy mà thằng Mỹ còn ném bom thì tao cũng chỉ mời một mình mày thôi.

– Bảng có hai bạn, Bảng bảo thế. Không khéo cứ nguyên mủ sắt đến cũng nên. Còn thì bà tao lên, với bố Bảng, một hai ông bảo vệ, dân phòng. Đến chơi thôi, không có tuyên bố tuyên con, lý do lý trầu đâu. Nấu nồi cháo gà ăn cho vui. Làm quăng tám giờ mai cầu giới lúc ấy không có báo động.

– Cho được ngày lành tháng tốt.

– Kiêng này, lành tốt này, mày lên ở với bà tao thì hợp.

– Nói đùa chứ, giản dị thế phải. Đến năm nào đánh Mỹ xong, con cái chúng mình phải làm lại tiệc cưới thật to cho bố mẹ.

Hai cô cười rúc rích.

Nhiên ở Ngọc Hà về, tay ôm bó hoa và xách bu gà.

Tàu điện, giữa trưa, toa và tàu đều vắng. Tiếng máy càn rầm rĩ, bánh rít ken két, ốc và ván tàu nảy lách cách. Không thấy anh xẩm ban sáng. Anh đã xuống chợ nào. Những câu hát vui lúc bom đạn của anh hẳn đương réo rắt với tiếng nhị ngân ngơ dưới rặng tre buổi chợ sơ tán.

Nhiên về nhà Bảng. Nhiên đẩy cửa bước vào. Bác Tạng ngừng tay dọn đồng bìa dưới gầm giường nhìn ra.

– Con đã lên đây à? Hoa đâu đẹp thế?

– Bạn con ở Ngọc Hà cho.

– Lên tận Trại Hàng Hoa cơ à?

Nhiên đem bu gà vào sân bếp. Nào khác thường ngày mà sao Nhiên cảm động đến vậy. Nhiên nhìn quanh gian nhà, rồi nói:

– Bố trang trí điểm mười đây.

Bác Tạng cười:

– Phải tao đâu! Có anh họa sĩ vẫn giúp khối phố làm hộ. Người ta tay nghề, chỉ vẩy bút mấy cái, trông nên hình ngay.

Gian buồng bé nhỏ đã gọn hẳn. Những chồng bìa, xoong hồ và cả cái túi xách treo

trên tường đã được cất đi. Căn phòng trở nên vuông vắn. Phía ngoài, bày bốn ghế và thêm chiếc bàn nhỏ, bác Tặng mượn ngoài trụ sở. Trên tường, lắp lánh hai chữ B và N lồng nhau. Những ngôi sao xanh đỏ mọc rải rác quanh dòng chữ đỏ “Vui duyên mới không quên nhiệm vụ” chạy dài như hoa nở trên đầu hai chữ “hạnh phúc” vuông to bằng cái quạt nan.

Nhiên tùm tùm, má đỏ ửng.

Bác Tặng hỏi:

– Lúc này có biết nó ném đầu không?

– Bây giờ con vừa đến Quan Thánh.

– Gần nhà máy điện à?

– Nhưng nghe súng xa lắm.

– Thế mà ở đây cứ tưởng nó lại choảng quăng Đuôi Cá, Văn Điển. Ờ, tại cái gió, gió bắc đưa tiếng bom lại gần.

Rồi bác Tặng khoan khoái cười, trỏ tay vào hai chữ “Hạnh phúc”.

– Vắn anh họa sĩ đấy. Anh ấy vẽ tranh dân phòng, sơ đồ phòng không đều giỏi. Con thấy chữ cắt khéo không?

– Bằng phòng cưới rồi ạ.

– Bố thấy vẫn thiếu. Bó hoa con đem về để lên bàn khách ngoài thế mới hoàn toàn.

– Vâng ạ.

– Bàn thờ và ảnh mẹ với chị các con, bố đưa tạm vào trong. Trong ấy đã có hoa cúng. Con thắp hương cúng chị, cúng mẹ bây giờ.

Nhiên đem hoa ra bàn. Màu tím thắm mát tỏa trên cái bình bằng đuôi đạn đại bác 75 màu đồng sạm như cái ống bút cổ, Bằng đem ở trận địa về.

Nhiên xem đồng hồ rồi nói:

– Bây giờ con xin phép bố.

– Về dưới nhà à?

Nhiên vào sân bếp, cẩn thận đẩy cái bu gà xích phía trong.

– Con nhớ đón bà lên.

– Con cũng phải lên sớm, còn đi chợ.

Bác Tặng đã dọn dẹp xong, lại ngồi nghĩ ngợi về đám cưới con và miên man mọi công việc. Bác ra công tác đường phố đã hai khóa, hơn sáu năm. Cơm nhà vác ngà voi... người ta nói đùa, người ta ngần ngại, chung quy cũng một câu như vậy. Bác Tặng chẳng để ý ngà voi, sừng trâu, công tác người cán bộ ở cơ sở cũng lẫn lộn với mọi việc ăn làm hàng ngày, có sao đâu.

Việc cưới Bằng, bác Tặng đã nghĩ kỹ. Mới thì mới hẳn, không dở dang. Mình trưởng ban phòng không, vi phạm lệnh phòng không sao được.

Lại một ngày bận rộn. Càng tất bật hơn trong những cơn báo động... Đồng bào chú ý... rồi còi, cái còi trên mỏm trụ đầu cầu Long Biên như một triệu con ve kêu râm ran. Tiếng bom, nghe cả phía Sơn Tây, phía Phủ Lý. Nhưng từ sáng chưa có thằng nào vào thành phố. Mấy hôm nay, nó ném rộng ra các tỉnh. Báo nói Hải Phòng bị B.52 rải ba đêm liền rồi.

Nhiên lên đến bờ sông.

Chợ Bắc Qua dưới đầu cầu đã tản đi các ngã ba, nhưng cái chợ cỏ cạnh Cột Đồng Hồ rải rác quanh đấy. Cỏ vệ đê chết rạc chỉ còn cỏ quanh các đầm nước trên Nghi Tàm,

trong bãi vườn hoa Thống Nhất. Mùa này hiếm, giá hai gông cỏ tới hai đồng rưỡi.

Những con bò của tổ vận tải thô sơ dưới các bãi Đầu Cầu Nghĩa Dũng, Cơ Xá, An Dương chạy bom được giắt lên đứng bên gốc cây cơm nguội dọc đường bờ sông. Gió rét thổi vi vút qua cái sừng bò cúi xuống. Con bò đứng, mình phủ mấy cái khối tải dài kín đến móng.

Những xe tải bò kéo được khỏi việc. Xe than vào nhà máy điện cả ngày phụ sức cho ô tô than Phà Đen lên. Xe cát lò thủy tinh. Gạch và bã rượu nhà máy về các hợp tác xã ngoại thành. Từng chuyến sữa “Ba Vì”, sữa “Ba quả núi”, những chảo gang, lưỡi cuốc ra các cửa hàng huyện. Đôi khi, tải thùng bia hơi đi các quầy. Những việc không có tên, và những cái xe bò kiu kịt, nhẩn nại, móng sắt hàng ngày va đều đặn xuống mặt đường.

Nhiên nhìn xuống bờ sông, chưa biết nên đi lối nào ra bãi giữa. Có hai lối xuống, người bãi giữa vẫn đi cả hai. Từ năm Giôn-xơn thả gậy khúc cầu bên kia, nước sông Hồng chảy qua một quãng cầu trống hốc, máy bay thôi nhòm ngó. Người ta hay đi cát lên ra giữa cầu rồi xuống bậc đến bãi. Nhưng đi đường này, nếu có báo động đành lơ lửng, cũng hời. Nhiều người thích đi đường nước, ung dung hơn. Cuối bãi có thuyền nan sang ngang, khi đưa pháo thủ ra trận địa, khi có quà cáp các đoàn thể trên phố ra ủy lạo và các chiến sĩ sang phố mua thức ăn, người ở bãi đi nhờ.

Thỉnh thoảng, Nhiên vẫn đi dò này của bộ đội. Cái nan như cái lá tre giữa dòng nước lớn. Máy bay không thể mắt nào soi nổi. Vả lại, con sông đến đây chia dòng, Mỹ chỉ bom bắn quãng cầu chỗ nước sâu nhất phía Gia Lâm.

Nan ghé ngay bãi cát lên đầu xóm.

Nhiên đã nghe bà kể chuyện nhà ở bãi Giữa từ đời trước. Có lẽ từ khi bãi Giữa nổi hình đất cát pha lâu dần thành đất thịt, bắt đầu có người tụ đến thành xóm. Bà nói khi bà mới về làm dâu đất bãi, nước sông Hồng còn mấp mé vào đến chân đê. Trước bến Nứa, thuyền bè cấm san sát. Thế rồi dòng sông chuyển dần sang bên Gia Lâm, bãi Giữa bên lở bên bồi cũng dịch theo con sông đổi dòng. Khi ấy, trên bãi mới chỉ có mấy người nghèo như bọ củi đều bơ vơ đến. Ở đây gieo hạt ngô, chưa chắc được ăn nửa vụ vì còn phải lo chạy nước. Bao nhiêu năm mới nên bây giờ, bãi Giữa nổi cao thành một vùng dài rộng, lũy tre và những hàng cây cau, trong vườn có xoan, có cây mít đã hạ để xẻ gỗ làm tấm phản được.

Nhà ta ở bãi Giữa từ những ngày ấy. Ngay nách phố mà vài hôm không sang phố không nhớ mình đang ở giữa phường phố. Bờ tre xanh rì rủ xuống đầu bến. Vườn chuối thấp thoáng ra tận xa, quanh những luống rau, lối vào các ngõ xóm quanh co dưới hàng xoan. Mùa hè, bờ rào càng nóng nắng thêm vì những quả ớt đỏ chói. Dưới hiên, giàn hoa lý, hai bên hai cái giại tre, mái nhà lợp lá mía - lá mía bền như tranh, như gò, như nứa, mà lá mía vườn nhà, không tốn đồng nào. Những đêm nước lên, nghe sóng lũ ngoài sông oàm oạp như muốn tràn qua. Những trận mưa đầu mùa hạ tới, ềnh ửng kêu uôm oạp vang từ chập tối.

Từ khi lớn lên, Nhiên chỉ thấy có một mình ở với bà. Bà nói quê nhà trước kia ở đồng chiêm, nhưng bây giờ dưới ấy cũng không còn ai thân thích.

Ở nhà, hai bà cháu quanh quẩn làm vườn. Cả năm chỉ biết đường sang đến chợ Bắc Qua. Thành phố bắt đầu thay đổi, bãi Giữa thành một khối phố. Nhiều nhà xưa kia sống bằng con tôm con cá, bây giờ xếp đơm đó, cần câu, sang phố đi làm. Có người vào công nhân máy nước. Người đi học lớp lái xe tải. Trẻ con lên phố học, không lêu lổng bắt

chuồn chuồn, bầy cuốc nữa. Xóm bãi Giữa bao đời vui trong gió cát, từ khi có người đi làm, trẻ con đi học, nhà cửa khang trang khác trước.

Nhiên học hết cấp hai, rồi xin việc làm bên nhà máy xe lửa Gia Lâm. Đồng chí trưởng phòng tổ chức xem bản lý lịch của Nhiên rồi hỏi:

– Bố cô là liệt sĩ à?

– Vâng ạ.

– Cô đem các giấy chứng nhận bằng khen, huy huân chương...

– Nhà em không có những thứ ấy ạ.

– Tại sao?

– Em không biết. Chỉ nghe bà em nói bố em hy sinh ở trường Ke trên bờ sông, bây giờ là trường Trần Nhật Duật, từ năm 1946.

Nhà máy cho Nhiên đi học sáu tháng. Nhiên thành công nhân hàn. Nhiên đi làm mà vẫn chịu khó việc nhà. Năm nào, bà cũng nuôi hai lứa lợn và đặt thùng xin nước vo các nhà bên phố bờ sông. Những năm trước, còn khỏe chân, bà sang gánh được. Bây giờ, sáng chủ nhật, Nhiên đi các nhà lấy gánh nước vo về.

Sông Hồng miên man đến đầu bãi Giữa tõe ra hai dòng sóng đỏ mờ lướt dưới vườn xoan khảng khiu, những bờ tre mùa lạnh xác xơ. Thỉnh thoảng, một chiếc ca nô nhỏ, nổ máy ùng ục từ phía Chèm xuống, dạt theo hàng chục bè gỗ lập lờ chìm dưới mặt nước để tránh máy bay.

Nhiên ghé chiếc nan của một bộ đội vừa kéo ra trong luống khoai đã dỡ nham nhở, chiếc nan lấm vùi những cát.

Nhiên nói:

– Anh ngồi thông thả, em chèo cho.

– Tôi phải sang vội, cô ạ.

– Em chèo đò ngang từ thuở bé mà.

– Nhưng mà cô còn phải cầm bó hoa đẹp thế.

Nhiên mỉm cười, hơi ngượng. Anh bộ đội cầm bơi chèo, xả mạnh mấy nhát nước, cái nan đã lách nhanh ra khỏi bờ.

– Có “đồng bào chú ý” đấy.

– Mặc nó. Cô mua hoa lay ơn tím ở đâu đẹp thế. Bắc Qua không có chợ mà.

– Bạn em trên Ngọc Hà hái tận vườn.

– Ngày cưới mà được hoa này thì hạnh phúc lên gấp mười rồi.

– Anh chỉ khỏe đùa, cưới ai đâu!

– Tôi chúc cô.

– Anh nhầm rồi.

Còi báo động bên phố và trên cầu hú lên, tiếng vang xuống mặt nước đục, sóng lan ra xa đến lẫn vào bờ bãi gió cát.

– Bạn em cho hoa về cắm chơi mà.

Tiếng cười vang mặt nước.

– Nói dối bộ đội nhé. Rất tiếc chúng tôi không sang được bên phố mừng cô dâu chú rể tối mai.

Nhiên ngẩn ngơ:

– Thật đấy ạ?

– Chúng tôi vẫn vào chơi trong nhà mà. Mỗi tối, xóm còn bao nhiêu người ở nhà,

chúng tôi đến giúp ban phòng không.

Nhiên “a” một tiếng rồi mỉm cười, nói nhỏ:

– Mời các anh sang chơi với chúng em. Ngay phố trên kia thôi.

– Thời chiến, cứ nhanh nhẹn lên, được rồi. Chúc cô dâu chú rể thế là đủ. Bao giờ bình yên, anh em qua nhà chơi, có con ẵm rồi, lại chúc nữa.

Người chiến sĩ lại cười. Cái nan đã vào bờ. Anh ấy bỏ bê chèo vào lòng nan rồi nhảy lên bờ.

Chỉ kịp quay lại bảo:

– Cô Nhiên kéo hộ cái nan giấu lên bụi tre nhé.

Rồi chạy thẳng về trận địa pháo đang đầu bãi. Nhưng mới xa được mấy bước, thành phố đã nổi còi trả yên. Đồng chí ấy quay lại, giơ mũ, vẫy tay, nói to nhịp câu như hô khẩu hiệu:

– Chúc hạnh phúc. Hôm nào thông thả... chúng tôi... sang chơi.

Sông Hồng mùa nước cạn, lờ đờ như ngủ sang mùa hạ mới thức dậy. Gió cuốn bụi cát lên không trông thấy hai bên bờ. Những nhịp cầu Long Biên cũng chập chờn lùi xa.

Nhiên theo đường cát vào ngõ. Người ở bãi sinh sống bằng cái lá, luống rau, giàn bí, giàn mướp, mỗi gang đất cũng nảy ra tiền. Hai bên lối đi, mỏng tươi, rau ngót, tía tô, lá đơn trắng, hương nhu - cây lười hổ và cây lá báng xòa xanh óng.

Bà đương ngồi trong thềm, buộc những bó ngải cứu khô. Vườn trồng cả cây đơn độc, đơn tím, cây phen đen và lá sả gọi đầu, hoa hồng bạch chữa ho trẻ em, các bà hàng lá quen sang mua. Góc ngoài, một cây ngâu xòe tròn mâm xôi, đến lứa hoa chín, bà bán hoa cúng ở chợ Hàng Bè lại đến hái.

Vườn chẳng lúc nào cạn việc, chẳng lúc nào bà rời khỏi luống đất. Bà cứ nắn ná. Đây cũng làng xóm, cũng nhà quê, việc gì phải sơ tán đâu. Nhưng thật bà cũng lo. Bà đã bỏ mất lứa lợn cuối năm rồi, nhưng bây giờ đi để vườn hoang ư. Không lại bao giờ bà nghĩ thế.

Nhiên cầm bó hoa vào qua cái cổng tán tre, gọi to như trẻ con:

– Bà!

Bà ngẩng đầu:

– Mà về đây à? Ăn cơm chưa?

Ăn cơm chưa. Bao giờ bà cũng hỏi thế, mỗi khi Nhiên đi đâu về. Cái no cái đói suốt đời phải lo, quen nghĩ vậy rồi.

Nhiên nói, không vào câu bà hỏi:

– Các anh bộ đội tài quá, bà ạ.

– Mà bảo thế nào?

– Các anh ấy biết sắp cưới cháu.

– Ngày nào các anh chẳng vào xóm chơi, làm gì chả biết!

Nhiên nói:

– Bà ạ, bố con nói mời bà lên.

– Còn buộc năm ngải cứu cho bà hàng lá phiên này sang lấy. Nhưng tao không ở lâu trên ấy được.

– Sao thế ạ?

– Cái con này! Mà lạ gì đất đồng bãi, vắng hơi người một buổi, cỏ mọc như nghề, ốc sên leo lên đến giữa cột nhà, rồi gà què phá vườn, rồi...

– Bà lúc nào cũng vườn!

– Con để bố mày? Không có vườn thì ai nuôi mày bằng chừng ấy.

Bà mắng, Nhiên chỉ nhoẻn miệng cười. Nhiên ra với lấy ống tre đầu nhà, đổ nước rồi cắm mấy bông lay ơn tím, đặt lên bệ thờ giữa nhà mà Nhiên đã thấy thở hương bên cạnh một chồng bát mới, bà lấy trong cũi bát ra.

Vừa cắm hoa, vừa chuyện:

– Lúc cháu đi tàu lên Ngọc Hà có anh xẩm hát thật buồn cười. Cái gì mà... Chín chiếc thuyền rồng...

Nhiên ngồi tựa cột hiên mơ màng nhìn ra sông. Bóng làn nước đỏ thấp thoáng qua chân tre bờ giậu. Con sông từ rừng núi đâu đâu về, vào đồng bằng, qua nhiều thành phố rồi, vẫn giữ vẻ mơ màng ấy.

Vùng trời mênh mông liền mặt nước, Nhiên bỗng thấy sáng loang loáng. Nhiên giật mình, đứng dậy. Không phải. Nó làm mình tưởng máy bay Mỹ. Nhưng đây là những đàn giang đương bay thông thả thành một hàng cong như cái cầu vòng trắng bắc phấp phới ngang trời.

Từ thuở bé, Nhiên đã biết lệ, năm nào cũng vậy, đến mùa lạnh, những đàn giang, đàn sếu lại bay theo dòng ra cửa sông. Trên không trung, chim đàn thỉnh thoảng kêu, tiếng khắc khoải xa gần như để giữ nhịp nhớ tiếng, khỏi lạc. Những đàn chim đi tránh rét, đàn này lấp xa lại đàn khác tới, như những nhịp cầu hoa rắc nối nhau, tưởng hết rồi lại thấy. Có khi trẻ con ngồi cả buổi xem chim bắc cầu vòng bay qua trên sông.

Nhiên mỉm cười, nhiều đám cưới bây giờ ở thành phố hay đua đòi. Cô dâu mặc áo voan, choàng voan, vành hoa giả trên tóc, lại lấm tấm đốm hoa giấy, tay bít tất trắng. Mình là công nhân, không rởm thế... Những đàn giang nhịp nhàng bay qua suốt buổi trưa im lặng. Con giang con sếu về cả đàn, trời muốn sắp trở rét nữa.

Loa “đồng bào chú ý, đồng bào chú ý”. Chưa dứt câu, những tiếng nổ xé ngang vùng trời quất xuống, như chao chìm cái bãi Giũ.

Nhiên kêu thất thanh:

– Mẹ ơi!

Tất cả vùi trong mù mịt.

Mấy người đội tu sửa quần áo lao động lỗ chỗ vôi cát vừa đến. Tổ này làm ở phố trên xong, xuống tìm trưởng ban đại biểu. Tháng trước phố gọi chữa một quãng lối vào lấy vệ sinh các hố hai ngăn cửa sau gạch bị nát. Những xô xi-măng được bỏ xuống từ cái xe ba bánh đổ đầu đường.

Một người nhòm vào nhà.

– Ông trưởng ban ơi, chúng tôi đến chữa đường phố ta. Đồng chí...

Bài bước ra, thì thào:

– Lúc khác nhé... Ông vừa...

Người công nhân nhìn vào thấy bác Tặng nhột nhột, ngồi thông hai chân.

Ở bãi Giữa về từ nãy, bác Tặng chỉ lặng yên, chốc lại lẩm bẩm một mình:

– Không còn gì cả, không...

Ngồi quanh bác, có Bài và mấy người dân phòng, cùng lặng im.

Mọi người vẫn đội mũ sắt. Bây giờ ai cũng mũ sắt cả ngày như thế đi làm, có khi ra đầu đường mua quả cà chua, mớ rau cải. Báo động lắt nhắt ngày đêm, cứ bỏ ra lại đội vào, chỉ bằng đội luôn.

Mặt bác Tặng bột trắng, hai bọng mắt trũng xuống. Bác thở dài, nhìn đâu, như không thấy xung quanh. Ai hỏi cũng thủng thẳng nói một câu: không, không còn gì.

Bài gọi khẽ:

– Đồng chí Tặng!

Bác Tặng như không nghe tiếng.

– Đồng chí cần nghỉ ngơi vài hôm.

Bác Tặng ngơ ngác:

– Sao kia?

– Về chỗ sơ tán nghĩ.

– Tôi vẫn khỏe.

Bài nói:

– Có nghỉ ngơi, có chiến đấu, thế mới lâu dài được. Đồng chí nên nghe tôi.

Bài ra cửa, nhấc xe đạp, phóng đi.

Ra ngã năm, gặp ngay xích lô bác Vạn về.

Bài gọi:

– Bác Vạn, bác Vạn, có công tác đặc biệt.

– Công tác gì?

– Về sơ tán.

– Bà xã nhà tứ cứ việc bình yên ở trong ấy với lũ nhóc. Ngoài này việc bộn đầu, chưa về được.

– Không, có công tác gấp về chỗ sơ tán.

– Cái gì thế?

– Tình hình bác Tặng căng lắm. Ở đây quỵ mất. Phải đưa bác về sơ tán. Biết hai bà cháu cô Nhiên chết cả dưới bãi Giữa chưa?

– Biết rồi.

Xích lô bác Vạn đỗ phịch ngoài hè. Mấy hôm nay, tình hình ác liệt, vất vả thế mà

trông bác Vạn như càng hùng dũng lên. Bộ ria ngạnh trê, thức đêm tợn, đen kịt, lửa tủa dài hoắt. Khu đội mới phát mũ sắt cho cả tổ xích lô tải thương. Vành mũ sắt khum khum, sơn xanh lá cây bóng nhẫy. Khuôn mặt râu ria tối ngòm ngược lên, dữ dội. Nhưng những câu ngêu ngao pha trò của bác lại làm vẻ hắc thời chiến hóa ra hiền lành, - bác ghéch xe lên đầu phố, trẻ con lễ phép đến chào rồi cứ tự nhiên, mỗi đứa vuốt ria bác một cái, bác cũng để yên.

Bác Vạn bô bô:

– Nào bác Tặng, ta đi thôi.

Bác Tặng ngẩng lên, hỏi:

– Đi đâu?

– Cứ lên đây cái đã.

Bác Tặng tự thấy tỉnh táo. Bác vẫn nhớ lúc ấy, máy bay còn gầm rú trên đầu. Có người chạy qua, kêu to:

– Nó ném bom bãi Giữa rồi.

Bác Tặng giật mình, tức khắc thấy trợn trong người. Bác Tặng trèo lên khỏi hố cá nhân, quay đầu lại bảo Bài: “Tôi xuống xem thế nào...” rồi cứ thế chạy. Các công an trật tự thấy người hốt hải qua, không biết thế nào, nhưng cũng không cản. Đã gặp nhiều trường hợp chạy về nhà đương bị bom, không thể giữ lại được.

Bác Tặng xuống thẳng bãi Giữa đương vàng khè bụi cát và khói cháy nhà.

Bác vào xóm, đến nhà Nhiên. Không thấy xóm, không thấy nhà đâu. Những lũy tre đã chìm ngấm xuống dòng nước. Hàng cây cau tấp lửa, hoe đỏ như bó đuốc cháy dở. Những hố bom lỗ chỗ miệng phễu, đất còn đương rơi rào rào. Tan hoang, trống trơ, không còn một cây chuối, một bờ rào.

Bác Tặng tìm quanh, không thể nhìn ra nhà Nhiên. Nhưng trong mười mấy người chết đương được dân phòng khiêng ra đầu xóm, bác Tặng đã trông thấy bà cháu Nhiên, hai cái xác lấm như vùi. Bác Tặng theo đến chỗ bãi cỏ đặt xác, những chiếu phủ đã để sẵn đấy. Một ô tô tải thương, tải xác người lên giữa cầu Long Biên không bóng người, đỗ tại chỗ chệch cầu nhánh xuống bãi.

Bác Tặng thần thờ bước ra theo bờ cát bên mép nước.

– Đồng chí Tặng đi đâu?

Bài vẫn chạy theo bác Tặng từ lúc nào. Bài nắm cánh tay bác Tặng. Bác Tặng nói:

– Tôi đến chỗ cháu Việt.

– Bác đi tìm anh Bằng hả?

– Tôi đi tìm cả Việt, cả Bằng. Các con ơi! Nó giết mất bốn người nhà ta rồi, Bằng ơi! Đôi mắt bác ứa héo bỗng sáng rực, thẳng thốt. Bài khoác cánh tay dìu bác đi.

– Đưa tôi đi đâu?

– Tôi là người đã vượt Trường Sơn thì đi đâu cũng được. Bác nhận ra tôi rồi chứ, Bài thương binh chiến trường về trường ban bảo vệ đây. Bác đi với tôi.

Bác Tặng lặng lẽ theo tay Bài kéo về nhà trên phố.

Bác vẫn thấy mình nhớ đủ mọi điều. Nhưng anh Bài đã bảo thế, bác đi. Bác cầm cái mũ sắt vừa để xuống giường rồi bác nhấc túi treo ở tường trong, như mọi khi.

Nhưng vừa ngồi xuống xích lô lọt thỏm vào cái thùng xe, người bỗng rũ ra, sụm xuống. Hai tay không nhấc lên nổi, tưởng không còn bao giờ đứng dậy được.

Như lo bác Tặng mệt quá, lủ đi hay thế nào, cứ vừa đạp, chốc bác Vạn lại cúi xuống

hỏi:

– Cụ Tặng thấy gì không?

– Tôi biết rồi.

– Những thằng bộ chó chỉ vo ve, mùi mẽ gì, phải không cụ? Thế nào, đã thấy người kha khá chưa?

– Tôi có sao đâu. Ông bảo vệ ra lệnh thì mình chấp hành thôi.

– Thế à? Cụ nghĩ phải. Bây giờ, bao nhiêu cái buồn, cứ đem công việc lấp bằng tất. Hôm nay tuyển quân đây.

Bác Tặng cười, nhếch nhếch như gượng:

– Mình chẳng buồn đâu.

– Phải, phải.

Bác Vạn cười khớ khớ, lại đập dấm. Bác đoán mà đúng. Hôm nay, thành phố tuyển quân.

Đoàn ô tô Thống Nhất đã phủ kín rơm lại buộc vào cành tre cành ruối như chui bụi cây ra lừng lững giữa đường, bên trong vang nhộn cả cái xe hát.

– Mày già ông, ông ra quân, xem rồi ai được ai...

Bác Tặng nói:

– Sắp đến quán bia, ông Vạn có làm một vại thì xuống. Tôi vẫn nhớ đấy chứ.

– Ái chà, chạy bom mà bia kẻ miệng thế này thì muôn năm lắm nhỉ.

Vừa hôm trước chỉ có quán bia mật dịch, giờ chỗ cửa chùa đã thêm cái ghế và chiếc hòm vuông của bác cắt tóc. Trong tam quan, quầy bánh mì, hai thùng trứng vịt trắng lôm lốp.

Đường tấp nập hơn lúc trưa. Trong cốt quầy, ngụy trang mấy cành cúc tần, quán bia cũng như bụi cây, hai cô mật dịch ngồi trong. Thùng bia lỏng lỏng - những thùng sáu mươi lít đã cạn vớt chồng đồng bên gốc muỗm.

Bác Tặng uống một ngụm, mặt tằm ngần, hai dòng nước mắt bỗng rỏ xuống cốc bia.

Bác Vạn nhìn, ái ngại:

– Tôi thấy cũng chẳng nên quá nghĩ.

Bác Tặng nói:

– Mới hôm nào, đi qua đây, tôi mua bi đông bia về cho thằng Tuyển. Bây giờ cầm cốc bia mà thương.

Bác Vạn định nói, lại thôi. Nếu nói, bác Vạn cũng khóc mất. Cảnh sân bệnh viện Xanh Pôn sáng sớm hôm đó.

Bác Tặng trầm ngâm:

– Bác Vạn ạ, tôi mà buồn thì tôi chết từ lâu rồi. Tôi không buồn.

Một tiếng nổ với làn khói trắng tên lửa từ đầu bụi tre ngoằn lên. Một chấm đen sì khói rơi xụp xuống.

Cả cánh đồng và đường cái nhộn lên.

– Thằng không người lái rơi rồi.

Bác Tặng nói:

– Đây, có buồn cũng không đủ thì giờ.

Hai người ra trả cốc rồi đi.

Đã thấy xa xa cái cầu xi măng cạnh gốc cây muỗm vào làng Nha.

Cánh đồng cao gặt xong rồi đương làm mùa, loang lổ, mỗi miếng một khác nhau.

Khoảng ruộng huệ đã cắt để tối đưa vào thành phố, hoa huệ xếp bên bờ như những ô mả. Những xứ đồng sâu, bắt đầu khoanh vùng trồng khoai tây, khoai lên xanh nõn. Đầm nước mùa cạn, tỏa mùi thơm thoảng của lá và cọng sen già. Luống đậu hà lan xanh phất, ruộng cà chua hồng quả tròn chín đỏ phơn phớt cạnh thửa ruộng mới cày vỡ, má đất lật nghiêng còn nhẵn bóng. Luống cày và những cánh đồng màu, mùi ngậy ngát của đất mới, hoa quả và mầm cây bao quanh làng.

Sương nhẹ đọng trong chân tre dần dần mờ loang, chẳng mấy lúc cánh đồng và làng mạc đã đọng sương và lặng im.

Xích lô bác Vạn rời đường nhựa xuống dốc đá vào làng, chen giữa hai hàng phi lao, mảng sương tạt qua, vướng lại, khe lá phi lao lâm thâm càng xanh sẫm.

Tiếng máy bay hốt nhiên ào đến. Bác Vạn ngêng tai lên nghe rồi tặc lưỡi: “Có tài thánh mây cũng không trông thấy ông”, rồi lại lạch xạch đạp. Dưới đồng tấp nập người bắt đầu đi làm đêm và người đi trong làn sương dâng, tiếng máy bay vùng vằng khắp trời. Rồi bom trút đổ ối xuống. Ai cũng ngỡ bom rơi đúng chỗ mình. Bác Vạn núp xe vào gốc phi lao. Bom gần quá, nổ đành đành. Gió bom tạt rát mặt, hất cái xe và hai người vấp vào cây.

Bác Vạn nghe đầu, hỏi:

– Nó ném chỗ ô tô ra đa rồi, phải không?

Bác Tạng nói nhỏ:

– Tên lửa chỗ ấy. Hôm nọ trời hửng tôi nhìn rõ mũi tên lửa ngóc lên.

Lại một đợt bom vào vòm sương. Hai người ngồi bên gốc cây, kéo mũ sắt xuống úp lên mặt.

Nghe oàng một tiếng trên đầu, bác Vạn reo to:

– Rơi rồi. Kia kìa.

Trên cao, một đám lửa bùng đỏ rờn. Tiếng gầm rú bỗng chìm đi đâu. Cánh đồng, màn sương và cục lửa rừng rợn, im phăng phắc.

Bác Vạn đứng dậy:

– Bác lên xe nào, lên. Nó phải tên lửa ta rồi. Đây, đã nghe tiếng gọi nhau đi bắt dừ.

Tiếng người ới ới thật. Rồi tiếng trống, tiếng keng, rung cả khoảng không mù mịt. Đàng kia, tiếng tù và rúc. Những tiếng la dồn về phía cục lửa cháy lơ lửng.

Xe bác Vạn đã vào tới đầu làng, qua cạnh những hố bom hơi nóng khét lẹt. Nhiều người chạy ra, hỏi: “Có gì ngoài ấy? Có gì ngoài ấy không?”. Rồi gậy, câu liềm chạy đi. Chưa trông thấy dù trắng, dù đỏ rơi đâu - mà sương nhiều thế này cũng không thấy được. Nhưng cứ đoán máy bay cháy, tất có giặc lái nhảy dù. Máy dừ trẻ nhanh thế, đã luôn ở đâu về, ôm lồi thoi những bọc nhiễu sáng óng ánh. Nhiều bà đứng trong bờ giếng đất, kêu: “Giời ôi, lũ quỷ rước cái phải gió này về làm gì. Nó mà nhét thuốc độc, lựu đạn trong ấy thì chúng bay chết mất ngáp. Có vớt đi không”.

Người đổ ra đồng càng đông. Tiếng tù và, tiếng trống ngũ liên thúc liên miên. Tiếng tù và sôi lên trong bóng tối nhập nhoạng.

Người ra đồng nhiều thế, nhưng trong sân nhà cụ Ngạn vẫn đỏ những cái đèn chai và lỗ nhỏ người. Xe bác Vạn vào tận cổng ngăn.

Nghe tiếng lạch cạch, nhiều người ồ ra, hét: “Đây rồi! Đây rồi!” Nhưng những tiếng rộ lên: không phải, không phải. Cụ Ngạn giơ hai tay bắt tay cả bác Tạng, bác Vạn.

– Rõ mắt hoảng. Chúng nó tưởng được thẳng giặc lái gô lên xe cải tiến kéo về. Mời

hai cụ vào nhà. Sao về tối thế? Ngoài ấy thế nào? Vất vả quá.

Trong sân tối nhá nhem, mấy chị quẩy đến từng gánh, mới trông tưởng gong cỏ, nhưng lại là những gánh giẻ. Bóng đèn tù mù ánh lên đồng giẻ rách to như đồng rạ.

Làng này ít ruộng, nên thạo nhiều nghề phụ. Những nghề rèn, nghề dệt sồi lâu đời. Bây giờ, xe đạp, xe cải tiến, hiệu may, cắt tóc, thầy cô giáo cấp 1 lương theo điểm, trẻ trong làng đi học tổ sản xuất trả tiền giấy bút. Những nghề phụ linh tinh, mà ra tiền. Xe thồ cải tiến nhà nào cũng có một cái để đầu hồi. Xe cải tiến như người thêm chân thêm tay, không chỉ việc đồng, mà được việc cả các nghề phụ: lò rèn, lò gạch, dệt sồi, làm đậu phụ, trồng hương nhu, nuôi ong, thêu ren xuất khẩu, mấy năm nay, thêm việc đi mua giẻ rách và quần áo cũ. Quân đội thu mua làm cái lau nòng súng.

Giẻ rách giặt sạch, chọn ra cái đen, cái trắng, cái nâu, lấy ván đẽ đá nén từng kiện. Hậu cần về bắc cân lên, mọi quí đều bán vượt hợp đồng, năm nào cũng được tiền thưởng của trạm thu mua.

Đồng giẻ sạch được buộc dây chuối khô thành từng kiện tròn như khúc gỗ, xếp một góc sân. Bốn bà khuân hàng lên mã cân, đến tạ ấy sau cùng, đã cao ngang giọt tranh.

Một bà nói:

– May quá, nhờ ông xích lô chở nốt cho mấy kiện.

– Phải đấy.

Bác Vạn hỏi to:

– Phải là thế nào?

– Tối nay giao hàng cho trạm, hàng quân đội không bỡn đâu. Thế mà ông “hợp” điều tiết xe đi mua mạ, mua cần giống rồi.

Bác Vạn mở mũ sắt, quen tay quạt vào mặt rồi đứng đĩnh:

– Tôi về công tác, kết hợp thăm bà xã, không còn sức lai nổi một đồng tổ bố kia đâu.

Cụ Ngạn bảo hai người:

– Mặc kệ họ. Mời hai cụ vào đây làm một chén cho ấm. Thằng mắt cùi nhân! Ta đút đầu nó vào bẫy đấy, các cụ ạ.

– Cụ bảo sao ạ?

– Tên lửa giả, tên lửa cây chuối ấy mà. Thằng không người lái mấy hôm nay xèn xẹt xuống chụp ảnh. Quả nhiên rồi bố nó dẫn xác đến. Thế là tong đời.

– Bí mật quân sự mà cụ biết rõ thế?

– Bí mật với địch chứ ai bí mật được với ta. Cả làng này đi đắp ụ làm bệ rồi lại dẫn bao nhiêu cây chuối, bóc bẹ trắng lột lớp làm giả tên lửa.

– Rồi chỗ khác phóng tên lửa thật lên.

– Thế, thế!

Bác Tạng thở khurột một cái: à ra vậy! Rồi bác hỏi:

– Cháu nó đi chơi với các anh rồi hử, thưa cụ?

– Nháo lên từ lúc máy bay rơi. Trẻ con chỉ thích theo người lớn bắt giặc lái để xin cái phao xanh đỏ, cái lưỡi câu.

Hai người đã ngồi vào trước bếp lò rèn, bác Vạn còn vương mấy bà đương co kéo nắn nèo đi hộ một chuyến. Mâm cơm đương ăn dở, chỉ có bát dưa cải muối và cái chén. Cụ Ngạn bày thêm hai chén, xách vò rượu ra, mở nút lá chuối.

– Cháu ngoan lắm. Kéo cửa với anh Còi, Còi đi học lại ra ao rũ giẻ với mẹ Còi. Chịu làm đấy.

Tiếng ồn ào rầm rầm đầu làng. Người chạy qua xóm kêu choang choác: bắt được thằng nhảy dù còn sống nguyên, đã khiêng về đầu cầu nông giang rồi.

Thế là nháo cả ra. Cụ Ngạn đặt vò xuống, nói bực tức một cách thú vị: “Lại phải ra xem sao nào. Bữa ăn cũng không xong!” Bước ra, cụ cẩn thận khép cái liếp, quát vu vơ: “Cấm đứa nào đi mà còn để đèn lửa ở nhà. Nó trở lại thì chết sặc gạch đấy”.

Mấy bà vừa búi bác Vạn nhờ chở hàng cũng bỏ ra ngoài ấy cả. Bác Vạn đã quên đùa dai “tôi còn về với bà xã”, đã phốc lên xe. Cái xích lô kêu xộc xộc không đủ cho người ta thèm tránh, bác phải quát ếp! ếp! rống lên.

Ánh điện thành phố đăng xa hắt lên, sáng mờ. Đôi chốc, đèn pin loáng vào với tiếng ồn ồn, bên kia cầu.

Đồng chí xã đội, nói chõ vào cái loa sắt:

– Thưa đồng bào, a lô... a lô... Một giặc lái nhảy dù rơi xuống ruộng huệ xứ đồng Côi. Không biết nó sái chân, nó gãy chân hay nó sợ rúm khoeo không đi được, chúng tôi đã khiêng nó về đây. Yêu cầu đồng bào hoan hô!

Tiếng hò hét, tiếng vỗ tay rầm rập.

– Bây giờ yêu cầu giải tán để chúng tôi đem giặc lái lên huyện.

Người vẫn nhao nhao:

– Cho xem cái mặt nó một tý.

– Đề nghị xã đội...

Luồng ánh đèn pin soi vào. Vòng người đứng trong reo à à, càng làm bên ngoài xôn xao.

– Chẳng thấy gì cả.

– Cái mặt nó phôm phốp ra đấy thôi.

– Đâu đâu...

– Việc gì phải đâu đâu. Mặt nó phôm phốp trắng như cái bẹn bà ấy mà. Cứ vén quần lên mà xem cũng thế.

– Phải gió cái nhà này!

Cụ Ngạn nói với bác Tặng một câu gì rồi hai người ra trèo lên xe xích lô. Bác Vạn hô to:

– Ếp! Ếp! A lô... A lô... Xe cứu thương đến! Cứu thương!

Bác Vạn lắc loạn cái nắp chuông kính công... kính công... Người lập tức giãn hai bên. Bác Vạn đạp mấy cái, xe đã băng qua cầu tới thẳng chỗ xã đội trưởng.

Tiếng cụ Ngạn quát giữa đám đông chen chúc:

– Xã đội này, để cái thằng tàu bay ấy lên xích lô đi cho nhanh. Chứ nó mà ngồi xe cái tiến như thằng hôm nọ thì khỏe hẳn hoi đấy mà lên đến huyện nó cũng ngất mẹ nó đi rồi, mình lại bị phê bình. Huống hồ thằng này bị sái cẳng, có phải không.

– Vâng ạ, vâng ạ.

Cụ Ngạn quay lại hỏi bác Vạn:

– Cụ xé lô bằng lòng chứ?

Bác Vạn ngồi trên yên xe, giơ hai tay:

– Các cụ yên trí.

– Lên đến huyện đội có năm ki-lô-mét.

– Đạp đến sáng, tôi cũng cân. Chỉ yêu cầu một việc.

– Việc thế nào?

– Bấm một phát cho tở nhìn cái mặt nó.

Ánh pin lóe lên. Mọi người lại cười rầm rầm.

Thằng giặc, đương nhắm mắt, tự dưng mở thao láo. Bộ quần áo bay đã bị dân quân lột ra - theo đúng bài động tác bắt giặc lái. Cái mũ lưỡi trai đỏ, in chữ Guam 72, một người vừa ném vào đồng dù, quần áo bay và dây dợ bùng nhùng bên cạnh.

Cả người và mọi thứ ấy được bốc lên xích lô.

Cái xe qua giữa đám người hò hét, cười nói nhao nhao, cứ giã ra lại xô vào. Xã đội trưởng ngất ngưỡng ngồi trên đồng dù và áo bay, tay giơ khẩu súng trường, tay giữ cái thùng, hai chân doạng ra cho tù binh ngồi dưới tựa lưng vào thùng xe.

Một bà cười hí hí:

– Làng nước xem kìa, xã đội làng ta vênh chưa, mấy đời được cười đầu cười cổ để quốc thể kia.

Tiếng cười lại ồn, giữa những tiếng hét tiếng chuông kính công: Giã! Giã! Ép! A lô! A lô! Xe tù binh, xe...

Bác Vạn hét vào đám đông bên cầu:

– Đồng chí Tặng nói hộ bà xã nhà em là em bận công tác khẩn nhé.

Rồi lại nói cười tương bưng:

– Thằng này nặng bằng ba thùng bia, đúng trăm tám ký. Nghe ngữ chân đạp tôi biết.

Khớ khớ khớ...

Chuỗi cười của bác Vạn ra tận giữa cánh đồng.

Ba bốn người trong ban xã đội không ai kịp về lấy mượn xe đạp, cứ thế chạy đuổi theo xích lô.

Một chốc, đầu làng chỉ còn sương mờ.

Cụ Ngạn và bác Tặng về đến ngõ, thấy phía xa lại đỏ một quãng lửa. Những tràng đạn nối nhau tuôn lửa lên, một lát mới nghe tiếng nổ.

Cụ nói:

– Lại chỗ cầu Giẽ. Đây còn nghe tiếng tàu hỏa nửa đêm qua cầu Giẽ mà. Cái cầu Giẽ này cũng như mả bố nó, hôm nào nó cũng phải đến bom vài trận, nó về mới yên được. Người ta bảo cầu Giẽ nện máy bay cũng như cầu Hàm Rồng trong Thanh cụ biết rồi chứ?

– Vâng ạ.

– Bây giờ lại sắp đến giờ nó giọt vào Hà Nội đây. Gầm gào suốt đêm. Ngoài ấy tinh thần lắm, phải không cụ? Chỗ phổ cụ có thiệt hại mất mát gì không?

Bác Tặng lặng im.

– Mời cụ ta về. Mẻ rượu này tôi mới cất, hay lắm. Ồi, một bữa mà ba lần nhấp nhồm, thế có bực không?

Sân nhà đã quang người. Những kiện giẻ rách được khuân đi từ lúc nào. Không biết các bà đã làm cách nào.

Cụ Ngạn mở cửa liếp. Còi với Nam ngồi cạnh bể, đã lại hí húi nướng khoai.

Nam gọi to:

– Ông!

Rồi chạy lại, ôm áo ông, khóc oà. Nó khóc vì nhớ ông quá, lại thấy ông.

Mắt ông thì nhòe đi. Mới từ ban trưa, đã biết bao đau đớn dồn lại, giờ bỗng nhiên nghe tiếng nói và nước mắt đưa trẻ thơ ông đau quặn trong ngực.

Nhưng, bác Tặng quay mặt đi, cười gượng: khói bếp cay cay là. - Than không có khói

mà. - Có lẽ tôi chưa quen, cụ ạ.

Rồi bác Tặng hỏi ngay Nam sang chuyện khác:

- Cháu biết bác Vạn gái sơ tán nhà ai không?
- Ông đến bảo như lúc này bác Vạn nói ấy à?
- Cháu cũng xem thấy thằng giặc lái lúc ấy hả?

Nam cười:

- Thế thì bác Vạn gái biết rồi.
- Sao cháu biết?
- Bác Vạn cũng đứng xem đấy.

Cụ Ngạn ồ ồ nói:

- Thôi, đẹp. Nướng khoai à? Ừ, nướng nốt đi. Bảo mẹ mày lấy cho ông bốn quả trứng.

Bác Tặng cười:

- Gì mà nhiều thế, cụ!
- Ăn mừng, ăn mừng. Mời cụ nhấp thử. Từ thuở còn trẻ tới giờ, tôi chỉ uống cái tôi nấu thôi. Không có thì nhịn, tôi sợ mùi rượu chợ. Nói lỗi phép cụ, đi cỗ bàn nhà ai tôi cũng phải mang rượu nhà đi.

Tuy vậy, cụ Ngạn vẫn chưa yên tâm, cụ vẫn bảo cháu đưa đến nhà bác Vạn gái ở. Rồi về ngay, bác Vạn gái biết rồi thật.

Ở nhà đã luộc xong trứng. Hai ông ngồi bên bếp lửa. Một trời sao rờ rờ, long lanh ngoài khe liếp. Đêm mùa đông trong vắt, ánh rợn sắc, càng khô buốt.

- Ta làm gọn rồi nằm ngủ ngay đây ấm chẳng khác lồng ấp của các cổ ngày xưa. Mời cụ nhấp. Nó lại sắp đến quấy mình bây giờ.

Ngay lúc ấy, từ cuối cánh đồng, một phát tên lửa đỏ lừ thuôn lên vòm trời rung rinh cả dàn sao. Tiếng máy bay rền rĩ, lạnh lùng, ghê rợn - lại như mọi đêm.

Các xóm cứ sốt ruột cho Hà Nội - mặc dầu mới ban chiều máy bay vừa ném bom ngay làng mình, mọi người lại kéo ra đầu ngõ nhìn về thành phố. Tiếng máy bay đương dần tới, mỗi lúc một rõ, vang động cả bốn phía. Rồi, trong chớp mắt, suốt chân trời, một vệt lửa nổi kéo dài. Tiếng bom rơi ùng ùng suốt bên này sang bên kia.

Cụ Ngạn nói:

- Nó ném về phía này.
- Phía nào ạ?
- Có khi là Hồ Tây. Gần lắm. Gió bom thổi qua mặt ta đây này. Ở đây, trông lửa bom, ngửi gió bom, đoán đúng cả. Cái đêm nó ném Khâm Thiên, chúng tôi bảo đích ga Hàng Cỏ. Khâm Thiên hay ga Hàng Cỏ thì cùng một đồng ấy thôi.

Cái gió bom quái ác rợn da gà, hầm hập trải dài qua đồng. Đột máy bay nữa tới, lại thấy lửa rắc, lại gió nóng tạt vào mặt cùng tiếng bom giựt dưới chân, lửa bom viên suốt chân trời. Xót xa quá nó ném thế kia thì còn gì.

Tưởng như cả thành phố đương nghiêng trong bóng tối. Một tiếng nổ bùng giữa trời.

- Cháy rồi! Cháy! B.52 cháy to lắm!

Lại chân chạy, tiếng tù và, tiếng trống ngũ liên. Đêm quanh thành phố rộn rục lên.

- Sắp sẵn chưa?
- Gì chứ cái thường thì đây rồi.

Một người ngáp.

– Ôi giờ, cái giống giặc lá rơi lắm thế. Đêm nào cũng như đi bắt ếch mưa rào thế này.

– Cơ chừng đêm nay ác liệt nhất, phải suốt sáng cũng nên.

Lại hai tiếng nổ lớn. Giữa trời hai đám cháy bùng. Cháy to cháy cao thế kia, lại B.52, mấy cái, mấy cái rồi... Mọi người xôn xao.

Những tiếng reo cứ cõn lên. Ở các đầu làng, dân quân lại đã tập trung từng tổ. Cái đèn chai như con đom đóm được giơ lên, lắc lư soi kiểm lại xem đủ câu liêm chưa - câu liêm để ngoặt xuống, ngộ nó rơi vương bụi tre và những tay thước, gậy bẫy, dao dài, mỗi người quần quanh bụng một cuộn thừng...

Các tổ dân quân đã xuống đồng.

Cụ Ngạn ngủ ngay trên mặt chõng đã rút bốn chân thành cái giường liền đất. Cụ đắp cả áo bành tô màu cứt ngựa trùm lên người. Có tiếng nổ to quá, cụ nhồm lên hỏi: “Nó rơi đây à?”. Rồi lại ngáy pho pho.

Ông cháu bác Tạng ngồi đấy. Ông tựa lưng vào cột vách. Ông không tài nào chợp đi được. Cháu thì, cứ châu hẫu, mắt nhắm hai tay ôm đầu gối ông.

Bác Tạng đẩy cho gộc củi tre khít vào nhau. Nam ngả người vào gối ông. Lửa bếp thoi thóp, cái lạnh ngoài khe liếp dần dà thấm vào lưng. Chốc chốc, những làn chớp bom đàng xa lại giựt lên, thấy ngoài vườn sáng xanh, nom rõ quả bông to bằng cái nồi trắng phếch bên bờ ao. Ngoài thành phố lại báo động.

Bác Tạng định bước ra. Nam lim dim mắt, chợt thức, Nam níu ông lại:

– Ông ở đây với cháu. Ông mang bìa vào, cháu với ông dán hộp. Ông bảo mậu dịch giục làm nhanh cho kịp hộp đựng mứt Tết mà.

– Đã trả hộp một đợt rồi, mới lấy bìa mới.

– Mà ở đây còn cái thích.

– Thích gì nữa?

– Đi bắt giặc lá.

– Chết thôi!

– Thằng nào cũng có cái cần rút ra đóng vào, sợi cước, phao xanh đỏ, lưỡi câu bằng bạc, hay lắm.

– Cháu không được đi, nhờ ra thì khôn.

– Thế ông phải ở đây với cháu.

Ông Tạng giảng giải như với người lớn:

– Ngày mai trên ủy ban hẹn đến lượt giao bìa phiếu 1973. Không thể chậm trễ, năm nay thương nghiệp bán hàng tháng giêng sớm cho nhà sơ tán. Việc quan trọng thế.

– Ông bảo chú Bảng làm có được không?

– Chú Bảng đi trực chiến.

– Cô Nhiên làm cho có được không?

Miệng trẻ con nói cứ ngon lành. Bác Tạng bàng hoàng chợt nghĩ như không phải Nhiên đã chết. Bác ngồi xuống, lặng đi một lúc.

Nam lại hỏi:

– Cô Nhiên không làm được hả?

Bác Tạng cúi xuống, nói nho nhỏ:

– Cô Nhiên cháu chết rồi.

– Làm sao cô Nhiên chết, hả ông?

Bác Tặng nhìn cháu. Cổ bác nghẹn lại. Bác không thể chịu được những câu Nam nhắc lại nhà vắng... Cô Nhiên... cô... chết... Bác cúi, tỳ nhẹ một bên má hóp trũng lên đầu cháu. Tóc Nam ướt nước mắt ông mà Nam không biết. Bây giờ nhiều người chết bom. Nhưng Nam cũng không dám hỏi ông.

– Ủ, mai cháu về với ông.

Nam hỏi lại: “Thế hả ông?” rồi thiu thiu ngủ ngay giữa câu nói riu rít.

Ngoài khe liếp, từng lúc, lửa đạn cao pháo tuôn lên, ánh lại, như chớp bể mưa nguồn chân trời mùa hạ. Một lúc có tiếng bom hay tiếng tên lửa nổ, cụ Ngạn vẫn nhắm mắt, hỏi: “Nó rơi đâu thế, hả mày?” Bác Tặng ngồi tựa lưng, chập chờn thế cho đến sáng.

Tiếng gà nối nhau gáy râm ran. Trời sáng, một ngày trong làng bắt đầu. Tiếng xe còi tiến lạch xạch trên đường gạch. Trong bếp, tiếng vo gạo, tay vồ vành rá phạch phạch. Một tiếng nổ oàng ngay trên ngọn tre. Cả cánh đồng đổ rục. Thành phố xa mờ trong những quầng lửa.

Người vừa chạy vừa kêu, tiếng kéo dài trên bờ rào cúc tần ra đến đầu xóm.

– Ồi giời, nó đánh suốt đêm à!

Trống ngũ liên, tù và, tiếng kèn sôi lên. Những tổ dân quân tung dậy, lại lao ra, chạy tràn trên cánh đồng sương đục đỏ chớp lửa.

Cụ Ngạn ngồi lên, hỏi:

– Chúng nó lại đi bắt giặc lái, hả cụ?

Cụ Ngạn múc một gáo nước trắng đã sôi, đổ vào bát chiết yêu đựng lá chè đã vò kỹ như bã nâu. Làm thế, lược cho tái chè. Bác Tặng đã bày sẵn hai bát đàn trước mặt.

Mỗi buổi sáng, vào khi cuối đêm sang ngày, trời đất thường có một lúc yên tĩnh lạ thường. Con chích chòe ngủ dưới bụi cây bông nhảy ra, cất tiếng hót trong tre. Tiếng cá đớp trong khung bèo cái giữa ao. Heo may vờn lên, thềm thì qua mặt đầm cạn rau cần mới cấy và những khóm khoai nước vừa lên lá. Trời lại mưa đây mưa dợt từ lúc nào. Bụi mưa không ướt áo, người đi đường chột nhớ Tết sắp đến.

XVII



ai ông cháu trở về thành phố.

Một quăng, lại gặp những người, những xe. Dù cả đêm bị bom giội, thành phố vẫn như mọi khi. Ở xa, còn lo nhiều hơn những người đương trong cuộc.

Trên cánh đồng, những chiếc xe kéo tên lửa nghênh ngang, ô tô ra-đa lù lù theo sau. Mỗi quăng lại gặp. Tên lửa, cao xạ đánh một đêm rồi đổi trận địa đi trong sương sớm, tiếng xích xe lăn rầm rộ.

Mấy cái xe đạp nhoay nhoáy ra. Lúc gà gáy, chở vào phố những cà rốt, hoa lơ, bây giờ ra nhẹ tênh.

Người đứng lại hỏi thăm nhau:

– Trong ấy thế nào?

– Ồi, xác tàu bay rơi khắp.

Một anh, giơ tay chỉ mảnh nhôm cháy xém to như tấm ván buộc ngang sau cái xe đạp thồ.

– Chẳng đuôi thẳng Mỹ thì thôi con chó đây à. Không phải mình tôi nhặt được nhé.

Người xúm lại sờ vào những mảnh tôn còn khét đắng mũi.

– Miếng này miếng bụng.

– Miếng cánh!

– Nó van vát thế là cái đuôi.

Một người cười ồ ồ.

– Miếng gì cũng tốt. Làm cái chậu cho lợn ăn hay cái máng cỏ bò...

– Đập bẹp đi gò được cái chảo.

– Hay đấy. Đi đâu đấy?

– Ra So Sỡ cắt chè tươi.

– Giời đất này mà chè tươi chè tốt.

– Bom bắn thì vẫn uống chè tươi chứ.

Bác Tặng mua tờ Nhân Dân rồi lấy kính, đứng trên hè xem.

Nam ghénh lên hỏi:

– Báo nói gì, hả ông?

Bác Tặng lăm nhăm đọc, bác nói đêm qua năm cái B.52 rơi. Các làng quanh Hồ Tây đi bắt Mỹ cả đêm. Xác máy bay rơi tứ tung. Một cái cánh, một cái đuôi xuống gần chuồng cạp vườn Bách Thảo. Mảnh to bằng mấy cánh phản cầm vào ao đình Ngọc Hà. Bụng còn dính bánh xe có chữ Stratégie Air Command vẽ hình cánh tay với những tia đỏ. Có mảnh trằm mình trên ao vườn hoa.

Đọc hết các tin rồi bác Tặng nói với cháu:

– Đêm qua nó rơi nhiều nhất. Ừ, ông cháu mình cũng trông thấy cháy mấy cái rồi.

Bác Tặng gấp báo vào túi xách. Bác Tặng về nhà. Suốt đêm qua không chợp mắt. Nhưng rồi bác lại ngần ngừ, không muốn về. Bác đứng lại. Bác muốn lên ủy ban nhận bìa phiếu ngay. Nhưng nghĩ thế nào, bác lại về. Nam lon ton theo ông, không biết gì cả.

Ngã năm vắng vẻ. Trước cửa trụ sở có bảng đề phẩn trắng, chữ Bài viết: “Bắt được một con trâu, ai mất thì đến nhận”. Đêm qua, trâu chạy bom từ ngoại ô bôn vào. Thế mà những con bò của tổ vận tải thô sơ dưới bãi sơ tán lên vẫn đứng thong dong bên gốc cây

cơmer nguội trụi lá, lưng lụng thụng lấm choàng bao tải.

Không thấy cái xe hòm đầy sơn xanh đứng đồ xe đạp của Bài. Có khi cả đêm thức, giờ mới ngủ. Về đến phố nhà, lại nghỉ ngay vào công việc. Những nỗi buồn cơ hồ lấp đi. Như thế là phố sơ tán khá triệt để - đến buổi đi làm cũng thưa hẳn người. Nhưng thấy bên gốc sấu một cảnh bực mình. Vẫn lão chữa khóa. Nhà lão tận Ngã Tư Sở mà đã mò lên ngôi sớm thế. Cái hòm gỗ mộc, một dây thép xâu các kiểu chìa khóa thành một vòng to như cái cặp rá bày trước mặt. Lão đương xem báo. Bác Tặng hỏi: - Ông kia không đi sơ tán à, sao vẫn vào ngôi đây?

- Ông Tặng đây à, ông trưởng ban đại biểu ạ, xin lỗi ông, xe đạp nào cũng nhớ hóc khóa mất khóa, có chữa cho thì mới sơ tán được. Lại cửa giả nhà ai, cái khóa có làm sao cũng cần đến tôi. Ông cho tôi tiêu chuẩn ưu tiên.

Chẳng biết bác Tặng có đuối lý vì câu cãi ấy hay cũng là giục lấy lệ, lão chữa khóa không phải người phố này, bác lảng lạng đi qua.

Bác Tặng ngược nhìn quanh rồi treo túi lên cái đinh góc tường. Tay quàng túi, vẫn giơ như hững hờ, bác ngơ ngác quá. Ở đầu bàn, vẫn đấy, ông vỗ đạn cấm những bông hoa lay ơn tím.

Bác bước đến rút hai bông, đặt lên mặt tủ chỗ làm giường thờ. Rồi vào tường trong, lấy hai khung ảnh thờ ra, cả đĩa hoa và hai bông hoa hôm qua Nhiên mới đặt thêm vào.

Bác thấp hươg, cấm bốn bông hoa lại. Tưởng có bốn người đến đấy. Nam đứng ngây, nghiêm trang nhìn ông chấp tay, cúi đầu cúng phật như mọi khi.

Tiếng lịch chích, lật xạt nan lồng. Bác Tặng vào, quơ tay lôi bu gà ra. Bác không có đứng vững được nữa. Hai đầu gối rụm lại, khụy xuống.

Nam chạy tới.

- Ông làm sao thế?

Bác Tặng chống tay, từ từ đứng dậy.

- Không sao, trượt chân thôi.

Nam hỏi:

- Ông mới mua hai con gà?

Bác Tặng đỡ tay vào thành tủ, trả lời cháu một tiếng khó nhọc như thở ra:

- Ừ.

Rồi bác Tặng vịn lên tường, lảo ra giường, choáng váng.

Bác lẩm nhẩm nói:

- Nghỉ một tý rồi lên ủy ban lĩnh bìa phiếu.

Bác Tặng nằm lim dim mắt. Nhưng bác vẫn nhìn lên tủ, chỗ cái vỏ hộp sữa cấm hươg. Làn khói cuộn vòng lơ lửng lên ảnh bác gái và bác nhìn thấy cả hai con dâu với bà Nhiên trong ngàongạt. Bác quay mặt đi, đặt tay lên trán. Sao đời chồng chất nhiều cái buồn cái khổ, cái đau đến như thế. Nhưng bác không nghĩ thêm nữa.

Buổi sáng vắng những tiếng quen thuộc thường ngày. Cánh cửa mở đóng. Cái thùng tôn va loảng xoảng dưới vòi máy nước ồ ồ.

Bỗng tàu điện phía Bờ Hồ rít bánh, tiếng vang inh ỏi hẳn lên.

Nam ngồi quay lại nhìn ông. Tưởng ông ngủ, Nam rón rén ra, cẩn thận khép cửa.

Nam đến nhà cái Hồi chỗ kia, đây cũng nhìn thấy. Nam vào sân sau. Từ nãy, chẳng thấy đứa nào như mọi khi, chẳng biết cái Hồi còn ở nhà không.

Nam rón rén lên thang gỗ, rồi đi vào. Nam đứng dừng... Trong bóng mờ dọc hành

lang, mọi khi Nam vẫn vào, có tường vịn cẩn thận. Sao lại trơn chân, không dám bước. Trên gác tối, trẻ con hay sợ.

Nam gọi khẽ:

– Hồi ơi, Hồi.

Im như tờ.

Rồi từ phía mờ mờ ấy vẳng ra một tiếng òa:

– Nam đấy à.

Cái Hồi tắt tuổi chạy ra, như không thể đứng trên Nam lâu hơn được.

– Hồi ở nhà à?

– Ừ.

– Sao không đi sơ tán?

– Chú Tuyển chết rồi, không ai đưa đi.

– Cô Nhiên cũng chết rồi, Hồi biết không?

– Cô Nhiên chết rồi à?

– Ông bảo thế.

Hai đứa đứng im, nhìn ra cửa sổ.

– Sơ tán có thích không, hử Nam?

– Thích lắm. Mẹ Hồi có nhà không?

– Đến trưa mẹ mới về.

– Xuống nhà Nam chơi, kể chuyện sơ tán cho mà nghe.

Tiếng lạo xạo trong loa rồi... máy bay địch... máy bay địch cách... lẫn trong còi báo động. Độ này, loa chỉ mới cất tiếng, còi đã kéo.

Hai đứa ríu ríu xuống thang. Về cửa, thấy ông đã đội mũ sắt, đeo băng đỏ trên cánh tay áo bông, vai khoác túi, đứng trước hè, ngó tìm hai phía.

Hồi lễ phép, chấp tay:

– Cháu chào bác ạ.

Nam nhìn trộm ông, sợ ông mắng. Nhưng ông chỉ nói:

– Vào trong nhà chơi. Không được thập thò ra đường. Có tiếng máy bay thì xuống hầm. Nghe chưa!

– Vâng ạ.

Ông đi ra ngã năm.

Còi báo động vừa dứt, chưa xuất hiện máy bay, thành phố yên tĩnh phấp phồng kỳ lạ.

Trẻ con thích lúc vắng im như thế, có khi lắng tai nghe được tiếng giang, đàn siêu bay trong sương mù qua trên thành phố, đàn chim cất tiếng coộc coộc gọi nhau - tiếng rải rác dài ngang trời.

Hồi nhìn quanh nhà, khen:

– Nhà đẹp quá. Có cả ông sao trên tường.

– Chắc ông tổ mới làm.

– Thích nhỉ.

Hồi trở lọ hoa lay ơn.

– Chắc ông tổ mua. Biết hoa gì không?

– Không biết.

– Ở nhà quê có anh Còi hoa gì cũng biết.

– Anh cái còi toe toe à?

– Không, anh Còi cơ.

– À.

... Đồng bào chú ý! Định có âm mưu đánh ác liệt vào Thủ đô... Các lực lượng vũ trang... Các đồng chí công an, dân phòng... Tất cả mọi người phải xuống hầm...

Tiếng loa còn đương phát lần thứ hai lệnh đặc biệt ấy của ban phòng không, bác Tạng đã đảo về đến trước nhà. Trong khe cửa, rúc rích tiếng cười. Cái Hồi và Nam đương ngồi thu lu, dưới tấm chiếu uốn tròn. Không biết chuyện gì mà vui thế.

Bác Tạng vừa thương, vừa tức, quát khê:

– Bom đến nơi rồi biết không?

Hồi ngoảnh ra, nhe hàm răng sún, luống cuống:

– Cháu chào bác ạ.

– Loa đương nói B.52 kia kìa. Xuống ngay hầm đi.

Nam và Hồi chui xuống cái hố tròn, ngồi im.

Bác Tạng kéo nắp, đẩy lại chắc chắn. Nam ngơ ngẩn hỏi lên:

– B.52 là cái máy bay hả ông?

Bác Tạng bước ra, gặp một chị áo bông ngắn, đội nón xùm xụp, quảy đôi thùng sắt tây, trên dể quang buộc một bó chổi tre mới. Chị đi nép cạnh tường. Cái chị này vẫn đến lấy nước vo. Bác Tạng còn biết chị ấy ở Yên Sở - làng có nghề mây đan xuất khẩu. Chị xã viên tranh thủ, mỗi năm nuôi hai, ba lứa hàng chục con lợn. Mười hôm lại thấy đến lấy nước vo. Nước gạo, cuộng rau muống, vỏ bí, xương cá... thỉnh thoảng chị đưa mỗi nhà cái chổi tre quét sân, quét ngõ, gọi là biếu thơm thảo.

– Động địa thế này mà không lo ở nhà con cái mong à.

– Cháu đi từ gà gáy mà cũng không tránh được!

Trông vào thùng nước vo còn trống không, bác Tạng chợt nhớ bà cháu Nhiên cũng thường sang phở xin nước gạo. Bác lặng yên, nghẹn ngào, không nói được nữa.

Trước thềm trụ sở. Từ hôm Tuyển mất, nét mặt mọi người cứ dăm dăm.

Bài đã im cấn nhằn bác Tạng lại ra ngay, nhấn người ra bảo tôi đi lấy bì phiếu có được không. Bác Tạng phân trần, tôi ra đây còn có anh có em, ở trong ấy đâm ồm chết mất.

Bài bắt chéo chân, tựa vào tủ đựng đồ chữa xe đạp. Một tay gõ cộp cộp xuống mặt gỗ.

– Tôi chỉ để bác ở đây nốt hôm nay thôi. Tôi bảo thật.

– Được rồi.

Đội cứu thương và dân phòng phố này đã trải nhiều trận trong thành phố, còn ở lại hai mươi một người tất cả. Anh cán bộ văn phòng công ty lương thực. Ủy ban nông nghiệp, kế toán bộ Văn hóa, lái xe; anh họa sĩ nghiệp dư, chị công nhân nhà máy rượu, mấy bà nội trợ trung niên...

Tiếng ì ì phía Gia Lâm dội lại, nặng nề dần. Cao pháo, tên lửa sôi lên bốn phía. Trên sân thượng, khẩu súng máy của tự vệ đã nổ chan chát, tiếng dội đình tai, khói súng mù mịt quấn xuống góc tường.

Bài hô:

– Nằm cả xuống. Nhớ há miệng. B.52 nó quy luật ném liên nhiều đợt, không há miệng thì bị vập răng học máu đấy.

Tiếng ra lệnh và giải thích của Bài, thật khẩn trương, như mọi khi Bài vẫn hô và hay

cất nghĩa như thế. Ai nẩy đến bên các dụng cụ cứu thương, cứu hỏa và chỉ ngồi xổm xuống. Có người ngã lưng vào bậc thang. Những túi cứu thương được đeo sẵn, người gối vào.

Tất cả lặng lẽ nghe.

Như thói quen, Bài kể chuyện - trong lúc có thể bối rối, Bài hay kể một câu chuyện gì đó.

– Các đảng ấy có biết đảng đầu ngõ Phất Lộc, gần Cột Đồng Hồ, chỗ cái chợ cỏ ấy. Một đêm năm xưa, cả trung đoàn Thủ Đô hàng nghìn người đã luồn vòng vây của Pháp, sang bên kia sông. Năm mới giải phóng, thành phố tổ chức tìm lại hài cốt các liệt sĩ.

Bất thần một loạt bom rơi, tiếng nổ ụp ụp như chui vào lòng đất ngay quanh chân đội đất lên. Mọi người bị nẩy lên, gió bom hất xuống, bên kia tường, khói mù mịt. Bom gần lắm.

Bài nói hăng hơn:

– Lại dưới bãi rồi. Tiếng máy bay vẫn quần nặng lắm. Có thể còn đợt nữa. Ai nẩy bình tĩnh ở yên vị trí.

“Quên tôi chưa nói, đồng chí đến phố Phất Lộc tìm lại nơi chôn đồng đội ấy là thợ tiện. Không phải thợ tiện nhà máy đâu. Thời ấy, phố hàng Tiện ở gần Mã Mây, có những cửa hàng bán bát đĩa, ống hương, mâm đồng. Cửa hàng có cái guồng xoay, người ngồi đập hai gióng tre, tiện gỗ ấy mà, anh thợ tiện gỗ ấy là tự vệ sao vương rồi vào bộ đội...”

Một đợt bom nữa giội xuống. Cửa sổ, cánh cửa, mảnh tôn mái nhà bay loảng xoảng. Bụi đổ nhà, đất bốc lên một vùng, ngập đỏ mặt đường.

Những người dân phòng bị hơi bom hất ngã xuống, mặt và mũ sắt cũng đỏ xuộm.

– Có ai việc gì không?

– Không... không...

Khói ngùn ngụt tỏa khắp, không nhìn thấy hè bên kia. Bom ném ngay đây rồi. Gió lửa quần vào, lại tiếp cơn bom mới, từng làn mù mịt. Một quãng ngã năm đường cái vùi trong khói khét lẹt. Không trông thấy nhau nữa.

Tiếng Bài sang sang:

– Địch ném bom phố ta. Bình tĩnh, bình tĩnh...

Một đợt bom lại ào xuống. Gió quạt vào cây phần phật như bão. Sau cơn gió bom, bỗng đến một im lặng. Những cuộn khói đen vừa nhạt, trông vào góc tường đã thấy Bài, bác Tạng và mấy người đương hấp tấp trải tờ sơ đồ hầm hố ra mặt hè bụi đỏ ngập ngựa.

– Vào từng nhà, ngay bây giờ, cứu hầm sập. Tôi đọc tên nhà ai còn người ở nhà ta vào trước.

Đội dân phòng vào trong phố bụi lùm.

Thoản thoắt lên, làm cho ai cũng nhớ Tuyển. Mấy lần đi cứu khối bạn, bao giờ Tuyển cũng chạy lên trước. Tuyển cao lênh khênh, lưng khom hơi bè ra - cái dáng quen của người thợ đóng giày ngồi cúi cả ngày. Bên vai đeo túi cứu thương, tay cầm xà beng, tay gờ, hô: các đồng chí, tiến lên...

Hai xe cứu thương đã chui qua làn bụi mờ mịt đến trước ngã năm. Ba chiếc xe cứu hỏa hàng ngày đỗ núp dưới bóng những cây mỡ ven hồ, vừa lấy nước hồ thêm vào thùng xe, nước rỏ giọt lớt thướt trên đường bụi. Cảnh sát áo vàng mũ đồng sáng ngời, nhảy xuống, tung cuộn vòi bẹp xả nước, vác theo những chiếc thang sắt có ngàom móc.

Đội dân phòng phố bạn đã tới. Không thấy tổ xe xích lô bác Vạn. Đi cứu thương phố

khác hay trúng bom chết cả rồi?

Bài tất tưởi chạy ra, giơ tay ngang trán chào người cảnh sát cứu hỏa:

– Báo cáo. Phố tôi bị đổ sáu nhà một tầng. Một gác hai, sáu mái nhà bị xạt. Không ai thương vong, không có ai chết cả.

– Đã chắc chưa?

– Chúng tôi có sơ đồ hầm hố cả phố, hàng ngày nắm được người ở nhà. Chắc rồi.

Bác Tặng chạy một lượt qua bên kia phố, vào từng nhà lần nữa rồi mới về nhà. Lúc này đã qua ngoài, thấy nhà không việc gì, bác ra phố ngay. Bây giờ, về trước hè im phăng phắc, bác giật mình. Bác Tặng khề gọi, run run:

– Nam ơi, Nam!

– Cháu đây kia mà.

Nam núp sau lưng ông từ lúc nó thấy ông đi về. Thằng bé luôn ra từ lúc nào. Có lẽ từ lúc nghe tiếng ô tô cứu thương, cứu hỏa, đã mò ra.

Bác Tặng kêu lên:

– Giời ơi!

Nam cười:

– Nó vừa bom vào nhà ta, cháu chạy đi gọi ông.

– Bậy nào! Cái Hồi đâu?

– Nó về nhà nó rồi. Ông trông trên gác kia, nó đương nhìn về đây đây.

– Sao không cứ ngồi trong hầm?

– Cháu với cái Hồi đương nắp hầm, nghe rơi bịch một cái, to lắm, ở chỗ kia. Chúng cháu sợ quá, chui lên, chạy ra.

Bác Tặng vào chỗ Nam trở. Một lỗ trần thủng toang. Ánh sáng nhọt nhọt xuống. Cúi nhìn thấy mặt gạch lát vỡ chông chắt, giữa chổng lên cái đuôi - đen chũi như con lợn đã rúc nửa mình vào chuồng.

Thế là bác Tặng lật dật dất Nam chạy ngay ra. Một xe bộ đội vừa tới, nhảy xuống, theo những thuổng, cuốc, xà beng, máy dò mìn...

Bác Tặng kêu:

– Ối ở nhà tôi có quả bom...

– Bác vẽ sơ đồ cho chúng tôi. Bom chưa nổ, nguy hiểm, không ai được đến gần.

Những người đứng đầy hồi hộp nhìn theo bộ đội công binh đương nhón gót tiến như sắp xung phong vào nhà bác Tặng.

Một loáng, ba người khiêng ra một quả bom nằm trên cang to như hai cái thùng bia nổi lại.

Nói như quát từ đằng xa:

– Bom khóa chốt nguyên. Bom khóa chốt!

Quả bom được đặt lên cang trên xe, đem đi ngay.

Những bàn tán sôi nổi còn lại.

– Nó ném bom điếc.

– Nó cuống quá.

Một người cao tay đoán:

– Phi công Mỹ phản chiến. Có khi là công nhân quân giới Mỹ phản chiến. Bom còn khóa cơ mà.

– A, à à...

Bác Tặng không nói gì. Trong bụng man mác, rầu rĩ. Hai ông cháu về ngồi trước cửa.

– Cháu đi với ông.

– Đi đâu ạ?

– Lên khu lĩnh bìa phiếu.

– Chưa còi yên kia mà.

Hai ông cháu lại im lặng ngồi đợi còi yên. Thỉnh thoảng, một ô tô cấm cờ phòng không chạy qua. Xe cứu thương, xe hỏa tốc quân sự...

Rồi tiếng còi yên vồn lên. Nghe thoáng: “Đồng bào chú ý”, cũng biết máy bay địch đã bay xa. Tiếng thông thả, nhẹ nhàng. Cô phát thanh nói đến hai tiếng “bay xa”, giọng thanh thoi tỏa ra.

Đường cái nhộn nhịp người kéo đến xem các phố bị bom. Ở đâu người ta cũng hay đi xem.

Ở đầu phố, cái xe nghỉ trưa của đội chữa đường bằng gian nhà vuông sơn xanh, đặt trên bốn bánh hơi giống toa tàu. Hết báo động, cái nhà lưu động lại mở cửa bên ra. Trên bãi cỏ, một thùng nhựa được đặt lên ba ông vua bếp bằng chồng gạch chỉ. Sửa soạn đun nhựa. Chị tổ trưởng đeo găng tay, giày ba ta xanh, ống quần buộc túm, xách cái chần sắt sơn đỏ vằn trắng đặt ngang góc đường, trên cái miếng bảng con. “Đường chữa”.

Bảng đã về đến đầu phố.

Thành phố lại bị bom. Hai ngày, hai lần về, hai lần... Bảng mấp máy, như định nói, như run rẩy.

Đại đội trưởng cầm tay Bảng:

– Cậu Bảng, bình tĩnh mới được. Nghỉ thêm một lát nữa rồi hãy về.

Bây giờ thông thả, nhưng ngay vừa đây, là trận đánh. Trận địa của đại đội các nhà máy tập hợp lại. Vừa tập vừa đánh, pháo thủ đã lao liền một lúc cả băng hàng chục viên đạn ba mươi cân.

Đến hôm nay, sáu khẩu tập trung đã đánh trên hai mươi trận. Một F.5 bỏ xác ở đồng làng Khương Thượng. Một cánh cụp cánh xòe rơi trên Lương Sơn. Cả đàn giặc đâm bổ, bắn đón được chiếc đi đầu, chúng bỏ chạy tức khắc. Khí tài tập trung bắt một chiếc, tất cả bắn vào một chiếc. Chưa đến hai giây. Tên lửa địch đánh lại, bổ chan chát. Bom bi như mưa rắc lửa tua bốn phía. Các chiến sĩ đứng hẩn người lên, lấy khay đạn gạt bom bi lăn ra ngoài ụ.

Bảng nhắm mắt, bịt hai tay lên tai. Những tiếng gà ngoài chuồng gáy cứ mỗi ngày, khi sắp trưa. Đại đội mới thành hình đã dành tiền nuôi được gà. Còn đương bàn, nuôi thêm chó hay nuôi lợn. Trưa hôm qua, bom bi đã đánh chết hai con gà. Lại tiếng queng quéc. Quân giáp rơm vào chuồng rồi mà bom bi vẫn lọt. Bảng không biết mình tỉnh táo nhờ được thể hay là mê.

Bảng lại nằm ngửa, lót tay dưới gáy. Trông lên, một bên đê và ngoài kia, sông Hồng cát bay. Xa xa, thành phố trước mặt, chớp nhà Bác Cổ, nhà thờ Cửa Bắc ngói đỏ lênh khênh trên lùm cây xanh đen. Cầu Long Biên chạy sóng nhịp nháp nhô. Những ống khói đen nhà máy điện Yên Phụ mới được quây thêm lưới sắt và những cái chong chóng quay tít.

Trận đánh vừa ngớt, xung quanh ngổn ngang, tung tóe. Mô cỏ mặt hầm ám khói sừng và dầu mỡ, đen xỉn, nhếch nháo. Vỏ đạn lúc nhúc như đồng ốc nhồi.

Các pháo thủ áo xanh công nhân mũ sắt sơn sao vuông bện túi bụi sau trận đánh.

Những hòm đạn mới được kéo bên hầm đạn sang. Cái thùng gỗ lê xèn xệt, tiếng đạn lắc cắc như cái kết vỏ bia trong cửa hàng giải khát. Một chiến sĩ quảy thùng phuy xuống bờ đằm gánh nước. Rồi từng gáo, tưới luống cúc, hoa lay ơn, những bồn cỏ mười giờ, từ ngoài cổng chào vào. Hơi thuốc súng nóng hổi đất. Phải tưới cho nó tươi tỉnh lên. - Có tiếng nói với ra.

Bảng ngồi dậy. Những bàn tay lại đỡ Bảng nằm xuống.

Đại đội trưởng lại tạt vào lều, thấy Bảng đang ngồi.

- Ngủ một giấc đã, rồi hãy về.

Bảng cười:

- Mình vẫn như thường mà. Bây giờ thì sốt ruột về ông cụ.

- Thôi thế về ngay xem thế nào. Rồi nghỉ ở nhà, tối mai hãy lên.

Bảng đi lên đê. Bảng không dám nhìn xuống bãi.

Hôm qua...

Trận đánh sáng vừa dứt, đơn vị cho Bảng về. Ai cũng muốn đi dự đám cưới. Nhưng đi thế nào? Bình bầu đùa mãi, sau có hai tay lao đạn thân nhất được đi.

Tối gần chân cầu, biết cả bãi Giữa vừa bị bom. Bảng hốt hoảng chạy xuống. Bảng không thể tin như thế.

Bảng đi một vòng xóm, chẳng thấy nhà Nhiên đâu. Bảng gặp cả đội dân phòng ở trạm cấp cứu chỗ chân bậc lối trên cầu xuống.

Bảng quay đầu, chạy.

Một người gọi:

- Anh là anh Bảng...

Bảng ngơ ngác:

- Tôi...

Rồi Bảng vụt lên phố.

Không trông thấy người chết thì không tin người đã chết. Hay em đã đưa bà lên nhà mình rồi. Nhưng cửa nhà Bảng khóa trái. Bảng ngồi cửa, nhìn ra. Một lúc lâu, Bảng lại xuống bãi.

Chạy xuống, mấy lần không biết.

Bảng lại về trận địa.

Bảng lại ra tiếp đạn, cản không được. Ba trận đánh liên suốt đêm.

Cho đến trận sáng nay.

Bây giờ Bảng lại về. Bảng chạy.

Con đường vắng từ đầu ô xuống qua cửa nhà máy nước, tường nhà máy điện, thang máy u u nhịp nhàng. Giữa khu An Dương ngổn ngang và ngay cạnh tường bảo vệ nòi "súp de" những nhà ở Hàng Than, ở phố Châu Long đã đổ từ lâu, mới bị bom cày lên nữa.

Những khẩu pháo bên doi đất nhô ra hồ Trúc Bạch đương nhộn nhịp quay nòng.

Từ cột Đồng Hồ xuống, lác đác người. Chợ cỏ vẫn bên kia đường, trước cây đa cửa miếu, mùi hương thoảng. Như mỗi ngày rằm, mồng một. Những gông cỏ tươi, cỏ khô, từ phía nào quảy đến, lại đứng trơ trống đầy. Người mua cả gánh, ôm ra cho con bò buộc gốc cây cơm nguội sau lưng Nhà hát thành phố. Người đạp xe tới, mua một túi cỏ tươi năm xu. Cho thỏ, cho chuột bạch, cho ngỗng...

Bảng về đến trước cửa nhà. Nhìn trong phố, một dãy nhà đổ, hôm qua vẫn đứng

nguyên. Một dòng chữ phản trên cánh cửa nhà.

Các con Việt và Bảng yên tâm

Bố với cháu Nam mạnh khỏe.

Trong nhà tối om. Bảng vào ngồi xuống giường. Có hai hôm mà cuộc đời con người thay đổi quá.

Vắng lặng. Bóng tối lơ mờ, Bảng thấy ống hoa lay ớn tím trên bàn. Như con mắt đương nhìn Bảng, con mắt lay láy, mọng nước.

Hoa này của bạn ở Ngọc Hà. Bảng đã biết. Tiếng động nan bu lạch xạch trong gầm trạn bát. Con gà mổ con gián chạy dưới chân, cánh lệt xệt. Gà ấy cũng mang ở Ngọc Hà về.

Bảng đến ngồi bên ống đồng cắm hoa. Những nhánh hoa lay ớn bị vướng gãy ép dưới bàn tay. Nước mắt nhòa đi.

Lặng lẽ thế, không biết bao lâu.

Bài vào, nói to:

– Bảng về đây à? Ông cụ và cháu đi lĩnh tem phiếu. Thôi cho qua. Mà không cho qua không được.

Bài nhìn lên trần rồi góc nhà, nhìn cái lỗ tun hút giữa mấy hàng gạch vỡ.

– Cái quả bom điếc này đào khỏe chưa. Lúc này mà quả này nổ thì tung cả mấy lô nhà với thằng Nam, cái Hồi đương núp trong hố đây. Có ghê không.

Bảng cười nhợt nhạt:

– Quả bom đâu hở anh?

– Công binh vác về kho rồi.

Bảng lại hỏi Bài:

– Bố tôi đi đâu?

– Ông cháu lên lĩnh bìa phiếu 73 mà.

Bảng thở dài. Nhưng bỗng yên lòng hơn. Tưởng như Nhiên vừa đi đâu, không phải Nhiên đã chết. Không phải bà cháu, không phải cái nhà tre lợp lá, vườn có cây ngâu, cánh hoa hồng bạch vẫn cho làm thuốc ho trẻ con, cái cổng tán tre đã tan mất tích. Không, cả nhà đi lên khu lấy bìa phiếu, năm nào chẳng vậy. Không phải thế. Nhiên chết thật ư. Bảng bồn chồn đứng dậy.

Tiếng xích lô đồ xích ngoài hè. Bác Vạn râu Trương Phi xầm xầm vào, tay cầm cái túi, hỏi to:

– Nhà cửa thế nào, sếnh một tý mà ra thế này à? Có ai việc gì không?

Bài nói:

– Không sao. Vào đây. Bố xách gì kia?

– Bã chè.

– Cửa khỉ ấy thì làm gì?

– Cái giống thổ tớ nuôi phàm ăn lắm. Chè tươi, chè mạn, bã chè nào cũng xơi tuốt. Một năm ba lứa, thức ăn toàn xin các bà hàng nước. Thổ sốt vang, các chú biết mùi chứ, ngon quên đời.

Bài chặc lưỡi:

– Tải thương, giải giặc lá, tiếp tế bà xã rồi còn đều đều thu bã chè cho thổ. Nhất ông rồi.

– Chứ cuống lên thì được cái giải gì.

- Thằng Mỹ mà trông thấy ông Vạn xách túi bã chè thế kia thì nó mắt vĩa.
- Thế cho nên nó mới xin chữa ném bom Hà Nội. Thiên hạ đương nói dăng dăng

ngoài Bờ Hồ đấy.

Bác Vạn thò tay vào góc tường, quơ cái điều cày. Cái điều cày của bác Tặng vẫn đứng dựng góc ấy. Những quả bom rơi quanh cũng không làm cái điều cày nhúc nhích.

Bác Vạn thở đọt khói đặc:

- Đợi báo của ta nói thì mới thực được.

Bài lại tán:

- Mày nắn mãi gân ông mà ông vẫn đi lấy bã chè nuôi thỏ thì mày phải chịu chứ còn gì nữa, có phải không cụ Vạn?

- Phải đấy. Chú Bảng sao mặt dài.

Bác Vạn chột nhớt, lảng:

- Nhưng thôi thôi. Ta nói chuyện kiến thiết.

Không ai nói gì, bác Vạn lại hỏi Bảng:

- Kể chuyện trên ấy đánh đấm nghe nào. Hai chuyến tải thương vào Xanh Pôn chỉ toàn bị bom bi. Quân đều thế.

Bảng nói:

- Chúng tôi vừa được cái F.111 nữa.

- Sao, sao?

- Chuyển trận địa cốt để đón lõng. Vừa lia một tràng đã nghe tiếng rống khủng khiếp, tưởng nó ụp ngay xuống đầu.

Bác Vạn lại xồng xộc dong xe đi. Bác đi đâu mà chưa đem bã chè về cho thỏ.

- Ấy có tiếng loa...

Tiếng rào rào trong loa trên các ngã ba, ngã năm giữa đường.

Nhưng không phải “Đồng bào chú ý”. Tiếng đồng dục, đầm ầm. Thông cáo của Bộ Tổng tư lệnh:

... Thắng lợi nhất của quân và dân ta...

Trời hoe nắng. Những chòm cây sấu đỡ tối hơn vì mấy đám nắng lao xao rớt lại. Cầu Long Biên, nửa về phía thành phố, như hai nét kẻ gấp khúc khuỷu giỡn nhau, nhô rõ lên đầu lán lá xà cừ. Cái còi báo động héch những cánh ống tròn xoe trên trụ cầu.

- Bác Tặng!

Rồi Bài quay đầu lại:

- Thằng Mỹ nghỉ bom rồi, bác chưa biết à?

Bác Tặng đi ra.

- Tôi vẫn đội mũ sắt. Bao giờ cả nhà thấy tôi đem mũ sắt này làm cối giã cua thì mới yên trí được.

Bác Tặng nhìn về phía khác. Và nghĩ:

- Có lẽ nó chịu thua thật rồi. Nhưng cứ phải đợi báo nói mới đích được.

XVIII

Buổi sáng mờ sương trên những con đường Đan Phượng, Hoài Đức vào Cầu Giấy, phía Bằng Vôi vào Đuôi Cá, phía Hà Đông ra hay Yên Sở, Bông Lai, Bá Giang xuôi ngược ven sông Hồng vào thành phố.

Những đường vào thành phố hai bên sông Hồng. Con sông và thành phố chung một đời sống từ nghìn năm đến những ngày đêm hôm nay, không một lúc chợp mắt. Thành phố và con sông một định mệnh, một cuộc đời.

Bây giờ lại ngày ngày, từ sáng sớm lũ lượt đoàn xe các làng chở các thứ vào làm nhà ủng hộ Hà Nội. Tết sắp đến, khu nào bị bom cũng được các làng vào làm nhà cho.

Người trong phố chạy ra kín hai bên đường.

Đoàn xe vào giữa phố, có đến mười mấy chiếc liền. Những con bò lác lư, đứng đĩnh, lưng khoác khổ tải chống rét dày cộp. Tiếng móng sắt va mặt đường, hoa lên, giòn lác rắc, như phách buông theo nhịp gõ.

Những chiếc cờ đỏ sao vàng nhỏ cắm trên mỗi thành xe, gió thổi. Từng cái nhà hắt hoi, ông cháu Nam đã trông thấy từ hôm ở trong làng Nha. Nhà ba gian, đủ cột kèo, dui mè, cả vách, cột kê, cửa ngăn, cửa sổ, khoát bốn, hiên tám mươi, đằng trước đóng đồ buộc phen nông đôi. Người ta đã dựng thử lên rồi tháo ra buộc lại để trên xe tải, mỗi xe chở vừa hai khung nhà.

Tiếng móng bò lác đác trên mặt đường nhựa đi qua rồi vẫn nghe lóc cóc.

Nam nhìn thấy anh Còi, rõ ràng anh Còi. Vẫn loắt choắt thế, nhưng anh Còi diện quần phẳng, sơ mi trắng bốp, mũ lưỡi trai. Đàng hoàng quá khó nhận ra ngay.

Nam gọi như hét:

– Anh Còi, anh Còi!

Bác Tặng cũng kêu to:

– Cụ Ngạn! Cụ Ngạn kìa.

Cụ Ngạn ngồi đội mũ bông xanh có quai bịt kín tai. Bộ đại cán mới ka ki vàng hoe, hàng khuy đỏ to thô lỗ. Cụ ngất ngưỡng trên bó tre cột nhà xếp. Chòm râu trắng phơ, mặt đỏ hắt, bác Tặng nhận ra ngay.

Cụ Ngạn quát bò: họ, họ... rồi trèo xuống. Còi nhảy theo. Cụ Ngạn nắm tay cả hai ông cháu Nam:

– Ở phố này à? Thế nào Tết này cũng về tôi ăn Tết. Tôi vớt nốt bè xoan rồi. Sang giêng khởi công. Nhà cụ có thiệt hại gì không?

– Nhà sạt mất cái trần. Mời cụ lại chơi xem chỗ quả bom điếc chui xuống, nhẵn như lòng chảo. Mời cụ lại chơi.

– Chốc nữa, chốc nữa.

Cụ Ngạn cười hà hà như được đứng giữa nhà.

Bác Tặng cảm động, rụt rè hỏi:

– Bây giờ cụ đến ủng hộ phố nào?

– Xa tôi được phân công giúp chỗ bãi An Dương.

Còi đã dúm cho Nam cái giỏ con sợi nhiều trắng lót lóng lánh và những quả táo vàng óng lẫn lộn.

Những đoàn xe đem vật liệu làm nhà đi từ các làng ra. Người ta phớn phơ như ngày

Tết, ngồi trên cái hòm gỗ đựng trà, đục, con nạy, cửa, búa. Người vỗ tay hai bên đường, mỗi lúc các nhà trong phố kéo ra xem càn đông.

1977